

TRẦN MẠNH THƯỜNG

KỂ CHUYỆN

BÁC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ



TRẦN MẠNH THƯỜNG

KỂ CHUYỆN

BÁC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ



## **“KỂ CHUYỆN BÁC HỒ”, TÁC PHẨM RẤT KÌ CÔNG CỦA NGHỆ SĨ - NHÀ BÁO TRẦN MẠNH THƯỜNG**

**T**ôi có may mắn và cảm thấy hạnh phúc được nghệ sĩ nhiếp ảnh, nhà báo Trần Mạnh Thường trao cho tập bản thảo cuốn sách “Kể chuyện Bác Hồ”. Cuốn sách với 30 tác phẩm báo chí rất phong phú, đa dạng viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và là Danh nhân Văn hoá Thế giới. Người cũng là một công dân giản dị, bình thường, một chính khách hiếm hoi được nhân loại tiến bộ trên thế giới ngưỡng mộ, kính trọng. Dưới hình thức kể chuyện, tác giả cung cấp ngôn ngữ nguồn thông tin, tư liệu chuẩn xác, nhiều nội dung có tính phát hiện khá mới mẻ của tác giả tạo nên sức thuyết phục, hấp dẫn, khiến người đọc hiểu sâu sắc hơn, đầy đủ hơn về trí tuệ, sự tận tụy, nhân cách, bản lĩnh, tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người.

Trần Mạnh Thường là một nhiếp ảnh gia, một nhà báo nổi tiếng trong nước và khá ấn tượng với bạn bè quốc tế. Trong sự nghiệp làm báo của mình, ông tạo dựng lên một di sản khá “đồ sộ” với những thành công trong lĩnh vực nhiếp ảnh, báo chí và nghiên cứu khoa học. Về sự nghiệp nhiếp ảnh, ông vừa trải ra, vừa gói vào 12 đầu sách không những là ảnh thông tấn, ảnh nghệ thuật mà nhiều cuốn sách mang tính lí luận đề cập kiến thức cơ bản về công nghệ và kĩ năng nhiếp ảnh, “*lịch sử nhiếp ảnh thế giới*”, nhiếp ảnh gắn với cuộc sống. Ông cũng cho xuất bản 11 cuốn sách khác viết rất công phu: “*Danh nhân thế giới về Khoa học - Kỹ thuật và Văn học nghệ thuật*”. Nổi bật là các tác phẩm giới thiệu “*Những di sản nổi tiếng thế giới*”, “*105 sự kiện nổi bật thế giới*”, “*Những thành phố nổi tiếng thế giới*”, “*Những địa danh du lịch nổi tiếng thế giới*”,

“Những kiệt tác văn chương thế giới”, rồi “Việt Nam Văn hoá và Du lịch”. Năm 2008, ông còn xuất bản cuốn “Các tác giả văn chương Việt Nam” gồm 2 tập với 3.500 trang, v.v... Ông cũng biên soạn các bộ sách “Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp”, “Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền ngoại giao cách mạng Việt Nam” rất công phu, được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng viết lời tựa. Đặc biệt, sau 40 năm mong đợi, năm 2020, ông được phép ấn hành cuốn sách ảnh có một không hai “Nhìn lại cuộc chiến biên giới phía Bắc 1979”, mà ông là tác giả. Gần đây, ông xuất bản cuốn sách ảnh lớn “Trên những nẻo đường tôi qua” bằng song ngữ Việt – Anh với hàng trăm bức ảnh nghệ thuật chụp được ở mấy chục quốc gia, vùng lãnh thổ ông từng đặt chân đến. Bộ sách này là điểm nhấn về sự nghiệp nhiếp ảnh của mình. Qua 25 tác phẩm để đời, tự nó nói lên Trần Mạnh Thường không chỉ là Nghệ sĩ nhiếp ảnh nổi tiếng, ông còn là một nhà báo xông xáo, lăn xả vào cuộc sống, gắn bó với chiến trường và thương trường, bên ba trong nước và nước ngoài. Mặt khác, ông còn thể hiện là một nhà nghiên cứu khoa học về đời sống xã hội và văn hoá, nghệ thuật.

“Kể chuyện Bác Hồ” với 30 tác phẩm chứa đựng muôn vàn thông tin về Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta. Trên các diễn đàn, công chúng thường biết đến Giáo sư Hoàng Chí Bảo, người kể chuyện rất có duyên, có sức hút trước đông đảo quần chúng thông qua những mẫu chuyện rất cảm động, sâu sắc về cuộc đời, sự nghiệp tư tưởng, đạo đức, phong cách, sự giản dị, trong sáng của Bác. Trong “Kể chuyện Bác Hồ”, ngoài bài “Hành trình đi tìm đường cứu nước” giới thiệu tóm tắt tiểu sử của Bác trong 30 năm bên ba ở nước ngoài, còn 29 bài viết sinh động, chân thực có nhiều thông tin trùng khớp với Giáo sư Hoàng Chí Bảo, song lại có rất nhiều sự kiện, tư liệu, mẫu chuyện về Bác Hồ qua sự tìm tòi, khám phá, nghiên cứu của Trần Mạnh Thường (nhất là những mẫu chuyện về Bác ở nước ngoài) khá độc đáo, có phần phát hiện dung dị, chân thật. Câu chuyện về cái bản của Bác ở khách sạn Omni Parker House thành phố Boston (Hoa Kỳ) những năm 1911-1913, Bác Hồ là thợ

làm bánh mì ở đây. Chiếc bàn đó trở thành kỉ vật hiếm hoi, vô cùng quý giá của khách sạn này (trong bài “Có một “người thợ” làm bánh như thế!”). Tiếp đến là những tác phẩm kể chuyện về Bác sống, hoạt động ở nước Anh trong bài “Dấu chân Nguyễn Tất Thành ở xứ sở sương mù”, rồi đến các dấu chân “Bác Hồ trên đất Pháp”, “trên đất nước Lenine”; Ở Thái lan “Có một Thầu Chín - Sư Hạnh Đa...”, “Thầu Chín từng hoạt động cách mạng tại Lào”; câu chuyện tác giả kể về “Vị ân nhân của Bác Hồ” (mang danh Tống Văn Sơ) ở Hồng Kông được luật sư Loseby cứu mang, cứu thoát khỏi bàn tay thực dân Anh để trở về Liên Xô hoạt động; rồi những mẫu chuyện Bác hoạt động ở Trung Quốc, Người để lại tập thơ “Nhật kí trong tù” là báu vật quốc gia, đến chuyện “Bác Hồ cứu phi công Mỹ”, chuyện “Bác với cố vấn Vĩnh Thụy” (vua Bảo Đại), chuyện “Cụ Huỳnh Thúc Kháng, người bạn tri kỉ của Bác Hồ”, từ chuyện Người sang thăm nước Pháp (1946), chuyện Bác Hồ “đặt nền móng cho mối quan hệ Việt - Mỹ”, chuyện “Bác thăm lại nhà sàn sau 50 năm xa cách”, chuyện về “Đôi dép Bác Hồ, Bác đi tự thêu chiến khu Bác về”, chuyện “Đêm 30 Tết Bác đi thăm người nghèo”, chuyện “Những người con nuôi của Bác”, Bác học ngoại ngữ, chuyện “Bữa ăn của Bác”, chuyện Bác tập thể dục, thể thao, đến chuyện “Tết trồng cây nhớ Bác”, hay câu chuyện Bác viết Di chúc (“Tài liệu tuyệt đối bí mật”), chuyện “Bác với văn nghệ sĩ, nhà báo”, v.v... Và vì thế mà xuất hiện “Tượng đài Bác Hồ trên khắp hành tinh”, v.v...

Tác giả đề cập sự kiện UNESCO vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Danh nhân văn hoá Việt Nam nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Người (19/5/1890 – 19/5/1990). Theo nghị quyết số 24C/18.65 của UNESCO tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là **“Anh hùng giải phóng dân tộc và là nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”**, khẳng định Người là **“Một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội”**, là **“hiện thân khát vọng của các dân tộc trong**

việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”, v.v...

Trong đời sống chính trị đất nước, việc thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị “Về tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” vẫn diễn ra hàng ngày trong Đảng và toàn dân là một sinh hoạt có ý nghĩa chiến lược. Chỉ thị nêu rõ: “Tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hoá, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Cuốn sách “Kể chuyện Bác Hồ” của nghệ sĩ, nhà báo Trần Mạnh Thường là một đóng góp vào sinh hoạt chính trị sâu rộng, có ý nghĩa chiến lược này. Bằng những câu chuyện cảm động, vô cùng sâu sắc về cuộc đời của Bác, sự nghiệp của Bác sẽ toát lên tư tưởng, đạo đức và phong cách cao thượng mà bình dị của Người. Đó là cách học và làm theo giản đơn như chân lí, dễ học, dễ vận dụng theo tám gương vĩ đại Hồ Chí Minh, một “con người như chân lí sinh ra”.

Nhà báo, nhà thơ **KIM QUỐC HOA**

## HÀNH TRÌNH ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Chủ tịch Hồ Chí Minh thời thơ ấu tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19-5-1890, tại quê ngoại làng Hoàng Trù, xã Chung Cự, huyện Nam Đàn, Nghệ An ( nay xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An). Cha là Nguyễn Sinh Sắc (1869-1029), mẹ là Hoàng Thị Loan (1862-1901).

Thuở nhỏ được học với các thầy giáo yêu nước, cậu Thành được nghe nhiều chuyện qua các buổi bàn luận thời cuộc giữa các thầy và các sỹ phu yêu nước. Nhờ đó dần dần cậu hiểu được thời thế. Đặc biệt cậu Thành thấm thía trước cảnh nước mất nhà tan, nên cậu tâm đắc với hai câu thơ của cụ Phan Bội Châu để tự răn mình:

*Mỗi phạn bát vong duy trúc bạch,  
Lập thân tối hạ thị văn chương.*



*Bến cảng Sài Gòn (nay Tp. Hồ Chí Minh) đầu thế kỷ XX, nơi người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước.*



*Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp ở khách sạn Carlton, London, Anh quốc.*

tiểu học, được tin cha bị cách chức tri huyện, triệu hồi về Huế. Thành quyết định đi vào Nam, đến Phan Thiết dạy học ở Trường Dục Thanh.

Trong hồi ức của mình, Nguyễn Ái Quốc viết (1923): “*Khi tôi ở 13 tuổi, lần đầu tiên được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái ... Từ thưở ấy tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn sau những chữ ấy*”.

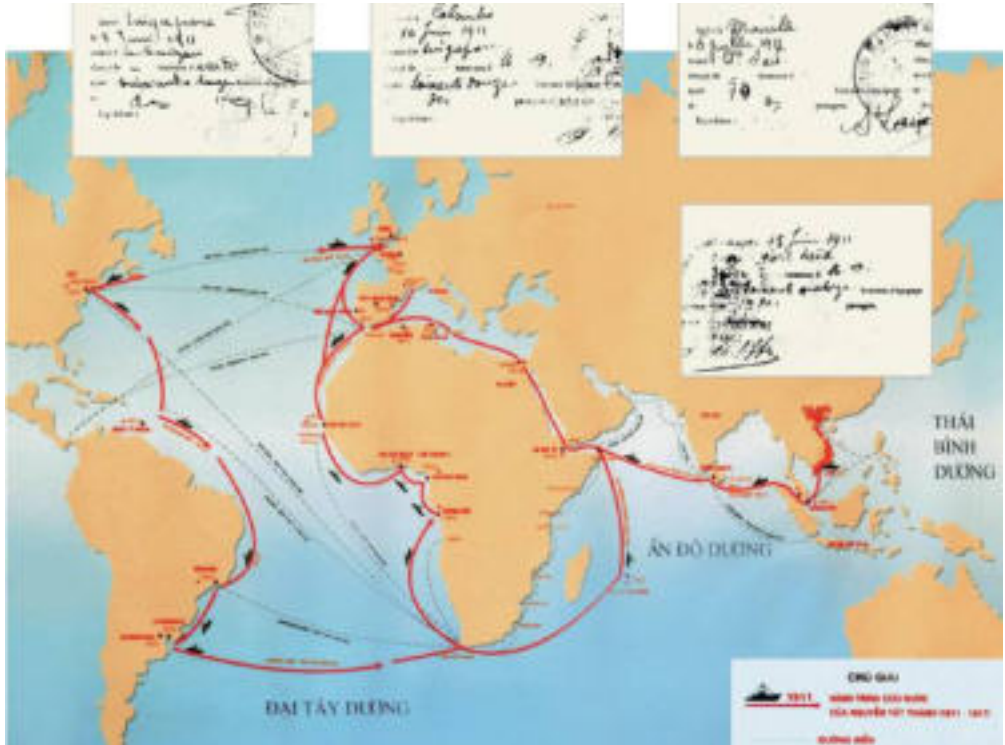
Tháng 2-1911, Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn, lấy tên là Văn Ba. Với tài giao thiệp chân thành của mình, ngày 3-6-1911, được chủ tàu đồng ý, Văn Ba được làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Latouché Trevillé, để được sang tìm hiểu văn minh Pháp.

Ngày 5-6-1911, tàu nhỏ neo đi Marseille. Trên tàu anh Ba làm việc quần quật suốt ngày, không nề hà một việc gì. Tuy là “một thằng nhỏ” giúp việc, nhưng anh Ba nhiệt tình nhã nhặn, lại sẵn sàng giúp những thủy thủ mù chữ viết thư về nhà, nên được mọi người trên tàu quý trọng.

Khoảng tháng 9-1905, Nguyễn Tất Thành vào học lớp dự bị (preparatoire) Trường tiểu học Pháp bản xứ, Vinh. Tại đây lần đầu tiên cậu Thành được tiếp xúc với khẩu hiệu: Tự do-Bình đẳng-Bác ái.

Năm 1908, Tất Thành vào học Trường Quốc học Huế, đúng lúc cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên, cậu đã tham gia, nên đã bị thực dân Pháp theo dõi. Tháng 6-1909, Nguyễn Tất Thành rời Huế theo cha vào Bình Khê. Cuối năm 1909, Thành vào học Trường tiểu học Quy Nhơn. Tháng 6-1910, Thành học xong

Ngày đầu đến Marseille, anh Ba nhận xét: “Người Pháp ở Pháp tốt hơn người Pháp ở Đông Dương”.



Bản đồ những nước mà Nguyễn Tất Thành - Văn Ba đã đến từ năm 1911 đến năm 1917.

- 1 - Giấy chứng thực tàu đô đốc Latouché Tréville đến Singapore ngày 8/6/1911 .
- 2 - Giấy chứng thực tàu Đô đốc Latouché Tréville đến Columbo Ceylan (nay là Sri Lanka) ngày 14/6/1911.
- 3 - Phiếu đề ngày 15/6/1911 của tàu Đô đốc Latouché Tréville gửi đi cảng Said, Ai Cập.
- 4 - Giấy chứng thực tàu Đô đốc Latouché Tréville đến Marseille ngày 6/7/1911

Văn Ba theo tàu đi Martinique, Argentina...Cuối năm 1912, anh dừng lại ở Mỹ, tuy không lâu, nhưng Nguyễn Tất Thành đã nhận ra bộ mặt thật của đế quốc Hoa Kỳ.

Đầu năm 1913, Thành rời Mỹ đi London, để kiếm sống anh nhận quét tuyết cho một trường học, đêm về học Anh ngữ. Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp. Tại đây Thành làm nghề chụp ảnh để



Vừa đến nước Pháp, để mở rộng hiểu biết, từ Marseilles ngày 15/9/1911, Nguyễn Tất Thành viết thư cho Tổng thống Pháp xin vào học Trường Thuộc địa Paris.

trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam

Để làm vũ khí đấu tranh cho các dân tộc thuộc địa, ngày 20-7-1922, Nguyễn Ái Quốc cùng các cộng sự lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* và ra báo *Le Paria* (Người cùng khổ).

Các hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp, được Đảng Cộng sản Pháp đánh giá rất cao. Uy tính và vai trò của Nguyễn Ái

sinh sống và hoạt động. Ngoài ra anh còn viết báo và đọc sách văn học.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, cùng với Phan Châu Trinh, luật sư Phan Văn Trường, Nguyễn Tất Thành dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị Versaille bản “*Yêu sách 8 điểm của nhân dân Annam*”.

Tại Đại hội lần thứ XIII Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) và trở thành một

Quốc được Quốc tế Cộng sản biết đến và Người được Đảng Cộng sản Pháp cử đi dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản ở Matxcova.

Tháng 10-1923, Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất do Quốc tế Cộng sản triệu tập họp tại Matxcova Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương.

Do Lenine ốm nặng, nên Đại hội V Quốc tế Cộng sản đến ngày 17-6-1924 mới khai mạc. Sau khi tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc hoàn thành cuốn “*Bản án chế độ thực dân Pháp*” và gửi cho Hội Liên hiệp thuộc địa ở Paris. Tháng 10-1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu Trung Quốc. Tại đây, tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng*, ra báo *Thanh niên* và viết cuốn “*Đường Kách mệnh*”.



Mặt tiền khách sạn Omni Parker House.

Trung tuần tháng 11-1927, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản cử đi Pháp công tác. Đầu tháng 12- 1927, Người đi dự phiên họp mở

rộng của Đại hội đồng chống đế quốc tại Brussel, Bỉ. Do bị mật thám Pháp theo dõi, Người bí mật trở lại Đức làm phóng viên cho báo *Die Welt* ( Thế giới ). Đầu tháng 6- 1928, được Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản đồng ý, Nguyễn Ái Quốc rời Berlin về Xiêm ( Thái Lan ) hoạt động dưới cái tên Thầu Chín.

Nhận thức được nguy cơ phân liệt của các tổ chức Cộng sản Việt Nam, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng Đông Dương, ngày 23-12-1929, Nguyễn Ái Quốc đi Hồng Kông triệu tập các tổ chức Cộng sản Việt Nam sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất. Đại hội Đảng họp do Người chủ trì quyết định lấy ngày 3-2-1930 là ngày thành lập Đảng. Đại hội thông qua “*Chính cương*”, “*Sách lược*”, “*Điều lệ*”, “*Chương trình vắn tắt*”.

Ngày 6-6-1931, dưới cái tên Tống Văn Sơ, Nguyễn Ái Quốc bị nhà cầm quyền Hồng Kông bắt tại số nhà 186 phố Tam Lung. Nhờ sự giới thiệu của Quốc tế Cứu tế đỏ, Luật sư F.H. Loseby can thiệp qua 9 phiên tòa, cuối cùng buộc Viện Cơ mật Hoàng gia Anh đồng ý trả tự do cho Tống Văn Sơ.

Mùa Xuân 1934, Nguyễn Ái Quốc rời Thượng Hải đi Liên Xô, tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản với tư cách đại biểu tư vấn.

Được sự chấp thuận của đồng chí Dimitrov, Tổng bí thư Quốc tế Cộng sản, đầu tháng 10-1938, Nguyễn Ái Quốc đi Trung Quốc đến Lan Châu, được văn phòng Bát Lộ quân cấp chứng minh thư Trung Quốc mang tên Hồ Quang, cấp bậc Thiếu tá. Sau đó Người về Quảng Tây.

Ngày 28-1- 1941, sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc cùng đoàn tùy tùng về nước qua cột mốc 108, đến xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, Cao Bằng. Ngày 8-2-1941, Người ở và làm việc tại hang Cốc Bó thôn Pắc Bó, lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công.

## CÓ MỘT “NGƯỜI THỢ” LÀM BÁNH NHƯ THẾ



Toàn cảnh khách sạn Omni Parker House, Hoa Kỳ.

Để sưu tầm tài liệu, biên soạn cuốn sách ảnh “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền ngoại giao cách mạng Việt Nam*”, được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng viết lời tựa và Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm viết lời giới thiệu, do NXB Văn hóa-Thông tin ấn hành năm 2013, mùa xuân năm 2010, khi những cảnh hoa anh đào khoe sắc trên đất nước “Cỏ Hoa”, tôi đã đặt chân lên Tp. Boston, bang Massachusetts. Nơi tôi đến đầu tiên là khách sạn Omni Parker House, ở số 60

phố School St., Boston, MA 02108 United States, thuộc khu phố cổ sầm uất, nơi có một di tích lịch sử quan trọng đối với nhân dân Việt Nam. Đó là nơi từ cuối năm 1911 – 1913, Bác Hồ của chúng ta dưới cái tên Nguyễn Tất Thành, từng là người thợ làm bánh mì ở đây.



*Tại căn bếp ở tầng hầm khách sạn Omni Parker House kê một chiếc bàn gỗ, nơi Nguyễn Tất Thành từng nhào bột nướng bánh. Trong tờ quảng cáo của khách sạn viết: “Hồ Chí Minh từng giữ vị trí phụ trách lò bánh (pastry chef) của Omni Parker House từ năm 1912- 1913”.*

Tuy đã đọc khá nhiều tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng tôi vẫn băn khoăn một điều: Thế giới rộng lớn với bao nhiêu nước, tại sao lần đầu tiên ra nước ngoài tìm đường cứu nước, Bác lại đến nước Mỹ xa xôi, tận Tây Bán cầu?

Trong một tài liệu, một vị sử gia Mỹ nói rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nước Mỹ trước tiên vì nước Mỹ lúc bấy giờ cùng cảnh ngộ như Việt Nam, bị thực dân Anh đô hộ, vừa giành được độc lập từ tay thực

dân Anh lập nên Quốc gia mới Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ. Đây thực sự là cuộc chiến tranh cách mạng Mỹ chống lại Anh quốc diễn ra từ 1765 đến 1783. Cụ Hồ đến Mỹ là để tìm hiểu tình hình của một nước thuộc địa đã chiến đấu như thế nào để thoát khỏi sự thống trị ngoại bang giành độc lập cho dân tộc. Nhà sử học còn cho biết cụ Hồ đến Mỹ nhưng không đến thủ đô Washington DC, mà đến ngay Boston, thành phố cổ kính, vì Boston là cái nôi của cách mạng Mỹ. Tại đây vào một đêm buốt giá ngày 5 tháng 3 năm 1770, một cuộc xô xát giữa người dân thuộc địa Mỹ và tên lính gác người Anh, đã nhanh chóng trở thành cuộc thảm sát đẫm máu đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ.

Thật vậy, trong thời gian cụ Hồ lưu lại ở Tp. Boston, hầu như ngày nào cũng diễn ra các cuộc tuần hành, biểu tình đòi quyền sống, và đòi làm việc tốt hơn cho phụ nữ nói riêng và những người lao động nói chung.



### Bác Hồ ở Boston (MT)

Hơn nữa Boston là một thành phố trí thức, nơi có hơn 60 trường đại học, nhiều nhất nước Mỹ, trong đó Trường Đại học Harvard nổi tiếng nhất, trường có bề dày lịch sử lâu đời nhất ở Boston. Chỉ trong vòng 6 thập niên qua, Đại học Harvard đã có 59 thành viên được nhận giải

thưởng Nobel (trong đó có 26 giải về vật lý, 11 giải hóa học, 12 giải kinh tế, 8 giải về y học–sinh lý học và 2 giải Nobel Hòa Bình. Và Trường Đại học Harvard là nơi đào tạo ra nhiều vị Tổng thống Hoa Kỳ nổi tiếng như Theodore Roosevelt, Franklin D. Roosevelt...

Trong một bài đăng trên tờ Boston Globe, nữ văn sỹ Susan Wilson người Mỹ viết: *“Thật thú vị để lưu ý rằng một nhà cách mạng tài danh, lãnh tụ Hồ Chí Minh của Việt Nam từng tham gia làm việc như là một người thợ nướng bánh tại tiệm bánh ngọt của khách sạn Omni Parker House từ 1911 đến năm 1913. Vị đầu bếp đặc biệt đã đem đến niềm vinh dự cho nơi này...”*. Bà còn giải thích thêm rằng lãnh tụ Hồ Chí Minh tìm đến làm việc ở Omni Parker House, bởi khách sạn này nằm gần con đường mang tên Tự Do (Freedom trail), nơi mỗi bước chân đều có dấu ấn lịch sử về cuộc cách mạng giành tự do cho nước Mỹ. Khách sạn chỉ cách cảng Boston không xa, là bến đỗ của nhiều con tàu đủ các quốc tịch trên thế giới.

Hơn nữa Omni Parker House, nơi hội tụ của các chính khách, các danh nhân Mỹ như Malcolm Little (MalcolmX), một nhà hoạt động chống chế độ phân biệt chủng tộc, các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của nước Mỹ, trong đó có nhà thơ Palple Waldo Emerrnon và nhà văn Charles Dickens lừng danh, hay ca sỹ Denyce Graves được nhiều người ưa thích...Omni Parker House còn là nơi diễn ra nhiều cuộc hội đàm, các cuộc gặp tay đôi của các chính trị gia, đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Và cũng chính tại nơi đây, dòng họ John Fitzgerald Kenedy đã đặt đại bản doanh mở cuộc vận động tranh cử Tổng thống Mỹ thứ 35 vào những năm đầu của thập niên 60, thế kỷ XX. Điều này thể hiện rõ trên bức tường phòng truyền thống ở tầng hầm, chủ khách sạn cho treo nhiều bức ảnh và trưng bày các hiện vật của các bậc vĩ nhân, trong đó nổi bật nhất ở một góc phòng trang trí nhiều hình ảnh về Bác Hồ thời trẻ và một bức thư đề ngày 12 tháng 8 năm 2005 của Đại sứ nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Tâm Chiến tại Hoa Kỳ gửi cảm ơn Ngài Tổng giám đốc khách sạn Richard Mason và các nhân viên đã đón tiếp chu đáo, chân tình, nồng hậu chuyến thăm Hoa

Kỳ của Thủ tướng Phan Văn Khải. Trên một bức tường của khách sạn có trang trí nhiều hình ảnh của các danh nhân thế giới, trong đó có hình Bác Hồ thời trẻ, với dòng chữ: “*Năm 1911-1912, nhà lãnh đạo tương lai của Việt Nam đã từng làm việc tại tiệm bánh Parker House*” (1911-1912 Future Vietnamese leader works Parker House bakeshop). Tại đây kê một chiếc bàn đá cẩm thạch màu xám, mà Bác Hồ đã dùng làm bánh kem Boston Cream Pies và Lemon Meringue Pies, món ăn tráng miệng nổi tiếng của khách sạn Omni Parker House. Trên bàn đặt một tờ giấy ghi dòng chữ: “*Hồ Chí Minh từng là thợ làm bánh tại Parker House trong 2 năm 1911 – 1913. Người đã sử dụng chiếc bàn đá như trong bức ảnh bên cạnh và nó được sử dụng tại quầy bánh của chúng tôi cho đến ngày nay*”.



*Trên tường khách sạn treo nhiều hình ảnh những người nổi tiếng, trong đó có Chủ tịch HCM.*

Khách sạn Omni Parker House được xây dựng năm 1855, đến nay trải qua trên 150 năm, đã được sửa chữa, nâng cấp nhiều lần, nhiều hạng mục công trình được cải tạo, xây dựng mới, hiện đại, duy chỉ có gian bếp nhỏ ở tầng hầm của tòa nhà vẫn để nguyên vẹn như cũ, không thay đổi, kể cả những đồ đạc trong phòng.

Chúng tôi thắc mắc tại sao vậy? Người quản lý khách sạn không giải thích mà dẫn ngay chúng tôi đến tham quan gian bếp và giới thiệu tỉ mỉ từng kỉ vật hiện hữu ở đây, đồng thời ông nói: “Đó là những kỉ vật vô giá đã gắn liền với hoạt động của một thanh niên yêu nước đến từ

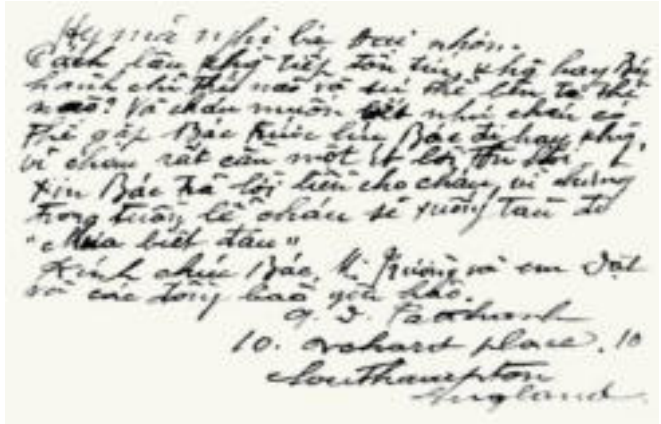
Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX, người mà sau này trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của đất nước các bạn – Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Lời nói của người quản lý đã cho chúng tôi hiểu tầm quan trọng mang ý nghĩa lịch sử của gian bếp, vì sự tôn trọng của người dân Mỹ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam.

Khi chỉ vào chiếc bàn đá cũ kỹ, đã bị sứt một mảnh ở góc phía trong cùng, thứ mà Bác Hồ dùng làm bánh, trên có đặt một khuôn ép bánh to cùng những chậu bột bánh, đặt cạnh những chiếc bánh đang nhồi dở dang, ông David W. Ritchie, Giám đốc kinh doanh tiếp thị của khách sạn cho biết: Để bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban quản lý khách sạn trân trọng quyết định vẫn lưu giữ và sử dụng chiếc bàn này từ ngày ấy đến giờ.

Rõ ràng dù chiếc bàn rất đơn sơ, giản dị, cổ lỗ, lại bị sứt mẻ, nếu không vì sự tôn trọng Việt Nam, không vì yêu quý, bày tỏ tình cảm, sự ngưỡng mộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, chắc chắn khách sạn đã thay thế, không thể giữ lại chiếc bàn cho đến hôm nay. Bởi đó là bảo vật quý của khách sạn. Chiếc bàn đá, thứ mà người thanh niên Việt Nam Nguyễn Tất Thành dùng làm việc xưa kia đã trở thành kỷ vật vô giá và là đề tài quan tâm của nhiều người, mỗi lần ghé thăm khách sạn Omni Parker House. Vì thế trong nhiều năm qua, không ít nhà khảo cổ, Viện Bảo tàng Quốc tế ngỏ ý muốn mua lại chiếc bàn đá cũ kỹ, sứt mẻ này, nhưng các giới lãnh đạo khách sạn đều từ chối, vì đó là chiếc bàn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh đạo kiệt xuất của thế giới- dùng làm việc trong thời gian dài tại khách sạn. Đó là hiện vật lịch sử vô giá. Đó là “báu vật” tinh thần, có sức thu hút lớn, không chỉ đơn thuần về mặt kinh doanh của khách sạn, mà còn là địa chỉ lịch sử không phải khách sạn nào cũng may mắn có được. Chính các thể hệ lãnh đạo khách sạn đã nhiều lần khẳng định, dù vật đổi sao trời, khách sạn vẫn sẽ mãi mãi trân trọng lưu giữ hiện vật này trong hiện trạng cũ của nó như duy trì một niềm tự hào mà không nơi nào khác trên đất nước Hoa Kỳ này có được./.

## DẤU CHÂN NGUYỄN TẮT THÀNH Ở XỨ SỞ SƯƠNG MÙ

Trên hành trình đi tìm đường cứu nước, Bác Hồ đã đến nhiều nơi trên thế giới, cuối năm 1913, Nguyễn Tất Thành rời Boston, Mỹ, đáp tàu biển đi London, Anh quốc, nơi mà trước đó Karl Marx, Friedrich Engels và V. I. Lenine đã từng sống và làm việc.



*Thư của Nguyễn Tất Thành gửi cụ Phan Châu Trinh từ Southampton Anh, thông báo Người chuẩn bị xuống tàu rời khỏi Anh quốc đến Pháp (1917)*

Tuy có nhiều số liệu khác nhau về mốc thời gian Nguyễn Tất Thành sang sống và làm việc ở Anh, nhưng theo giới nghiên cứu lịch sử Việt Nam và quốc tế, đều thống nhất cho rằng thời gian Nguyễn Tất Thành ở London vào cuối năm 1913 đến năm 1917. Nguyễn Tất Thành đến London đầu tiên là làm việc tại khách sạn Drayton Court, trên phố The Avenue thuộc quận Ealing phía Tây thủ đô London. Drayton Court, một khách sạn được trang trí theo kiểu cổ điển đầy ấn tượng, tao nhã, đây là một địa điểm lý tưởng để tận hưởng kỳ nghỉ thư giãn cuối tuần bên gia đình hoặc thưởng thức đồ uống cùng bạn bè tại “vườn bia” lớn nhất miền Tây London. Ngày nay khách sạn Drayton Court còn hấp dẫn du khách hơn bởi đây là một trong hai khách sạn ở London đã từng có một nhân viên phục vụ mà sau này trở thành lãnh tụ mang tầm vóc thế giới, đó là

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập ra nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, người được UNESCO vinh danh là “*Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá của Việt Nam*”.

Nếu có dịp, bạn vào trang Web của khách sạn Drayton Court, bạn sẽ thấy ngay phần giới thiệu: “*Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ của Việt Nam đã làm việc vất vả tại bếp ăn của khách sạn vào năm 1914, trước khi ông tiếp tục hành trình thay đổi lịch sử đất nước, đánh đuổi các lực lượng từ Nhật Bản, Pháp và Mỹ*”.

Với ý nghĩa to lớn đó, nên vào năm 2011, khi khách sạn Drayton Court tân trang lại, riêng khu bếp nơi Nguyễn Tất Thành – Bác Hồ - làm việc, được xây mới hoàn toàn và trở thành một phần của “vườn bia” xanh mát, thoáng đảng ở phía sau khách sạn, nơi thu hút nhiều du khách, nhất là vào những ngày cuối tuần, ngày lễ...



*Khách sạn Carlton bị máy bay Đức ném bom phá hủy 1940, trên nền cũ người ta xây tòa nhà New Zealand, phía trước có tấm biển ghi Nơi Hồ Chí Minh sống và làm việc năm 1913.*

Nhưng thật ra nơi được sách báo nhắc đến nhiều nhất là khách sạn Carlton, London, nơi Nguyễn Tất Thành thời gian làm việc lâu nhất. Nhưng khách sạn này đã bị máy bay quân Đức ném bom phá huỷ hoàn toàn vào năm 1940, trong thế chiến thứ hai. Hiện nay trên nền cũ của khách sạn Carlton người ta xây toà nhà New Zealand



*Khách sạn Carlton trước khi bị máy bay Đức ném bom sập, nơi Nguyễn Tất Thành làm việc.*

cao 19 tầng, tọa lạc trên phố Haymarket, gần Quảng trường Trafalgar, nơi dựng nhiều tượng đá sư tử, biểu tượng của nước Anh và cũng là nơi gần cung điện Nữ Hoàng Anh và các cơ quan đầu não của Chính phủ Vương quốc Anh. Trên bức tường mặt tiền toà nhà này, Hội Hữu nghị Anh – Việt năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác Hồ (1890 – 1990), đã cho gắn tấm biển màu xanh, ghi dòng chữ: “*Hồ Chí Minh (1890 – 1990), người khai sinh nước Việt Nam, đã làm việc tại khách sạn Carlton, toà nhà cũ trên nền đất này năm 1913*”.

Theo ông Len Aldis, Chủ tịch hội Hữu nghị Anh – Việt cho biết, việc đặt tấm biển này cũng gặp vô vàn khó khăn, nếu không phải Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, một con người vĩ đại cả thế giới biết đến, mà là người khác chắc chắn không được.

Toà nhà New Zealand, được xây lại hiện đại, nhưng tầng hầm của toà nhà vẫn được giữ nguyên như ban đầu của khách sạn Carlton. Qua hai lượt cầu thang đi xuống là đến các phòng, nơi nghỉ ngơi của các nhân

viên làm việc cho khách sạn, trong đó có phòng của Nguyễn Tất Thành. Các phòng này rất hẹp, diện tích chỉ khoảng 10m<sup>2</sup>, chiều cao khoảng 2m, với lối đi cực kỳ chật chội. Hiện tất cả các phòng này là nơi chứa các đồ đạc cũ khách sạn thải ra. Thời đó, cũng như hiện tại, các phòng nhỏ bé này không trang bị hệ thống lò sưởi ấm, mỗi khi mùa đông đến lạnh cóng xương và mỗi lần mùa hè về nóng như thiêu như đốt, khiến gọi ta nhớ đến cảnh sống cơ cực biết nhường nào của Bác Hồ- Nguyễn Tất Thành- cách nay hơn 100 năm, khi Bác làm việc ở đây.

Ông Len kể tiếp “*Khi mới đến Carlton, Nguyễn Tất Thành được giao làm những công việc nặng nhọc như dọn dẹp đồ đạc, phụ rửa chén bát của nhà bếp khách sạn. Sau các bữa ăn của khách, ông Nguyễn thường giữ lại các thức ăn thừa để chuyển cho những người lao động nghèo, những người ăn xin vô gia cư. Cảm kích trước cử chỉ làm việc thiện của ông Nguyễn, vị đầu bếp nổi tiếng của khách sạn Escosffer, đã chuyển ông Nguyễn sang bộ phận làm bánh mì có phần nhẹ nhàng hơn, đồng thời chân tình “truyền nghề” cho ông*”.

Tiến sỹ John Callow, Giám đốc Thư viện Marx ở London, nhà nghiên cứu khá kỹ về Bác Hồ cho hay: Trong thời gian ở khách sạn Carlton, Bác thường dậy làm việc từ 5 giờ sáng đến tận 12 giờ trưa. Buổi chiều từ 17 giờ đến 22 giờ khuya. Thời gian rảnh rỗi Bác tranh thủ tìm hiểu về London và học tiếng Anh.

Theo ông John, “*Ông Hồ đến đây làm việc không đơn giản là để kiếm tiền nuôi sống bản thân, mà chủ yếu để tìm hiểu bản chất của những dây xích ràng buộc dân tộc mình và những nước thuộc địa với các nước thực dân. Qua học hỏi, nghiên cứu, Ông Hồ hiểu rằng chỉ có lòng dũng cảm thì chưa đủ để giải phóng dân tộc mình mà cần phải nghiên cứu đầy đủ về sự phát triển của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc mới có thể phản kháng một cách có hiệu quả*”.

Tiến sỹ John Callow cho biết: Trong thời gian sống và làm việc ở khách sạn Carlton, London Bác Hồ từng làm những công việc nặng

nhọc, như sáng sủa phải quét dọn tuyết ở trường học, điều khiển hệ thống lò sưởi nước nóng...



*Khách sạn Drayton Court tại West Ealing, nơi Bác Hồ làm phụ bếp trước khi đến Khách sạn Carlton*

Theo tư liệu của ông John Callow còn cho thấy: Ở London, Nguyễn Tất Thành đầu tiên làm phụ bếp ở khách sạn Drayton Court ở West Ealing, phía Tây London, sau đó mới chuyển đến làm việc tại khách sạn Carlton và trú ngụ tại căn nhà số 8, phố Stephen, cách khách sạn Carlton khoảng 30 phút đi bộ. Phố Stephen nay không còn, nơi có căn nhà số 8, có chiều dài không đầy 500 m, chặn hai đầu là phố Tottenham Court và phố Gresse. Phố Stephen hiện là nơi dựng lên hai toà nhà số 1 là khách sạn cao tầng, đối diện là nhà số 2, là Viện Phim của Anh quốc (BFI).

Ngôi nhà số 8 xưa kia đã bị trận ném bom “Blitz” của quân Đức năm 1940 phá huỷ.

Trong cuốn sách “*Hồ Chí Minh năm tháng chưa được biết đến*” của Sophie Quinn Rudge, do NXB Đại học California ấn hành nói rõ: Từ ngôi nhà này (nhà số 8), giữa năm 1913, Nguyễn Tất Thành đã viết thư cho cụ Phan Chu Trinh ở Paris, Pháp, thông báo vắn tắt tình hình học tiếng Anh của mình và gửi lời thăm hỏi những người trong gia đình.

Ông John còn thông tin thêm: Cảnh sát Anh nghi có mối liên hệ giữa phong trào công nhân Anh với phong trào công nhân Việt Nam, mà Nguyễn Tất Thành là người giữ mối liên lạc, nên ngôi nhà số 8 phố Stephen, bị cảnh sát Anh theo dõi thường xuyên. Đặc biệt theo yêu cầu của cảnh sát Pháp, cảnh sát Anh đã đột nhập vào nhà số 8, nhưng Nguyễn Tất Thành nhanh chóng trốn thoát được.

Trước tình hình khó khăn đó, luôn luôn bị cảnh sát Anh theo sát, Nguyễn Tất Thành quyết định rời nước Anh sang Pháp. Từ Southampton, Nguyễn Tất Thành lại viết thư cho cụ Phan báo tin Nguyễn chuẩn bị xuống tàu rời Anh quốc đi Paris.

Như trên đã nói, thời gian Bác Hồ đến London có thể còn chưa thật chính xác, nhưng có một điều rõ ràng không thể phủ nhận là thời gian Bác Hồ ở thủ đô của xứ sở sương mù đã được lịch sử thế giới ghi nhận với sự khâm phục về nghị lực và ý chí của một con người Việt Nam vĩ đại. Tại đây Bác đã làm đủ mọi việc nặng nhọc từ cào tuyết rửa chén bát, phụ bếp, không chỉ để kiếm sống mà chủ yếu là để có điều kiện, thời gian tìm hiểu bản chất chủ nghĩa tư bản, để từ đó tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

Từ một người yêu nước chân chính, Bác Hồ đã trở thành một chiến sỹ cộng sản, tìm thấy con đường đúng đắn giải phóng dân tộc, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử đất nước.

---

Nhà văn, nhà sử học, tiến sỹ John Callow đã khẳng định: “*Bốn năm ở London đã góp phần rất nhiều trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Những di sản của Người có sức hấp dẫn mãnh liệt ở Việt Nam, nhưng xét về khía cạnh những tư tưởng, tầm nhìn và lòng can đảm của Người, Hồ Chí Minh thuộc về cả thế giới*”./.

## DẤU ẤN SÂU ĐẬM CỦA BÁC HỒ TRÊN ĐẤT PHÁP



*Nguyễn Ái Quốc năm 1920*

Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên khi đất nước đã là thuộc địa của thực dân Pháp và phong trào giải phóng dân tộc đã diễn ra liên tục, nhưng tất cả đều bị chìm trong biển máu. Sự bế tắc về con đường cứu nước trở thành nỗi suy tư của hàng triệu con tim người Việt yêu nước.

Trước nỗi đau của dân tộc, đối với Nguyễn Tất Thành, nước Pháp hiện ra trong mắt anh là một kẻ xâm lược, một kẻ cai trị tàn bạo.

Tuy nhiên qua tìm hiểu sách báo, Nguyễn Tất Thành lại biết đến một nước Pháp hoàn toàn khác: là quê hương của cuộc đại cách mạng với tư tưởng “*Tự do, Bình đẳng, Bác ái*”, là kinh đô ánh sáng, biểu tượng của văn minh nhân loại, là quê hương của những đại văn hào thế giới.

Câu hỏi đặt ra trong đầu chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành:

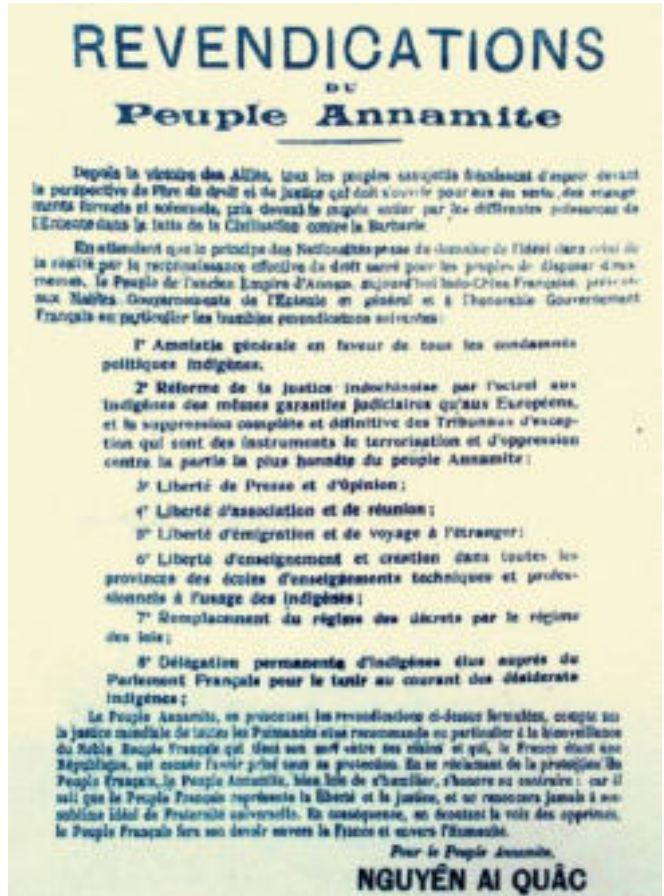
Tại sao một nước Pháp lại có “hai gương mặt” đối lập? Vì sao văn minh, nhân đạo, bác ái và dã man, tàn bạo lại cùng tồn tại song hành? Và vì sao nhân dân Pháp gương cao ngọn cờ “*Tự do, Bình*

đảng, Bác ái” mà lại chà đạp lên quyền tự do, bình đẳng, độc lập của dân tộc khác?

Không một ai có thể trả lời thoả đáng cho những câu hỏi đó, nếu ngồi ru rú tại Việt Nam. Điều đó đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành quyết tâm ra nước ngoài để tìm hiểu rõ ngọn nguồn.

Khác với các bậc tiền bối, Nguyễn Tất Thành không dừng lại ở châu Á, nơi đang bị các thế lực phương Tây xâu xé lẫn nhau, mà Người muốn đến tận nơi “nguồn gốc” nảy sinh những câu hỏi đó: nước Pháp, để tìm hiểu xem những gì ẩn dấu đằng sau những câu khẩu hiệu ấy: Tự do, Bình đẳng, Bác ái.

Phải chăng đây là một sự lựa chọn có suy tính khoa học, mang dấu ấn của một thiên tài! Mục đích của Nguyễn Tất Thành ra đi là để tìm đường cứu nước, nhưng muốn thắng kẻ thù, trước hết phải hiểu rõ kẻ thù. Muốn hiểu cặn kẽ kẻ thù không gì bằng đến tận sào huyệt của nó và muốn thắng nó phải bằng sức mạnh tri thức, sức mạnh của thời đại, chứ



Bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” gồm 8 điểm do Nguyễn Ái Quốc thay mặt “Hội người Việt Nam yêu nước” gửi Nghị viện và các đoàn Đại biểu dự Hội nghị Versailles.

không chỉ đơn thuần bằng lòng yêu nước và chí căm thù. Nói nôm na không chỉ bằng “cơ bắp” mà bằng “cái đầu trí tuệ cao”.

Với suy nghĩ đó, Nguyễn Tất Thành tìm đến nước Pháp, nơi có trình độ khoa học kỹ thuật phát triển để học hỏi. Pháp không chỉ một quốc gia tư bản phát triển, mà còn là một nước đế quốc. Tại đây Nguyễn Tất Thành có đầy đủ điều kiện tìm hiểu bản chất chế độ tư bản, sức mạnh của văn minh phương Tây, lại nắm vững được cuộc sống các dân tộc thuộc địa của Pháp ra sao? Họ đã chống chủ nghĩa thực dân như thế nào? Để từ đó tìm ra lời giải cho con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

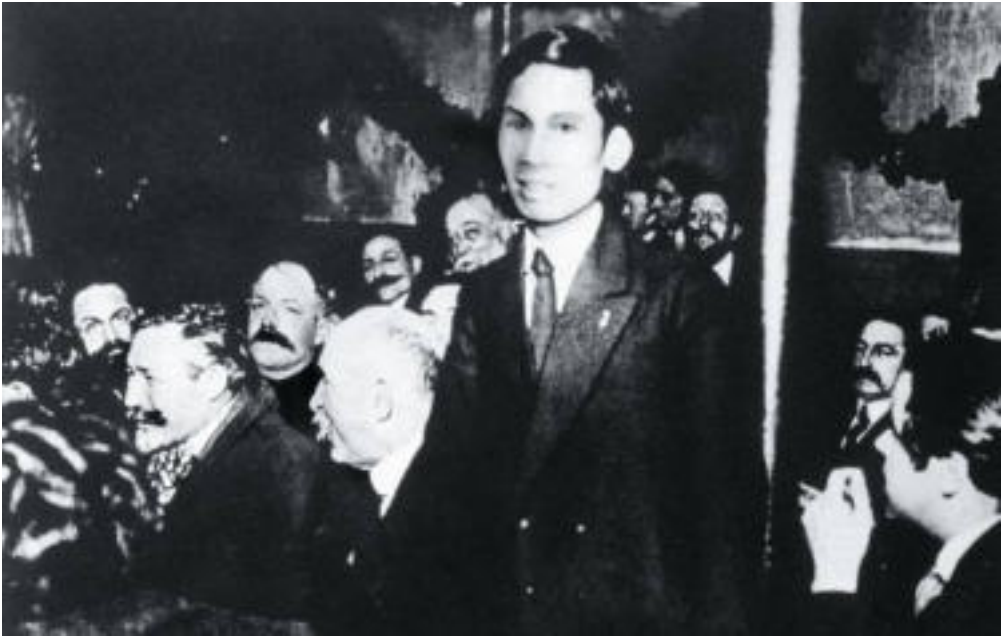
Với tất cả những suy tính kỹ càng đó, một sáng hè ngày 05 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành dưới cái tên Nguyễn Văn Ba làm phụ bếp trên con tàu Đô đốc Latouché Tréville, thuộc hãng vận tải Hợp nhất của Pháp, rời cảng Nhà Rồng, Sài Gòn đi qua các cảng: Singapore (08/6/1911), cảng Columbo, Ceylan – Sri Lanka (14/6/1911), cảng Said, Ai Cập (15/6/1911) và qua một số cảng các nước Phi châu, đến ngày 06 tháng 7 năm 1911, tàu cập cảng Marsailles, Pháp.

Vừa đến Pháp, để mở rộng tầm hiểu biết Nguyễn Tất Thành từ Marsailles viết thư gửi Tổng thống Pháp xin vào học Trường Thuộc địa, Paris. Nhưng không được Tổng thống Pháp trả lời.

Nguyễn Tất Thành từ Marsailles đến thị trấn Saint Andress, ngoại ô thành phố Havre, kiếm việc làm và học thêm tiếng Pháp.

Đầu năm 1912, Người đến Boston, Hoa Kỳ, nơi đầu tiên đã nổ ra cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Anh, giành độc lập cho đất nước. Tại đây, Người đi sâu tìm hiểu về cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Mỹ chống ách đô hộ của thực dân Anh.

Giữa năm 1913, Nguyễn Tất Thành rời Hoa Kỳ sang London, Anh, nơi Karl Marx, Angels và V. I. Lénine từng sống và làm việc. Tại London, Người chỉ ở trong khoảng 3 năm, chủ yếu nghiên cứu bản chất của chủ nghĩa tư bản mại bản thực dân Anh.



*Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I.Lenin. Người Cộng sản Việt Nam đầu tiên (12/1920).*

Sau một thời gian dài vòng quanh châu Phi, sống ở Mỹ, Anh, đầu năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Paris, Pháp. Đây là một quyết định đúng đắn. Tại đây Người không chỉ có cơ hội hiểu rõ hơn chủ nghĩa thực dân Pháp, về chính trường quốc tế, mà điều quan trọng nhất là được gần gũi cộng đồng người Việt, để từ đó nhận được nhiều tin tức từ quê nhà.

Nếu trong khoảng thời gian từ 1911 đến 1917, Nguyễn Tất Thành chỉ mới khởi đầu để tâm quan sát, phân tích, chiêm nghiệm về thế giới tư bản, về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tích lũy hiểu biết... nhưng đến khi trở lại Pháp, Người thực sự bắt đầu trực tiếp tham gia hoạt động chính trị. Trước tiên, đầu năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp, cùng giai cấp công nhân Pháp đấu tranh giành quyền lợi và tham gia sinh hoạt câu lạc bộ Faubourg, nơi thường xuyên diễn ra các cuộc thảo luận về mọi vấn đề thời sự chính trị. Nhờ đó kiến thức, kinh nghiệm đấu tranh của Người ngày càng gia tăng nhanh chóng.

Tại Paris Người tham gia và đã trở thành “linh hồn” của “*Hội Những người Việt Nam yêu nước*” (Groupedes Patriotes Annamites).

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc (1914 – 1918), ngày 18 tháng 6 năm 1919, đại biểu các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp Hội nghị Versailles từ 18 – 21/6/1919, để giải quyết các vấn đề của chiến tranh, chia lại thị trường thế giới. Nhân cơ hội này, thay mặt “*Hội Những người yêu nước Việt Nam*” tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã đến tận nhà ông Jules Cambon, một thành viên phái đoàn Pháp dự Hội nghị Versailles để nhờ ông đưa “*Bản Yêu sách của nhân dân Annamite*” (Reven-dications du Peuple Annamite), đến Hội



Báo “*Người cùng khổ*” (*Le Paria*), cơ quan ngôn luận của “*Hội Liên hiệp thuộc địa*”, do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà cách mạng sáng lập phát hành trong những năm 1922- 1926.

nghị. Nguyễn Ái Quốc còn gửi Bản yêu sách tới đoàn đại biểu các nước Đồng minh và gửi tới các nghị viên của Quốc hội Pháp. Hai tờ báo “*Nhân đạo*” (*L’Humanité*) và tờ “*Dân chúng*” (*Le Populaire*), đã đăng

toàn văn Bản yêu sách đó. Nguyễn Ái Quốc còn cho in 6.000 tờ truyền đơn để phân phát Bản yêu sách trong các cuộc họp, các cuộc mít tinh của các tổ chức dân chủ Pháp.

Bản yêu sách đề cập đến những vấn đề sơ đẳng nhất về quyền tự do, dân chủ, về quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam, trong đó nói rõ cho nhân dân thế giới biết những tội ác của đế quốc Pháp ở thuộc địa, để cho giai cấp công nhân, các tổ chức dân chủ Pháp chú ý đến tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

Bản yêu sách gồm 08 điểm, trong đó nổi bật nhất là “đòi chính phủ các nước họp Hội nghị phải thừa nhận quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Về sau Bản yêu sách được Nguyễn Ái Quốc chuyển thể thành thơ lục bát, song thất lục bát với tên gọi “*Việt Nam yêu cầu ca*” vừa mau thuộc và dễ nhớ.

Mặc dầu Bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận, nhưng Bản yêu sách của Nguyễn Ái Quốc được xem là điểm khởi đầu của một hành trình đấu tranh cách mạng và điểm khởi đầu đó đã gây chấn động nước Pháp và thế giới. Có thể nói rằng đó cũng là dấu mốc đầu tiên đánh dấu thời điểm bắt đầu của cuộc đấu tranh về sức lực và trí tuệ của Nguyễn Ái Quốc trên đất Pháp, trong sự theo dõi của chính quyền Pháp từng bước đi của Người.

Nguyễn Ái Quốc cho rằng muốn cứu nước trước hết phải có đường lối rõ ràng. Vì vậy, trong những ngày ở Paris Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước. cụ thể vào tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc được bản “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của V. I. Lênine, tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc hết sức ngạc nhiên và bị thu hút bởi tư tưởng của vị lãnh tụ giai cấp vô sản thế giới. Nguyễn Ái Quốc viết: “*Lênine* đã chinh phục và thu hút trái tim của các dân tộc châu Á không những bằng thiên tài của mình, mà còn bằng sự coi thường cuộc sống xa hoa, bằng tình yêu lao động, bằng đời sống cá nhân trong sạch, đức tính giản dị, đạo đức

cao quý của người thầy”. Luận cương của Lênine đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc hiểu rằng: Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Mảnh đất Paris hoa lệ đã thấm giọt nước mắt hạnh phúc của con người đã tìm thấy con đường, mà dân tộc Việt Nam vô vọng tìm kiếm trong hơn nửa thế kỷ qua. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc một lòng nhất quyết đi theo chủ nghĩa Cộng sản.

Tại Paris, Người tham dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp tại Tours với tư cách Đại biểu Đông Dương và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp vào ngày 30 tháng 12 năm 1920. Vì vậy, về sau Nguyễn Ái Quốc thừa nhận: *“Lúc đầu là Chủ nghĩa yêu nước, chứ không phải Chủ nghĩa Cộng sản. Chủ nghĩa Cộng sản đã làm tôi tin theo Lênine, tin theo Quốc tế III. Đây là bước ngoặt lớn trong cuộc đời cách mạng của tôi”*. Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Về sự kiện này, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nói: *“Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy thật là lạ lùng, là một người Việt Nam trẻ tuổi, vừa đến thủ đô Paris chưa bao lâu đã thâm nhập ngay được vào đời sống chính trị. Tại đó, Người đã làm những việc cực kỳ quan trọng đối với dân tộc mình, đối với các dân tộc thuộc địa và góp phần hình thành chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân Pháp”*.

Nguyễn Ái Quốc không chỉ là thành viên sáng lập, người còn tỏ rõ uy tín, ảnh hưởng trong Đảng khi được dự Đại hội Đại biểu lần thứ hai (10/1922) của Đảng Cộng sản Pháp và thuyết phục Đại hội quan tâm đến vấn đề thuộc địa. Nguyễn đã tham gia soạn thảo *“Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa”* và khi Ban Nghiên cứu thuộc địa được thành lập, Người được cử làm Trưởng tiểu ban nghiên cứu về Đông Dương.

Tháng 7 năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà yêu nước của các nước thuộc địa Pháp lập ra *Hội Liên hiệp thuộc địa* ((Union Intercoloniale Association des Indigènes de Toutes les Colonies) và từng

bước Nguyễn Ái Quốc trở thành người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa.



Thẻ đảng viên Đảng Cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc với tên Henri Tchen (Hãng ri Trần).

Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà cách mạng thuộc địa xuất bản tờ báo “Người cùng khổ” (Le Paria) tại thủ đô Paris, Pháp, đã mở ra một giai đoạn đấu tranh có tổ chức, có sự liên kết lực lượng các dân tộc bị áp bức. Tờ Le Paria ra được 38 số, mỗi số bán được từ 1.000 đến 5.000 bản, một con số khá thuyết phục lúc bấy giờ. Ngoài ra ông Nguyễn còn viết hàng loạt bài cho nhiều tờ báo khác, trong đó chủ yếu cho tờ “Nhân đạo” (L’Humanité) và “Dân chúng”. Và “Tạp chí Cộng sản” (Revue Communiste). Cũng thời gian này, Nguyễn Ái Quốc còn cho xuất bản tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” (Le Procès de la Colonisation Française), 1925, đã tố cáo chính sách thực dân tàn bạo của Pháp, đồng thời đề cập tới phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa.

Việc *Hội Liên hiệp thuộc địa* ngừng hoạt động (6/1926) và báo *Người cùng khổ* bị đình bản, sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Pháp (6/1923), đã gián tiếp khẳng định vai trò to lớn, quan trọng của Nguyễn Ái Quốc đối với tổ chức này.

Năm 1923, với tư cách đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc ra tranh cử vào Hạ viện Pháp, nhưng không thành công, Người trượt chức dân biểu Quốc hội.

Những năm đầu ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc không chỉ hăng hái hoạt động cách mạng Người còn tích cực học tập, tích lũy tri thức chính trị. Nguyễn Ái Quốc không chỉ học hỏi trong cuộc sống, trong sự cọ xát nóng bỏng của các buổi thảo luận chính trị, mà còn tự đi sâu nghiên cứu lý luận. Chính trong bản báo cáo của mật thám Pháp đề ngày 10/12/1919, có câu: “*Ông ta (Nguyễn Ái Quốc) dành cả ngày để học hỏi, đọc tất cả những sách bằng tiếng nước ngoài có đề cập đến Đông Dương*”. Một báo cáo khác cũng của mật thám Pháp viết vào tháng 3/1920, đã khẳng định “*Hiện thời Nguyễn Ái Quốc đang dịch cuốn L’Esprit de Loi (Tinh thần luật pháp) của Montesquier, sang tiếng Việt*”.

Với sự nỗ lực phi thường, từ một người không phân biệt được thế nào là đảng, thế nào là công đoàn? Quốc tế II, khác Quốc tế III ở chỗ nào? Nguyễn Ái Quốc đã trở thành nhà lý luận Macxist lỗi lạc. Toàn bộ thời gian sống và làm việc trên đất Pháp để mưu sống và hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc chỉ làm việc nửa ngày. Thoạt đầu làm thuê cho một tiệm rửa ảnh, rồi được luật sư Phan Văn Trường nhượng quyền cho thuê lại một căn ở số 9, ngõ Compoin, quận 17, Paris. Ông Nguyễn theo học dự thính Trường Đại học Sorbonne và được coi là một con một sách tại Thư viện Quốc gia Pháp./.

## **DẤU CHÂN NGƯỜI TRÊN ĐẤT NƯỚC LÊNINE**

Trong hơn 30 năm tìm đường cứu nước và gần 30 năm trực tiếp lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, đã đặt chân đến gần 60 nước khắp các lục địa từ Á sang Âu, từ Phi châu đến Mỹ La tinh, trong đó nước Nga Xô Viết, là nơi Người có thời gian gắn bó lâu nhất. Nước Nga có một vị trí và tầm ảnh hưởng vô cùng to lớn đến cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.



*Nguyễn Ái Quốc (thứ 2 bên phải) tham gia mit tinh đoàn kết quốc tế ở Liên Xô, 1923.*

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô nhiều lần. Lần thứ nhất vào năm 1923, Người được Đảng Cộng sản Pháp cử đi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V tại Matxcova, Liên Xô. Tối ngày 13 tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Paris lên tàu lửa sang Đức. Ngày 16 tháng 6 năm 1923, cơ quan đại diện Chính phủ Liên bang CHXHCN Xô

Viết tại Berlin, Đức đã cấp giấy thông hành số 1829 cho Nguyễn Ái Quốc dưới cái tên Chen Vang. Ngày 27 tháng 6 năm 1923, ông Nguyễn đáp tàu biển mang tên nhà cách mạng Đức Carl Liebnec từ cảng Hamburg, rời

Đức tới Nga. Ngày 30 tháng 6 năm 1923, tàu cập cảng Petrograd, lần đầu tiên ông Nguyễn đặt chân lên mảnh đất Cách mạng tháng Mười, đất nước của V. I. Lênine vĩ đại, mà ông hằng mong ước.

Đầu tháng 7 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đến thủ đô Matxcova. Tại đây ông Nguyễn được Ban tổ chức Đại hội bố trí chỗ ăn ở rất chu đáo tại khách sạn Lux, trên phố Tverskaya, trung tâm Matxcova.

Trong thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc có nhiều hoạt động: Người được mời tham dự Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân, với tư cách đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương và được bầu vào Hội đồng Quốc tế Nông dân, tham gia Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản.

Lúc này Lênine đang ốm nặng, nên Đại hội Quốc tế Cộng sản tạm hoãn. Cuối năm 1923, Nguyễn Ái Quốc vào học Trường Đại học Cộng sản của những người lao động phương Đông, trực thuộc Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước phương Đông và Trung Á.



*Nguyễn Ái Quốc (thứ 3 bên trái, đứng) cùng các đại biểu dự Đại hội Quốc tế Cộng sản ở Matxcova, 1924.*



Ngày 23 tháng 6 năm 1924, tại phiên họp thứ 8, Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc phát biểu: “Tôi tới đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là thuộc địa đang tồn tại và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy cách mạng ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa, còn có cả nguy cơ của các thuộc địa. Song, tôi thấy rằng hình như các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các nước thuộc địa. Vì vậy, tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được gọi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa”.



Nguyễn Ái Quốc cùng các đại biểu tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản).

Tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc được cử làm ủy viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam.

Nhân dịp này, với danh nghĩa là đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội Đỏ, Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của các Tổ chức Cứu tế Đỏ.

Trong khoảng thời gian dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tranh thủ đi thăm nhiều nơi trên đất nước Liên Xô, Đồng thời

tận dụng thời gian rảnh rỗi viết một loạt bài cho các báo: “*Nhân đạo*” (L’Humanité); “*Đời sống Công nhân*” (La Vie Ouvrière); “*Sự thật*” (Pravda); “*Người cùng khổ*” (Le Paria); “*Thư tín Quốc tế*” (Inprekor) và “*Tạp chí Cộng sản*”... Các bài báo của Người chủ yếu tập trung nói về vấn đề liên quan đến giai cấp công nhân, đến cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các thuộc địa, mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng vô sản ở thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm đến chiến lược quân sự của các cường quốc đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Sau khi phân tích những động thái quân sự của Nhật Bản ở đảo Yap, Mỹ tăng cường tàu chiến ở Thái Bình Dương, Pháp có cả một hệ thống thuộc địa vành đai Thái Bình Dương, Nguyễn Ái Quốc dự đoán chính xác rằng khu vực này “*trương lai có thể trở thành lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới mới*”.

Ngày 11/11/1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô, đi Quảng Châu, Trung Quốc, lấy tên là Lý Thụy. Tại Trung Quốc Nguyễn Ái Quốc có nhiều hoạt động lớn như: Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3/2/1930, sáng lập tờ báo Thanh niên...

Năm 1931, Nguyễn Ái Quốc dưới cái tên Tống Văn Sơ, bị cảnh sát Hồng Kông bắt giam. Được sự giúp đỡ nhiệt tình của luật sư Frank Loseby, toà án Hồng Kông buộc phải trả tự do cho Tống Văn Sơ.

Đầu năm `1933, Từ Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô lần thứ hai. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 7 từ 25/7 – 20/8/1935, nhưng không được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Đại diện của Việt Nam tại Ban Chấp hành lúc bấy giờ là Lê Hồng Phong..

Theo tài liệu của một số nhà sử học, Nguyễn Ái Quốc bị ép phải ở lại Liên Xô, vì bị nghi ngờ về lý do được nhà cầm quyền Hồng Kông trả tự do? Tuy vậy, tại đây Nguyễn Ái Quốc dưới cái tên Linov, vẫn được phân công phụ trách chung những người cộng sản Việt Nam và theo học tại Trường Lênine là trường Đảng Cao cấp của Quốc tế Cộng sản dành cho các lãnh tụ Cộng sản các nước ngoài (1934 – 1935).

Năm 1935, Nguyễn Ái Quốc được bầu làm đại diện của Đảng Cộng sản Đông Dương bên cạnh Quốc tế Cộng sản, trong lúc Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai đã về hoạt động trong nước. Mặc dầu thời gian này học sinh Việt Nam không tiếp tục sang Liên Xô học nữa, nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn phải ở lại Liên Xô. Nguyễn Ái Quốc dưới cái tên Lin, tranh thủ theo học lớp nghiên cứu sử học của Viện, Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, nhưng không dự thi tốt nghiệp.



*Nguyễn Ái Quốc cùng một số đại biểu dự Đại hội.*

Thế theo nguyện vọng, được Quốc tế Cộng sản chấp thuận, mùa thu năm 1938, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô về hoạt động ở châu Á, tại Trung Quốc.

Và từ đây, Người có điều kiện trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn, đưa đến cuộc Cách mạng tháng Tám thành công và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 02 tháng 9 năm 1945 (nay là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Nguồn: (Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh và Viện Bảo tàng Lịch sử)

## CÓ MỘT THẦU CHÍN - SỰ HẠNH ĐẠ Ở XIÊM

Thế theo nguyện vọng, ngày 25 tháng 4 năm 1928, Quốc tế Cộng sản ra Quyết định để Nguyễn Ái Quốc về hoạt động ở châu Á.

Đầu tháng 6 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc (đang làm báo cho tờ Die Welt – Thế giới, Đức), với tấm hộ chiếu mang tên một người Hoa Nguyễn Lai rời Bêlin đi Thụy Sĩ đến Milan, Italia. Không bao lâu sau đó, Nguyễn Ái Quốc từ cảng Napoli, Italia đáp tàu thủy Nhật Bản đi Xiêm (đến năm 1938, Xiêm gọi là Thái Lan).



*Sư Hạnh Đạ - Thầu Chín.*

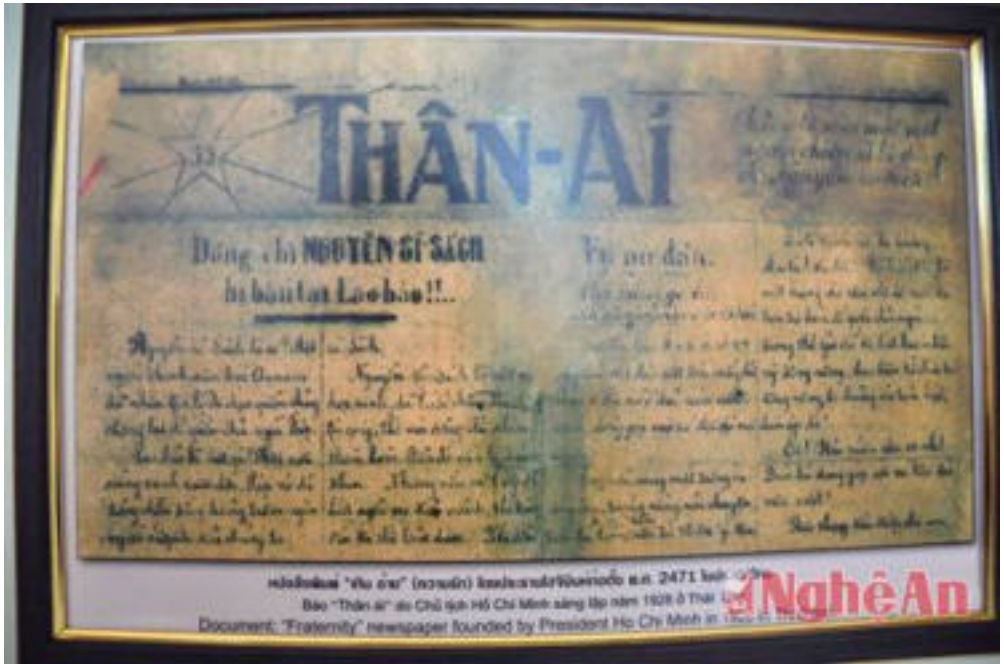
Khoảng đầu tháng 7 năm 1928, ông Nguyễn đến cảng Khoong Toi, Bangkok. Trong những ngày ở Bangkok, để tranh sự theo dõi

của mật thám Xiêm – Anh, ông Nguyễn thường xuyên di chuyển chỗ ở trong các chùa Hội Khánh (tiếng Thái Mongkhon Sunronkhon), chùa Ông Năm (Somsanam Boriham), chùa Sư Ba (Lacumkho), chùa Từ Tế (Wat Lakonuckor, thuộc xã Rachavong, huyện Xăm Phanthavong, nay là phố Rachavong, Bangkok). Sau đó ông Nguyễn đến Bản Đông, huyện Phichit, tỉnh Phitxanulóc.

Bản Đông thời bấy giờ có khoảng hai chục gia đình Việt kiều. Từ năm năm 1920, tại đây đã có các tổ chức Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng, Hội hợp tác, Hội Việt kiều Thân ái hoạt động trong hàng ngũ Việt kiều.

Trong buổi họp mặt đầu tiên với bà con Việt kiều Bản Đông, ông Nguyễn tự giới thiệu mình tên là Thọ, biệt hiệu Nam Sơn. Trong những ngày sống và hoạt động ở Bản Đông, ông Thọ thường xuyên đến thăm hỏi các gia đình Việt kiều, tìm hiểu đời sống, công việc làm ăn của từng người. Ngày ngày ông Thọ cùng bà con tham gia sản xuất. Tối đến ông tổ chức nói chuyện tình hình thế giới, tình hình nước nhà. Ông chân tình giải thích cặn kẽ mọi thắc mắc của bà con về đường lối chủ trương của cách mạng. Bà Quỳnh ở Bản Đông là người đầu tiên tiếp xúc với ông Thọ, kể rằng: *“Tôi khép nép nhìn ông khách, chỉ mỉm cười, mà không nói được gì, bởi vì ngay từ phút đầu gặp ông tôi cảm thấy có điều gì đó rất khác thường, không thể giải thích được. Đôi mắt sáng một cách lạ lùng, nhưng rất ấm, trù mến dễ gần, tôi cảm thấy như đã gặp một lần nào rồi, cho nên tôi thấy ông vừa lạ vừa quen thân”*.

Đặt chân đến Bản Đông, ông Thọ lập tức bắt tay ngay vào công việc tuyên truyền cho bà con chủ nghĩa yêu nước cũng như con đường cách mạng Việt Nam. Việc đầu tiên là Người tập họp tất cả bà con Việt kiều tại đây để gặp mặt làm quen tạo thiện cảm. Nhân dịp này, Người giới thiệu khái quát những biến đổi chính trị quan trọng ở trong nước và trên thế giới, khơi dậy lòng yêu nước, tự tôn dân tộc và hướng về đất mẹ thân thương đang ngày đêm quần quai dưới ách thống trị của thực dân Pháp.



Tờ báo ‘Thân Ái’ do Bác sáng lập 1928 ở Thái Lan.

Để nắm tình hình và hiểu rõ bà con Việt kiều, Người đã hoà mình vào cuộc sống thường nhật của cộng đồng, thực hiện “ba cùng”: cùng ăn, cùng ở và cùng làm việc. Tập đi chân đất, mặc áo vải nâu sòng... Vì thế, chỉ trong một thời gian ngắn từ già đến trẻ nơi đây đều rất kính trọng coi ông Thọ như người nhà.

Ông Thọ ở Bản Đông chỉ một thời gian ngắn, đầu tháng 7 năm 1928, ông Thọ rời Bản Đông đến bản Noọng Búi, tỉnh Udon Thani, vùng Đông Bắc Xiêm, nơi tập trung nhiều Việt kiều nhất ở tỉnh Udon Thani, có khoảng trên hai vạn kiều bào ta đang sinh sống. Họ phần lớn quê ở các tỉnh miền Trung nghèo đói: Nghệ - Tĩnh, Bình - Trị - Thiên, giàu lòng yêu nước, nên gắn bó mật thiết với phong trào cách mạng trong nước. Bà con Việt kiều sống xa quê, luôn rộng lòng giúp đỡ mọi người Việt cùng cảnh ngộ.

Để tránh mật thám Thái – Anh vây ráp, tại Udon Thani ông Thọ (Nguyễn Ái Quốc) lấy tên là Thầu Chín (thầu tiếng Thái ông già)- ông

Già Chín - và luôn thoát ần, thoát hiện. Bà con Việt kiều ri tai nhau “Thầu Chín có phép tàng hình” . Thầu Chín rất mưu trí, luôn cảnh giác, song vẫn không giữ được bí mật tuyệt đối. Nhiều lần để thoát hiểm Thầu Chín phải lánh vào chùa, xuống tóc đi tu, đóng vai nhà sư, pháp danh Hạnh Đa. Trong những ngày hoạt động ở Udon Thani, Thầu Chín đã thổi vào phong trào Việt kiều yêu nước và người Thái bản địa một luồng sinh khí mới, một môi trường xã hội thấm đẫm đạo lý tình người.

Trong cuộc họp đầu tiên ở Udon Thani, Thầu Chín báo cáo trước chi bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Hội về tình hình và triển vọng cách mạng Việt nam, trong đó Người đặc biệt nhấn mạnh đến phẩm chất của người cách mạng là rèn luyện ý chí chiến đấu, chịu đựng vượt lên mọi khó khăn gian khổ, kiên trì đấu tranh không mệt mỏi, tích cực tuyên truyền giác ngộ quần chúng.

Tại đây, Thầu Chín chủ trương mở rộng tổ chức, thu hút quần chúng, củng cố cơ sở, kết nạp vào Hội những Việt kiều hăng hái tham gia cách mạng. Hàng ngày Thầu Chín cùng với đồng bào lao động làm ruộng vườn, làm thủy lợi..., tối đến Thầu Chín tổ chức nói chuyện làm ăn sao cho thu nhập được nhiều tiền của, rồi từ từ dẫn đến câu chuyện chính trị thiết thực rất hấp dẫn cuốn hút cả người Việt lẫn người Thái. Thầu Chín luôn chủ trương Việt – Thái đoàn kết, tối lửa tắt đèn có nhau... Từ đó khiến người Thái thiện cảm hơn với Việt kiều và với cách mạng Việt Nam.

Tại đây, Thầu Chín còn mở lớp dạy chữ quốc ngữ cho bà con Việt kiều và khuyên bà con “nhập gia tùy tục”, cần học tiếng Xiêm để mở rộng tầm nhìn, giao lưu, hoà nhập và tôn trọng phong tục tập quán của người dân bản địa.

Trong thời gian hoạt động ở Xiêm Thầu Chín tích cực tuyên truyền, vận động xây dựng cơ sở cách mạng và gây ảnh hưởng về trong nước, đồng thời mở lớp huấn luyện ngắn hạn cho hội viên chi bộ Việt Nam

Thanh niên Cách mạng Hội và chọn một số sách dịch sang tiếng Việt, cho đồng bào đọc, chỉ đạo xuất bản báo để tuyên truyền, cổ vũ tinh thần yêu nước của Việt kiều, hướng dẫn mở trường dạy học cho con em Việt kiều.

Khoảng đầu năm 1929, Thầu Chín rời Udon Thani đến Sacon, nơi cũng có đông Việt kiều và là nơi tổ chức cách mạng hình thành khá sớm. Tại đây hằng ngày Thầu Chín đọc sách, tổ chức huấn luyện cán bộ và thanh niên, củng cố các cơ sở cách mạng đã có, xây dựng thêm cơ sở mới... Tỉnh thoảng cùng một số cán bộ đi làm kinh tế để gây quỹ cho tổ chức.

Để giáo dục lòng yêu nước cho cộng đồng Việt kiều, Thầu Chính viết bài ca *Trần Hưng Đạo*:

*Diên Hồng thề trước thánh minh,  
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành,  
Nếu ai muốn đến giành đất Việt,  
Đưa dân ra giết sạch trơn,  
Một người dân Việt đương còn,  
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà.*

Cuối tháng 7 năm 1929, Thầu Chín tạm biệt Sacon đến tỉnh Nakhon Phanom, bên bờ sông Mê Kông, rồi tiếp tục đến một số huyện: Thà U Then, Thạt Phanom và ở lại lâu nhất tại Bản Nachok (Bản Mạ). Ở Bản Mạ Thầu Chín huấn luyện xây dựng tổ chức trở thành một trong những trọng điểm quan trọng Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng.

Tháng 10 năm 1929, rời Nakhon Phanom, Thầu Chín đến huyện Amnat Charon (huyện Bùn) tỉnh Ubon Ratchathani. Ở đây chỉ một thời gian ngắn, rồi chuyển về Bản Thà (cũng thuộc tỉnh Ubon Ratchathani), nhưng không được bao lâu Thầu Chín về huyện Muecdahan tỉnh Nakhon Phanom. Và địa điểm cuối cùng trên đất Xiêm, Thầu Chín đến là tỉnh Noọng Khai, đối diện với thủ đô Vientian, Lào, bên kia sông Mê Kông.

Tại đây, Thầu Chín có điều kiện thuận lợi gỡ gỡ các chiến sỹ cách mạng Việt Nam hoạt động tại Vientian sang báo cáo tình hình trong nước và cho biết tin ngày 10 tháng 10 năm 1929, tòa án Vinh, Nghệ An đã xử án vắng mặt Nguyễn Ái Quốc tội tử hình.

Một buổi chiều cuối thu năm 1929, trời Đông Bắc Xiêm se se lạnh, Thầu Chín bí mật rời xứ sở Chùa Vàng. Bà con Việt kiều không biết Thầu Chín đi đâu. Hôm sau, tờ mờ sáng liên quân cảnh sát Xiêm – Anh đến lùng sục, khám xét từng nhà Việt kiều, vùng Đông Bắc Xiêm. Bấy giờ bà con Việt kiều mới biết Thầu Chín - Sư Hạnh Đa chính là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Trong thời gian hơn một năm sống và hoạt động ở Xiêm (7/1918 đến 11/1929), Nguyễn Ái Quốc – Thầu Chín – sư Hạnh Đa đã tiến hành vận động các Việt kiều vào tổ chức của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng: ngoài chi bộ Phichit còn có thêm chi bộ ở Udon Thani, Saco Nakhon, Nakhon Phanom. Ba chi bộ miền Đông Bắc Xiêm này được tổ chức thành Tỉnh bộ Udon. Nhờ vậy mà tổ chức Việt kiều ở Xiêm được lãnh đạo chặt chẽ, hoạt động có nề nếp, tích cực hơn. Đóng vai trò như trạm trung chuyển giữa Quảng Châu Trung Quốc về trong nước.

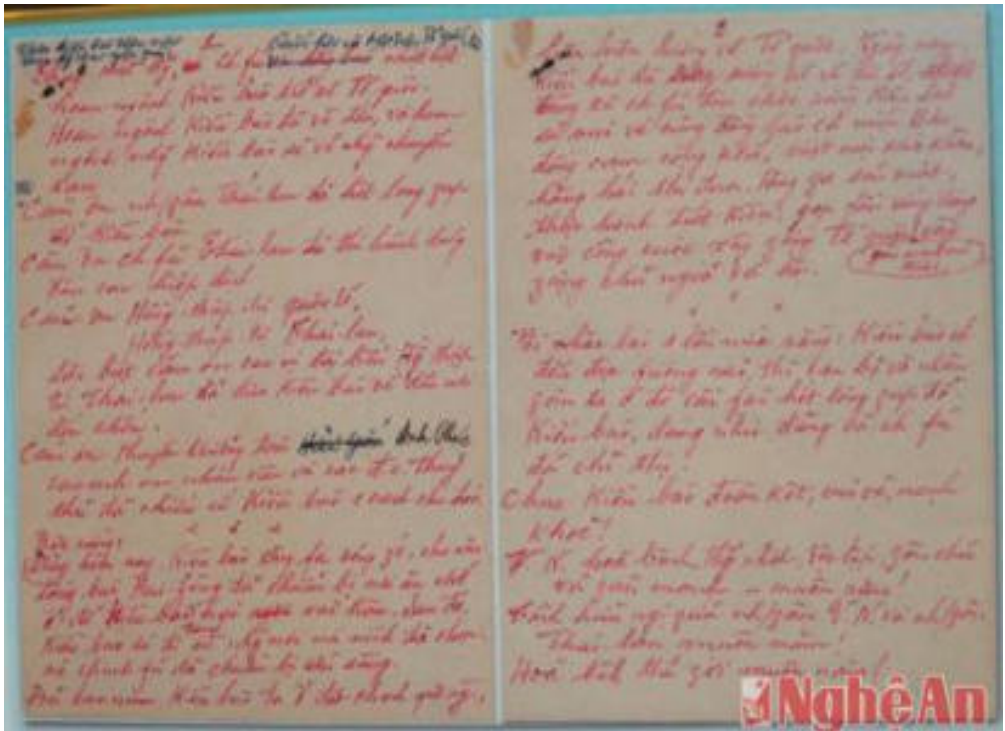
Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng, Việt kiều ở Xiêm được tổ chức thành hai hình thức: Hội Hợp tác và Hội Thân ái. Hội Hợp tác là một tổ chức trung kiên của kiều bào, đồng thời là tổ chức dự bị của Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Hội kết nạp những thanh niên yêu nước, có chí hướng cách mạng từ trong nước mới ra. Hội Hợp tác còn làm kinh tế, tổ chức lao động làm ăn tập thể để sinh sống và học tập. Những thanh niên có nhận thức chính trị khá sẽ được đưa vào tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Khi có điều kiện lần lượt đưa sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện chính trị, hoặc phái về trong nước hoạt động. Hội Hợp tác được tổ chức theo nghề nghiệp. Ở địa phương nào có điều kiện làm ruộng, thì Hội lấy việc làm ruộng là chính. Địa phương nào làm nghề thủ công thì lấy nghề thủ công là chính, như:

Hội mộc, Hội nề ...

Hội Thân ái là một tổ chức quần chúng rộng rãi của Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Hội được thành lập nhằm mục đích: “Đoàn kết giữa Việt kiều với nhau và đoàn kết giữa người Việt với người Thái; nhắc nhở kiều bào yêu nước, giúp đồng bào học chữ quốc ngữ”.

Ngoài hai tổ chức trên, ở các địa phương còn có Hội Phụ nữ, Hội Thiếu niên... để rèn luyện các em có thói quen sinh hoạt tập thể, nếp sống ngăn nắp, tự quản sinh hoạt và học tập của mình.

Ngoài việc tổ chức các hội đoàn, Nguyễn Ái Quốc hết sức chú trọng công tác tuyên truyền cách mạng trong hàng ngũ Việt kiều. Dựa vào Pháp luật Chính phủ Xiêm lúc bấy giờ, Nguyễn Ái Quốc đã dùng hình thức hợp pháp tiến hành tuyên truyền giáo dục Việt kiều.



Bút tích bài nói của Bác Hồ với bà con Việt kiều ở Udon Thani.

Luật pháp của Xiêm quy định: Chỉ những nhà in, những toà báo lớn mang tính chất kinh doanh mới phải đăng ký, nhưng cũng không có chế độ kiểm duyệt, còn những ấn phẩm có tính quảng cáo, phát hành không thu tiền, in thô sơ, đều không phải đăng ký. Dựa vào tính hợp pháp đó, năm 1927, Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng ở Xiêm đã xuất bản một tờ báo bằng tiếng Việt lấy tên “Đông thanh”, về sau đổi thành “*Thân ái*”, nội dung gọn gàng, rõ ràng, dễ hiểu. Đặc biệt báo sử dụng chữ quốc ngữ cải cách (như: chữ z thay cho d, gi, chữ c thay chữ k, chữ f thay chữ ph và j).

Chỉ riêng mục tin tức của báo đã cung cấp cho người đọc những thông tin về phong trào đấu tranh của đồng bào ta ở quê nhà, về tội ác dã man của giặc Pháp và chính quyền tay sai phong kiến đối với nhân dân ta.

Với sự hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, phong trào yêu nước Việt kiều ở Xiêm lúc bấy giờ có nhiều chuyển biến mới. Các tổ chức cách mạng được củng cố vững chắc và phát triển mạnh. Tình đoàn kết giữa Việt kiều và nhân dân Xiêm nói riêng và giữa nhân dân hai nước nói chung được tăng cường. Trình độ cán bộ và bà con Việt kiều không ngừng được nâng cao... Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có ảnh hưởng tốt về trong nước./.

## **NGUYỄN ÁI QUỐC - THẦU CHÍN TỪNG HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG TẠI LÀO**

Trong cuộc hành trình đi tìm tài liệu để biên soạn cuốn *Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền ngoại giao cách mạng Việt Nam*. Cuốn sách vinh dự được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng viết *Lời tựa* và đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao viết *Lời giới thiệu*, do Nhà Xuất bản Văn hoá – Thông tin ấn hành năm 2013, tôi đã lần theo dấu chân Bác – Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đến những nơi Người đã sống và hoạt động cách mạng. Nhưng rõ ràng chưa một lần nghe ai nói Bác Hồ đã từng hoạt động cách mạng tại Lào.

Tình cờ mới đây tôi đọc trên mạng có bài “*Bác Hồ từng hoạt động cách mạng ở Lào*”, của phóng viên TTXVN thường trú tại Lào Nguyễn Thế Nghiệp, viết rằng nhà văn lão thành cách mạng, tác giả Quốc ca Lào là Xuvănnon Buphanuvông đã kể: “*Những năm đồng chí Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Thái Lan, Người đã nhiều lần triệu tập các đồng chí Lào ở Vientiane, tới Noọng Khai, Thái Lan để nghe báo cáo tình hình tại Lào. Người đã chỉ đạo các đồng chí Lào đẩy mạnh tuyên truyền giác ngộ nhân dân về tinh thần yêu nước và xây dựng cơ sở cách mạng. Người đã từ Thái Lan, nhiều lần sang Paksé rồi lên Savanakhet, đến Xiêng Vang, phía Nam thị xã Thà Khẹt, tỉnh Khăm Muộn để trực tiếp tìm hiểu tình hình đời sống nhân dân Lào*”.

Lần theo hành trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc, càng khẳng định điều mà nhà văn lão thành cách

mạng Xuvãnhon Buohanuvông kể ở trên là rất phù hợp cả về thời gian lẫn địa điểm Nguyễn Ái Quốc – Thầu Chín đã đến.

Thật vậy, trung tuần tháng 11 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản cử đi Pháp công tác. Đầu tháng 12 năm 1927, từ Pháp Người đi dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc tại Brussel, Bỉ, nhưng bị mật thám pháp phát hiện theo dõi. Nguyễn Ái Quốc bí mật quay lại Đức. Tại đây Người làm phóng viên cho tờ “*Thế giới*” (Die Welt). Làm việc tại Đức một thời gian ngắn, theo nguyện vọng của Người Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đồng ý và ra Quyết định ngày 25/4/1928 cử Nguyễn Ái Quốc về hoạt động ở châu Á.



*Ngôi nhà ở Udonthani, Thái Lan, nơi Nguyễn Ái Quốc, mang tên Thầu Chín từng ở và hoạt động, nay Việt kiều và chính quyền địa phương Thái Lan xây dựng lại.*

Đầu tháng 6 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc rời Berlin (Đức) đi Thụy Sĩ rồi đến Milan, Italia. Không bao lâu sau đó, Nguyễn Ái Quốc từ cảng

Napoli, Italia đáp tàu thủy Nhật Bản đi Xiêm La (từ năm 1938 gọi là Thái Lan).

Tháng 7 năm 1928, Người đến thủ đô Bangkok, Xiêm La. Sau vài ngày nghỉ ngơi lấy lại sức, Người rời Bangkok ngược lên phía Bắc tới bản Noọng Ôn (bản Mày), tỉnh Udon Thani, rồi đến bản Nachok, tỉnh Nakhon Phanoom, sát bờ sông Mê Kông, bên kia sông là nước Lào.

Trong thời gian hoạt động ở Thái Lan, dưới cái tên Thầu Chín (hay ông Thọ), Người đã dành nhiều công sức tuyên truyền giác ngộ lòng yêu nước cho kiều bào ta ở Thái và đồng bào Thái. Đồng thời chọn ra trong số đó những người tiên tiến nhất để đào tạo họ trở thành những cán bộ nòng cốt của phong trào.



*Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Nachok, tỉnh Nakhon Phanôm, Thái Lan.*

Trong thời gian hoạt động ở Nakhon Phanoom, Người đã nhiều lần đi đò qua sông Mê Kông đến tỉnh Khăm Muộn, Lào và đến bản Xiêng Vang, xã Xiêng Mương, huyện Noọng Bốc. Tại đây, Người gặp gỡ bà con người Lào và Việt kiều đang sinh sống ở đó. Nói chuyện với bà con, Người căn dặn “*Người Lào và người Việt phải đoàn kết giúp đỡ nhau, cùng chung sức chung lòng đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược ra khỏi Lào và Việt Nam. Giải phóng hai nước thoát khỏi ách đô hộ dã man tàn bạo của bè lũ đế quốc sài lang. Người còn phổ biến kinh nghiệm cho bà con Lào – Việt về việc tổ chức các đoàn thể yêu nước, các đoàn thể cách mạng Lào như Đoàn Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân...*”

Theo báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Người ở lại Thái Lan đến tháng 11 năm 1929, sau đó Người sang hoạt động ở Lào một thời gian. Tại Lào, Người nhận xét “*dân cư ở rất phân tán, hầu hết đều theo đạo Phật.*”

Từ Lào, Người dự định trở về Tổ quốc, nhưng bị thực dân Pháp ra sức truy lùng, Người đành trở lại Thái Lan. Tại đây Người được tin các tổ chức Cộng sản trong nước mất đoàn kết, Người bí mật đến Hồng Kông, triệu tập Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3/2/1930.



*Khu lưu niệm Bác Hồ tại bản Xiêng Vang, tỉnh Khăm Muộn, Lào.*

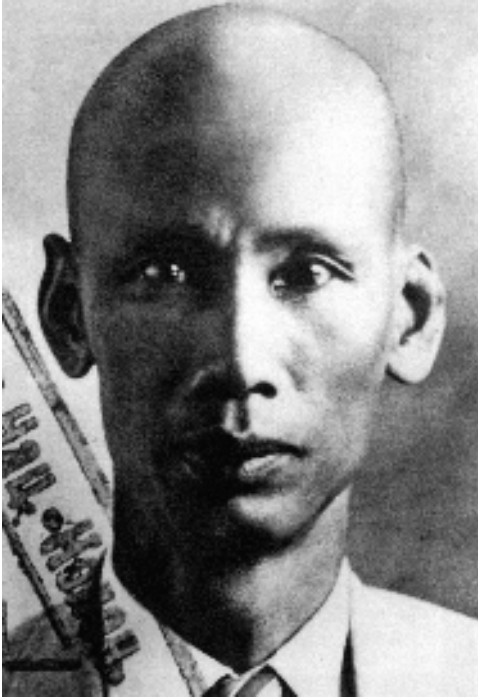
Cũng theo lời kể của nhà văn, lão thành cách mạng Xuvănhon Buphanuvông: Trong trong kháng chiến chống Pháp, một lần tới thăm lớp học chính trị của các cán bộ Lào sơ tán tại Phú La, tỉnh Tuyên Quang Việt Nam, năm 1950, Bác nói “*Tôi biết tiếng Lào, nhưng lâu ngày không nói. Tôi cũng đã nhiều lần ngủ qua đêm ở chùa Inpeng thuộc thủ đô*

*Vientian*”. Điều đó càng minh chứng rằng Bác Hồ đã từng hoạt động ở Lào. Bác biết tiếng Lào.

Để kiểm chứng những điều nói trên, trong một lần tôi đến bản Xieng Vang, xã Xiêng Mương, huyện Noọng Bốc, tỉnh Khăm Muộn, tôi đã chứng kiến tại đây Đảng, Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã xây dựng khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã từng đến đây hoạt động giác ngộ cách mạng cho nhân dân Lào, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc Lào khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp. Khu lưu niệm trưng bày nhiều hình ảnh, hiện vật giới thiệu về thân thế, sự nghiệp và qua trình hoạt động cách mạng của Bác Hồ cũng như tình cảm của Người đối với nhân dân Lào anh em.

Đặc biệt, năm 2023, nhân kỷ niệm 123 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Kayson Phomvihản đã cho xây khuôn viên tưởng niệm Người tại trung tâm thị xã Kayson Phomvihản, tỉnh Savanakhet, miền Trung Lào rộng trên 1.000m<sup>2</sup>, trong đó dựng một phiến đá hồng ngọc in chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, với một rừng cây xanh, thảm cỏ, một hệ thống chiếu sáng và ghế đá, trở thành một điểm du lịch rất hấp dẫn của nhân dân Lào./.

## VỊ AN NHÂN CỦA BÁC HỒ



*Nguyễn Ái Quốc - Tống Văn Sơ ở nhà tù Hồng Kông (1931)*

Ngày 25 tháng 4 năm 1928, Quốc tế Cộng sản ra quyết định đồng ý để Nguyễn Ái Quốc trở về hoạt động ở châu Á. Đầu tháng 6 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc rời Berlin (Đức) đi Thụy Sĩ, đến Milan (Italia), đáp tàu thủy Nhật Bản về Thái Lan, đến Udon Thani (vùng Đông Bắc Thái Lan), dưới cái tên Thầu Chín, để vận động phong trào yêu nước của Việt kiều.

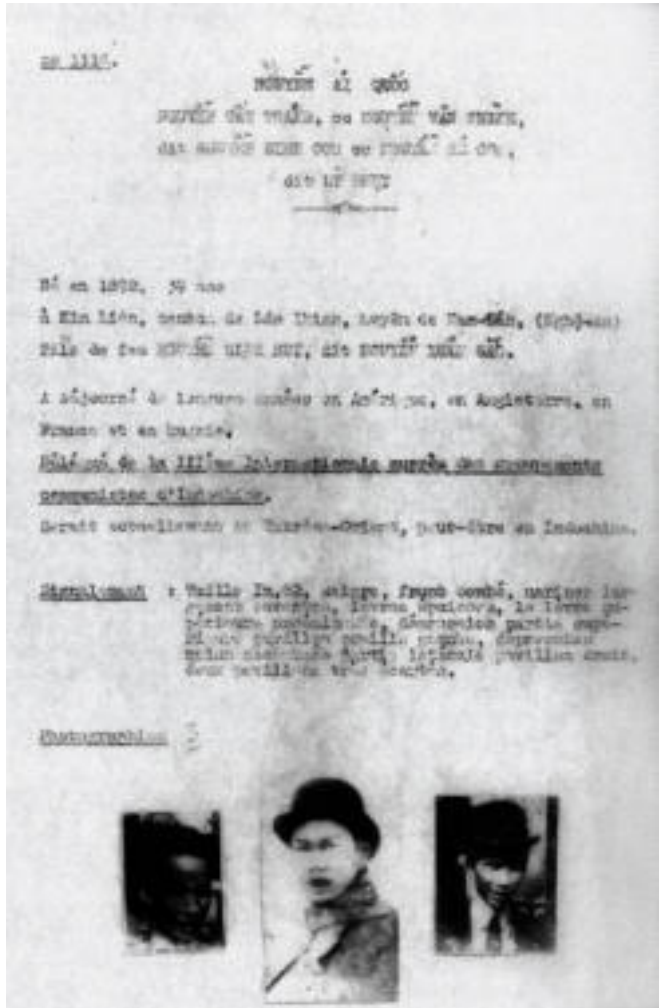
Tại đây, được tin các tổ chức Cộng sản Việt Nam hoạt động riêng rẽ, Nguyễn Ái Quốc từ Thái Lan bí mật sang Hồng Kông, triệu tập Hội nghị, họp thống nhất các tổ chức Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày

3 tháng 02 năm 1930. Đồng thời Nguyễn Ái Quốc tiếp tục ở lại Hồng Kông hoạt động cách mạng dưới cái tên Tống Văn Sơ, bí mật trú tại ngôi nhà số 186 phố Tam Cung, Cửu Long, Hồng Kông và cũng là nơi trở thành trụ sở liên lạc bí mật giữa Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí hoạt động cách mạng khác.

Tên tuổi Nguyễn Ái Quốc, đã bị mật thám Pháp ở Đông Dương để ý không chỉ sau khi Người chủ trương thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất, mà ngay từ khi thay mặt “*Hội những người Việt Nam*

yêu nước” tại Pháp, ký tên vào “*Bản yêu sách của nhân dân An Nam*” (Devendications du Peuple Annam) gửi Hội nghị Hoà bình Versailles (ngày 18/6/1919), Pháp, cho đến ngày thành lập Đảng Công sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một nhân vật quan trọng trong mưu kế lũng bắt của thực dân Pháp ở Đông Dương. Vì vậy, hoạt động giữa vòng vây nhiều kẻ thù, kèm theo một bản án tử hình vắng mặt của toà đại hình Vinh (Nghệ An), theo phán quyết số 115, ngày 10 tháng 10 năm 1929, cùng lệnh truy nã của thực dân Pháp là những khó khăn, nguy hiểm cận kề đối với Nguyễn Ái Quốc. Trong hoàn

cảnh đó, dù đã rất cẩn trọng, tính toán từng bước đi, nhưng không may địa chỉ của Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông đã rơi vào tay mật thám Anh ở Hồng Kông. Từ đó, đã diễn ra cuộc mặc cả giữa mật thám Pháp ở Đông



*Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Đông Dương, bọn đế quốc điên cuồng cấu kết với nhau bắt bớ giam cầm các nhà cách mạng Việt Nam như Trần Phú, Hồ Tùng Mậu..., đồng thời thực dân Pháp ra lệnh truy nã Nguyễn Ái Quốc.*

*Ảnh: Tờ lệnh truy nã Nguyễn Ái Quốc (bản tiếng Pháp)*

Dương và mật thám Anh ở Hồng Kông, kèm theo điều kiện đôi bên đều có lợi, đã dẫn đến cuộc vây ráp, bắt lén Nguyễn Ái Quốc – Tống Văn Sơ tại số nhà 186 phố Tam Cung, Cửu Long, Hồng Kông Trung Quốc vào ngày 06 tháng 6 năm 1931.

Được tin Tống Văn Sơ – Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Hồng Kông bắt giam, nhà cách mạng Hồ Tùng Mậu, đã nhanh chóng nhờ Liên đoàn Quốc tế Cứu tế Đỏ, liên lạc được với luật sư Francis Henry Loseby, một vị luật sư tiến bộ người Anh đang cư ngụ tại Hồng Kông, để nhờ ông ta giúp đỡ và ông đã vui vẻ nhận lời.

Việc cảnh sát Hồng Kông bắt lén người là trái pháp luật đã bị luật sư Loseby tố cáo. Do đó, Sở Cảnh sát Hồng Kông buộc phải đồng ý để luật sư Loseby vào gặp Tống Văn Sơ vào ngày 24 tháng 6 năm 1931.

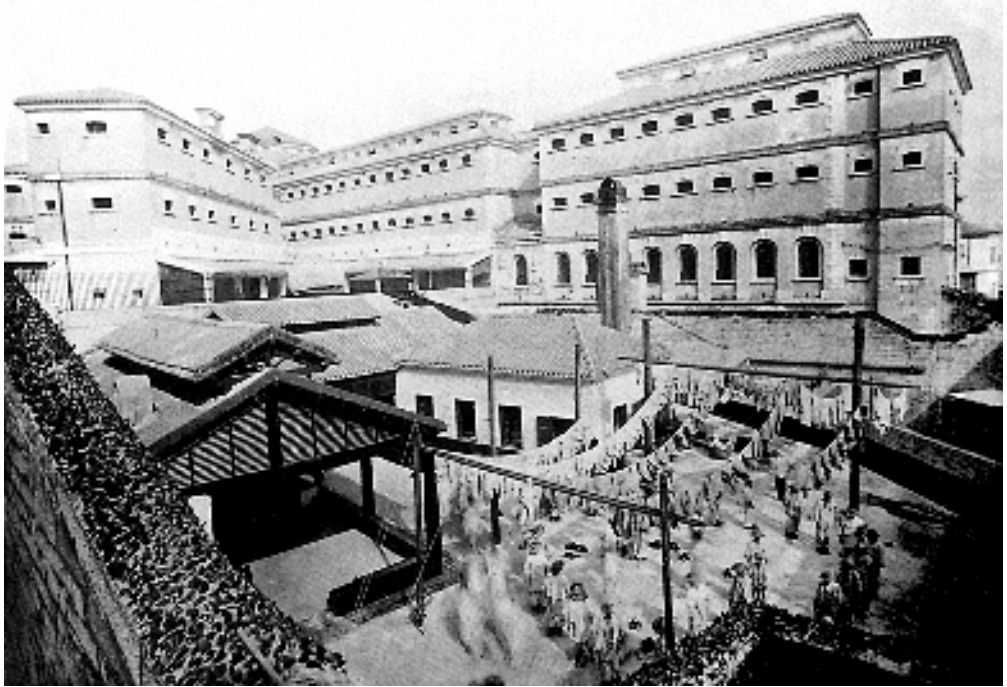
Qua cuộc tiếp xúc đầu tiên với Tống Văn Sơ, khiến vị luật sư vô cùng cảm kích, nên ông đã tìm mọi cách bào chữa cho Người, đồng thời ngăn cản âm mưu chính quyền Hồng Kông giao nộp Nguyễn Ái Quốc cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương.

Trong cuộc nói chuyện và trả lời những câu hỏi xung quang vụ án mà luật sư nêu ra, Tống Văn Sơ cảm ơn sự quan tâm của luật sư với mình, nhưng tỏ ý băn khoăn vì không có tiền để trả công cho ông! Nhưng những cử chỉ lịch thiệp, với vẻ cương nghị và sự thông minh trong từng câu nói tiếng Anh, với đôi mắt sáng ngời, vầng trán cao... đã làm vị luật sư vô cùng cảm động và nói:

- Tôi nhận giúp ông vì danh dự công lý, chứ không phải vì tiền! Tôi sẽ dùng mọi sự hiểu biết pháp luật để cứu giúp, mong ông tin tưởng và cung cấp cho tôi những điều gì có thể giúp vào việc bênh vực trắng án.

Trở về văn phòng của mình, luật sư Loseby bàn bạc kỹ với luật sư F. C. Tenkin, người cộng sự đắc lực của ông, thay mặt ông bào chữa trước toà cho Tống Văn Sơ. Đồng thời khi trở về tư gia luật sư Loseby đã kể cho vợ mình nghe về người tù bị giam giữ. Bà vợ luật sư cảm kích

trước lời kể của chồng, đã vội vàng đi mua quà, thuốc men cần thiết, rồi trực tiếp vào nhà lao thăm Tống Văn Sơ. Sau đó qua sự giới thiệu của bà nhiều người bạn thân khác của bà đã đến thăm Tống Văn Sơ. Mọi người đều hết sức quý mến và khâm phục người thanh niên Việt Nam yêu nước ngày một tăng lên.



*Ngục Victoria, Hồng Kông, nơi Nguyễn Ái Quốc - Tống Văn Sơ bị giam giữ*

Thời gian Tống Văn Sơ bị giam cầm ở ngục tối Victoria, đồng thời là khoảng thời gian nước rút của cuộc đua giữa một bên là gia đình luật sư Loseby cùng những người bảo vệ Tống Văn Sơ và bên kia là sự cấu kết có điều kiện giữa mật thám Anh và mật thám Pháp muốn hãm hại Tống Văn Sơ – Nguyễn Ái Quốc.

Trước đòi hỏi của công luận, của những phương tiện thông tin truyền thông, báo chí, luật sư Loseby yêu cầu đưa vụ án Tống Văn Sơ ra xét xử trước Tối cao Pháp viện. Do tính chất đặc biệt của vụ án, sự giúp

đỡ tài trợ của luật sư Loseby và những người cộng sự thông minh và sự nhất quán trong từng câu trả lời của Tổng Văn Sơ, đã buộc toà án phải xét xử công khai, minh bạch.

Tổng Văn Sơ đã phải trải qua 3 cuộc thẩm vấn của Thư ký Trung Hoa vụ Hồng Kông và 9 phiên toà xét xử tại Hồng Kông, từ phiên toà thứ nhất diễn ra ngày 31 tháng 7 năm 1931, vô cùng căng thẳng và quyết liệt, đến phiên cuối cùng vào ngày 12 tháng 9 năm 1931, nhưng việc trả tự do cho Tổng Văn Sơ vẫn không được giải quyết. Luật sư Loseby cùng những người cộng sự đã quyết định kháng án lên toà án Viện Cơ mật Hoàng gia Anh.

Tiền án phí và những thủ tục bắt buộc đã được luật sư Loseby lo đầy đủ và được hai người bạn thân của luật sư Loseby là luật sư Denis Noel Pritt và luật sư Stafford Cripps ở London đã nhận lời giúp đỡ Tổng Văn Sơ. Theo luật sư Cripps vụ án này là một biểu hiện xấu xa cho chính quyền Hồng Kông và Bộ Thuộc địa Anh, nên luật sư đã tìm cách thoả thuận giữa

luật sư đại diện cho Bộ Thuộc địa Anh và luật sư của Tổng Văn Sơ. Kết quả toà án Viện Cơ mật Hoàng gia Anh đã đồng ý trả tự do cho Tổng Văn Sơ – Nguyễn Ái Quốc, bằng cách cho Tổng Văn Sơ được tự do lựa chọn nơi mình đến.



*Nguyễn Ái Quốc - Tổng Văn Sơ cải trang thành nhà tư sản Trung Hoa giàu có rời khỏi Hồng Kông (1934)*

Ngày 28 tháng 12 năm 1932, Tống Văn Sơ được trả tự do, nhưng khi vừa đến Singapore, Tống Văn Sơ bị buộc phải quay lại Hồng Kông. Và ngày 19 tháng 01 năm 1933, Người lại bị cảnh sát Hồng Kông bắt giam.

Ngay lúc ấy, Nguyễn đã kịp thời báo tin cho luật sư Loseby. Và một lần nữa nhờ ông giúp đỡ. Luật sư Loseby đã đề nghị Thống đốc Hồng Kông can thiệp. Và Thống đốc Hồng Kông đã ra lệnh thả Tống Văn Sơ và hạn trong 3 ngày Tống Văn Sơ phải rời khỏi Hồng Kông.

Trước tình thế cấp bách đó, luật sư Loseby đã phải vạch kế hoạch bí mật tổ chức cho Tống Văn Sơ trốn thoát. Được gia đình luật sư Loseby chuẩn bị chu đáo, ngày 22 tháng 01 năm 1933. Tống Văn Sơ – Nguyễn Ái Quốc đã cải trang thành một thương gia Trung Quốc giàu có, cùng viên thư ký (chính là thư ký của luật sư Loseby tên là Lung Ting Chang) thắp tùng, đi trên một chiếc xuồng sang trọng ra khơi rồi lên tàu Anhui đi Hạ Môn. Tàu cập bến Hạ Môn vào ngày 25 tháng 01 năm 1933 đúng 30 Tết Âm lịch.

Ở Hạ Môn một thời gian, Nguyễn Ái Quốc đi Thượng Hải. Tại đây, Người nhờ bà Tống Khánh Linh giúp đỡ, Nguyễn Ái Quốc bắt liên lạc được với Quốc tế Cộng sản, và trở lại Liên Xô an toàn.

Tạm biệt gia đình luật sư Loseby, tạm biệt cháu Pat yêu quý, tạm biệt Hồng Kông với bao kỷ niệm vui, buồn, Tống Văn Sơ – Nguyễn Ái Quốc và sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, lại tiếp tục hành trình tìm đường giải phóng dân tộc giải phóng đất nước.

Mùa Xuân năm 1941, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam, Dương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, do Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập, đã đưa cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi với cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)./

## **BÁC HỒ HOẠT ĐỘNG Ở TRUNG QUỐC**

Trong cuộc hành trình 30 năm (1911 – 1941) đi tìm đường cứu nước, từ một thanh niên yêu nước, Nguyễn Tất Thành trở thành một chiến sỹ Cộng sản đấu tranh kiên cường - Nguyễn Ái Quốc, cuối cùng là lãnh tụ cách mạng - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vị Chủ tịch đầu tiên, người lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay CHXHCN Việt Nam), người đã đi khắp 5 châu, 4 biển, qua gần 60 nước, từ Á sang Âu, từ Phi châu đến Mỹ La tinh, trong đó có hai quốc gia Bác lưu lại lâu nhất. Đó là Liên bang CHXHCN Xô Viết, quê hương của Cách mạng tháng Mười, của lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản V. I Lênine và đất nước Trung Hoa láng giềng gần gũi.

Trước khi đến Trung Quốc, Bác đã vòng quanh thế giới, qua Mỹ, Anh, Pháp rồi đến Liên Xô. Đây chính là thời gian Người nhận thức về chủ nghĩa Marx – Lênine. Năm 1920, Người gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Năm 1923, Người đến Matxcova, tham dự Đại hội Quốc tế Nông dân và Đại hội Đại biểu Quốc tế Cộng sản lần thứ V, diễn ra vào tháng 6 năm 1924. Đại Hội Quốc tế Cộng sản đã xác định hình thức mới đối với đường hướng và nhiệm vụ cách mạng của người Cộng sản trên toàn thế giới, đặc biệt đối với vấn đề dân tộc và thuộc địa. Điều này là sự cổ vũ hết sức quan trọng đối với Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, giúp Người hiểu ra rằng chỉ có thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và triển khai cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mới có thể giải phóng nhân dân Việt Nam ra khỏi ách thống trị thực dân Pháp.

Vì vậy, Người đã nhanh chóng nhận ra rằng cần phải tìm đến một địa điểm gần đất mẹ Việt Nam, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh

đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước. Địa điểm đó không đâu ngoài Trung Quốc. Do đó ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô, tới Quảng Châu, Trung Quốc, dưới cái tên Lý Thụy, làm phiên dịch cho phái đoàn cố vấn Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc của Tôn Dật Tiên. Quảng Châu không chỉ sát với biên giới Việt – Trung mà Quảng Châu sau năm 1924, phong trào cách mạng phát triển mạnh, là trung tâm thu hút được nhiều thắng lợi trong công cuộc chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân.



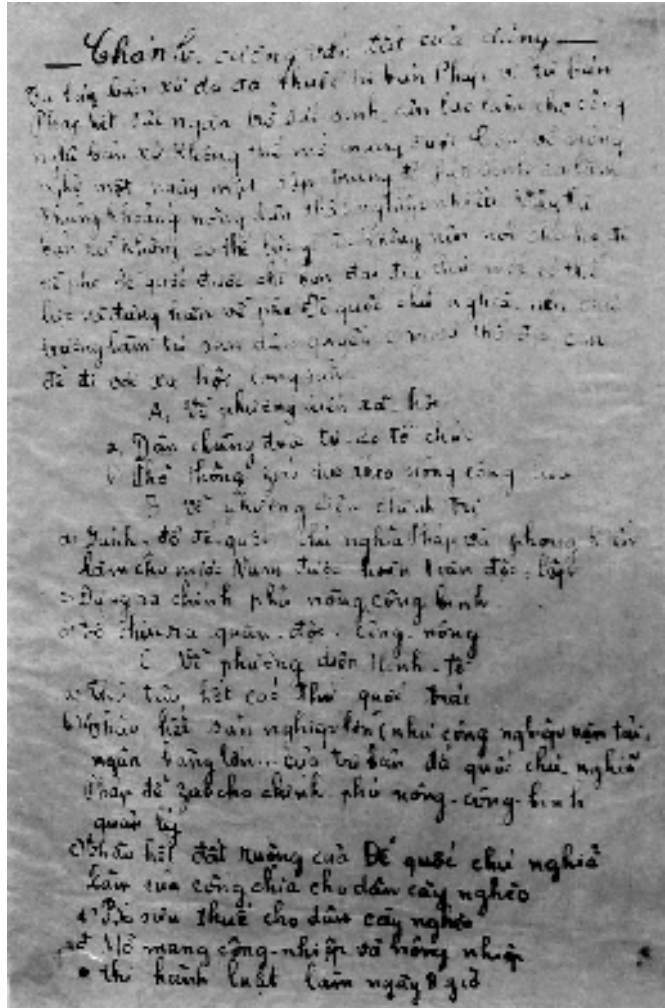
*Báo thanh niên*

Hơn nữa Quảng Châu nơi nhà cách mạng Tôn Trung Sơn đã thành lập Chính phủ Cách mạng và mời được Đoàn Cố vấn Xô Viết Tối cao Liên Xô do đồng chí Bronine lãnh đạo và được Quốc tế Cộng sản cử đại diện tới.

Năm 1924, dưới sự lãnh đạo của Tôn Trung Sơn, Quốc dân Đảng tổ chức Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ nhất đã xác định rõ chính sách “Liên Nga, liên Cộng, phụ trợ công nông”.

Mặt khác, một số nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc như Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Trương Thái Lôi... là những người Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh quen biết, đều hoạt động tập trung ở Quảng Châu, tạo ra cục diện Quốc – Cộng hợp tác cùng thúc đẩy cách mạng Trung Quốc và Việt Nam.

Trong thời gian này, Quảng Châu còn được mệnh danh là “*Matxcova phương Đông*”, nơi có nhiều nhà cách mạng từ các quốc gia thuộc địa đến. Trong đó có các nhà cách mạng Việt Nam, họ là một lớp thanh niên đầy nhiệt huyết, giàu lòng yêu nước đến từ Việt Nam theo lời kêu gọi của nhà cách mạng dân chủ Phan Bội Châu, tham gia tổ chức *Việt Nam Quang Phục Hội Quảng Châu*. Nhưng do bất đồng với khuynh hướng bảo thủ của các nhà cách mạng tiền bối của Việt Nam Quang phục Hội, họ muốn tìm con đường mới.



*Chánh cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930)*

Năm 1923, nhóm thanh niên Việt Nam yêu nước này đã thành lập tổ chức *Tâm Tâm xã*. Đây là một tổ chức yêu nước, nhưng cương lĩnh không rõ ràng, lại chịu ảnh hưởng của một số tổ chức cánh tả ở Trung Quốc. Nguyễn Ái Quốc nắm bắt được tình hình đó, nên Người mong muốn đến Quảng Châu để vận động thay đổi tổ chức này, dẫn dắt thanh niên Việt Nam yêu nước theo con đường cách mạng vô sản, theo chủ nghĩa Marx – Lênine. Kết quả về sau những thanh niên ưu tú của Tâm Tâm xã trở thành hạt nhân của tổ chức Hội Thanh niên Cách mạng do Nguyễn Ái Quốc sáng lập tại Quảng Châu năm 1925. Chính Tâm Tâm xã đã cung cấp cho cách mạng Việt Nam những thế hệ Cộng sản đầu tiên xuất sắc như Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu...

Nguyễn Ái Quốc tin tưởng rằng Người ở Trung Quốc lúc này là phù hợp nhất vừa tham gia thực tiễn cách mạng Trung Quốc, kết hợp thực hiện nhiệm vụ vận động cách mạng Việt Nam có hiệu quả hơn.

Tại đây, Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của mình một mặt trực tiếp tham gia phong trào cách mạng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời trong thời gian này đặt nền móng vững chắc cho mối quan hệ tương hỗ, tương trợ cùng đấu tranh giữa nhân dân hai nước Việt Nam – Trung Quốc, góp phần đáng kể vào công cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật.

Để đẩy mạnh phong trào cách mạng trong nước, đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào. Vì thế tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã mở lớp huấn luyện về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Marx – Lênine cho những thanh niên yêu nước Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc. Đồng thời lôi cuốn thêm một số thanh niên trong nước sang.

Từ số thanh niên yêu nước này, sau khi được huấn luyện, đào tạo sẽ thành lập một tổ chức các mạng của thanh niên. Đồng thời chọn lọc trong số đó những phân tử trung kiên, dũng cảm, chuẩn bị những hạt nhân tiến tới thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam.

Rõ ràng Nguyễn Ái Quốc đã chọn Quảng Châu làm một địa điểm dừng chân, một địa bàn hoạt động, một “căn cứ địa quốc tế” của cách mạng Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để cho ra đời chính đảng vô sản của giai cấp công nhân Việt Nam.

Được sự giúp đỡ bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Cách mạng Quảng Châu, đầu năm 1926, đến tháng 4/1927, tại số nhà 13 và 13/1 đường Văn Minh (nay số nhà 248 và 250), đối diện với Trường Đại học Tôn Trung Sơn (nay là Bảo tàng Cách mạng Quảng Châu), Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp mở 3 lớp huấn luyện chính trị cách mạng cho 75 học viên thanh niên Việt Nam ưu tú. Giảng viên chính của các lớp, ngoài Nguyễn Ái Quốc còn mời một số giảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Liên Xô.

Để tổ chức được 3 lớp đó, Nguyễn Ái Quốc – Lý Thuy đã phải vượt qua bao khó khăn, trước hết là về trụ sở, tài chính và công tác thông tin liên lạc ...

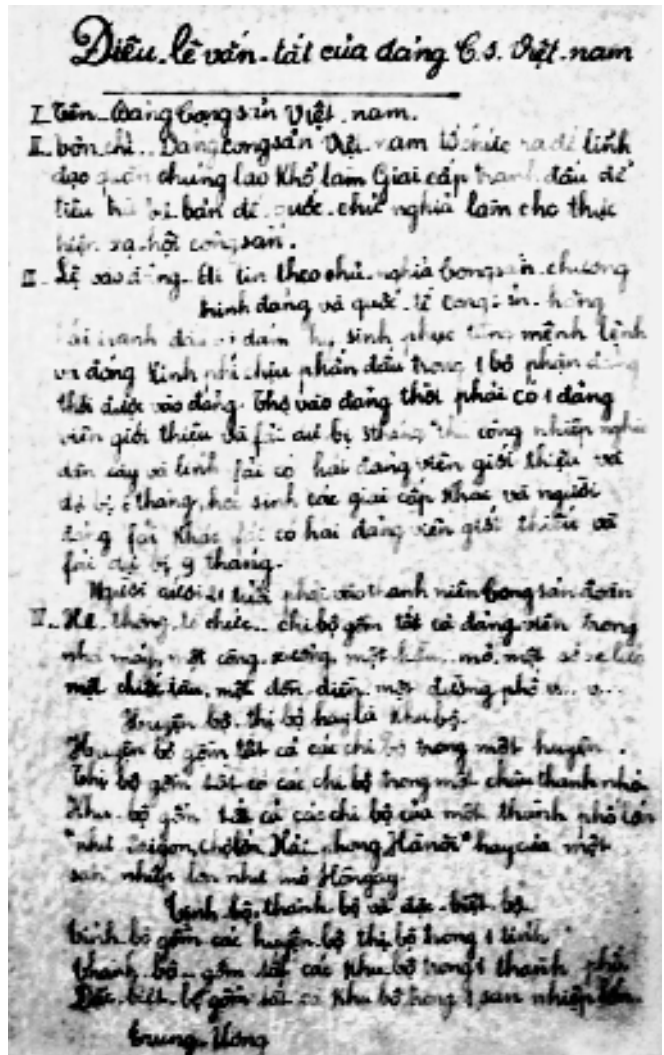
Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc – Lý Thuy, sau này được Hội Liên hiệp các Dân tộc bị áp bức ở Á Đông, tập hợp lại và in thành sách với tựa đề “Đường Kách mệnh”. Đây là một tác phẩm lý luận chính trị vô sản đầu tiên của Việt Nam, đóng vai trò chủ đạo trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx – Lênine ở Việt Nam. Kết thúc khoá học, một số học viên được giữ lại công tác, một số khác được cử sang học tập tiếp ở Liên Xô hoặc học Trường Quân sự Hoàng Phố (Quảng Châu)... còn phần đông được cử về nước hoạt động, xây dựng và tổ chức phát triển phong trào cách mạng Việt Nam.

Tháng 6 năm 1925, tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành cải tổ Tâm Tâm xã thành lập *Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng*, một tổ chức mang tính chất quá độ, thích hợp với thực tiễn Việt Nam lúc bấy giờ, nhằm giúp cho người Việt Nam yêu nước xuất thân từ tất cả các tầng lớp xã hội đều dễ tiếp thu chủ nghĩa Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc chỉ dùng từ “Hội” mà chưa dùng từ “Đảng”, do muốn đưa tổ chức cách mạng

đó vào quần chúng thuận lợi hơn, quần chúng dễ tiếp thu cả về tổ chức, tôn chỉ, mục đích của Hội. Để từ đó phát triển lên mức cao hơn. Nguyễn Ái Quốc giải thích: “Trong tư tưởng của những người đứng ra tổ chức thì Hội này sẽ là cơ sở cho một chính đảng lớn hơn và tương lai đã chứng minh điều đó”. Mục đích của Hội là “Hy sinh tính mạng, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan ách đô hộ của thực dân Pháp giành độc lập cho dân tộc...)”.

Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Marx – Lênin vào Việt Nam và chuẩn bị về tư tưởng cũng như tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

Để làm công cụ truyền bá chủ nghĩa Marx – Lênin vào Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc chủ trương xuất bản báo Thanh niên, số ra đầu tiên



Điều lệ văn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930)

vào ngày 21 tháng 6 năm 1925 (sau này được chọn là ngày báo chí cách mạng Việt Nam). Báo Thanh niên là tờ báo đầu tiên trong lịch sử báo chí vô sản nước ta.

Giai đoạn hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu từ 1924 – 1927 không chỉ có tác dụng trực tiếp đến phong trào cách mạng Việt Nam mà còn góp phần vững chắc cho mối quan hệ tương hỗ, tương trợ lẫn nhau cùng đấu tranh giữa nhân dân hai nước Việt Trung qua các thời kỳ.. Đối với Quốc tế Cộng sản hoạt động của Người đã làm phong phú thêm về mặt lý luận và thực tiễn trong việc lãnh đạo cách mạng giải cấp vô sản trên toàn thế giới.

Cũng trong năm 1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp các Dân tộc bị áp bức ở Á Đông, do Liêu Trọng Khải, một cộng sự thân tín của Tôn Dật Tiên làm Hội trưởng và Nguyễn Ái Quốc là Bí thư.

Cũng tại Trung Quốc, trước tình hình ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam tuy vừa mới thành lập, nhưng đã có sự mất đoàn kết. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Tại Cửu Long, Hương Cảng (Hồng Kông), Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập họp thống nhất ba tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam và đề ra các văn kiện quan trọng: “*Chính cương vắn tắt*”; “*Điều lệ vắn tắt*” của Đảng và Lời kêu gọi đồng bào trong nước gia nhập Đảng, giúp đỡ Đảng ..., đồng thời cho ra mắt tạp chí “Đỏ”, tiền thân của tạp chí Cộng sản, do Nguyễn Ái Quốc sáng lập. Tạp chí Đỏ ra số đầu tiên ngày 05/8/1930.

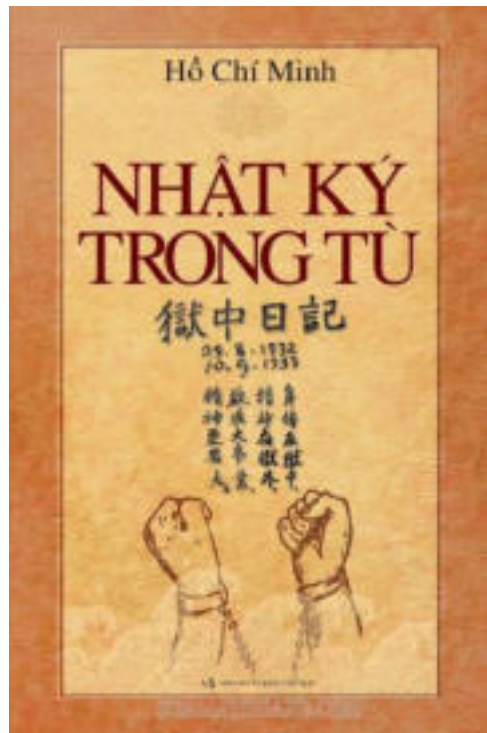
Ngày 05/ 4/ 1927, chính quyền Trung Hoa Dân quốc đặt những người Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Quảng Châu đi Hồng Kông, mang tên Tống Văn Sơ. Tại đây, ông Tống bị cảnh sát Hồng Kông bắt giam, nhờ sự giúp đỡ của luật sư F. Loseby, Tống Văn Sơ được trả tự do. Từ Hồng Kông người sang Matxcova, Liên Xô.

Từ năm 1938, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô trở lại Trung Quốc. Trong vai trò thiếu tá Bát Lộ quân Hồ Quang. Nguyễn Ái Quốc – Hồ Quang đến công tác tại Văn phòng Bát lộ quân Quê Lâm, Sau đó đi Côn Minh rồi đến Diên An, căn cứ đầu não của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân Trung Quốc. Vào thời kỳ Quốc – Cộng hợp tác trong cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật. Tháng 6 /1939, Hồ Quang được cử đến làm người phụ trách chính trị cho phái đoàn Diệp Kiếm Anh đang giúp Quốc dân Đảng về kỹ thuật chiến đấu du kích. Đây là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc gắn bó với nhân dân Trung Quốc nhất./.

## NGỤC TRUNG NHẬT KÝ, MỘT BẢO VẬT QUỐC GIA

Sau 30 năm hoạt động không biết mệt mỏi ở nước ngoài, tháng 01 năm 1941, Bác về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước nhà. Tháng 5 năm 1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp tại hang Pắc Bó, Cao Bằng, dưới sự chủ trì của Hồ Chủ tịch đã ra Quyết định thành lập “*Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh*” gọi tắt “*Mặt trận Việt Minh*”, để có thể đoàn kết đông đảo nhân dân đồng lòng đoàn kết chung sức đánh Pháp, đuổi Nhật, giải phóng đất nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Lúc này hơn bao giờ hết cần tranh thủ thêm sự giúp đỡ của các nước Đồng minh chống phát xít, mà đồng minh gần ta nhất không ai khác là Trung Quốc, mà Bác là người hiểu biết Trung Quốc hơn ai hết, nên được Trung ương Đảng cử đi Trùng Khánh, để kêu gọi sự giúp đỡ của Trung Hoa Dân quốc Tưởng Giới Thạch, nhưng bên trong là bí mật đặt quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.

Tháng 8 năm 1942, Nguyễn Ai Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh (tên Hồ Chí Minh có từ đây), rời Pắc Bó, trở lại Trung Quốc, với danh nghĩa là đại biểu của Việt



*Bìa của tập thơ Nhật ký trong tù*

Nam Độc lập Đồng minh và Phân bộ Quốc tế chống xâm lược của Việt Nam, để tranh thủ sự viện trợ của các nước Đồng minh chống phát xít, trong công cuộc đánh đuổi thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Lúc lên đường, Nguyễn Ái Quốc mang tám danh thiếp: ở giữa ghi tên “*Hồ Chi Minh*”, một bên ghi “*Tân văn ký giả*” và bên kia ghi “*Việt Nam – Hoa kiều*”. Đoàn vừa đi được 10 ngày 9 đêm thì đến thị trấn Túc Vinh, huyện Thiên Bảo (nay là Đức Bảo), tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Bác và người Trung Quốc anh Dương Đào dẫn đường (nhân vật được Bác ghi trong bài thơ số 116 “*Dương Đào ốm nặng*”, người dân tộc Choang) bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam. Chính quyền Tưởng nghi Bác sang là nhằm phá rối tổ chức Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội do Trương Công Bội và Nguyễn Hải Thần (Quốc dân Đảng phản động) thành lập. Bác bị bọn chúng trói tay, cổ mang xiềng xích, dẫn giải, đày ải Bác dầm mưa dãi nắng, trèo đèo, lội suối hơn một năm ròng rã, qua gần 30 ngục tối của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, đến ngày 10 tháng 9 năm 1943, chính quyền Tưởng Giới Thạch mới trả tự do. (Sau khi Bác được ra tù ít lâu, thì Dương Đào cũng được thả, nhưng chưa kịp về quê thì bị chết ở Liễu Châu, do bị lao vì bị tù đày).

Trong thời gian bị cầm tù, Bác đã sáng tác được 134 bài thơ bằng chữ Hán, ghi vào trong cuốn sổ tay nhỏ, gồm 54 tờ (108 trang) khổ 12,5 x 9,5 cm, được viết trên một mặt, bằng mực Tàu, theo kiểu hàng dọc từ trên xuống, từ phải sang trái, còn 36 trang để trắng.

Bìa trước ghi 4 chữ Hán: “*Ngục trung nhật ký*” (Nhật ký trong tù), kèm theo cặp số, biểu thị ngày tháng năm là ngày 29/8/1942 ;10/9/1943 (tập thơ được viết từ ngày 29/8/1942 đến ngày 10/9/1943) và 4 câu đề từ:

*Thân thể ở trong lao,  
Tinh thần ở ngoài lao,  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần phải càng cao.*

Phía dưới bìa, vẽ hình hai tay bị xiềng, hai bàn tay nắm chặt lại: biểu hiện một sự căm phẫn tột độ.

Phần ruột cuốn sổ có 47 tờ (94 trang) ghi 133 bài thơ và một bài đề từ. Trong số 134 bài có một bài viết sau khi ra tù: “*Mới ra tù tập leo núi*”.

Năm 1960, Nhà Xuất bản Văn học (Bộ Văn hoá) cho xuất bản tập “*Ngục trung nhật ký*”, đã được dịch ra tiếng Việt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới tựa đề “*Nhật ký trong tù*”, trong đó có cả bài thơ viết sau khi ra tù:

*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng,  
Bóng tối đêm tàn, quét không,  
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ,  
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.*

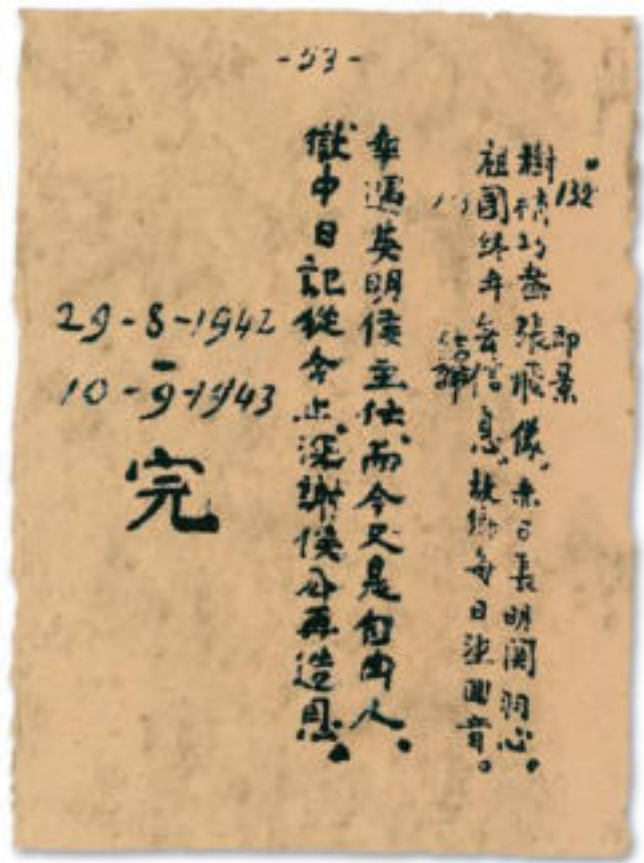


Trang bìa *Ngục trung nhật ký*

Tập thơ này được phát hành rộng rãi, lan toả và thấm sâu vào đời sống xã hội Việt Nam, được mọi tầng lớp nhân dân cả nước đón đọc và đưa vào giảng dạy trong nhà trường. Tác phẩm không chỉ phổ biến sâu rộng trong nước mà còn được giới thiệu ra nước ngoài bằng nhiều thứ tiếng và được đánh giá cao. Đặc biệt “*Nhật ký trong tù*” còn là hiện vật độc bản, một văn bản gốc duy nhất có tại Việt Nam. Vì vậy Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

đề nghị chọn hiện vật gốc cuốn “*Ngục trung nhật ký*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm bảo vật Quốc gia. Ngày 01/10/2012, Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam đã ra quyết định công nhận “*Ngục trung nhật ký*” là bảo vật Quốc gia.

“Ngục trung nhật ký” là cuốn nhật ký ghi bằng thơ chữ Hán, kể lại những sự việc xảy ra trong những ngày Bác bị nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam. Tập thơ “Ngục trung nhật ký” không phải là một bài thơ trường thiên liên mạch, mà gồm nhiều bài. Mỗi bài nói về một sự việc. Thể điệu thơ có sự thay đổi, nhưng đa phần là thơ thất ngôn tứ tuyệt.



Trang 53, trang kết tập Ngục trung nhật ký

“Nhật ký trong tù” là một tác phẩm có giá trị lịch sử to lớn, được sáng tác trong ngục tối, thể hiện ý chí kiên cường bất khuất của người Cộng sản kiên trung, đồng thời ghi lại chặng đường đi tìm con đường giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

“Nhật ký trong tù” là những vần thơ được rung lên từ trái tim của một con người vĩ đại, trong hoàn cảnh vô cùng đen tối, cái chết cận kề. Đó là hoàn cảnh tù đầy, xiềng xích, tra tấn, đánh đập dã man. Con người hoàn toàn mất tự do, Sống chết trong gang tấc. Nhưng tất cả các bài thơ của Bác đều toát lên niềm lạc quan, kiên cường để chiến thắng hoàn cảnh, tin tưởng vào ngày mai tươi sáng:

*Sự vật vẫn xoay đà định sẵn,  
Hết mưa là nắng lên thôi.*

Xét về khía cạnh này, có thể xem “*Nhật ký trong tù*” như là một bức chân dung tự họa của Bác, chân dung của Bác trong “*Ngục trung nhật ký*” là hình ảnh nhà ái quốc vĩ đại lúc nào cũng nóng lòng, sốt ruột hướng về đất mẹ thân thương, khao khát tự do của người chiến sỹ Cộng sản bất khuất.

Cổ nhà thơ Xuân Diệu lúc sinh thời sau khi đọc “*Nhật ký trong tù*” đã viết: “*Nhật ký trong tù, theo tôi, rất dễ và rất khó. Dễ là dễ hiểu, giản dị, gần gũi với mọi người, các bài có cơ sở đầu tiên ở thực tế dễ thông cảm. Nhưng nếu chưa nâng tâm trí mình lên đúng mức thì chưa thấy hết cái tinh túy ở bên trong thơ, cho nên nói là rất khó... Người xưa nói “đối diện đàm tâm”, nghĩa là mặt nhìn mặt, miệng không nói mà hai tâm hồn trò chuyện, như vậy, là tinh vi lắm, là cái thứ im lặng rất cao, đàm tâm được với nhau... Cái hay vô song của tập thơ là chất người Cộng sản Hồ Chí Minh được đào tạo trong lò hun đúc của Lênine, mà vẫn mang cái tinh anh của Nguyễn Trãi, Văn Thiên Trường”.*

“*Nhật ký trong tù*” là tập nhật ký bằng thơ, ghi chép rất tỉ mỉ những gì mà Bác Hồ đã chứng kiến, đã trải qua trong thời gian hơn một năm bị giam cầm trong nhà lao của Tưởng Giới Thạch. Vì vậy, tập thơ mang một giá trị hiện thức phê phán rất cao. Tập thơ phản ánh khá chân thực bộ mặt xấu xa, đen tối của chế độ nhà tù của chính quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch. Qua tập thơ, người đọc thấy được những vất vả, gian lao đến khốn cùng của Bác trong chốn ngục tù. Từ cảnh ăn đói, mặc rét, bệnh tật không được chữa chạy cho đến những cuộc di chuyển qua các nhà lao đầy gian nan, khổ ải:

*Răng rụng một chiếc,  
Tóc bạc thêm mấy phân,  
Gầy đen như quỷ đói.*

“*Nhật ký trong tù*” cũng là bức tranh xã hội Trung Quốc thu nhỏ (từ 1942-1943) dưới thời chính quyền Tưởng Giới Thạch. “*Nhật ký trong tù*” ngoài việc ghi lại toàn bộ những sự việc mà Bác đã trải qua, đã chứng kiến, Bác còn ghi những quang cảnh mà Bác tận mắt nhìn thấy ở những nơi bị giam cầm, hay bị dẫn giải đi qua: Chuyện bị bắt ở Túc Vinh, sáng, trưa, chiều tối, chuyện về cái cùm, dây trói, cảnh những người tù cỏ bạc bị chét... Đó là bút pháp tả thực của Bác, đứng ở một góc độ nhất định để diễn tả được mọi sự việc một cách rõ ràng, chính xác. Đó là góc độ của người tù, đã phải nếm trải mọi cực hình tra tấn, cùm kẹp và chứng kiến mọi sự diễn ra trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch.

“*Nhật ký trong tù*” trước hết cho ta thấy rõ sự bất công, vô lý ở trong nhà tù của chính quyền Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch. Một lãnh tụ của cách mạng Việt Nam vừa mới qua biên giới đã bị bắt và đưa ngay vào nhà tù, một sự vi phạm pháp luật trắng trợn:

*Ta là đại biểu nhân dân Việt Nam,  
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm,  
Ai ngờ đất bằng gậy sóng gió,  
Phải làm khách quý tại nhà giam.*

Tập thơ “*Nhật ký trong tù*” có nhiều bài thơ ca ngợi thiên nhiên:

*Mặc dù bị trói chân tay,  
Chim ca rộn núi, hương bay ngát trời.*

“*Nhật ký trong tù*” bộc lộ khá rõ cốt cách của một chiến sỹ cách mạng kiên cường bất khuất, của một thi nhân có tấm lòng bác ái rộng mở, một nghệ sỹ lớn của thời đại. Dù tiếp cận ở những thời gian, không gian khác nhau, song bất cứ ai đã đọc tác phẩm cũng phần nào hình dung được thế giới tâm hồn nhiều cung bậc của Người, thấy được tầm vóc trí tuệ của một con người vĩ đại, với khát vọng cao đẹp, lớn lao nhất: “*độc lập cho dân tộc, tự do cho con người*” .

Nhà văn nhà nghiên cứu nổi tiếng Trung Quốc Quách Mạt Nhược đã viết: *“Tập nhật ký trong tù tôi đọc đi đọc; lại nhiều lần, đó không đơn thuần là thơ mà là một bộ sử thi, là một bức tranh tự họa hoặc một thiên tự truyện bằng thơ của một nhà cách mạng, Hơn 100 bài thơ đó hầu như mỗi bài đều thể hiện rất giống con người Hồ Chí Minh, một vị lão thành cách mạng, thông thái, ung dung, chất phác mà kiên nghị”*

Nhật ký trong tù thể hiện tâm hồn cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nói tới cái đẹp tâm hồn là nói tới tình cảm, mà trước hết là nói tới tình yêu thương con người của Bác.

Nhà thơ Viễn Ưng Trung Quốc sau khi đọc tác phẩm *“Nhật ký trong tù”* đã nhận định: *“Chúng ta được gặp một tâm hồn vĩ đại của một bậc đại trí, đại nhân và đại dũng...Tôi cảm thấy trái tim vĩ đại đó đã toả ra ánh sáng chói ngời, khi đang trong một hoàn cảnh tối tăm. Ánh sáng ấy chính là ánh sáng của tình thương người”*.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: *“Tính nhân đạo, tình thương đồng bào đó là điều sâu sắc nhất và tốt đẹp nhất ở trong con người Hồ Chủ tịch”*.

Giá trị tư tưởng lớn nhất của tập thơ *“Nhật ký trong tù”* chính là tinh thần, khát vọng tự do của người chiến sỹ Cộng sản. Cuốn Nhật ký trong tù bằng thơ này không chỉ là một văn kiện lịch sử vô giá về mỗi giai đoạn hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, mà còn là tác phẩm văn học lớn, là bức tranh tự họa bằng thơ của người chiến sỹ Cộng sản Hồ Chí Minh với khát vọng tự do, tinh thần và ý chí gang thép.

*“Nhật ký trong tù”* là một trong những tác phẩm văn học có giá trị lịch sử quý giá nhất đối với nền văn học Việt Nam, những tư tưởng trong tác phẩm cho đến tận ngày nay vẫn còn nguyên giá trị hiện thực bền vững của nó. Tất cả chúng ta những thế hệ hôm nay và mai sau có nhiệm vụ tiếp nối những tư tưởng quý giá ấy./.

## BÁC HỒ CỨU PHI CÔNG MỸ

Viên trung úy phi công Mỹ William Shaw, lái chiếc máy bay B25 thuộc Phi đội 51, Không đoàn 14 (biệt danh Hồ Bay), Không lực Hoa Kỳ, đóng tại Hoa Nam Trung Quốc, trong khi đang bay làm nhiệm vụ, máy bay bị hư hỏng nặng, buộc phải nhảy dù xuống xóm Nà Thum, Bản Ngần, xã Đề Thám, thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Viên phi công vừa nhảy dù xuống, đã bị một thanh niên nông dân (đó là ông Đoàn Văn Cừ, một đoàn viên Thanh niên Cứu quốc) bắt và ra hiệu cho viên công đi theo anh ta. Shaw run rẩy vô cùng lo sợ sẽ bị giết, vì nơi nhảy dù xuống thuộc vùng do quân Nhật chiếm và là nơi hoạt động mạnh của lực lượng du kích Cộng sản, nên có bao nhiêu tiền trong túi móc ra đưa hết cho người thanh niên và cầu xin tha tội chết! Nhưng Shaw hết sức ngạc nhiên, ông ta không những không cầm tiền, mà còn vui vẻ dẫn Shaw đến một nơi khác yên tĩnh hơn là nhà ông Hồng Kỳ (tên thật Đoàn Minh Nhật). Sau khi gặp Shaw, ông Kỳ cử người đưa phi công Mỹ vào dáu trong núi, khu vực an toàn nhất, tránh sự nhòm ngó bọn lính dõng và sự truy lùng gắt gao của lính Nhật. Tại đây Shaw được đãi tử tế, bố trí chỗ ăn, ngủ tiêm tât. Tuy vậy Shaw vẫn lo ngay ngáy, không biết chuyện gì sắp tới sẽ xảy ra với mình? Khoảng 15 phút sau, bọn lính dõng biết tin, chúng đến nhà ông Hồng Kỳ để bắt phi công Mỹ, chúng lung sục xung quang nhà, nhưng không tìm thấy, chúng tra hỏi. Ông Hồng Kỳ giả vờ nói cho chúng biết: “*nó cao to lắm, có súng nên tôi sợ không giám bắt*”. Đồng thời ông cho anh em phao tin với lính dõng: “*đưa nào muốn đầu còn trên cổ thì đừng đi tìm phi công Mỹ*”.

Về sau, trong hồi ký của mình, Shaw tường thuật: “*Ngay khi tôi vừa chạm đất, một người nông dân trẻ tuổi bước tới tươi cười bắt cả hai tay*

tôi và ra hiệu tôi đi theo anh ta. Tôi đưa anh ta 600 đô la Đông Dương. Anh ta nhất quyết không nhận và có vẻ như bị xúc phạm. Họ giúp chúng tôi không phải vì tiền, mà vì tình thương yêu, bằng hữu. Họ biết rằng chúng tôi chiến đấu *không chỉ vì nước Mỹ, mà vì nền dân chủ thế giới, mà cũng vì đất nước của họ*”.



*Cụ Hồ Chí Minh và ông Võ Nguyên Giáp chụp ảnh chung với biệt đội “Con Nai” do Thiếu tá Alison Thomas chỉ huy, được Đồng minh gửi đến Việt Bắc từ 16/7 - 9/9/1945 để giúp Việt Nam chiến đấu chống phát xít Nhật. Trong 7 tuần lễ, Thomas đã dành 4 tuần huấn luyện quân sự cho khoảng 200 người. Sau này một số trong đó đã trở thành những cán bộ lãnh đạo của Quân đội Nhân dân Việt Nam.*

Được tin du kích bắt được một viên phi công Mỹ nhảy dù xuống vùng chiến khu, Bác Hồ liền chỉ thị cho cán bộ, du kích ở đây phải lo chu đáo cho viên phi công và tìm cách đưa Shaw lên Pắc Bó, gặp Bác.

Nhận được chỉ thị của Bác, đoàn cán bộ và du kích đã bí mật băng rừng lội suối đưa Shaw lên Pắc Bó một cách an toàn nhất, tránh sự truy sát của quân Nhật. Đoàn vừa lên đến nơi, đúng lúc Bác đang chuẩn bị đi

công tác. Nhưng khi nhìn thấy đoàn, Bác nán lại và tươi cười bắt tay và ôm hôn viên phi công một cách lịch sự, thân thiện, đồng thời hỏi viên phi công bằng tiếng Anh:

- Anh ở bang nào của nước Mỹ?

Shaw cảm thấy rất sung sướng và ngạc nhiên bởi ở giữa rừng núi heo hút này, lại có một ông cụ, râu tóc dài, lại nói tiếng Anh rất chuẩn, không khác gì người Mỹ. Shaw cảm thấy nhẹ nhõm và lễ phép trả lời:

- Thưa ông, tại bang Texas,

- Anh có vợ chưa?- Bác hỏi tiếp.

- Thưa, tôi đã có vợ và 2 con.- Shaw trình trọng đáp.

- Anh có muốn trở về Mỹ gặp lại vợ con không? – Bác nói.

- Thưa ông, nếu được như vậy, không chỉ là điều vinh hạnh đối với tôi mà cả gia đình tôi. Chúng tôi vô cùng mang ơn ông! - Shaw cảm động trả lời.

- Bác nhẹ nhàng nói: Anh không cần phải nói như vậy. Chúng tôi sẽ giúp anh. Bởi chúng tôi là những người Đồng Minh chống phát xít. Chúng tôi sẽ trao trả anh cho lực lượng Không quân Hoa Kỳ tại Trung Quốc.

Qua cuộc trao đổi ngắn ngủi ấy, Shaw cảm thấy thoải mái, sau bao ngày hoang mang lo sợ, ăn không ngon, ngủ không yên. Đặc biệt qua cử chỉ thân thiện và giọng nói ôn tồn, ấm áp như người cha của “ông cụ” khiến Shaw hoàn toàn đặt niềm tin vào “ông cụ” và tin tưởng mình đã thoát khỏi nguy hiểm.

Trong nhật ký của Thượng tướng Phùng Thế Tài, người đã bảo vệ Bác từ ngày Bác về nước, đã chứng kiến toàn bộ sự kiện này từ đầu đến cuối đã viết về tâm trạng của viên phi công Mỹ như sau: “Sau một tháng anh ta có miệng như câm, có tai như điếc. Nhưng khi được gặp Bác, được nghe tiếng nói quê hương xứ sở, viên phi công Mỹ cảm thấy bàng hoàng, nhưng sung sướng đến phát khóc. Anh ta hoàn toàn bất ngờ,

*không hiểu tại sao giữa núi rừng Việt Nam xa xôi này lại có một cụ già trông rất giản dị, nhưng lại nói tiếng Anh giỏi đến thế! Ngạc nhiên hơn, anh còn được biết ông già này đã từng đến nước Mỹ bên kia bán cầu, khi anh ta chưa ra đời”.*

Sau gần 2 tháng ở với Việt Minh tại núi rừng Pắc Bó, cuối năm 1944, Shaw cùng với Bác và một số cán bộ Mặt trận Việt Minh lên đường sang Trung Quốc. Để tránh sự lùng sục của quân Nhật, đảm bảo sự an toàn cho viên phi công, đoàn chia làm hai tốp. Shaw đi tốp khác Bác và được Bác nhường cho con ngựa. Còn Bác và các đồng chí đi bộ. Trên đường đi, Bác luôn dặn dò phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho viên phi công. Khi đã qua biên giới Việt Trung, hai tốp hợp thành một. Bác gặp lại Shaw. Sau 5 ngày tiếp theo, được đi cùng Bác trên đất Trung Quốc, Shaw được sỹ quan quân đội Trung Quốc tiếp nhận và họ hứa với Bác sẽ đưa viên công này về Bộ Tư lệnh Không quân Mỹ tại Côn Minh. Khi chia tay, Trung úy Shaw bùi ngùi, mong có ngày gặp lại. Shaw hứa sẽ chuyển thư của Bác đến cấp cao nhất.

Với tấm lòng rộng mở và nhân cách của Bác đã cảm hoá người phi công Mỹ ấy. Bác còn tặng Shaw bản *”Chương trình Việt Minh”* đã được Bác trực tiếp dịch ra tiếng Anh. Sau này chính Shaw trở thành cầu nối giữa lãnh tụ Hồ Chí Minh với Tướng Claire Lee Chennault (1893 – 1958), Tư lệnh Không đoàn 14 của Mỹ đại diện cho Đồng Minh tại Hoa Nam, Trung Quốc.

Để có cuộc gặp không hẹn trước với viên tướng Claire Lee Chennault tại Côn Minh, Bác phải đi dày cỏ theo đường bộ, vượt hàng ngàn kilômét, từ Pắc Bó Việt Nam tới Côn Minh Trung Quốc dưới sự kiểm soát gắt gao của các lực lượng thù địch, lại mất hơn một tuần lễ, bị nằm lại dọc đường, vì bị sốt rét. Sau hơn một tuần vất vả đoàn Bác mới đến nơi, trong khi Shaw đáp máy bay lên Côn Minh trước đó.

Sau mấy lần trao đổi thư từ, đến ngày 23/3/1945 lãnh tụ cách mạng Việt Nam và Tư lệnh Trưởng Bộ Tư lệnh Không quân 14 của Hoa Kỳ

Tướng Claire Lee Chennault đã gặp nhau tại Tổng hành dinh của ông. Đây là cuộc gặp gỡ rất cởi mở, thân mật. Tướng Claire Lee Chennault không quên cảm ơn Bác và Việt Minh đã cứu giúp, chăm sóc phi công của họ hết sức tử tế.

Bác nói: Đó là bổn phận của người Việt Nam và khẳng định sẽ làm mọi việc để giúp Đồng Minh chống phát xít. Bác không quên hỏi thăm phi công Shaw.

Chennault nói rằng Shaw đã về Mỹ. Trước khi lên máy bay anh ta gửi lời cảm ơn Ngài. Chennault đã trao cho Bác khá nhiều thuốc chữa bệnh và tiền để tặng những người đã cứu giúp phi công, nhưng Bác chỉ nhận thuốc còn tiền trả lại.



Họa bản Bác Hồ vẽ

Vài ngày sau, hai người lại có cuộc gặp mặt, cả hai bên đều nhất trí: Phía Việt Nam lập một trạm cứu giúp phi công Đồng Minh nếu bị tai nạn ở khu vực Đông Dương. Phía quân Đồng Minh sẽ có trách nhiệm đưa phái đoàn quân sự sang giúp Việt Nam huấn luyện quân sự và trang bị vũ khí, điện đài và các trang bị khác. Tại bữa tiệc sau đó, Tướng Chennault hết sức bất ngờ trước sự am hiểu sâu sắc về lịch sử và các chính khách nước Mỹ của Bác.

Tướng Chennault đã cho máy bay L5 đưa Bác và đoàn đến Liễu Châu dự Đại hội Quốc tế chống xâm lược. Tướng Chennault thậm chí còn tỏ ra kính trọng lãnh tụ Hồ Chí Minh và tặng Bác tấm ảnh của mình với dòng chữ: “*Bạn chân thành của tôi*”. Sau đó Tướng Chennault còn chỉ thị cho Trung úy Charles Fenn thuộc Cơ quan Chiến lược Tình báo Mỹ tại Trung Quốc thực hiện hợp tác với Mặt trận Việt Minh.

Về sự kiện này, Archimedes L. A. Patti, tác giả cuốn “*Tại sao Việt Nam?*” (Why Việt Nam?) đã nhận xét: “*Đây là dịp thuận lợi để ông Hồ đề cao Phong trào Cách mạng với người Mỹ và làm cho họ phải chính thức công nhận phong trào của ông*”.

Khi Bác trở về lại Việt Nam, có hai người Mỹ Frank Tan và MacShin cùng đi theo sang giúp chúng ta sử dụng điện đài như Tướng Chennault đã hứa trước đó. Sau này còn có John, một báo vụ viên OSS và một số người khác nữa.

Những người Mỹ này được Việt Minh đón tiếp chu đáo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho họ làm việc. Họ đã giúp Việt Minh một số điện đài, vũ khí và tận tình hướng dẫn người của ta sử dụng thành thạo.

Tình hình thế giới chuyển biến thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Do đó căn cứ của Mặt trận Việt Minh cũng chuyển từ Pắc Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang để tạo điều kiện cho sự phát triển lực lượng cách mạng với các hoạt động lớn sau này.

Thực hiện lời hứa của hai bên, nhóm đặc nhiệm “Con Nai” (The Deer Team), cùng các chiến sỹ Việt Minh thành lập “Đại đội Việt – Mỹ”

khoảng 200 người do ông Đàm Quang Trung (sau này là Thượng tướng) chỉ huy, Thiếu tá A.K. Thomas làm cố vấn để chống phát xít Nhật. Đơn vị này đã dự lễ xuất quân từ cây đa Tân Trào về giải phóng Thái Nguyên, rồi tiến về Hà Nội.

Trước khi về nước, nhóm “Con Nai” được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi gắm một sứ mệnh đặc biệt: Chuyển giúp thư của Người đến Chính phủ Mỹ, đề nghị Tổng thống Truman công nhận độc lập của Việt Nam! Nhưng tiếc là thời điểm đó nước Mỹ chỉ tập trung quan tâm đến châu Âu, bỏ qua khu vực Đông Nam Á. Và hai nước trở thành đối thủ trong cuộc chiến 20 năm.

Nửa thế kỷ sau, vào ngày 12/10/1995, tại Hà Nội, có cuộc gặp với những người bạn Mỹ, trong đó có Charles Fenn đã ở tuổi 80, nhưng những ấn tượng sâu sắc về lãnh tụ Hồ Chí Minh thì vẫn nguyên vẹn trong ông: “*Chúng tôi gặp một người có vóc dáng mảnh khảnh, đi dép tại quán cà phê Đông Dương, Người này có đôi mắt sáng ngời, có sức hấp dẫn đặc biệt. Đó chính là Hồ Chí Minh. Tướng Chennault cảm ơn về việc Việt Minh cứu viên phi công Mỹ rồi hỏi: “Chúng tôi có giúp gì được các ông không”? Hồ Chí Minh nói: “Tôi muốn có tấm hình của ông làm kỷ niệm”. Rồi hai người ngồi uống nước rất thân mật với nhau. Tôi nhớ lúc đó, Cụ Hồ nói với các cán bộ đi theo rằng: “Người Mỹ là bạn của chúng ta, như Tướng Chennault là bạn của tôi đây này”. Những ngày tháng bên cạnh Hồ Chí Minh đã để lại trong tôi một ấn tượng mạnh”./.*

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CỐ VẤN VĨNH THỤY



Bác Hồ với Bảo Đại

Sau Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945), tại Huế vua Bảo Đại nhận được bức điện tín đánh đi từ Hà Nội với nội dung: “*Trước lòng quyết tâm của toàn thể dân tộc sẵn sàng hy sinh để bảo vệ nền độc lập quốc*

*gia, chúng tôi kính cần xin Hoàng Thượng làm một cử chỉ lịch sử là trao quyền lại*”.

Trong hồi ký của mình Bảo Đại viết: “*Sáng ngày 23 xung quanh tôi đều trống không...chỉ còn người em họ là Hoàng thân Vĩnh Cán ở cạnh tôi*”, khiến Bảo Đại phân vân và nhớ lại lời tâm sự của Tạ Quang Bửu (phụ tá của Tổng trưởng Bộ Thanh niên Phan Anh trong Chính phủ Trần Trọng Kim): Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (gọi tắt là Việt Minh) là cái gì, để có thể vận động quần chúng thực hiện những nguyện vọng của đám đông dân chúng.

Bảo Đại viết tiếp: “*Tôi không biết ai là những thủ lĩnh. Vậy mà những người này lại có những tiếp xúc với Đồng Minh Trung Hoa, Mỹ, Pháp, khi mà những lời kêu gọi của tôi gửi cho Tổng thống Truman, Thống chế Tưởng Giới Thạch, Anh Hoàng và Tướng de Gaulle không*

*được trả lời... Các lãnh tụ này có súng ống, có phương tiện, nắm được chính quyền dễ dàng, trong khi tôi sống trợ trợ trong một kinh thành đã chết!...Đã đến lúc tôi phải có một sự lựa chọn để dung hoà số phận của tôi đối với số phận dân tộc tôi... là tôi phải ra đi”!*

Trước tình hình “nước sôi lửa bỏng”, Bảo Đại sai em họ Vĩnh Cận và Ngự tiền Văn phòng Phạm Khắc Hoè ra ngoài thành nội hỏi tin tức về Việt Minh? Nhưng cả hai trở về không có tin gì cả. Bảo Đại liền đánh đi một bức điện gửi trống không “Ủy ban Nhân dân Cứu quốc” ở Hà Nội với nội dung: “*Để trả lời kêu gọi của Ủy ban, tôi sẵn sàng tự rút lui. Trong giờ phút của lịch sử đất nước, đoàn kết là sống chia rẽ là chết. Tôi sẵn sàng hy sinh hết mọi sự để có thể thực hiện được sự hòng quân. Tôi xin những người cầm đầu Ủy ban mau vào Huế để tôi trao lại quyền hành”.*

Và ngay đêm hôm đó, Bảo Đại đã thảo Chiếu Thoái vị. Sáng ngày 25 tháng 8 năm 1945, hai đặc phái viên, đại diện Việt Minh từ Hà Nội vào là ông Trần Huy Liệu, Phó Chủ tịch Ủy ban làm Trưởng phái đoàn và ông Cù Huy Cận.

Trưởng phái đoàn Trần Huy Liệu trao cho Hoàng đế Bảo Đại một tờ giấy Ủy quyền và trình trọng tuyên bố:

- Nhân danh nhân dân Việt Nam, Cụ Hồ Chí Minh Chủ tịch Ủy ban Giải phóng cho chúng tôi vinh dự tiếp nhận quyền hành từ Ngài.

Trong Hồi ký, Bảo Đại viết: “*Đó là lần đầu tiên tôi nghe đến tên Hồ Chí Minh. Tôi đưa bản Chiếu Thoái vị. Trần Huy Liệu đọc bản Chiếu cùng Cù Huy Cận, rồi hai người nói riêng với nhau, trước khi quay lại nói:*

- *Thưa Ngài, nhân danh nhân dân Việt Nam, chúng tôi chấp nhận hoàn toàn bản Chiếu này. Nhưng chúng tôi xin đề nghị với Ngài là nên tổ chức một nghi lễ vắng tất, để trong buổi lễ Ngài đọc bản Chiếu trước công chúng”.*

Buổi lễ thoái vị của vị vua cuối cùng của vương triều Nguyễn được tổ chức vào chiều ngày 25 tháng 8 năm 1945 tại Ngọ Môn, Kinh thành

Huế giữa vua Bảo Đại và Đại diện Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với sự hiện diện của hàng ngàn người dân xứ Huế.

Bản Chiếu Thoái vị có đoạn viết: “*Trẫm thích được làm công dân một nước độc lập, hơn làm vua một nước bị trị. Hoan hô Việt Nam độc lập! Hoan hô nước Cộng hoà Dân chủ*”.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh và cố vấn Vĩnh Thụy*

Sau khi đọc xong bản Chiếu, Bảo Đại trao chiếc ấn bằng vàng và kiếm, tượng trưng quyền hành cho Trưởng phái đoàn Trần Huy Liệu. Đồng thời ông Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận tiễn Bảo Đại ra khỏi cửa. Trước khi chia tay, ông Trần Huy Liệu nói với Bảo Đại:

- Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn mời Ngài ra Hà Nội để cùng thiết lập những thể chế Cộng hoà.

- Thưa ông Trưởng phái đoàn, tôi xin ông cho tôi gửi lời cảm ơn Hồ Chủ tịch và sẽ không quên ra Hà Nội theo lời mời của Chủ tịch- Bảo Đại trả lời.

Lúc này, tại Huế cựu Hoàng Bảo Đại cảm thấy không còn việc gì để làm. Ông liền quyết định đi Hà Nội theo lời mời của Hồ Chủ tịch và ngày 4 tháng 8 năm 1945, cựu Hoàng Bảo Đại đến Hà Nội, được bố trí ở ngay ngôi nhà số 51 đường Gambetta (nay đường Trần Hưng Đạo), vốn là ngôi biệt thự của thị trưởng thành phố Hà Nội, với đầy đủ tiện nghi và người phục vụ kể cả sỹ quan hậu cần là ông Hoàng Xuân Bình, học viên của Trường Thanh niên Tiền tuyến.

Sau khi đã đi một đoạn đường dài từ Huế ra Hà Nội bằng ô tô, tuy có phần mệt mỏi, nhưng tối hôm đó, ông Vĩnh Thụy đến Dinh Thống sứ Bắc Kỳ (Bắc Bộ phủ) dự tiệc chiêu đãi. Ông Vĩnh Thụy được Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đón tiếp niềm nở và đưa cố vấn Vĩnh Thụy đến ra mắt Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác Hồ giang rộng vòng tay thân mật bắt tay cố vấn Vĩnh Thụy và cảm ơn Bảo Đại đã tự rút lui, đồng thời Bác nói:

- Chúng ta sẽ cùng nhau làm việc cho nền độc lập của nước nhà.

Ngày hôm sau, 5 tháng 9 năm 1945 vào lúc 11 giờ, Cố vấn Vĩnh Thụy có sỹ quan hậu cần Hoàng Xuân Bình tháp tùng, đi gặp và nói chuyện với Hồ Chủ tịch. Hồi ký của Bảo Đại ghi: “Ông (Bác Hồ) đối với tôi có vẻ kính trọng và xưng hô với tôi như ở trong cung điện, khi dùng chữ Ngài tương đương với chữ “Sire” trong tiếng Pháp...”.

Bác Hồ nói với cố vấn Vĩnh Thụy:

- “Thưa Ngài, chúng tôi không có liên quan gì đến bức điện mà Ngài nhận được ở Huế đòi Ngài phải thoái vị. Riêng phần tôi đã nói trong ngày 22 tháng 8 năm 1945, tôi muốn Ngài vẫn đứng đầu nước và cử tôi làm Thủ tướng Chính phủ. Tôi không tán thành những kẻ đã lạm quyền lực với Ngài để Ngài phải thoái vị”.

Trước thái độ tôn kính của Bác Hồ, cố vấn Vĩnh Thụy xưng hô với Chủ tịch Hồ Chí Minh là Cụ (Vénérable) và cam đoan rằng ông chỉ muốn làm một công dân thường để chung sức xây dựng một nước Việt Nam mới thống nhất, độc lập.

Với tấm lòng cởi mở chân thành và kính trọng đối với Hồ Chủ tịch của Bảo Đại, Bác Hồ đã vẽ ra trước mắt viễn cảnh hừng khởi đầy lạc quan tin tưởng, Bác chậm rãi nói:

*- “Tất cả những giấc mơ của chúng ta đang được thực hiện cùng một lúc, không những thống nhất và độc lập sắp được Đồng Minh chính thức công nhận. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Nhật Bản đầu hàng càng cho phép chúng ta tiến tới một chế độ được toàn dân ủng hộ, muôn người như một. Trong chế độ này mọi người chúng ta đều có một tương lai kỳ diệu. Độc lập trở thành một từ ngữ biểu tượng của đất nước, mãnh liệt như làn sóng thủy triều dâng lên từ đáy biển cả, khiến không có công cuộc nào mà chúng ta không thực hiện được”.*

Sau hơn một giờ nói chuyện, Bác Hồ tiễn ông Cố vấn ra tận cửa Bắc Bộ phủ, đúng lúc xe vừa tiến lên đón Vĩnh Thụy trở về. Cố vấn Vĩnh Thụy lộ rõ ra mặt sự mừng rỡ, mãn nguyện về cuộc tiếp kiến.

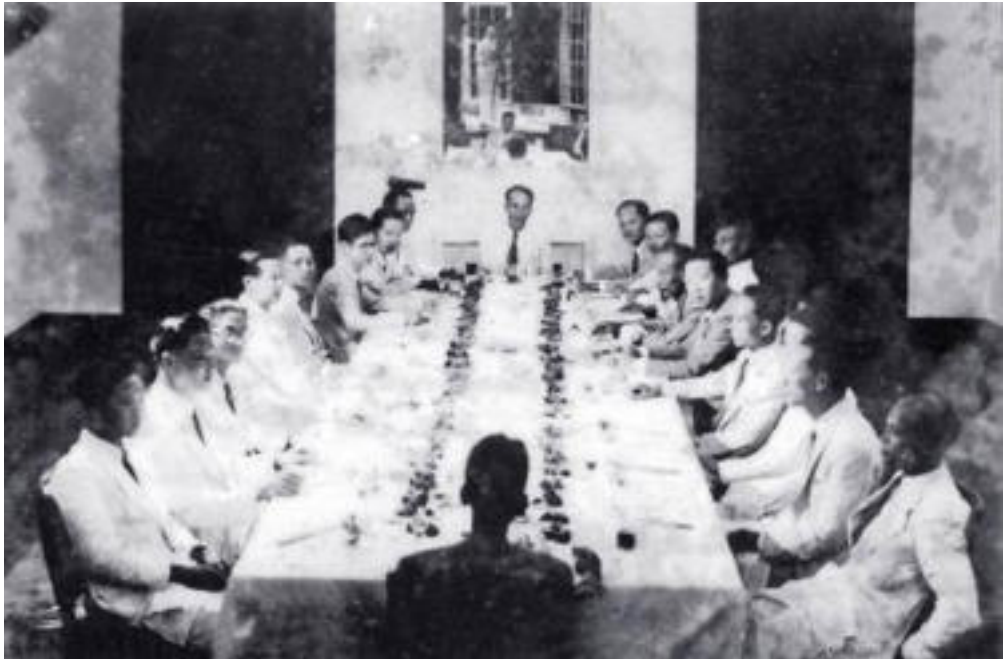
Trong cuộc đàm đạo này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với ông Cố vấn:

*- “Tôi yêu cầu Ngài tham dự các buổi họp của Hội đồng các Bộ trưởng và nhận chức Cố vấn Tối cao của Chính phủ”* và cho biết chiều nay Bác sẽ đến thăm ông Cố vấn tại số nhà 51 đường Gambetta.

Trong Hồi ký của mình Bảo Đại tâm sự: *“Yêu cầu này làm tôi bất ngờ. Tôi thật không bao giờ nghĩ sự góp phần kiến tạo một nước Việt Nam mới của tôi dưới hình thức này. Nhưng khi nghe Cụ Hồ nói, không thể từ chối được Cụ Hồ là người muốn độc lập và thống nhất đất nước một cách nồng nhiệt nhất, nên tôi nhận lời”.*

Đúng hẹn, ba giờ chiều hôm đó, xe Bác vào, Cố vấn Vĩnh Thụy chờ đón Bác dưới chân tam cấp lớn và hướng dẫn Bác lên phòng khách. Sau ít phút trò chuyện, Bác đề nghị đi dạo ngoài vườn để nói chuyện. Bác khoác tay ông Cố vấn xuống sân đi dạo theo các lối đi rải sỏi, chuyện trò thân mật như những người bạn cố tri: Một cảnh tượng chỉ có một không hai trong lịch sử, khiến mọi người chứng kiến vô cùng xúc động: Một

cựu Hoàng đế trẻ, mập mạp, phương phi, quần áo đúng mốt của Paris hoa lệ với loại vải đắt tiền, đi giày hai màu, bóng lộn... cùng đi dạo rất tâm đắc với một nhà cách mạng lão thành, một con người giản dị, quần áo ka ki, cắt theo kiểu cô lỗ, chân đi giày Tàu vải đen... đã từng mang án tử hình vắng mặt của toà án nhà nước thực dân, phong kiến.



*Hồ Chủ tịch và Cố vấn Vĩnh Thụy dự buổi chiêu đãi Hoàng Thân Xuphanuvong*

Để hợp pháp hoá đúng pháp luật, ngày 10 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký Sắc lệnh 23/SL cử ông Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy làm Cố vấn Tối cao của Chính phủ Cách mạng Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và bầu ông vào Uỷ ban Dự thảo Hiến pháp của nước VNDCCH do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu.

Trong các cuộc họp Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi một đầu bàn, và Cố vấn Vĩnh Thụy ngồi đối diện ở đầu kia.

Trong thời gian ở Hà Nội, Bảo Đại đã có dịp đọc cuốn sách “*Cuộc đời Nguyễn Ái Quốc*” của A. Marty, viên trùm mật thám Pháp ở Đông

Dương soạn thảo. Qua cuốn sách Bảo Đại nhận ra rằng Nguyễn Ái Quốc chỉ là một tên trong số mấy chục tên khác nhau trong cuộc đời hoạt động cách mạng, trước khi trở thành Hồ Chí Minh. Đồng thời được Bộ trưởng Nội vụ Võ Nguyên Giáp cho biết Cụ Hồ về nước lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1941 và là người thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (gọi tắt Việt Minh) vào ngày 19 tháng 5 năm 1941, tại Cao Bằng.

Ngay khi không còn làm cố vấn, Bảo Đại vẫn thừa nhận rằng: “Giữa chúng tôi (Bảo Đại và Bác Hồ) hoàn toàn có sự thông cảm. Trong các buổi đàm đạo, không bao giờ đã động đến những vấn đề về hệ tư tưởng. Chúng tôi cùng đi với nhau đến gặp Sainteny, người thay Messmer làm Ủy viên Cộng hoà Pháp tại Bắc Bộ. Chúng tôi cùng đi gặp người Mỹ và những phái viên của họ: Lansdale, Thiếu tá Patty và sau này là Tướng Gallagher. Tôi thấy Hồ Chí Minh nói tiếng Anh khá được”.

Bảo Đại viết tiếp: “Đối với tôi Ông (Hồ), là người rất gắn bó với nền độc lập nước nhà. Những điều ông nói, tôi đều thấy hợp với nhãn quan của tôi. Không cần biết quá khứ và phương pháp hoạt động của Ông, với tất cả sự trung thực của tôi, tôi ủng hộ Ông”...

“Nói thực lòng, tôi thích tư thế của Ông hơn những lãnh tụ Quốc gia, thực sự chỉ là bù nhìn của bọn Tàu. Trong sự hỗn độn, tôi thấy Hồ Chí Minh vẫn giữ được trầm tĩnh”.

Khi được thực dân Pháp trao cho Bảo Đại chức Quốc trưởng, trong buổi tiếp ông Nguyễn Văn Hoàng, một người được Bảo Đại tin dùng, nhưng cũng là điệp viên của cách mạng, mang bí số A13, Bảo Đại hỏi:

- Ông ở ngoài nó vô, thế có được tin tức gì về cụ Hồ Chí Minh không? Ngài có được khoẻ không? Các ông Bộ trưởng trong Chính phủ Kháng chiến có được mạnh khoẻ không?

- Tôi không được nghe gì về các ông Bộ trưởng, nhưng về Chủ tịch Hồ Chí Minh thì luôn luôn được nghe nói tới. Cụ vẫn khoẻ, đi bộ mỗi

ngày 40 cây số, nhiều thanh niên khoẻ mạnh theo được còn mệt - Văn Hoàng trả lời lưu loát.

Bảo Đại nghe xong, nuốt tiếng thở dài. Giọng ông ta trầm xuống:

- *“Tôi đã từng sống cạnh Cụ Hồ, nghe Cụ nói chuyện, cùng Cụ đi công cán hay chủ tọa nhiều phiên họp nội các, từng chứng kiến đức độ của Cụ, coi Cụ như cha và cũng được Cụ thương yêu như con. Những điều đó đã để lại trong lòng tôi không ít kỷ niệm đẹp, và có thể nói nó đã chi phối không ít những việc làm của tôi kể từ ngày tôi xa Cụ tới nay (1950)”*.

Về phần mình, Bác Hồ đối với Bảo Đại cũng rất chân tình, thân thiết. Hồ Chủ tịch đã có lời mời bà Nguyễn Hữu Thị Lan (Nam Phương Hoàng hậu) đưa các con ra Hà Nội đoàn tụ với ông Cố Vấn Vĩnh Thụy. Nam Phương Hoàng hậu trả lời: *“Rất biết ơn Cụ Chủ tịch, nhưng sợ như vậy, sẽ tốn kém thêm cho Nhà nước, trong khi Chính phủ còn đang nghèo, phải lo trăm chuyện”*. Không những thế, Bác còn lo đến đời sống riêng tư của cựu Hoàng Bảo Đại, nên có lần Bác nói với thư ký riêng của mình là ông Vũ Đình Huỳnh:

- Nhớ đừng để ông Vĩnh Thụy thiếu thốn. Chúng mình quen chịu khổ, thiếu thốn không sao, chứ ông ấy túng thiếu thì khổ lắm đấy! Giữ được ông ấy về phía mình là tốt lắm. Để bọn khác lợi dụng ông ta là lắm chuyện phiền. Cảm kích trước sự chăm sóc chân tình, chu đáo của Hồ Chủ tịch, Bảo Đại trong thư gửi về Huế cho mẹ (bà Hoàng Thị Cúc- bà Từ Cung) nói rằng: *“Cụ Hồ tốt lắm, con ra đây được Cụ Hồ thương lắm. Cụ thương con như con. Á (tức mẹ) cứ yên tâm, không phải lo gì cho con cả”*.

Ngày 16 tháng 3 năm 1946, Cố vấn Vĩnh Thụy được cử vào phái đoàn Đại diện cho Chính phủ ta sang Trung Khánh thăm Trung Hoa Dân quốc, để giới thiệu về chính thể Dân chủ Cộng hoà của Việt Nam với thế giới và đề nghị họ công nhận nền độc lập cũng như đặt quan hệ ngoại giao với nước ta. Việc mời một cựu Hoàng đi trong phái đoàn là một thiện chí và là ý tưởng tốt đẹp của Bác Hồ, để tạo điều kiện cho Cố

vấn Vĩnh Thụy quen biết với ngoại giao quốc tế, nhằm đóng góp cho đất nước được nhiều hơn.

Nhưng tiếc thay, khi phái đoàn sang được ít lâu, Vĩnh Thụy tách đoàn ra sống riêng và không về nước nữa. Từ Trưng Khánh, Vĩnh Thụy đi Côn Minh rồi tới Hồng Kông. Trong những chặng dừng chân đó, Vĩnh Thụy đều được người Pháp, rồi người Mỹ tiếp xúc, o bế, bàn việc lập chính phủ riêng do Bảo Đại đứng đầu.

Tuy biết rõ điều đó, nhưng Hồ Chủ tịch vẫn viết thư gửi Cố vấn Vĩnh Thụy: *“Ngài chớ quên rằng, Ngài là đại diện cho nước Việt Nam và lịch sử Việt Nam. Ngài phải làm thế nào để đời sống của Ngài xứng đáng với cái tên mà Ngài đang mang, xứng đáng với Tổ quốc chúng ta, với nền độc lập của chúng ta đến nay mới giành lại được”*

Không chỉ gửi thư động viên khích lệ, Hồ Chủ tịch biết Cố vấn Vĩnh Thụy gặp khó khăn về kinh tế, nên trước ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946) Bác Hồ đã cử bác sỹ Phạm Ngọc Thạch đem tiền, vàng sang Hồng Kông cho Vĩnh Thụy chi tiêu.

Đặc biệt trong khi cả đất nước đang dòn sức chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, nhưng Bác Hồ vẫn luôn nghĩ tới Cố vấn Vĩnh Thụy. Từ ATK (An Toàn Khu), chiến khu Việt Bắc, vào mùa xuân năm 1947, Bác Hồ đã thân chính đến gặp cụ Bùi Bằng Đoàn (vốn là Thượng thư Bộ Hình dưới triều vua Bảo Đại, sau này là Chủ tịch Quốc Hội nước VND-CCH). Bác ngờ ý với cụ Bùi một việc cơ mật: Qua bác sỹ Phạm Ngọc Thạch, Bác biết Cố vấn Vĩnh Thụy muốn gặp cụ Bùi. Ông Cố vấn muôi chuyện trò với cụ Bùi. Và chỉ có cụ Bùi mới góp phần giải quyết việc ông Cố vấn có về lại Việt Nam hay không?

Trước sự tin tưởng của Cụ Hồ, cụ Bùi cùng người con út là Bùi Nghĩa từ rừng núi Việt Bắc (ATK), lặn lội sang Hồng Kông đón ông Cố vấn về. Chuyến đi mất nhiều công sức và đầy nguy hiểm mới đến được Trung Hoa. Nhưng công việc bị lỡ dở, bởi sự thám thính, bủa vây, phá

hoại của quân Tưởng Giới Thạch. Nhận được tin báo, thấy nguy hiểm, từ ATK Bác Hồ nhắn tin ngay và hai cha con cụ Bùi trở về lại chiến khu Việt Bắc.

Bác Hồ một con người vị tha, luôn luôn tin tưởng rằng mọi người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước. Tháng 8 năm 1947, trả lời một nhà báo nước ngoài về ông Vĩnh Thụy, Người nói: *“Nhiều thành viên trong Chính phủ và bản thân tôi, tất cả đều là bạn của ông Cố vấn Vĩnh Thụy. Chúng tôi rất mong muốn gặp lại ông Cố vấn và cầu mong ông sớm trở về cùng nhau lo việc nước”*. (Philippe Devilles- lịch sử Việt Nam 1940 – 1954 Seuill, 1952)

Nhưng Vĩnh Thụy vốn rất nhu nhược, không vượt qua được sự túng thiếu về tài chính và các chạm bẩy của mật thám Pháp, nên ông đã bị đẩy vào cái thế trở lại làm bù nhìn cho thực dân Pháp, phản lại quyền lợi của đất nước, chống lại kháng chiến giải phóng dân tộc, đối đầu với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã cư mang và tin tưởng ông. Bảo Đại viết thư về nước xin từ chức Cố vấn Tối cao của Chính phủ nước VNDCCH.

Trong lúc đó, Bảo Đại được trùm mật thám Đông Dương Cousseau tiếp xúc tại Hồng Kông và mời ông ta về nước nắm chính quyền.

Khi thực dân Pháp thất bại thảm hại ở Điện Biên Phủ, người Mỹ thấy Bảo Đại không còn là con bài đặc dụng nữa, người Mỹ liền thay con bài khác. Được Mỹ ủng hộ, Ngô Đình Diệm lật đổ Bảo Đại, buộc Bảo Đại phải sống lưu vong ở Pháp.

Cuộc đời Bảo Đại, vị vua cuối cùng, sống thọ nhất của vương triều Nguyễn, từ ngày tuyên bố thoái vị với câu nói nổi tiếng: *“Trẫm thích được làm công dân một nước độc lập hơn làm vua một nước bị trị”* và trao ấn, kiếm cho cách mạng, ông đã phải trải qua bao thăng trầm lịch sử, đến cuối đời sống cô đơn trong căn nhà lạnh lẽo ở một góc phố của thủ đô Paris, Pháp, nơi đất khách quê người!

Tuy vậy, Vĩnh Thụy là người có lương tri, có học cho nên khi gặp cơ hội thuận tiện ông vẫn không dấu được những tình cảm tốt đẹp về Bác Hồ, về kháng chiến đã ăn sâu dưới đáy tim ông. Và mỗi khi nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông Vĩnh Thụy luôn giữ một niềm kính phục. Đặc biệt sau khi thất sủng, đến tuổi già ngẫm lại sự thất thế của mình, Vĩnh Thụy nhiều lúc nhớ về đất nước, nhớ Cụ Hồ. Vì vậy cuối năm 1997, Hội nghị Cộng đồng Pháp ngữ (La Francophonie) được tổ chức tại nhà Hát Lớn Hà Nội, Vĩnh Thụy đã nhận lời về tham dự. Nhưng không kịp, ông đã qua đời tại Paris, ngày 8 tháng 8 năm 1997, thọ 85 tuổi./.

## **CỤ HUỲNH THỨC KHÁNG NGƯỜI BẠN TRI KỶ CỦA BÁC HỒ**

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ ra đời (nay CHXHCN Việt Nam), vấn đề cấp bách đặt ra cho các nhà Cách mạng là tổ chức bầu cử Quốc hội để thành lập Chính phủ. Vì vậy, Bác Hồ liền đánh điện ngay mời Cụ Huỳnh Thúc Kháng (đang phụ trách tờ báo “*Tiếng dân*” ở Huế ra Hà Nội nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

Nhận được điện tín, Cụ điện trả lời Bác Hồ: “*Thời tiết Huế xấu, tôi chưa thể đi được và không thể nhận chức Bộ trưởng, nhưng trước sau gì tôi cũng ra gặp Cụ*”.

Vài ngày sau, Bác Hồ đánh bức điện thứ hai: “*Chúng tôi khẩn khoản mời Cụ ra Hà Nội nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ*”. Điều đặc biệt bức điện này không chỉ có Bác Hồ ký mà còn có chữ ký ông Võ Nguyên Giáp.

Sau khi suy nghĩ kỹ đồng thời tham khảo ý kiến của nhiều người bạn thân ở Huế, Cụ Huỳnh quyết định đi Hà Nội và trả lời: “*Tôi vừa nhận được bức điện thứ hai, tôi chuẩn bị trời tốt sẽ lên đường*”.

Ngày 23 tháng 01 năm 1945 (tức 23 Giêng, Bính Tuất), Ủy ban Hành chính Trung Bộ cho xe đến tận toà soạn báo “*Tiếng dân*” đón Cụ Huỳnh Thúc Kháng ra Hà Nội cùng đi với Cụ còn có hai người giúp việc đi theo để chăm sóc sức khoẻ cho Cụ, trong đó có ông Nguyễn Xương Thái, người cùng quê Quảng Nam, thư ký tin cần của Cụ,

Xe vừa đến Hà Nội, đưa ngay Cụ đến thẳng Bắc Bộ phủ (nay nhà khách Chính phủ), nhưng tiếc thay Bác Hồ đi vắng, nên ông Hoàng Hữu

Nam (Phan Bội), Thứ trưởng Bộ Nội vụ niềm nở đón tiếp Cụ Huỳnh, đồng thời bố trí nơi ăn, chốn ở chu đáo cho Cụ Huỳnh và đoàn.

Sáng hôm sau, Cụ Huỳnh đang ngồi thưởng thức trà sáng, thì Bác Hồ đi công tác về, vừa thấy Cụ Huỳnh, Bác chỉ kịp bỏ chiếc gậy đi đường và mũ, rồi mừng rỡ giang rộng vòng tay ôm choàng lấy Cụ Huỳnh. Hai người mừng mừng, tủi tủi, rung rung lệ. Bác nói với Cụ Huỳnh: “*Tôi tưởng đã phải bỏ thầy ở nước ngoài và mấy chục năm qua tôi gặp không biết bao nhiêu gian nan, nguy hiểm*”.



*Hồ Chủ tịch và Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng trong Chính phủ đầu tiên*

Trong lúc đó, Cụ Huỳnh kể trong nước mắt: “*Khi còn ở Côn Lôn, tôi cũng tưởng không có ngày phục vụ Tổ quốc, phục vụ dân tộc vì án tù chung thân. Nay gặp Cụ hả hê*”. Cả hai Cụ cùng nhau chuyện trò tâm đầu hợp ý như những người bạn thân thiết, tri kỷ lâu ngày mới gặp lại. Sau hơn một giờ hàn huyên tâm sự, người phục vụ mời hai cụ dùng điểm tâm. Bác Hồ nhanh tay kéo chiếc ghế tựa có hai tay vịn mời Cụ Huỳnh

ngồi, còn Bác và viên thư ký Cụ Huỳnh ngồi trên chiếc chõng tre.

Hôm sau, Bác Hồ lại đến thăm và không quên nói với Cụ Huỳnh về việc thành lập Chính phủ và trân trọng mời Cụ Huỳnh nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Bác nói: *“Đây là ý kiến chung của tất cả các đảng phái, chứ không phải ý kiến riêng của tôi, vì Cụ ở lại trong nước, Cụ biết rõ trình độ tiến bộ của đồng bào ba Kỳ, đồng thời đồng bào ba Kỳ đều tín nhiệm Cụ”*.

Cụ Huỳnh một mực trả lời: *“Tôi ra đây là cốt gặp Cụ, chớ lúc này là lúc cần tăng gia sản xuất, mà tôi không biết cầm cày, cầm cuốc, lại cần phải kháng chiến mà tôi lại không mang nổi súng ống. Cụ nên kiến nghị người trẻ, thạo việc để trao nhiệm vụ thì hơn”*.

Bác Hồ liền thưa lại: *“Chính phủ có 10 Bộ, 9 Bộ đã có người nhận rồi, nay xin Cụ nhận Bộ Nội vụ để Chính phủ kịp ra mắt đồng bào, vì quân Pháp đã đổ bộ ở Nam Kỳ”*.

Cụ Huỳnh lại phân bua: *“Tôi thấy ở các nước văn minh, khi không đủ người, thì ông Thủ tướng kiêm đỡ một thời gian ngắn, rồi tìm người thay thế sau, hoặc ông Bộ trưởng nào đó kiêm đỡ hai Bộ”*.

Bác kiên trì đề nghị: *“Cụ vui lòng giúp tôi! Bây giờ tôi có việc gấp phải đi, chúng ta sẽ gặp lại”*.

Sáng hôm sau Bác đến sớm hơn mọi lần và gọi riêng viên thư ký của Cụ Huỳnh ra và dặn: *“Chú thưa với Cụ Huỳnh, khi xưa làm quan là hưởng đỉnh chung, bây giờ chúng ta làm việc cho dân, cho nước, gọi là công bộc của dân. Chú cũng nói Cụ biết là bọn Lu Hán còn đóng ở đây, chúng biết trong Chính phủ ta có một vị Tiến sỹ văn chương như Cụ, chúng cũng phải nể trọng. Cụ Huỳnh đã hy sinh nhiều, xin Cụ hy sinh thêm. Nay mai sẽ có một Hội nghị Liên tịch các chính đảng sẽ mời Cụ”*.

Tối hôm đó, trong không khí cởi mở, vui vẻ, Nguyễn Xương Thái từ tốn thưa lại với Cụ Huỳnh lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cụ Huỳnh nói: “*Từ bữa ra đây đến nay thấy công việc quá nhiều và thương Cụ Hồ vất vả. Đành rằng mình vẫn một lòng với Cụ, chừ nhận Bộ trưởng thì “Tiếng dân” (báo Tiếng dân) ra sao?*”

Ông Thái nói: “*Tiếng dân sẽ có Ban Quản trị mới thay Cụ*”.

Tại Hội nghị Liên tịch của các đảng phái với sự hiện diện đầy đủ các nhân vật, các chính đảng, khi Cụ Huỳnh tới, mọi người đều đứng dậy vỗ tay nồng nhiệt chào đón Cụ. Bác Hồ bước nhanh ra tiếp Cụ Huỳnh và nhắc ngay đến vấn đề thành lập Chính phủ và không quên yêu cầu Cụ Huỳnh nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Cụ Huỳnh lặp lại ý kiến mà Cụ đã nói với Bác Hồ hôm trước nhưng nói thêm: “*Nếu Chính phủ cần thì tôi xin tạm nhận Bộ Nội vụ một thời gian*”. Cả hội trường vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh.

Sau ngày phổ thông đầu phiếu toàn quốc đầu tiên, bầu Quốc hội nước VN DCCCH, Quốc hội họp phiên đầu tiên vào ngày 02 tháng 3 năm 1946, thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị, Cụ Huỳnh được mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Trong khi giới thiệu danh sách Chính phủ để Quốc hội thông qua, Bác Hồ đặc biệt nhấn mạnh: “*Giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Một người đạo đức danh vọng mà toàn thể quốc dân ai cũng biết, đó là Cụ Huỳnh Thúc Kháng*”. Cụ Huỳnh còn được bầu làm Hội trưởng Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam.

Cụ Huỳnh và Bác Hồ đều là những nhà yêu nước nồng nàn, thương dân tốt độ, khát vọng độc lập, tự do cho dân đến cháy bỏng. Chính Cụ Huỳnh đã thổ lộ rằng, cụ đã rất nhiều năm “*ôm ấp độc lập, tự do*”. Còn Bác Hồ thì khẳng định “*Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, nhân dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*”, với một tư duy sắt đá “*không có gì quý hơn độc lập tự do*”

Bác Hồ đối với Cụ Huỳnh như người bạn thân thiết, tri kỷ. Từ khi ra Hà Nội, Bác Hồ luôn luôn hỏi han, quan tâm chăm sóc sức khỏe cho

Cụ Huỳnh. Có món gì ngon, Bác mời Cụ Huỳnh đến cùng thưởng thức. Có lần Bác được bà Thanh, chị ruột của Người, đem từ Kim Liên, Nam Đàn, xứ Nghệ ra cho một chai tương (bởi dân gian có câu: nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn, nổi tiếng ngon), Bác đã mời Cụ Huỳnh đến dùng cơm, để cùng thưởng thức hương vị quê hương. Một lần khác, nhân dân Thái Bình gửi biếu Bác hai chai mắm tôm đặc sản, Bác gửi biếu Cụ Huỳnh một chai. Tấm lòng chân thành đó của người bạn tri kỷ đã làm Cụ Huỳnh muôn phần yêu mến.



*Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng*

Vì thế ở tuổi 70, thất thập cổ lai hy, nhưng với tấm lòng vì dân, vì nước, vì sự kính nể và trước nhiệt tâm của Bác Hồ, Cụ Huỳnh đã nhận lời tham gia Chính phủ, trở thành người bạn, người cộng sự đắc lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh và có nhiều đóng góp quan trọng cho cách mạng Việt Nam, nhất là trong giai đoạn “trúng nước”, Tổ quốc lâm nguy trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, vô cùng khó khăn, nguy hiểm.

Trong cuộc sống đời thường, Cụ Huỳnh và Bác Hồ đôi lúc cũng rất hóm: Một lần gặp Bác Hồ, Cụ Huỳnh hứng khởi ứng tác câu thơ, muốn nhắc nhở Bác:

*Năm mươi sáu tuổi vẫn chưa già,  
Cụ ông thì thấy, cụ bà thì không?*

Nghe xong, bác chỉ cười, không nói gì! Thế rồi trong lần sang thăm chính thức nước Pháp, theo lời mời của Chính phủ Pháp, trong một buổi tối chợt nhớ tới người bạn, Bác làm một bài thơ gửi riêng cho Cụ Huỳnh:

*Ráng nghĩ ra thơ để trả lời,  
Nhớ Cụ Huỳnh lắm, Cụ Huỳnh ơi!  
Non sông một mối chung nhau gánh,  
Độc lập xong rồi cười vợ thôi.*

Tình cảm Cụ Huỳnh đối với Bác Hồ vô cùng dạt dào., khăng khít, kính nể và tin tưởng. Bởi thế, từ Kinh thành Huế, sau khi nghe Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn độc lập* ngày 02 tháng 9 năm 1945, Cụ Huỳnh vỡ òa trong niềm hứng khởi và tin tưởng vào vận mệnh đất nước Cụ viết:

*Hồn nước từ đây trời mở cửa,  
Đó ai ngăn đặng ngọn Xuân trào?*

Mùng Xuân 1946, Cụ Huỳnh làm câu đối để nói lên lòng yêu nước thương dân, lạc quan tin tưởng vào cách mạng:

*Trẻ lại với Xuân, nước Tổ bốn nghìn năm lịch sử,  
Đứng lên làm chủ, quyền người hai mươi triệu dân sinh!*

Bác Hồ rất tin tưởng và quý trọng tài năng, tri thức cụ Huỳnh. Vì vậy, sau khi Hiệp định Sơ bộ 6/3, ký kết giữa Chính phủ ta và Chính phủ Cộng hoà Pháp, Bác nói với Cụ Huỳnh “*Lư Hán sắp về nước, mà bên Tàu họ còn trọng câu đối và trướng lăm. Cụ nghĩ cho 4 chữ, để Chính phủ cho thêu bức trướng tặng Lư Hán*”. Cụ Huỳnh ứng khẩu đọc ngay 4 chữ:

“*Bắc phương chỉ cường*” (người phương Bắc mạnh). Bác Hồ khen: *Hay! Hay lắm!*

Nhưng chữ “cường” ở đây còn có một chữ khác nữa, nên thâm ý 4 chữ trên sẽ khác nghĩa (với nghĩa xấu: hung bạo, ngang ngược, hung tàn...).

Trong một bữa tiệc Chính phủ ta chiêu đãi Lư Hán, y ngỡ ý muốn nhờ Bác Hồ xin Huỳnh tiến sỹ một bài thơ làm kỷ niệm. Khi Bác Hồ đề nghị, Cụ Huỳnh đồng ý và bảo người phục vụ đem bút lông, giấy trắng và mực Tàu đến, rồi Cụ vung tay viết một bài thơ chữ Hán, đưa cho Bác Hồ xem, rồi đưa cho Lư Hán. Lư Hán đọc và không ngớt lời khen ngợi tài làm thơ xuất thần của Huỳnh Bộ trưởng. Lư Hán lại xin thêm một bài nữa. Cụ Huỳnh lại hạ bút, ứng tác bài thứ hai và đưa cho Bác Hồ xem trước, rồi chuyển cho Lư Hán. Lư Hán lần này càng tấm tắc khen quá hay, đồng thời đề nghị xin Huỳnh Bộ trưởng thêm một bài nữa cho trọn “*Bộ tam thi*”. Không chút nề hà Cụ Huỳnh làm xong bài thứ ba.

Theo lời mời của Chính phủ Pháp, ngày 31 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà Nội đi Paris thăm chính thức nước Pháp. Hồ Chủ tịch uỷ nhiệm Cụ Huỳnh làm Quyền Chủ tịch nước trong thời gian Người đi vắng.

Trước khi lên máy bay, Bác nói với Cụ Huỳnh: “*Tôi có việc phải đi, mọi việc ở nhà đều có Cụ*”. Đồng thời dặn Cụ chỉ 6 chữ: “***Đĩ bất biến, ứng vạn biến***” (lấy cái không biến đổi kiên định vững vàng của mình để ứng phó với muôn vạn sự biến đổi). Cụ Huỳnh coi đây là phương châm hành động đối phó với mọi tình huống xảy ra trong nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa đi vắng, tình hình trong nước vô cùng rối ren. Được sự ủng hộ của quân Tưởng, bè lũ Quốc dân Đảng âm mưu lật đổ chính quyền non trẻ của ta. Chúng gây ra “vụ bạo loạn Ôn Như Hầu”.

Với tư cách Quyền Chủ tịch nước, Cụ Huỳnh đã kiên quyết xử lý đúng pháp luật vụ Ôn Như Hầu. Cụ đã cùng với ông Võ Nguyên Giáp

đến ngôi nhà số 7 phố Ôn Như Hầu (nay đường Nguyễn Gia Thiều) là trụ sở của bọn Quốc dân Đảng. Tại đây, Cụ đã chứng kiến một sự thật rùng rợn. Bọn Quốc dân Đảng tổ chức bắt cóc, giam cầm, tra tấn dã man, thủ tiêu nhiều cán bộ ta, chúng giết người tống tiền... Cụ Huỳnh hết sức phẫn nộ, trước những hành động dã man đó của bọn côn đồ, tự nhận là kẻ thừa truyền thống anh hùng của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, do lãnh tụ Nguyễn Thái Học chủ xướng.

Mấy ngày sau, một số người của Quốc dân Đảng kéo tới Bắc Bộ phủ xin gặp Cụ Quyền Chủ tịch nước, để thanh minh cho “đường lối cách mạng” của chúng. Được cán bộ vào báo cáo, Cụ Huỳnh hỏi: “*Chúng nó ở đâu?*”? Lập tức Cụ chống gậy đi ra. Vừa thấy bọn chúng lết bết đến cầu thang, Cụ chỉ gậy thẳng mặt bọn chúng và quát: “*Đồ kẻ cướp! Đồ vô lại! Quốc gia cái gì? Dân tộc cái gì chúng mày!*”! Cụ tức giận, quay ngay về phòng làm việc. Bọn chúng chung hừng ra về, không nói được câu nào!

Tại kỳ họp Quốc hội lần 2 (11/1946), trả lời các đại biểu Quốc hội về “vụ Ôn Như Hầu”. Cụ Quyền Chủ tịch nước nói: “*Nước nhà đã vượt qua được nhiều khó khăn đó là nhờ công lao của Cụ Hồ, nhưng trong nước còn có những việc không hay đó là lỗi của tôi*”.

Dựa vào phương châm “*dĩ bất biến ứng vạn biến*”, Quyền Chủ tịch nước đã giải quyết thành công các công việc quốc nội, giữ yên được thế phát triển của cách mạng trong tình hình hiểm nghèo thù trong giặc ngoài, góp phần ngăn chặn và đập tan âm mưu khiêu khích của các thế lực phản động.

Trên cương vị Quyền Chủ tịch nước VNDCCH, Cụ đã ký Sắc lệnh cho công an và tự vệ thủ đô thi hành phép nước đưa “vụ Ôn Như Hầu” ra ánh sáng, diệt trừ bọn Việt gian phản động bán nước.

Trong khi Bác Hồ ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp tại Paris, một số người phân vân, dị nghị, Cụ Huỳnh đồng dạng giải thích:

“Tôi xin thông báo vẫn tắt với anh em, đó chẳng qua là một nước cờ của Hồ Chủ tịch với cả Pháp và Tưởng Giới Thạch. Hồ Chủ tịch là một tay cao cờ. Tôi chắc chắn và anh em cứ đình ninh rồi đây thế nào mình cũng thắng thế”.

Khi tiếp xúc với bà con quê hương Tiên Phước, Cụ tâm tình: “Tôi đã vào loại sáng, nhưng Cụ Hồ lại sáng hơn tôi nhiều... Cụ Hồ rất vĩ đại. Có đội ngũ giúp việc rất tài năng, nhất định sẽ đưa dân tộc ta đến toàn thắng... Ở Hà Nội, Cụ tiết kiệm lắm. Mỗi bữa cơm, Cụ chỉ dùng có một quả trứng...”.

Đầu năm 1947, với danh nghĩa Hội trưởng Hội Liên Việt Nam, Cụ Huỳnh viết bức thư dài bằng chữ Hán nhan đề: “**Kính cáo đồng bào phụ lão kháng chiến thư**”, trong đó có đoạn nói về Bác Hồ:

“...Người thân yêu, kính mến nhất của đồng bào quốc dân là Hồ Chí Minh tiên sinh. Là bậc yêu nước đại chí sỹ, là nhà lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia, chân chính đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm...”. Trong lần chuyện trò thân mật với anh em trong cơ quan, Cụ khẳng định: “Cụ Hồ không phải như người khác, mượn hai tiếng cách mạng để rồi làm giàu hoặc làm quan to như các ông tướng đâu! Cụ Hồ không đồng xu dính túi. Nói về bằng cấp, thì Cụ Hồ không là tiến sỹ, phó bạng gì cả. Nhưng nói về tri thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta không ai bì kịp. Sự hiểu biết của Cụ Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước và cả việc thế giới nữa. Nước này tương lai sẽ đi về đâu, nước kia rồi sẽ thế nào...Cụ nói rất rành rọt, mạch lạc, nghe không chán”.

Đáp lại sự tin tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho trọng trách Quyền Chủ tịch nước, Cụ Huỳnh đã làm một bài thơ ca ngợi công đức và uy tín của Bác:

*Tung hoành bể Sở với sông Ngô,  
Đảm lược ai hơn Chủ tịch Hồ,*

*Mưa gió dãi dầu bao tuế nguyệt,  
Nước non xây dựng nổi cơ đồ.*

.....

*Khắp cả ba miền đều tín nhiệm,  
Rộn ràng muôn miệng tiếng hoan hô.*

Về phần mình, sau khi đi thăm Pháp về, ngày 23 tháng 10 năm 1946, Hồ Chủ tịch đã chia sẻ niềm tin và cảm ơn Cụ Huỳnh: *“Trong lúc tôi đi vắng, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Cụ Huỳnh Quyền Chủ tịch nước, sự săn sóc giúp đỡ của Quốc hội, sự ra sức gánh vác của Chính phủ, sự đồng tâm hợp lực của quốc dân mà giải quyết được nhiều việc khó khăn, công việc kiến thiết cũng tiến bộ”*.

Năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bắt đầu, Cụ Huỳnh thay mặt Chính phủ đi kinh lý Trung Kỳ *“để nắm bắt tình hình và truyền đạt đường lối kháng chiến kiến quốc của Đảng và Hồ Chủ tịch, kêu gọi quốc dân đồng lòng đoàn kết thành một khối thống nhất hưởng ứng “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Bác Hồ, quyết tâm đánh thắng thực dân Pháp”*. Nhưng không may, khi vừa đến Quảng Ngãi, do tuổi cao sức yếu, Cụ Huỳnh lâm bệnh. Nằm trên giường bệnh nghĩ mình khó qua khỏi, Cụ đọc cho thư ký ghi bức thư gửi Bác Hồ:

*Kính gửi Hồ Chủ tịch!*

*Tôi bệnh nặng, chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập, tự do, dân chủ, nay nước đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả. Chỉ tiếc không được giúp Cụ lần cuối. Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân lên đường vinh quang hạnh phúc. Chào vĩnh biệt!*

Trước khi qua đời, Cụ Huỳnh còn gửi đến các đảng phái, nhân sỹ, trí thức và mọi tầng lớp nhân dân lời hiệu triệu đoàn kết xung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh để thực hiện thắng lợi sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

Được tin Cụ Huỳnh mất, ngày 29 tháng 4 năm 1947, Chính phủ tổ

chức lễ truy điệu theo nghi thức Quốc tang. Cùng ngày, Hồ Chủ tịch gửi thư tới toàn thể đồng bào đề nêu tấm gương chí sỹ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, với những lời xúc động, thống thiết: “*Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước, mà trước đây Cụ bị bọn thực dân làm tội, đày ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường, gian nan cực khổ, nhưng lòng gan, dạ sắt, yêu nước, thương nòi của Cụ Huỳnh chẳng những không sờn, lại thêm kiên quyết. Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan. Cả đời Cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thềm làm giàu, không thềm làm quan. Cả đời Cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân tộc được tự do, đất nước được độc lập*”./.

## **BÁC HỒ**

### **THĂM NƯỚC PHÁP, 1946**

Từ một người bị chính quyền thực dân Pháp theo dõi, bắt bớ và kết án tử hình vắng mặt, trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, một thượng khách của Chính phủ Cộng hoà Pháp.

Ngày 24 tháng 3 năm 1946, trong buổi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại vịnh Hạ Long, Cao uỷ Pháp d'Argenlieu đã chuyển lời mời của Chính phủ Cộng hoà Pháp mời Người chính thức sang thăm nước Pháp, với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận lời và cử ông Đỗ Đình Thiện và Vũ Đình Huỳnh cùng đi. Mặc dầu trong lúc đó nhiều ý kiến đề nghị Người nên dừng chuyến đi vì lý do an toàn. Theo nhận định, đây là chuyến đi có nhiều rủi ro và cạm bẫy, bởi chuyến đi diễn ra trong thời điểm rất nhạy cảm, khi đất nước đang đứng trước một nền hoà bình rất mong manh và một cuộc chiến không thể tránh khỏi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thừa biết rằng, Chính phủ Pháp mời Người sang thăm Pháp với hy vọng khiến Người phải chấp thuận các điều kiện áp đặt có lợi cho Pháp: Thực hiện âm mưu cai trị Việt Nam một lần nữa.

Nhưng “theo mệnh lệnh của Chính phủ và ý chí của quốc dân”, ngày 31 tháng 5 năm 1946, Người chấp nhận lời mời với mục đích thể hiện và thực hiện thiện chí hoà bình bảo vệ sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, độc lập tự chủ, yêu cầu Pháp và các nước khác tôn trọng Việt Nam. Vì vậy, Người vẫn lên đường thăm Cộng hoà Pháp với tư cách là nguyên thủ quốc gia của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có chủ quyền. Bác Hồ cho rằng sang thăm nước Pháp lần này cũng là dịp tốt để đề cao vị trí của Việt Nam, tranh thủ tình cảm nhân dân Pháp và thế giới. Đặc biệt

cộng đồng người Việt ở Pháp là một chỗ dựa tin cậy, vì vẫn thường xuyên giữ mối liên hệ, có tinh thần yêu nước và đoàn kết, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Đây là một chuyến đi rất cần thiết, nhằm giới thiệu đất nước, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ với thế giới và hướng tới mục tiêu cao cả hơn là bảo vệ vững chắc nền độc lập, đồng thời để tránh một cuộc chiến tranh đẫm máu, hoặc ít ra hoà hoãn trong một thời gian nhất định đủ cho ta chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ.



*Thủ tướng Pháp Georges Bidault chào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Cộng hòa Pháp*

Dẫu biết rằng chuyến đi có thể gặp bất trắc, nhưng Bác giải thích: “*trong Chính phủ Pháp hiện có đại diện Đảng Cộng sản Pháp tham gia, ta có thể tin tưởng vào sự giúp đỡ của Đảng bạn*”.

Trước khi lên đường sang thăm Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mạnh dạn trao cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng, một nhân sỹ trí thức, không đảng phái đảm nhiệm Quyền Chủ tịch nước, với lời bàn giao nhiệm vụ nổi tiếng “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*”.

Việc trao quyền cho Cụ Huỳnh khiến nhiều người hết sức ngạc nhiên, vì theo thông lệ, người được trao quyền Chủ tịch nước phải là Phó Chủ tịch nước là Nguyễn Hải Thần (lãnh tụ Quốc dân Đảng), hoặc người thân tín, lại có quyền uy là ông Võ Nguyên Giáp. Nhưng người không chọn cách ấy. Sau này lịch sử đã chứng minh rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh trao quyền cho chí sỹ Huỳnh Thúc Kháng là sự lựa chọn ưu việt nhất, đúng đắn nhất. Nhờ thế trong suốt thời gian Người ở Pháp, mọi vấn đề an ninh chính trị đất nước đều được giải quyết ổn thoả. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Cụ Huỳnh đã giải quyết nhanh chóng vụ Ôn Như Hầu, góp phần quan trọng củng cố chính quyền non trẻ của nước Việt Nam DCCH. Điều này thể hiện rất rõ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thấy ở mọi người dân Việt Nam đều ẩn chứa một sức mạnh tiềm tàng được khơi nguồn từ một mẫu số chung của lòng yêu nước, nếu biết tổ chức, giao việc phù hợp, họ sẽ là người tốt, năng động hữu ích.



*Tại tòa Thị chính Paris, Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam nhất định không bao giờ chịu làm nô lệ một lần nữa (6/1946)*

Trong lúc đang trên đường sang Pháp, ngày 1/6/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho đồng bào Nam Bộ bức thư, có đoạn viết: “Năm ngón tay có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này người thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều là dòng dõi con của tổ tiên ta.

*Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường ta phải lấy tình thân ái mà cảm hoá họ”.*

Với cách nhìn nhận khoan dung độ lượng, tin vào nhân dân, vào con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chuẩn bị mọi nguồn lực cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược sắp tới.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng gia đình ông bà R. Aubrac ngồi chơi trong vườn (7/1946)*

*Sáng hôm đó trời mưa. Một tiểu đoàn thuộc trung đoàn bộ binh số 6 cùng Đại tá Trung đoàn trưởng mang theo quân kỳ và đội quân nhạc bồng súng chào. Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫy tay chào lại khá lâu. Khi hai chiếc Dakota cất cánh cả một rừng người ở trên máy bay và dưới sân ga vẫy cờ hoa, giữa tiếng hô vang dậy: Hồ Chủ tịch muôn năm! muôn năm!...”*

Hành trình chuyến bay kéo dài khá kỳ lạ: Từ sân bay Gia Lâm (Hà Nội) đi Rangoon (Miến Điện), qua Calcuta - Agra (Ấn Độ), đến

Từ sáng sớm ngày 31/5/1946, hàng vạn nhân dân thủ đô, tay cầm cờ hoa đi tiễn Người, trong đó có Tướng Salan và hai nhân viên làm nhiệm vụ tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp. Trong hồi ký của nhân viên tháp tùng Người đã ghi: “...

Karachi (Pakistan), qua Habegna (Iraq) đến Cairo (Ai Cập) và Bískra (Algeri) rồi đến Biaritts (Pháp). Cả đoàn phải nghỉ lại ở đây 10 ngày, rồi mới bay đến Paris.



*Chính phủ Pháp đón Bác tại sân bay Bourget, Paris*

Rõ ràng, người Pháp cố tình kéo dài cuộc hành trình của đoàn Việt Nam, nhằm trì hoãn và gây khó khăn cho cuộc thương thuyết. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh rất bình tĩnh, hằng ngày, Người tranh thủ tiếp các quan chức và các nghị sỹ Quốc hội Pháp, tiếp Việt kiều ta từ khắp nước Pháp đến và gặp gỡ nhân dân địa phương Pháp.

Đúng 16 giờ 15 phút ngày 22 /6/1946, sân bay Bourget đông nghịt người ra đón Bác. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Quốc kỳ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bay phấp phới ngang hàng cùng Quốc kỳ Pháp, đôi mắt Bác long lanh sáng ngời, xúc động nhìn lá cờ đỏ sao vàng năm cánh đang tung bay trước gió. Sau lễ chào cờ và duyệt đội danh dự, trước lúc lên ô tô, Người nói với phóng viên hãng AFP “*Tôi rất hài lòng được đặt chân lên một đất nước đã chịu nhiều đau khổ bởi lý tưởng tự do. Cảm ơn Chính phủ và nhân dân Pháp tiếp đón tôi một cách long trọng. Mong sau này, hai dân tộc Việt Nam và Pháp cộng tác một cách bình đẳng, thật thà và thân thiện*”.

Lễ đón chính thức Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn ra 10 ngày sau đó và kéo dài trong 3 ngày theo các nghi thức truyền thống đối với việc đón các nguyên thủ quốc gia. Ngoài các cuộc hội đàm, tiếp xúc chính thức với các thành viên Chính phủ Pháp, Người còn đi thăm một số di tích lịch sử

văn hoá ở Paris. Người đến thăm Normandy, nơi quân Đồng minh đổ bộ, mở mặt trận thứ 2 chống phát xít và giải phóng nước pháp. Cùng đi có Sainteny, Cao uỷ Pháp tại Bắc Bộ và Trung Bộ Việt Nam.

Trước đó, ở Pháp tin tức về cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch đã làm lay động hàng vạn trái tim kiều bào yêu nước. Và lần đầu tiên kiều bào ta được biết Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng từ lâu, đã có nhiều năm hoạt động ở Pháp và nhiều nước trên thế giới.

Mùa hè 1946, tại Pháp đã diễn ra hai sự kiện quan trọng được các phương tiện truyền thông thế giới đưa tin rầm rộ: *Tại sân bay quốc tế Bourget, nhân dân Pháp cùng đông đảo Việt kiều khắp nước Pháp kéo về, vui mừng chào đón vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập và Phái đoàn Chính phủ nước VNDCCH do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau và lần đầu tiên lá cờ đỏ sao vàng tung bay giữa thủ đô Paris, nơi sinh ra những nguyên tắc: Tự do, bình đẳng, bác ái.*

Được sự giúp đỡ của kiều bào ta tại Pháp và Đảng Cộng sản Pháp, trong thời gian thăm Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều hoạt động rất phong phú, đa dạng. Và chính bằng uy tín của mình, Người đã tận dụng mọi cơ hội, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ Pháp và quốc tế đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, Bác đã có gần 400 cuộc gặp mặt, trao đổi với nhiều nhân vật quan trọng thuộc các đảng phái, khuynh hướng chính trị khác nhau của Pháp. Người đã gặp 4 tướng lĩnh cao cấp của Pháp và tất cả các Bộ trưởng trong Chính phủ Pháp, đặc biệt là Ngài Bộ trưởng Hải ngoại Marius Moutet, đồng thời tiếp xúc rộng rãi với các giới văn hoá nghệ thuật và giới báo chí Pháp...đã làm cho họ hiểu rõ Việt Nam hơn.

Cũng trong thời gian này, Người tranh thủ hội kiến một số nhà chính trị - xã hội của nhiều nước trên thế giới đang hoạt động ở Pháp

và nói chuyện với các tầng lớp Việt kiều ở Pháp. Với phong cách chân thành, cởi mở và đầy thiện chí, khiêm tốn, giản dị trọng nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại những ấn tượng tốt đẹp cùng sự kính trọng tin tưởng trong tâm khảm của người Pháp và những nhân vật đã từng tiếp xúc với Người, kể cả các đối thủ chính trị đối với nước VNDCCH lúc bấy giờ.

Là thượng khách của Chính phủ Pháp, với phong cách đĩnh đạc, kiên quyết, kiên trì mà chân thành, thân ái, gần gũi, lại am hiểu sâu văn hoá Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gieo vào lòng nhiều chính khách và các nhà quân sự, giới văn nghệ, doanh nhân, các tầng lớp nhân dân Pháp, Việt kiều ở Pháp, dư luận quốc tế về sự quý mến, kính trọng của Người.

Đó là những tiền đề hết sức quan trọng đã làm cho nhiều trí thức, nhân sỹ Pháp và thế giới ủng hộ cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: trước sau gì người Pháp cũng tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Đó là điều không thể tránh khỏi, khi mà Phái đoàn Chính phủ do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn thương thuyết với Pháp thất bại, để cứu vãn tình thế, Bác đã nán lại ở Pháp. Quyết định này làm cho nhiều người lo lắng, bởi Người không còn là thượng khách của nước Pháp nữa, phe thực dân hiếu chiến có thể trở mặt..., nhưng Người vẫn tự tin nói: “Đảng Cộng sản Pháp lúc này cũng có vai vế lắm, các đồng chí ấy *không để chúng nó tùy tiện hại ta đâu!*”.

Những cuộc hội đàm mật giữa Người và Bộ trưởng Hải ngoại Marius Moutet vẫn tiếp tục cho đến 1 giờ sáng (giờ Paris) ngày 15/9/1946, Người đã trực tiếp ký với Bộ trưởng Hải ngoại Moutet bản Tạm ước 14/9/1946, nhằm kéo dài sự hoà hoãn với Pháp, để ta có đủ thời gian, điều kiện xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lâu dài. Đồng thời tranh thủ sự đồng tình ủng hộ Việt Nam của những người dân tiến bộ Pháp cũng như công luận thế giới và giúp Việt

kiều Pháp biết hướng về quê hương kháng chiến.

Kiều bào ta ở Pháp, rất có thiện cảm với Bác, họ từ khắp nước Pháp kéo về Paris chào đón vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Các đoàn đại biểu trí thức gồm bác sỹ, kỹ sư, luật sư, họa sỹ đều mong được gặp và nói chuyện với Người.



*Bác Hồ với Việt kiều tại Pháp*

Ngày đầu tiên Người đến ở khách sạn Royal Monceau, 60 cháu thiếu nhi theo cha mẹ đến chào Bác Hồ. Phần lớn các cháu không nói được tiếng Việt, nhưng hát được Tiến quân ca (Quốc ca), nói được câu: Hồ Chủ tịch muôn năm.

Một Việt kiều làm nghề may, quê Thanh Hoá trình bày nguyện vọng với Bác:

- Thưa Bác, cháu có hân hạnh cùng đoàn đại biểu Việt kiều đi đón Bác ở sân bay. Cháu thấy các quan khách Pháp ra đón đoàn ta ăn, mặc

rất sang trọng ..., trong lúc đó, cháu thấy Bác mặc bộ đồ ka ki đại cán quá đơn sơ, khiến suốt đêm cháu không sao ngủ được. Hôm nay xin phép Bác cho cháu được may đo gấp cho Bác vài bộ đồ để mặc với thiên hạ.

Người tươi cười, ôm lấy người thợ may và nói:

*- Tôi xin cảm ơn tấm lòng tốt của cháu đối với đất nước cũng như đối với tôi.*

*Tôi nói thật với chú, toàn dân ta đang nỗ lực chống ngoại xâm, để bảo vệ độc lập, tự do, đồng bào ta hy sinh và còn phải hy sinh nhiều hơn nữa cho tới khi thắng lợi hoàn toàn. Dân ta còn phải cần kiệm hơn nữa để vượt qua khó khăn về mọi mặt. Tôi nhận thấy chúng tôi ăn mặc như thế này cũng còn hơn bà con trong nước nhiều lắm rồi.*

Nghe vậy, mọi người rung rung lệ.

Với sức cảm hoá chân thành của Người, khiến nhiều Việt kiều yêu nước đã từ bỏ cuộc sống giàu sang, phú quý, chức lợi, danh vọng, điều kiện làm việc thuận lợi ... để theo Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, trước mắt phục vụ kháng chiến như kỹ sư Phạm Quang Lễ (Trần Đại Nghĩa), Võ Quý Huân, Võ Đình Quỳnh, bác sỹ Trần Hữu Tước. Sau đó còn có các vị : Nguyễn Khắc Viện, Phạm Huy Thông, Trần Đức Thảo, theo lời kêu gọi của Người, tiếp tục về nước tham gia kháng chiến, kiến quốc.. Tất cả các Việt kiều về nước đều phát huy được sở trường, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ và kiến thiết quốc gia.



*Tại tư dinh Marius Moutet HCT đã ký Tạm ước Việt-Pháp 14-9-1946*

Cuộc đi thăm Pháp, ngoài việc ký với Pháp bản Tạm ước 14/9. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đạt được những thành công lớn là nối lại được mối quan hệ gắn bó với Đảng Cộng sản Pháp và những đồng chí cũ, kết giao thêm nhiều bạn bè ủng hộ Việt Nam, tạo ấn tượng sâu sắc về một đất nước vừa mới giành được độc lập.

Sau khi ký Tạm ước xong, Người bàn với anh em về nước bằng tàu thủy, khiến nhiều người thắc mắc, sao không về bằng máy bay cho nhanh? Người giải thích ngay:

- Không nên về bằng máy bay, có thể gặp nguy hiểm. Đi tàu thủy có cả đoàn thủy thủ, người Pháp không thể làm bậy. Các chú cứ bảo với phía Pháp rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh chúng tôi mệt, không đi được máy bay là xong.

Thế là ngày 16/9/1946, xe hơi đưa đoàn đến ga Lyon lúc 7 giờ 30. Tại đây đã có đông đủ kiều bào đứng đón hai bên đường và hô to khẩu hiệu: Hồ Chí Minh muôn năm! Và hát vang bài Quốc ca.

Bác đi bộ đến toa xe lửa đặc biệt dành cho Tổng thống Pháp. Bác dừng lại, cảm ơn các quan khách các vị Thượng thư Chính phủ Pháp, các vị Nghị viên ra tiễn Bác. Bác ôm hôn các cháu nhi đồng và nhấn nhủ đồng bào Việt kiều lần chót trước khi rời Paris: Đoàn kết, kỷ luật. Đó là lời dặn lại anh chị em Việt kiều đi tiễn Bác.

9 giờ 15 đoàn tàu đến Marseille. Tại đây đã có rất nhiều kiều bào đón chờ ở ga. Bác xuống tàu, nói chuyện hồi lâu với kiều bào. Bác vẫy tay tạm biệt nước Pháp, tạm biệt kiều bào.

Ngày 18/9/1946, chiến hạm Doumont d'Urvill kéo còi rời quân cảng Toulon đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh, hai tùy tùng và 4 Việt kiều trí thức: Võ Quý Huân, Trần Hữu Tước, Vũ Đình Quỳnh và Phạm Quang Lễ, cùng lá cờ đỏ sao vàng trên nóc hạm pháp phới lướt sóng tiến về phía trước, để lại phía sau một nước Pháp đầy mưu toan./.

## **PHONG CÁCH ỨNG XỬ NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH**

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà chính trị lỗi lạc, mà còn là nhà ngoại giao kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, là người sáng lập và đặt nền móng cho ngành ngoại giao cách mạng Việt Nam, đồng thời định hướng cho nền văn hoá ngoại giao Việt Nam hiện đại. Văn hoá ngoại giao của Người mang những giá trị đặc sắc, được thể hiện qua tư tưởng, hoạt động, tri thức, ngôn ngữ, nghệ thuật và phong cách ứng xử.

Người là Chủ tịch nước kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đầu tiên của nước VNDCCH. Người đã trực tiếp soạn thảo đường lối đối ngoại, đồng thời trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các hoạt động đối ngoại, đưa ngoại giao trở thành một mặt trận, đóng góp to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao thiệp với rất nhiều bạn bè trên thế giới, có những người bạn cùng chí hướng, có cả những kẻ thù, trong nhiều hoàn cảnh và trên nhiều vị thế khác nhau. Phong cách ứng xử tài tình của Người trong hoạt động đối ngoại đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng như phong trao đấu tranh cho nền hòa bình chung của nhân loại. Như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói “*sự ứng xử linh hoạt của Hồ Chí Minh trong giao tiếp ngoại giao đã trở thành những câu chuyện huyền thoại*”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu các hoạt động đối ngoại từ khi ra đi tìm đường cứu nước năm 1911. Người thực hiện rất nhiều dạng hoạt động, từ giao lưu với nhân dân, tiếp xúc với báo chí, lập hội, viết báo, viết sách nói về nỗi thống khổ của nhân dân Việt Nam, nhân dân các nước thuộc địa, tố cáo tội ác của thực dân, đế quốc. Tất cả các hoạt động

này đều nhằm mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Từ khi Đảng ta ra đời dưới sự lãnh đạo của Người, độc lập dân tộc luôn luôn là mục tiêu cao nhất của công tác đối ngoại. Các hoạt động của Người dù với tư cách là một nhà cách mạng hay là nguyên thủ quốc gia đều thể hiện rõ nét phong cách ngoại giao gần gũi theo cách tiếp cận quần chúng nhân dân.



*Nhận lời mời của Tổng thống R. Prasad, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm hữu nghị nước Cộng hòa Ấn Độ (2/1968). Ảnh: Tổng thống R. Prasad ra tận sân bay New Delhi đón Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

Thế giới ca ngợi văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vì không những Người là một biểu tượng mẫu mực về đạo đức mà phong cách ngoại giao của Người là tấm gương cho lãnh đạo các nước và giới chính khách học tập. Như một nhà nghiên cứu đã nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết hợp tuyệt vời giữa “*đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin...*” Qua nghiên cứu và tìm

hiều, chúng ta có thể cô đúc về phong cách ngoại giao kiệt xuất Hồ Chí Minh với những đặc điểm chính sau:

Phong cách ứng xử linh hoạt, bản lĩnh, tự tin, trí tuệ và khôn khéo của Hồ Chí Minh để giữ vững mục tiêu đấu tranh vì độc lập, tự do và hòa bình của dân tộc.

Chính phong cách ứng xử ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mang lại sự cảm phục yêu mến đối với Người. Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru đã từng nói: *“Chúng ta được tiếp xúc với một người, người ấy là một phần lịch sử của châu Á. Ngoài phần gặp gỡ một con người vĩ đại, chúng ta không chỉ được tăng thêm về sự hiểu biết, mà chúng ta còn lớn lên về tầm vóc. Được gặp người ấy, một con người từng trải khiến chúng ta trở nên tốt hơn”*.

Phong cách ứng xử nhân văn của Người đã được nhà nghiên cứu Mỹ David Halberstam ghi nhận: *“Toàn thể con người của ông toát lên một phong thái bình dị và tế nhị bẩm sinh”*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “đi xa” cách nay đã 54 năm, nhưng tư tưởng ngoại giao của Người là bản sắc của một nền ngoại giao hiện đại, là cội nguồn sức mạnh đầy sức sống của ngoại giao Việt Nam và là nhân tố giúp cho ngoại giao Việt Nam luôn đi đúng hướng, giữa muôn vàn biến cố của thời cuộc, luôn vững vàng nguyên tắc trong mọi chao đảo của tình hình trong mọi giai đoạn cách mạng. Người đã để lại nhiều bài học quý báu cho ngoại giao Việt Nam hiện nay. Di sản Hồ Chí Minh không chỉ trở thành kim chỉ nam cho đường lối hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, mà còn trở thành một bộ phận “sức mạnh mềm” của ngoại giao Việt Nam. Đó là ngoại giao nhân dân, ngoại giao cây tre Việt Nam hiện nay.

Sự kiên định giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ nhưng lại hết sức mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược, khéo léo và bản lĩnh để đấu tranh ngoại giao trước kẻ thù nhằm giành, giữ và bảo vệ nền độc lập cho dân

tộc, tự do cho nhân dân Việt Nam đã trở thành nét đặc sắc và được nhắc đến nhiều trong phong cách ứng xử ngoại giao của Hồ Chí Minh. Lúc hoạt động ở Pháp, khi được hỏi tại sao bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, Người trả lời: *“Rất giản đơn, Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập. Vì vậy tôi đã bỏ phiếu tán thành. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn”*. Và cả khi đứng trước kẻ thù của dân tộc Người luôn ngẩng cao đầu, tự tin và bản lĩnh.

Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh bao hàm những nguyên lý, nội dung, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao. Người đề cao các quyền dân tộc cơ bản, bao gồm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, hoà bình và chống chiến tranh xâm lược. Người nhấn mạnh ngoại giao *“phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ”*; độc lập tự chủ, tự lực tự cường phải gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế, theo đó Việt Nam sẵn sàng *“làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với ai”* Người hết sức coi trọng tình hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới, mở rộng bang giao với các nước trong khu vực và trên thế giới, xử lý tốt mối quan hệ với các nước lớn để phục vụ lợi ích cách mạng.

Về phương pháp, Người xác định ngoại giao là một mặt trận, một bình chũng hợp thành của cách mạng Việt Nam, kết hợp nhuần nhuyễn *“vừa đánh vừa đàm”*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, để tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn. Người luôn đặt Việt Nam trong dòng chảy của thế giới, coi trọng các trung tâm quyền lực, các trào lưu lớn. Người đề cao *“đĩ bất biến, ứng vạn biến”*, lấy cái không thể thay đổi để ứng phó với muôn sự thay đổi, giữ vững tính nguyên tắc, kiên định, vững chắc của mục tiêu chiến lược với tính linh hoạt, uyển chuyển của sách lược cách mạng.

Trên nền tảng văn hoá dân tộc, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh

thấm đẫm giá trị tinh hoa văn hoá của nhân dân, kết hợp nhuần nhuyễn văn hoá Đông Tây. Về tư duy, Người căn dặn phải có quan điểm toàn diện, để thấy rõ được xu thế chung và chiều hướng của tiến bộ xã hội. Trong ứng xử, Người kết hợp hài hoà giữa các giá trị dân tộc và quốc tế, làm cho mọi người cảm thấy gần gũi, thân tình. Trong giao tiếp, Người thể hiện tính cách bình dị để gửi gắm những thông điệp ngoại giao.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng bí thư Trường Chinh đến thăm triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân Liên Xô (7/1955)*

Nét nổi bật về nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh là sự vận dụng nhuần nhuyễn “năm cái biết”: biết mình, biết người, biết thời thế, biết dừng và biết biến. là khả năng tạo dựng thời cơ và chớp thời cơ. Là ngoại giao tâm công giúp thu phục lòng người bằng chính nghĩa, tình người, lẽ phải và đạo lý.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ vững nguyên tắc nhưng về sách lược Người rất khôn khéo, mềm dẻo và linh hoạt “đĩ bất biến, ứng vạn biến”,

biết mình, biết người, biết thời thế để đạt được mục tiêu cao nhất. Sau Cách mạng tháng Tám 1945 chính quyền cách mạng non trẻ của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, phải cùng lúc đối mặt với thù trong giặc ngoài. Nhằm giữ vững chính quyền, phương châm của Người là: Găng nhưng không được bẻ... Chúng ta sẵn sàng nhân nhượng để có một giải pháp chung. Song, độc lập quốc gia và tự do dân tộc thì không được vi phạm. Trước khi sang Pháp đàm phán, Người dặn lại quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng bí quyết “Dĩ bất biến ứng vạn biến” và kết quả mọi việc đều chu toàn. Câu nói này về sau gần như trở thành kim chỉ Nam cho hoạt động ngoại giao hiện đại của nước ta. Trên đường từ Pháp về Việt Nam, đô đốc D’Argenlieu xin gặp Người với mục đích diễn võ dương oai, uy hiếp tinh thần. Đến lúc gặp, Người chủ động ôm hôn Đô đốc Pháp làm các đồng chí cùng đi thắc mắc, Người giải thích: “*Đánh nhau thì đánh nhau, mình hôn nó một cái thì có mất gì!*” Trong buổi chiều đãi, Người ngồi giữa, một bên là Đô đốc Hải quân Pháp, bên kia là Thống soái lục quân Pháp ở Viễn Đông, A’Argenlieu bóng gió, dậm dọa: “*Thưa ông Chủ tịch, ông đã được đóng bộ khung rất đẹp của hải và lục quân đó!*” Người mỉm cười đáp lại: “*Giá trị là ở bức tranh chứ không phải là bộ khung. Chính bức họa đem lại giá trị cho bộ khung!*”

Với tinh thần độc lập tự chủ và tư duy sáng tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn theo sát thực tiễn để dự báo thời cơ, tạo dựng và kịp thời nắm bắt thời cơ, chủ động và linh hoạt trong hoạt động đối ngoại, theo tinh thần “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*” để “*biến đại sự thành tiểu sự, tiểu sự thành vô sự*”, vận dụng nhuần nhuyễn nhân nhượng có nguyên tắc và vận dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương, thêm bạn bớt thù, tiến hành ngoại giao tâm công đề cao tinh thần nhân nghĩa, bác ái và đạo lý trong quan hệ quốc tế. Những phương pháp nghệ thuật ngoại giao tiêu biểu đó được hậu thuẫn bởi tư tưởng nhân văn cao cả trong con người Hồ Chí Minh, thông qua cách thể hiện giản dị, dễ cảm hoá và có sức thuyết phục cao, cùng với lời viết ngắn gọn, hàm súc, dễ hiểu như những

vần thơ: *Lạc nước hai xe đành bỏ phí/ Gặp thời một tốt cũng thành công*, toát lên tính năng động, biến hoá trong tư tưởng cách mạng và tư tưởng ngoại giao của Người.

Người thường căn dặn: Để làm công tác đối ngoại tốt trong bối cảnh quốc tế đầy biến động chúng ta cần nắm vững đường lối đối ngoại, mục tiêu và chính sách ngoại giao của Đảng và Nhà nước trong mỗi giai đoạn cách mạng, đồng thời tính đến tương quan lực lượng, nắm vững thực lực của đất nước và của đối phương, để đưa ra những đối sách ngoại giao cụ thể, phấn đấu đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài. Bác còn căn dặn: *“Người ta cương thì mình phải nhu, phải khôn khéo lấy nhu thắng cương thì mới biết mình biết người”* và *“phải hiểu cả hai bên mới có thể làm tròn nhiệm vụ”*.

Có thể thấy, ở mọi tình huống Người đều có cách phản ứng nhanh nhạy nhằm khẳng định và nâng cao vị thế của dân tộc. Tháng 5/1946, Cao ủy Đông Dương A’Argenlieu đến Hà Nội. Phía Pháp tổ chức lễ đón long trọng để phô trương thanh thế. Họ mời Bác đến dự lễ vào ngày 19/5/1946. Ngày 18/5 sau khi nhận giấy mời, Người cho thư ký Vũ Đình Huỳnh thông báo với các đồng chí trong Chính phủ, Trung ương và đoàn thể: Ngày 19/5 đến dự kỷ niệm sinh nhật của Bác và cử Bộ trưởng Phan Anh thay mặt Chính phủ đến dự lễ của phía Pháp. Và kết quả là tối 19/5, Cao ủy D’Argenlieu và Ủy viên Cộng hòa Sainteny mang hoa đến chúc mừng sinh nhật của Người. Năm 1946, tàu chở Bác từ Pháp về đi qua vùng Manta, thuộc quyền kiểm soát của nước Anh, viên hạm trưởng Pháp phải cho tàu cập bến để xin thủ tục hải quân Anh. Hiểu rõ thông lệ quốc tế, Người thấy đây là cơ hội tốt để nâng cao hình ảnh và vị thế của đất nước, nên đã yêu cầu kéo lá cờ Việt Nam lên, nhưng viên thuyền trưởng đã thoái thác. Người đáp lời nhẹ nhàng nhưng cương quyết: *“Thưa Ngài, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hiện là một nước tự do, là một thành viên trong Liên bang Đông Dương... Hơn ai hết, các Ngài phải hiểu rằng, lá quốc kỳ của chúng tôi phải được kéo lên để cho người Anh và những thực dân khác ở châu Á biết sự hiện diện của nước Việt Nam”*. Yêu

cầu của Người là rất chính đáng, dù khó chịu nhưng nhà cầm Pháp phải đồng ý. Trong cuốn hồi ký “*Câu chuyện về nền hòa bình bị bỏ lỡ*”, J. Saiteny bày tỏ tình cảm sâu sắc với Người và khẳng định: “*Hồ Chí Minh chỉ có một mục đích thật sự, một mục đích cuối cùng, đó là Độc lập của Việt Nam*”.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và phát biểu tại phiên họp của Quốc hội Liên bang Miến Điện (17/2/1958)*

Phong cách giao tiếp giản dị, chân tình, dễ cảm hóa, có tính thuyết phục cao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người phi thường và xuất chúng, nhưng lại cực kỳ gần gũi, giản dị. Những vị khách quốc tế gặp Người bao giờ cũng giữ lại ấn tượng sâu sắc và luôn tìm cách lý giải về sức cảm hóa kỳ lạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh bởi vốn hiểu biết uyên bác, tài trí thông minh tuyệt vời, ý chí nghị lực; hoặc cũng bởi sự giản dị, lạc quan, thẳng thắn, kinh nghiệm và tự tin kết hợp với phong cách lịch thiệp, nho nhã.

Ngày 12/10/1954, nhà văn Ba Lan M. Julavsky gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Sơn Tây. Người ra hiệu cho đồng chí phiên dịch không phải dịch. Khi nghe phóng viên báo Sự thật hỏi, Người trả lời bằng tiếng Nga. Sau đó Người nói chuyện bằng tiếng Ý với phóng viên Tạp chí UNITA, bằng tiếng Anh với phóng viên báo Công nhân, rồi Người vui vẻ giải thích bằng tiếng Pháp tại sao mình nói được nhiều ngôn ngữ như vậy khiến mọi người đều tỏ ra ngưỡng mộ và khâm phục.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thể hiện phong cách ngoại giao giản dị, nhân văn, kết hợp hài hoà các giá trị truyền thống và hiện đại, kết tinh văn hoá ứng xử phương Đông và phương Tây.

Cứ mỗi lần chiêu đãi khách, khi tan tiệc Người thường nói theo phong tục người Việt, ăn cỗ phải mang phần về cho người ở nhà nên ai cũng được nhận quà của Người. Khi tiếp khách bạn Lào, thấy gió mùa đông bắc tràn về, Người lấy khăn tặng hai đồng chí quàng khỏi lạnh. Ngày 1/1/1960, các đoàn ngoại giao và khách quốc tế tại Hà Nội đến Phủ Chủ tịch chúc tết Bác Hồ. Cuối bữa tiệc, Bác cầm một quả táo to và túi kẹo đi đến chỗ ông đại sứ Ấn Độ: *“Ngài đại sứ có đưa phu nhân sang đây không?”*, vị tướng ngoại giao cảm động, lúng túng trả lời chỉ đưa theo cháu trai 9 tuổi, Bác nói: *“Thế thì tôi gửi ông mang về cho cháu quả táo này và gửi cháu những cái hôn”*, rồi Bác nói với quan khách: *“Tết ở nhà các vị chẳng thiếu thứ gì. Nhưng xin các vị hãy cầm lấy chút hoa quả trên bàn và mang về gọi là quà của Bác Hồ tặng các cháu ở nhà”*. Mọi người ò lên vui vẻ, nhưng xúc động và cảm phục sự quan tâm của Hồ Chủ tịch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không câu nệ đôi đấng chức vụ trong giao tiếp với các tầng lớp nhân dân trên thế giới ở những cương vị khác nhau, khiến cho mọi người cảm thấy Người thật gần gũi, thân tình. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người sẵn sàng hòa mình vào cuộc sống của những người dân lao động nghèo khổ ở các dân tộc trên thế giới, kiếm sống bằng những nghề lao động rất bình dị như đầu bếp, chép tranh, cào tuyết... Năm 1913, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp cho khách sạn Carlton (Anh), nơi đầu bếp nổi tiếng người Pháp Escoffier làm bếp trưởng. Bất kỳ khi nào nhìn thấy một khoanh bít tết lớn hay miếng thịt gà to còn chưa được đụng đến, anh lại chuyển chúng sang một chiếc đĩa sạch và gửi trở lại nhà bếp. Một lần, Escoffier hỏi Ba *“Tại sao anh không vứt những thức đó vào thùng rác như những người khác?”*, anh Ba trả lời *“Những thứ này không nên vứt đi. Ông có thể mang chúng cho người nghèo”*. Khi trên cương vị Chủ tịch nước, tình

yêu thương bao la đối với người dân lao động càng được vun đắp, Bác luôn quan tâm, gần gũi không hề có khoảng cách giữa lãnh tụ và quần chúng. Trong chuyến thăm Ấn Độ năm 1958, Bác đã nồng nhiệt bắt tay những người dân nghèo và trò chuyện với họ vô cùng thân thiện, gọi họ là những người bạn, người đồng chí, đây là điều hiếm thấy trong xã hội Ấn Độ khi còn tồn tại tàn dư của chế độ phân chia đẳng cấp.

Mỗi cử chỉ hành động của Người đều rất khéo léo, cẩn trọng, có thái độ và cách ứng xử phù hợp để tránh những nghi thức ngoại giao khi cần mà vẫn giữ được tình cảm chân thành đối với những người bạn, đồng chí, anh em đã từng kề vai sát cánh, giúp đỡ Người trên con đường hoạt động cách mạng. Ngày 15/12/1961, Đoàn đại biểu Trung Quốc do Nguyên soái Diệp Kiếm Anh dẫn đầu sang thăm hữu nghị nước ta. Khi biết Đoàn đại biểu sẽ đến chào mình ngay sau khi tới Việt Nam, Người đã ôn tồn nói: *“Hồi trước, khi Bác đi từ Diên An về phương Nam, đồng chí Diệp Kiếm Anh đã từng là đội trưởng và Bác là bí thư chi bộ. Do đó, Bác quyết định là Đại tướng Võ Nguyên Giáp sẽ ra đón đoàn ở sân bay, khi về tới Bắc Bộ phủ đã có Bác. Bác sẽ dự cơm thân mật với đoàn đại biểu Trung Quốc, nhưng không công bố trên báo, vì như vậy sẽ không tiện về mặt lễ tân. Bởi lúc đó Bác là Chủ tịch nước, còn đồng chí Diệp Kiếm Anh chỉ là một trong mười nguyên soái của Trung Quốc. Nhưng là chỗ thân tình từ trước đến nay nên Bác sẽ có mặt ở Bắc Bộ phủ. Bác không thể làm khác được”*. Khi được đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đón tiếp đồng chí Diệp Kiếm Anh đã rất cảm phục trước ứng xử thấu tình đạt lý của Người.

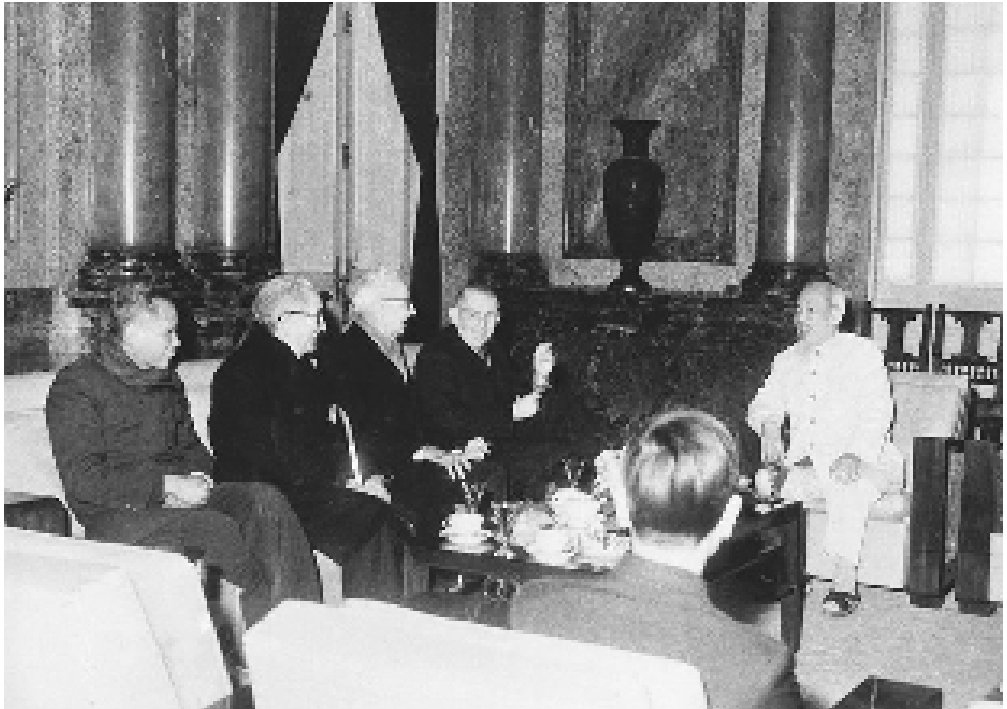
Phong cách ứng xử bản lĩnh, tự tin và khôn khéo của Hồ Chủ tịch là nhằm giữ vững mục tiêu đấu tranh vì độc lập, tự do và hoà bình của dân tộc.

Sự kiên định giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ nhưng lại hết sức mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược, khéo léo và bản lĩnh để đấu tranh ngoại giao trước kẻ thù nhằm giành, giữ và bảo vệ nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân Việt Nam, tạo thành nét đặc trưng trong phong

cách ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh. Lúc hoạt động ở Pháp, khi được hỏi tại sao bỏ phiếu tán thành Quốc tế III. Người trả lời: *“Rất giản đơn, Đệ tam Quốc tế nói sẽ giúp đỡ dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập. Vì vậy, tôi đã bỏ phiếu tán thành. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn”*. Và cả khi đứng trước kẻ thù của dân tộc, Người luôn ngẩng cao đầu, tự tin và bản lĩnh. Cuối tháng 6 năm 1922, viên Toàn quyền Đông Dương Albert Saraut cho gọi Nguyễn Ái Quốc lên để dọa nạt, cảnh cáo trước những hoạt động cách mạng của Người ở Pháp. Ông ta tìm mọi cách mua chuộc Nguyễn Ái Quốc, nhưng Người đã khảng khái đáp trả viên Toàn quyền Đông Dương: *“Cảm ơn Ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập ...”*. Cuộc gặp tuy ngắn ngủi, nhưng đã thể hiện khí phách bất khuất trước kẻ thù, sự kiên định với lý tưởng và thái độ ung dung, bình tĩnh của Nguyễn Ái Quốc trước tay cáo già thực dân, khiến Albert Saraut phải kính nể. Vì thế trong chuyến đi thăm chính thức nước Pháp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời Albert Saraut đến dự bữa tiệc chiêu đãi, khi gặp Người ông ta phải thốt lên: *“C’est vous!”* (lại là ông!). *Tôi đã trải qua một phần lớn cuộc đời để chạy theo ông”*.

Ngay cả đối với kẻ thù khi đã buông súng đầu hàng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đối xử với họ rất khoan dung, độ lượng. Lòng bao dung, bác ái toát lên một cách thật tự nhiên, giản dị từ những cử chỉ, hành động của Người. Khi thăm trại tù binh trong chiến dịch Biên giới 1950, thấy một đại úy quân y Pháp đang rét run vì lạnh. Người đã cởi chiếc áo khoác của mình trao cho anh ta. Viên sĩ quan Pháp cảm động trào nước mắt. Sau đó Người gọi đồng chí Cao Pha - Trưởng ban quân báo đến nhắc nhở: *“Sao chú cho lột giày tù binh rồi treo lên cổ họ? Đối với người phương Tây, không có giày dép họ đi lại rất khó khăn, khổ sở. Nếu sợ tù binh chạy trốn thì chí ít chú phải cho họ đi tất chứ!”*. Trong chuyến trao trả tù binh cuối cùng sau kháng chiến chống Pháp ngày 3/9/1954, một sĩ quan Pháp đã xúc động nói: *“Trong tâm lòng biết ơn nhân dân Việt Nam, tôi không*

thể nào quên Chủ tịch Hồ Chí Minh với tấm lòng khoan dung, đại lượng và chính sách khoan hồng của Người đối với chúng tôi”. Nhà thơ Đức Vili Xanbao đã viết: “Trong tầm nhìn của Bác, không những cho thấy Người là nhà Quốc tế đáng kính phục mà còn là nhà văn hóa lớn, giàu tình thương yêu nhân loại”.



*Hồ Chủ tịch tiếp đoàn trí thức Mỹ phản đối chiến tranh VN, 17-1-1967*

Nhờ vốn sống phong phú, sự am hiểu tình hình thế giới, đặc biệt nhanh chóng nhận biết được ý định của người đối thoại mà Hồ Chí Minh có thể lựa chọn cách ứng xử hợp lý nhất. Người dùng ngôn ngữ giản dị, ngắn gọn và dễ hiểu song đầy sức thuyết phục để khơi dậy tình cảm nhân văn của người đối thoại, thuyết phục họ chấp nhận lẽ phải. Không chỉ lời nói, có những hoàn cảnh, chỉ cần một hành động nhỏ của Bác cũng thấy thuyết phục lòng người. Trong chuyến thăm chính thức Pháp năm 1946, một phóng viên đã hỏi Người: “*Thưa Chủ tịch Ngài có phải là cộng sản*

không?”. Điềm tĩnh đi tới lẵng hoa trên bàn, Hồ Chí Minh rút ra những bông hoa đẹp nhất, đem tặng những người có mặt và nói: *“Tôi là người cộng sản thế này!”*.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm thủ đô Matxcova (7/1955)*

Đôi lúc Người cũng diễn đạt một cách hài hước, ví von nhưng vẫn giữ được sự tinh tế, sâu sắc để người nghe dễ cảm nhận. Ngày 26/7/1957, cuộc hội đàm giữa đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta với các vị đại diện nước Cộng hòa Dân chủ Đức diễn ra suốt cả ngày, ai cũng mệt mỏi và buồn ngủ. Khi phía bạn báo cáo năng suất cao của việc nuôi một loại cá chép lai giống, Bác hỏi: *“Các đồng chí có loại cá không có xương không?”*. *“Thưa không. Ở Việt Nam có loại cá không xương hay sao?”*. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Otto Grotewohl hỏi với vẻ ngạc nhiên. Nghiêm nét mặt Người nói: *“Vâng, có”*. *“Thưa Chủ tịch, có thể xuất khẩu loại cá ấy cho chúng tôi được không?”*. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Otto đề nghị. Người trả lời: *“Chúng tôi sẵn sàng”*. Rồi Người kể về câu chuyện *“con cá gỗ”* của đồng bào xứ Nghệ. Các đại biểu được một trận cười thoải mái. Vào khoảng 22h ngày 17/7/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi dạo với vợ chồng Thủ tướng Đức Otto và Johana trên đường phố Berlin, khi người dân nhận ra và xúm lại, vây quanh, Bác đã bắt tay từng người rồi hỏi chuyện một đôi nam nữ trẻ tuổi bằng tiếng Đức: *“Các cháu có biết không, sang đến đây Bác mới biết mình là người giàu nhất nước Đức này?”*, Người giơ tay chỉ và nói: *“Các cửa hàng lớn đều đề tên HO là của Bác! (HO*

tiếng Đức là viết tắt tên cửa hàng quốc doanh)”. Thế là tất cả mọi người đều vỗ tay cười trước câu nói dí dỏm đó.

Charles Fourniau, nhà sử học Pháp hồi tưởng buổi phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 15/7/1969: “Giọng nói của Người rất tự chủ, lúc nào cũng đi thẳng vào vấn đề, không chút nghi thức. Giờ phút được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh hôm ấy là một trong những giờ phút đáng ghi nhớ trong đời tôi. Người không để lộ với tôi những bí mật nhà nước, không tìm cách dạy tôi một bài học về đạo đức hay chính trị nhưng càng nghe tôi càng thấy Người vừa nói về một vấn đề lớn của đất nước, vừa dạy cho tôi một bài học luân lý chính trị”.

Cách diễn đạt ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu và mang giá trị thực tiễn cao.

Nhà sử học Italy Pino Perugia đánh giá bức thư Gửi đồng bào toàn quốc của Hồ Chí Minh viết năm 1944: “Là một bản tổng hợp tiêu biểu sự tiến triển chính trị và tư tưởng của cả một dân tộc”. Bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam do Người đọc ngày 2/9/1945 đã mở đầu bằng câu trích từ Tuyên ngôn độc lập 1776 của Mỹ, sau đó là dẫn ý bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791. Thực dân Pháp trở mặt quay lại xâm lược nước ta, Người ra lời hiệu triệu: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước”.

Chủ nghĩa đế quốc thay chân chủ nghĩa thực dân cũ với vũ khí tối tân hơn, nhiều tiền hơn, lăm lăm đánh thuê hơn. Người gửi thư cho nhân dân Mỹ: “Chính phủ Mỹ làm tưởng rằng với sức mạnh tàn bạo, họ có thể bắt nhân dân Việt Nam chúng tôi phải đầu hàng. Nhưng nhân dân Việt Nam quyết không bao giờ khuất phục. Chúng tôi yêu chuộng hòa bình, nhưng phải là hòa bình chân chính trong độc lập, tự do. Vì độc lập tự do, nhân dân Việt Nam quyết không sợ gian khổ, hy sinh và quyết chiến đấu chống bọn xâm lược đến thắng lợi hoàn toàn”.

Trước ý đồ đẩy miền Bắc Việt Nam về thời kỳ đồ đá bằng bom rải thảm, Người kêu gọi: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do! Nhân dân Việt Nam nhất định thắng! Giặc Mỹ xâm lược nhất định thua*”. Nhà văn Stanley Karent đã viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Tạp chí Time: “*Không hề có sự lay chuyển trong niềm tin của ông Hồ, không thể làm nhụt ý chí của Người. Ngay cả khi cuộc chiến tranh tàn phá đất nước của Người, Người vẫn tin tưởng vào ngày độc lập của Việt Nam. Và hàng triệu người Việt Nam đã chiến đấu và hy sinh để giành mục tiêu này*”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết hơn 1500 bài báo dưới 53 bút danh khác nhau và Người thường xuyên đọc khoảng 70 loại báo trong và ngoài nước. Jean Lacouture nhận định: “*Văn phong kỳ lạ, rõ ràng là thế! Người ta không thấy có giọng văn này ở cả Xtalin, Churchill hay De Gaulle, còn văn Cụ Hồ thì vươn tới tiếng nói của lịch sử*”.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Vạn Lý Trường Thành*

Ứng xử với phương châm “vừa là đồng chí, vừa là anh em” nhằm xây dựng khối đại đoàn kết giữa các quốc gia trên thế giới, tranh thủ sự

ủng hộ quốc tế trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.

Phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh là sự kết hợp của nhiều nguồn lực trí tuệ, tinh thần, vật chất, tạo nên một sức mạnh tổng hợp. Đúng như nhà báo Mỹ David Halberstam kết luận trong cuốn sách “*Hồ*” rằng: “*Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Gandhi, hơi giống Lenin, hoàn toàn Việt Nam*”.

Bằng lời nói và việc làm cụ thể, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tầm gương tuyệt vời về tinh thần đoàn kết quốc tế “*bốn phương vô sản đều là anh em*”, những tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với anh em, bạn bè trên thế giới là biểu hiện tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình nhân loại và tiến bộ xã hội. Trước mỗi thắng lợi cách mạng của các dân tộc, Người đều gửi thư chúc mừng và coi đó cũng là thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Đánh giá về thắng lợi cuộc kháng chiến của nhân dân Triều Tiên (1950-1953), Người khẳng định: “*Kháng chiến Triều Tiên thắng lợi. Đó là thắng lợi của phe ta. Thắng lợi của anh em ta tức là thắng lợi của ta*”. Phấn khởi trước thành tựu của nhân dân Liên Xô về xây dựng xã hội chủ nghĩa, Người đã viết: “*Chúng tôi coi sự nghiệp và thành tựu của nhân dân Liên Xô báo hiệu và đảm bảo cho sự nghiệp và thành tựu của chính mình*”. Trong chuyến thăm Liên Xô năm 1955, khi nói chuyện với các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, Người thân tình nói rằng: “*Tuy Việt Nam và Liên Xô cách nhau hàng ngàn dặm nhưng trái tim chúng ta luôn luôn ở bên nhau và đập chung một nhịp*”.

Trước những mâu thuẫn, xích mích nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt giữa hai nước Liên Xô và Trung Quốc đã gây ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng chung của thế giới cũng như cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất lo lắng. Ngày 2/11/1960, đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế đã họp tại Mátxcova. Tại cuộc họp này, cả Liên xô và Trung Quốc không tìm được tiếng nói chung. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những ứng xử khéo léo, với uy tín

cao, đã kết hợp giải thích, thuyết phục và tìm cách hòa giải. Trong bài phát biểu trước hội nghị Người nhấn mạnh: *“Trong sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, giữa các đảng Mác – Lênin trên thế giới, sự đoàn kết giữa Liên Xô và Trung Quốc, giữa Đảng cộng sản Liên Xô và Đảng cộng sản Trung Quốc có một tầm quan trọng đặc biệt. Chúng tôi cảm thấy rất sâu sắc tầm quan trọng của sự đoàn kết giữa Liên Xô và Trung Quốc... Chúng ta đều là anh em ruột thịt trong đại gia đình cộng sản quốc tế. Để đánh thắng kẻ thù chung chúng ta nhất định phải đoàn kết chặt chẽ”*. Cuối cùng Người đã đưa hai đoàn Liên Xô, Trung Quốc đi tới đồng thuận và Tuyên bố chung của Hội nghị 81 đảng được thông qua. Không những vậy Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khéo léo tỏ rõ lập trường quan điểm của mình. Năm 1960, ở Trung Quốc diễn ra cuộc Cách mạng văn hóa, Người đã thực hiện chủ trương *“cách mạng văn hóa là vấn đề nội bộ Trung Quốc”*. Không tỏ thái độ ủng hộ hay phản đối, nhưng khi được Chủ tịch Mao Trạch Đông gợi ý thực hiện cách mạng văn hóa ở Việt Nam, Người đã nhã nhặn, khéo léo từ chối: *“Việt Nam trước mắt không thể làm đại cách mạng văn hoá, chúng tôi còn làm đại cách mạng võ hoá đã”*.

Là nhà hoạt động cách mạng đấu tranh vì quyền lợi của các tầng lớp nhân dân, ứng xử của Hồ Chí Minh thấm đẫm tính nhân văn sâu sắc. Người thực hiện chính sách ngoại giao “tâm công”, phân biệt rất rõ đâu là thù đâu là bạn để có những ứng xử phù hợp nhằm khơi dậy những tình cảm tốt đẹp của nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình, kêu gọi sự ủng hộ Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc. 17 giờ ngày 26/6/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp luật sư Max Clainville Bloncourt, Người bày tỏ nỗi lòng: *“Tôi không hề căm thù người Pháp. Tôi không hề ghét bỏ nhân dân Pháp. Tôi yêu mến nước Pháp và nhân dân Pháp. Tôi đến đây để đàm phán, để đòi độc lập và tự do cho nhân dân tôi. Chỉ có thể thôi”*. Trong Lời kêu gọi Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp ngày 10/1/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu*

đó chúng tôi đều quý như nhau”. Bác thấu hiểu được “Không có trận đánh nào “đẹp” cho dầu thắng lợi lớn”. Ngày 7/5/1964 khi trả lời phỏng vấn nữ phóng viên Pháp Danien Huynoben, Người nói: “Nhân dân Pháp trước đây đã ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nay lại tỏ sự đồng tình và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam... Nhân dân Việt Nam rất biết ơn nhân dân Pháp về mối tình cảm đó”, còn đối với nhân dân Mỹ Người nhấn mạnh: “Chúng tôi không có xích mích gì với nhân dân Mỹ. Chúng tôi muốn sống hòa bình và hữu nghị với nhân dân Mỹ”.



Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn Đại biểu Chính phủ nước VNDCCH sang thăm cộng hòa Indonesia, đến tham quan đền Borobudur (3/1959).

Kết hợp nhuần nhuyễn văn hóa dân tộc và sự am tường phong tục tập quán các dân tộc trên thế giới tạo thành nghệ thuật ứng xử ngoại giao.

Với vốn hiểu biết sâu rộng về văn hóa, tâm lý, ngôn ngữ và phong tục tập quán của nhiều dân tộc cả ở phương Đông và phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm được những cách xử thế hợp lòng người, hợp từng hoàn cảnh, đối tượng cụ thể. Phong cách ứng xử

của Người cho sự thấu hiểu sâu sắc và hòa mình vào phong tục tập quán mỗi quốc gia, dân tộc một cách tự nhiên nhất. Trong bữa tiệc do Thủ

tướng Nêru chiêu đãi Bác có món thịt gà địa phương rất nổi tiếng. Người Ấn Độ khi ăn cơm không dùng thìa, đĩa mà dùng năm ngón tay để bốc thức ăn. Nhưng tại bữa tiệc quốc tế người ta phải dùng dao, thìa, đĩa cho lịch sự. Khi món thịt gà được đưa ra, các quan khách Ấn Độ có vẻ không quen dùng dao, đĩa. Người rất tinh ý đã nói với Thủ tướng Nêru: *“Thịt gà phải ăn bằng tay thì mới ngon chứ còn ăn bằng thìa đĩa thì khác nào nói chuyện với người yêu lại phải qua ông phiên dịch”*.

Phong cách ứng xử ngoại giao là biểu hiện đạo đức và nhân cách của mỗi con người, với Hồ Chí Minh đó là sự kết hợp hài hòa các giá trị truyền thống và hiện đại, sự kết tinh văn hóa ứng xử phương Đông và phương Tây, là hiện thân của chủ nghĩa nhân văn cao cả. Nhà thơ Xôviết Ôxíp Mandênxtam đã viết: *“... qua cử chỉ cao thượng, tiếng nói trầm lắng của Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy được ngày mai, thấy được viễn cảnh trời yên biển lặng của tình hữu ái toàn thế giới bao la như đại dương”*.

Có thể thấy, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ nét qua việc vận dụng những phương pháp phong cách ứng xử nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động đối ngoại. Nghệ thuật đó còn thể hiện trong việc am hiểu và vận dụng nhuần nhuyễn “năm cái biết” (ngũ tri) của triết lý phương Đông: biết mình, biết người, biết thời thế, biết dừng, biết biến trong quan hệ quốc tế. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nhận xét rằng, *“Hồ Chí Minh là con người biết mình muốn gì và đi đến đâu, biết tránh thác ghềnh, biết thắng quân địch... nắm vững nghệ thuật của điều có thể và không ngừng mở rộng giới hạn của điều có thể.”*

## **CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO MỐI QUAN HỆ VIỆT - MỸ**

Quan hệ Việt Mỹ tuy đã phải trải qua những thăng trầm lịch sử, nhưng cuối cùng hai nước khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Và từng là “cự thù” của nhau, đã trở thành đối tác toàn diện. Đúng như lời Thủ tướng Phạm Minh Chính, trong bài phát biểu của mình tại CSIS đã khẳng định: Mối quan hệ Việt – Mỹ dựa trên nguyên tắc: *chân thành, lòng tin và trách nhiệm*. Nhờ đó mà mối quan hệ ấy ngày càng đơm hoa kết trái, mà người đầu tiên đặt nền móng cho mối quan hệ ấy không ai khác chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên hành trình đi tìm đường cứu nước Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không phải ngẫu nhiên đầu tiên tìm đến nước Mỹ xa xôi, tận Tây Bán Cầu. Bởi lúc bấy giờ nhân dân Mỹ đã đứng lên tiến hành cuộc cách mạng chống thực dân Anh, giành độc lập cho dân tộc (1775 – 1783). Người đến Mỹ là để tìm hiểu tình hình của một nước thuộc địa vừa thoát khỏi ách thống trị ngoại bang. Đặc biệt Người đến Hoa Kỳ, nhưng không đến thủ đô Washington DC, mà đến ngay thành phố Boston, bang Massachussets, là cái nôi của cách mạng Mỹ. Hơn nữa Boston còn là thành phố trí thức, nơi có trên 60 trường đại học, trong đó có Trường Đại học Harvard nổi tiếng thế giới. Trường có bề dày lịch sử lâu đời nhất ở Boston, chỉ trong vòng 6 thập kỷ qua, Đại học Harvard đã có 59 thành viên được trao giải Nobel (trong đó 26 giải Vật lý, 11 giải Hóa học, 8 giải Y học – Sinh lý học và 2 giải Hòa Bình).

Thật thú vị, khi được đọc bài của nữ văn sỹ Susan Wilson đăng trên tờ “*Boston Globe*” viết: cần “*lưu ý rằng một nhà cách mạng tài danh,*

*lãnh tụ Hồ Chí Minh của Việt Nam lòng danh từng tham gia làm việc như một người thợ nướng bánh tại tiệm bánh ngọt của khách sạn Omni Parker House từ 1911 – 1913. Vị đầu bếp đặc biệt đã đem đến niềm vinh dự cho nơi này”. Nữ văn sỹ còn giải thích thêm: “Lãnh tụ Hồ Chí Minh tìm đến làm việc ở Omni Parker House, bởi khách sạn này nằm gần con đường mang tên Tự Do (Freedom Strail), nơi mỗi bước chân đều có dấu ấn lịch sử về cuộc cách mạng giành tự do cho nước Mỹ”.*



*Ảnh Bác Hồ và bức thư của Đại sứ Nguyễn Tâm Chiến, treo trên tường (MT)*

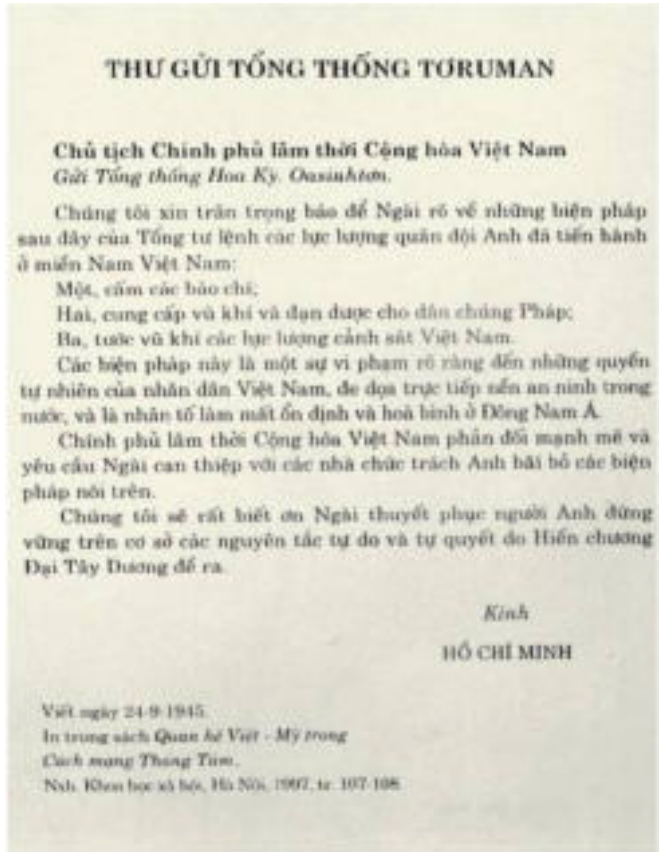
Hơn nữa Omni Parker House, nơi hội tụ của các chính khách, các danh nhân như Malcolm Little (Malcolm X), một nhà hoạt động chống chế độ phân biệt chủng tộc, các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của nước Mỹ, trong đó có nhà thơ Palple Waldo Emersson và nhà văn lừng danh thế giới Charles Dickens hay

ca sỹ Denyce Graves được nhiều người ưa thích. Omni Parker House còn là nơi diễn ra nhiều cuộc hội đàm, các cuộc gặp gỡ tay đôi của các chính trị gia đến từ nhiều nước trên thế giới.

Hiện trên bức tường phòng truyền thống ở tầng hầm, chủ khách sạn cho treo nhiều bức ảnh và trưng bày các hiện vật của các bậc vĩ nhân, trong đó nổi bật nhất ở một góc phòng trang trí nhiều hình ảnh về Bác Hồ thời trẻ và một bức thư đề ngày 12/8/2005 của Đại sứ Việt Nam Nguyễn Tâm Chiến tại Hoa Kỳ gửi cảm ơn Giám đốc khách sạn Richard Mason.

Trên một bức tường của khách sạn có trang trí nhiều ảnh của các danh nhân, trong đó có hình Bác Hồ thời trẻ, kèm theo dòng chữ: “*Năm 1911-1912, nhà lãnh đạo tương lai của Việt Nam đã từng làm việc tại tiệm bánh Parker House*” (1911-1912 Future Vietnamese Leader Works Parker House bakeshop).

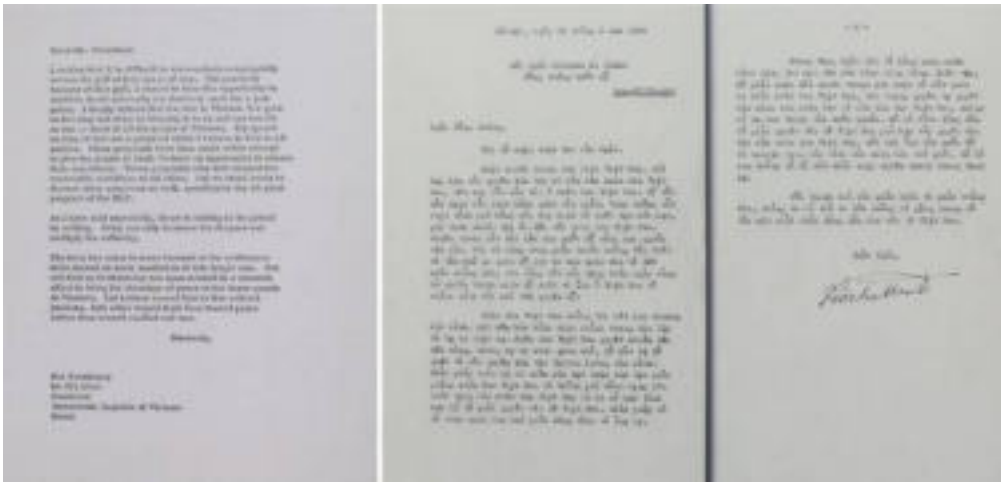
Tại đây, trên chiếc bàn bằng đá cẩm thạch, màu xám, nơi Bác Hồ dùng làm bánh kem Boston, Cream Pies và Lemon Meringue Pies của khách sạn Omni Parker House, món tráng miệng nổi tiếng, có đặt một tờ giấy ghi dòng chữ: “*Hồ Chí Minh từng là thợ làm bánh tại Parker House trong hai năm 1911-1913, người đã sử dụng chiếc bàn đá (như trong bức ảnh bên cạnh) và nó được sử dụng tại quầy bánh của chúng tôi cho đến ngày nay*”.



*Thư Bác Hồ gửi Tổng thống Mỹ 24-9-1945*

Phải chăng đây là chiếc cầu nối quan hệ Việt - Mỹ đầu tiên mà Bác Hồ của chúng ta xây đắp nên, khi Người còn là một thanh niên vừa bước qua tuổi 20.

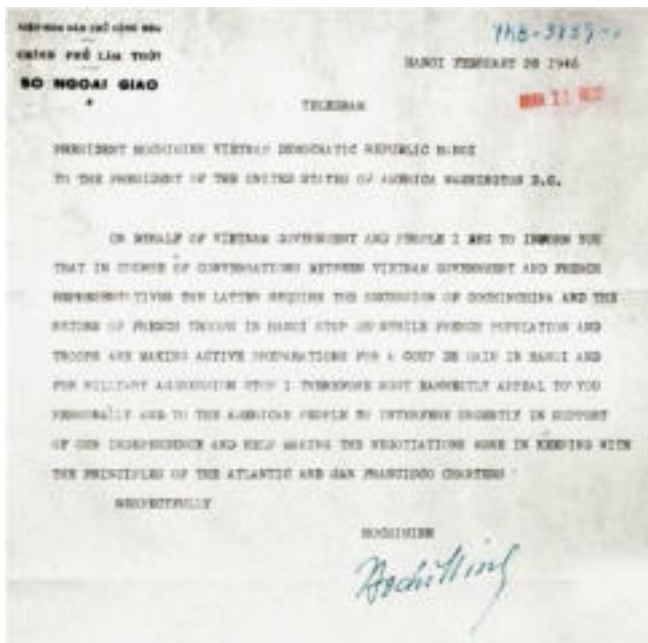
Một sự kiện khác, rất đáng chú ý, đó là ngày 02/11/1944, trung úy William Shaw phi công phi đội tiêm kích chiến thuật 51, thuộc Không đoàn 14 ( Không đoàn Hồ Bay) do Tướng Claire Chennault chỉ huy không lực Lục quân Hoa Kỳ, (căn cứ đặt tại Hoa Nam, Trung Quốc), do trục trặc động cơ máy bay, buộc phải nhảy dù xuống bản Ngần, xã Đề Thám, huyện Hòa An, Cao Bằng. Shaw đã được du kích Việt Minh cứu thoát khỏi sự lùng sục gắt gao của quân Nhật và được đưa về Pắc Bó, Hà Quảng Cao Bằng. Tại đây, Shaw được Bác Hồ tặng một bản “Chương trình Việt Minh” (đã được Người dịch ra tiếng Anh). Đồng thời được đích thân lãnh tụ Hồ Chí Minh trò chuyện, vượt hàng ngàn cây số đưa Shaw về Côn Minh trao trả cho Tướng Chennault. Nhân dịp này Bác đề nghị Tướng Chennault công nhận “Mặt trận Việt Minh” là lực lượng của phe Đồng minh. Tướng C. Chennault hứa sẽ tìm cách đưa các nhóm cố vấn sang giúp huấn luyện quân sự, trang bị vũ khí, điện đài và các trang bị khác cho Việt Minh. Việt Minh sẽ mở rộng lực lượng du kích và tăng cường hoạt động đánh Nhật, đồng thời cung cấp thông tin và khí tượng cho quân Mỹ hoạt động trên chiến trường Đông Dương.



Trả lời thư Tổng thống Mỹ Nixon, 25-8-1969

Sau khi bàn bạc với Tướng Chennault, Giám đốc cơ quan tình báo

chiến lược Hoa Kỳ Thiếu tướng William J. Donovan đã cho mở các chiến dịch OSS tại Đông Dương, Trung úy Charles Fenn được giao điều phối kế hoạch hợp tác với Việt Minh. Và Bác Hồ trở thành thành viên của OSS với mật danh Lucius, hợp tác chặt chẽ với Thiếu tá Archimedes Patti, phụ trách OSS tại Đông Dương. Khi lãnh tụ Hồ Chí Minh trở về nước, OSS đã cử sỹ quan tình báo người Mỹ gốc Hoa Frankie Tan và Mac Shin, chuyên gia điện đài đi theo.



Thư Bác Hồ gửi Tổng thống Mỹ 28-02-1946

được thành lập, gồm 6 thành viên do Thiếu tá Allison K. Thomas chỉ huy.

Sự hợp tác giữa phái đoàn quân sự Mỹ với Việt Minh thể hiện rất rõ trong các bài đăng báo “*Việt Nam Độc lập*” (do Hồ Chủ tịch sáng lập). Báo Việt Nam Độc lập số 190, ra ngày 01/4/1944, viết: “*Họ (Mỹ) là bạn của ta. Chúng ta với họ là bạn đồng minh*”. Qua báo “*Việt Nam Độc lập*” cho thấy: Sự hợp tác Việt – Mỹ ngày càng tăng dần. Bức họa ra tháng

Tháng 4/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh, Shin và Frankie Tan được máy bay quân sự Mỹ đưa từ Côn Minh đến biên giới Trung - Việt, phía Bắc Cao Bằng. Ngày 18/5/1945, đội SO (Special Operation) số 13, mang bí danh “*Con Nai*” (Deer Team), là nhóm đặc nhiệm tình báo thuộc cơ quan tình báo chiến lược Hoa Kỳ (US Of-

fice of Strategic Service) được thành lập, gồm 6 thành viên do Thiếu tá Allison K. Thomas chỉ huy.

7/1945, của báo đã tuyên truyền nhiệm vụ của Việt Minh là cứu phi công Mỹ. Tờ họa bản (in trên báo Việt Nam Độc lập) do lãnh tụ Hồ Chí Minh sáng tác: Góc bên trái phía trên vẽ lá cờ Hoa Kỳ. Góc bên phải phía trên là lá cờ Việt Nam. Tên tờ báo “*Việt Nam Độc lập*” viết chữ to, phía dưới tên báo ghi hai câu thơ lục bát:

*Quân đội Mỹ là bạn ta,  
Cứu phi công Mỹ mới là Việt Minh.*

Phía dưới hai câu thơ là lời động viên của báo: “*Ai cứu phi công Mỹ, đoàn thể Việt Minh sẽ trọng thưởng*”.

Sự kiện này, cũng là dịp cầu hữu nghị do lãnh tụ Hồ Chí Minh bắc tiếp, xây nên mối quan hệ Việt – Mỹ.

Trong lời mở đầu của bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc trước quốc dân đồng bào ngày 2/9/1945, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay CHXHCN Việt Nam), Hồ Chủ tịch viết: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”. Lời bất hủ ấy được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ.

Nhân dân Việt Nam giành độc lập chưa được bao lâu, quân đội Anh, dưới danh nghĩa quân Đồng Minh vào giải giáp quân Nhật, đã giúp quân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Cụ Hồ Chủ tịch thay mặt Chính phủ Việt Nam, ngày 24-9-1945, gửi thư cho Tổng thống Mỹ, tố cáo tội ác quân Anh và yêu cầu can thiệp.

Tiếp đó ngày 18-01—1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Tổng thống Mỹ H. Truman, đề nghị Hoa Kỳ có biện pháp chấm dứt trước cuộc xâm lăng của Pháp. Trước sự hung hăng xâm lấn ngày càng tàn bạo của quân Pháp, ngày 28/02/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa gửi thư cho Tổng thống Truman, yêu cầu giúp đỡ, có giải pháp can thiệp chấm dứt chiến tranh của Pháp ở Việt Nam.

Cùng với những bức thư trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Việt Nam nồng nhiệt hoan nghênh bài phát biểu của Tổng thống Hoa Kỳ H. Truman ngày 28/10/1945, trong đó nêu các nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết được nêu ra trong Hiến chương Đại Tây Dương và San Francisco*”. Cuối thư, Hồ Chủ tịch tỏ hy vọng “*Hoa Kỳ sẽ giúp đỡ nhân dân Việt Nam đạt được độc lập và ủng hộ nhân dân Việt Nam trong quá trình tái thiết đất nước*”. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, Tổng thống Hoa Kỳ đã im lặng.

Mối quan hệ Việt – Mỹ, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp đã nhiều lần bị bỏ qua. Lịch sử hận thù giữa hai đất nước kéo dài cho đến 1995, với sự cố gắng của cả hai bên: khép lại quá khứ hướng về tương lai đã tạo nên bước ngoặt lớn, hình thành mối quan hệ toàn diện giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn, ngày càng hoa thơm, quả ngọt, thể hiện qua chuyến thăm cấp cao qua lại giữa hai nước. Đặc biệt là chuyến thăm Hoa Kỳ của tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, năm 2015, theo lời mời của Tổng thống Obama và chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Barack H. Obama (2016), Tổng thống Donald J. Trump (2017) và mới đây năm 2021 của Bà Phó Tổng Thống Kamala Harris và cuộc viếng thăm của Thủ tướng Phạm Minh Chính là sự kế thừa của mối bang giao Việt Mỹ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng cách nay ngót s một thế kỷ, nay mới thành hiện thực./.

## NGHĨA TÌNH SÂU NẶNG



*Hồ Chủ tịch đích thân đến tận sân bay Gia Lâm đón luật sư Loseby*

Sau hơn 30 năm thoát khỏi nhà tù địa ngục Victoria, Kồng Kồng của học dân Anh, mùa Xuân năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh, dù bận trăm công nghìn việc của đất nước, Bác đã không quên trân trọng mời gia đình luật sư Loseby, người đã 3 lần cứu sống Bác, sang ăn Tết truyền thống với nhân dân Việt Nam (từ 26 /01 – 03/02/1960), với tư

cách là khách mời đặc biệt của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trước đó hàng năm vào các dịp Lễ Noel và Năm Mới, Bác vẫn không quên gửi thiệp mừng và quà Tết.

Theo lời thuật lại của một nhà báo Anh (đảng viên Đảng Cộng sản Anh) sang thăm Việt Nam, khi về nước đã đến trao cho luật sư Loseby hai bức ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hai bức thư: một gửi cho vợ chồng luật sư Loseby và một gửi cho người con gái của ông bà. (do Bác Hồ nhờ). Đáp lại thịnh tình đó, ông bà luật sư Loseby đã gửi thư cảm ơn và gửi tặng Hồ Chủ tịch bức ảnh của gia đình.

Ít lâu sau đó, ông bà luật sư Loseby còn nhận được gói quà của Bác Hồ gửi tặng. Đó là một bức tranh thêu chùa Một Cột và một chiếc khay trà bằng sơn mài, kèm theo bức thư trân trọng mời ông bà sang thăm Việt Nam.



Được tin báo gia đình luật sư sang thăm Việt Nam, sáng ngày 26 tháng 01 năm 1960 (28 Tết Nguyên đán, Canh Tý) Bác đã thân chinh sang tận sân bay Gia Lâm đón khách. Cùng đi với Bác có ông Cao Hồng lĩnh, Phó Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, ông Vũ Kỳ, Thư ký riêng của Bác và hai người phiên dịch là bà Nguyễn Thị Cúc, một lão thành cách mạng và ông Trịnh Ngọc Thái, nguyên là Đại sứ Việt Nam tại Pháp.

Trong khi Bác ngồi đợi ở phòng khách sân bay, thì đoàn tùy tùng thay mặt Bác ra tận chân cầu thang máy bay đón vợ chồng luật sư Loseby và người con gái rượu của ông bà. Vừa bước vào phòng khách, Bác đứng dậy xúc động ôm thắm thiết luật sư Losby, sau hơn 30 năm xa cách, nay hai mái đầu bạc kề bên nhau, khiến mọi người rung lệ. Ông bà luật sư Loseby và cô con gái Patisia (gọi thân mật là cô Pat) cũng rất cảm

động trước sự đón tiếp vô cùng nồng nhiệt mà thân thiết như đón người thân gia đình ruột thịt lâu ngày không gặp.

Trong chuyến thăm Việt Nam, ngoài việc đón cái Tết đặc sắc của dân tộc Việt Nam, ông bà được đại diện nhân dân Hà Nội đến chào mừng và mang “cành đào ngày Tết tươi thắm nhất” đến tặng ông bà, cô con gái Pat yêu quý để tỏ tấm thịnh tình của người dân Việt Nam nói chung và nhân dân thủ đô Hà Nội nói riêng nhằm tri ân gia đình luật sư Loseby, người đã có công ba lần cứu thoát người con ưu tú nhất của dân tộc Việt Nam trong hoàn cảnh cực kỳ hiểm nguy, đã không chỉ làm đẹp thêm phẩm chất thủy chung cao quý của con người Việt Nam mà còn làm ấm lòng những vị khách quý của Bác.



*Hồ chủ tịch nói chuyện thân mật với ông bà Loseby*

Trong những ngày ở thăm Việt Nam, ông bà còn có những hoạt động đầy ý nghĩa. Bác đưa ông bà đi thăm nhà máy Cơ khí Trung quy mô Hà Nội. Tại đây Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Bác xin giới thiệu với các*

*cô chú: Đây là luật sư Loseby, ân nhân của Bác. Nếu không có luật sư thì chưa biết Bác sống chết ra sao”. Ông bà còn được mời đi thăm các danh lam thắng cảnh Hà Nội như: Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Trường Đại học đầu tiên của Việt Nam, thăm Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Trại Thiếu nhi miền Nam. Đặc biệt Bác mời ông bà đi thăm vịnh Hạ Long, một kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam.*

Trong một cuộc nói chuyện với cán bộ công nhân viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, luật sư Loseby tâm sự: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh có cái biệt tài làm cho mọi người đều cười được từ các em thiếu nhi hôm chúc Tết ở Phủ Chủ tịch, đến các em nhi đồng ở Trại Nhi đồng miền Nam và đến cả các anh em công nhân nhà máy Cơ khí Trung quy mô Hà Nội cũng vậy, Hồ Chủ tịch đều có thể làm cho mọi cười vui”...*

*“Đến Việt Nam, tôi thấy một điều làm cho tôi đặc biệt quan tâm là mọi người đều vui vẻ, ai cũng có nụ cười trên môi...Nhiều điều tôi mới được thấy lần đầu và vượt quá ý nghĩ của chúng tôi... Tôi có thể kết luận rằng đó là kết quả của cuộc đời hy sinh của Hồ Chủ tịch cho nhân dân Việt Nam”.*

Những ngày ở thăm Việt Nam, đi qua quá nhanh, tạm biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạm biệt Hà Nội, Tạm biệt Việt Nam yêu quý, ông bà luật sư Losby trở lại Hồng Kông. Vừa về đến nhà, ngày 19 tháng 02 năm 1960, luật sư viết thư ngay cho Bác Hồ tỏ lòng cảm ơn Người và về sự hiếu khách của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân thủ đô Hà Nội nói riêng đối với gia đình luật sư trong những ngày ở thăm Việt Nam. Đặc biệt trong thư ông tỏ tấm lòng *“Chúng tôi không thể quên được đất nước Việt Nam tươi đẹp và những khuôn mặt rạng rỡ nụ cười của con người Việt Nam và con đường mà tất cả các bạn đã trải qua đã dẹp bỏ mọi dấu vết đau thương của quá khứ... Và Ngài (Bác Hồ) nói rằng “tôi đã cứu sống” Ngài,, điều đó có thể đúng, nếu vậy thì đó chính là việc làm tốt nhất mà tôi đã từng làm và đó mãi mãi là một việc làm sáng suốt. Về phần tôi thì tôi thấy mình đã được đền đáp hơn nhiều so với ký ức về*

*những ngày ở Việt Nam và những món quà mà tôi được tặng sẽ luôn là vật kỷ niệm về những ngày tuyệt vời đó”.*

Trong buổi tiễn đưa gia đình luật sư tại sân bay Gia Lâm, Bác không quên dặn cô con gái yêu của ông bà luật sư *“Bao giờ có đám cưới, cháu Pat nhớ cho Bác hay nhé!”.*

Bảy năm sau đó luật sư Loseby qua đời, báo Hoa Nam buổi sáng ở Hồng Kông (1967) đưa tin luật sư Loseby mất với những dòng chữ thân yêu của gia đình *“Xin đừng mang hoa đến viếng, hãy dùng số tiền phúng viếng đó để giúp đỡ người nghèo”.*

Được tin vị ân nhân cứu sống mình qua đời, không phải với tư cách Chủ tịch nước và cũng không phải ở cương vị quốc gia, mà như một người thân, một người bạn của gia đình luật sư, vòng hoa gửi kính viếng luật sư của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà giản dị với dòng chữ: *“Hồ Chí Minh kính viếng”.*

Một năm sau đó (1969), Bác kính yêu của chúng ta qua đời, điện chia buồn của gia đình luật sư gửi lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu, Trung Quốc in đậm dòng chữ: *“Được tin Chủ tịch qua đời, xin bày tỏ tình cảm sâu sắc nhất”,* kèm theo chữ ký của phu nhân luật sư và cô con gái.

Trong cuốn nhật ký gia đình luật sư, đoạn nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh, phu nhân luật sư Loseby nhớ lại: *“Những ngày bị giam cầm khổ lắm, nhưng nói chuyện với chúng tôi, Người đều nói rằng: Tương lai cách mạng Việt Nam sẽ thành công Khi tổ chức cho Người rời khỏi Hồng Kông, chúng tôi chỉ cầu mong cho Người gặp nhiều may mắn”.*

Còn bà Patricia (cô Pat ngày nào) xúc động kể lại *“Tôi được nghe kể rất nhiều về Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bố mẹ tôi...Bố tôi thường nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông nói Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người dũng cảm và rất thú vị. ... Tôi quý trọng Bác Hồ như phụ thân tôi. Từ ngày thơ ấu, tôi đã có trong tim hình ảnh về Bác Hồ”./.*

## “MẤY MƯỜI NĂM ẤY BIẾT BAO NHIÊU TÌNH”



*Bà Nguyễn Thị Thanh  
chị gái Bác Hồ*



*Ông Nguyễn Sinh Khiêm  
anh trai Bác Hồ*

Chuyện kể rằng, Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Người ta bàn tán rằng Cụ Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc, bà con quê nội làng Kim Liên, quê ngoại Hoàng Trù bán tín bán nghi. Bèn đề nghị Bà Nguyễn Thị Thanh (1884 – 1954), biệt danh là Bạch Liên, một chiến sỹ cách mạng, đã từng bị thực dân Pháp bắt giam tù tội năm lần bảy lượt, đi Hà Nội tìm hiểu thực hư ra sao?

Tiệc thay lần đầu ra Hà Nội thì Bác Hồ đã đi thăm Pháp, theo lời mời chính thức của Chính phủ Cộng hoà Pháp. Nhưng được may, qua tìm hiểu kỹ, bà biết chắc Cụ Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Sinh Cung, người em ruột của bà.

Ngày 26 tháng 10 năm 1946, được tin Bác Hồ về nước, bà Thanh một lần nữa đi Hà Nội. Vừa xuống ga Hàng Cỏ, bà đến đường Ôn Như Hầu (nay phố Nguyễn Gia Thiều) xin cho hai người cháu đang học lớp mật mã do Bộ Tổng Tham mưu Quân uỷ Hội mở, được phép cùng bà đến thăm Bác Hồ.

Ra Hà Nội lần này bà Thanh mang theo hai chai tương Nam Đàn nổi tiếng thơm ngon (dân gian có câu: *Nhút Thanh Chương/ Tương Nam Đàn* là vậy) và đôi gà ra biếu Bác Hồ.

Trên đường đến số nhà 12 Ngô Quyền, vốn là dinh Thống sứ Bắc Kỳ (nay là Bắc Bộ phủ) là nơi ở và làm việc của Bác Hồ trong những ngày đầu cách mạng, nhưng khi vừa đến Hồ Gươm, hình như bà chợt nhớ đến điều gì, nên bà bảo với hai cháu cùng đi, tìm nơi bán hoa huệ để bà mua một bó. Ba bà cháu vừa đi vừa ngó tìm nhưng không thấy ai bán hoa huệ cả. Bà Thanh bảo tiếp hai cháu:

- Gắng tìm cho bằng được. Các cháu không biết đâu, đây là một kỷ niệm thân thương, sâu lắng và rất thiêng liêng đối với Ông Hồ.

Nhưng tìm mãi vẫn không thấy. Bà Thanh cảm thấy hẫng hụt, thất vọng, nhưng đành thôi, bởi đã gần trưa, đến Bắc Bộ phủ sợ chậm giờ.

Bà linh cảm thấy hai cháu mình thắc mắc về việc bà muốn mua bằng được bông huệ, nên bà giải thích:

- Lúc Cụ Hoàng Thị Loan (mẹ Bác Hồ) mất ở Huế, cả nhà chỉ có mặt Nguyễn Sinh Cung và em Xin, mới mấy tháng tuổi (ông Xin là em của Nguyễn Sinh Cung, con út của hai cụ, ông Xin mất lúc còn rất bé), còn cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và ông cả Khiêm hồi đó đang ở Thanh

Hoá, bà thì về quê Nam Đàn trông nom bà ngoại. Trong cảnh mất mát tang thương, đau đớn quá lớn, mẹ qua đời giữa lúc em còn quá nhỏ, cha, chị, anh trai đều ở xa, mọi việc tang lễ, an táng cho mẹ một mình Nguyễn Sinh Cung lo liệu, với sự giúp đỡ hàng xóm láng giềng. Trong những ngày tang tóc đó, ngoài mùi trầm hương và những đoá hoa huệ màu trắng tinh khôi, toả hương thoang thoảng, do bà con lối phố mang đến phúng viếng, thò mẹ cho đến những ngày Tết Nguyên đán. Cảnh tượng đó đã để lại trong lòng ông Nguyễn Sinh Cung một ấn tượng vô cùng thiêng liêng sâu đậm, không bao giờ quên về mẹ kính yêu của mình.

Về sau khi gia đình sum họp đầy đủ, Nguyễn Sinh Cung đã kể lại cho cả gia đình nghe. Vì vậy, cứ mỗi lần thấy bình hoa huệ để trên bàn thờ toả mùi hương thoang thoảng, Nguyễn Sinh Cung càng nhớ da diết người mẹ thân yêu, tần tảo, chịu thương chịu khó nuôi dạy con khôn lớn, đã phải ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ, để lại con thơ còn thơm mùi sữa mẹ, lại không được gặp chồng, con gái, con trai cả.

Câu chuyện vừa dứt, thì ba bà cháu đã đến trước cổng Bắc Bộ phủ, các chiến sỹ Vệ Quốc đoàn, làm nhiệm vụ bảo vệ hỏi:

- Thưa bà! Bà đến đây có việc gì? Cần gặp ai?
- Tôi là Thanh, chị ruột Cụ Hồ và đây là hai cháu của tôi, cũng là bộ đội. Chú cho chúng tôi vào thăm cụ Hồ một chút, rồi tôi về.

Nghe vậy, chiến sỹ bảo vệ bảo bà chờ cho một lát.

Sau khi được nghe chiến sỹ bảo vệ báo cáo, 5 phút sau, một cán bộ ăn mặc chỉnh tề ra đón ba bà cháu lên một căn phòng tầng 2, kế phòng làm việc của Bác Hồ.

Đồng chí cán bộ tiếp đón bà Thanh nói:

- Thưa bà! Từ hôm đi thăm Pháp về đến nay, Cụ rất bận việc. Hiện nay đang tiếp các đại biểu Quốc hội và các cán bộ trong Nam ra. Cụ làm việc suốt ngày, đến khuya mới đi ngủ. Đề nghị bà rảnh đợi.

Lúc này Bác đang chủ trì cuộc họp quan trọng bàn chuyện cấp lương thực, thực phẩm cho quân Tàu Tưởng, thoát nghe người thư ký báo cáo có bà Nguyễn Thị Thanh ở Nghệ An ra thăm, Bác Hồ bàng hoàng cả người, hai tay bám chặt vào cạnh bàn, để kìm nén xúc động, nhiều người thấy đôi mắt Bác rớm lệ, nhưng vì việc nước Bác chưa dứt ra được.

Trong lúc đó ba bà cháu vẫn ngồi đợi, riêng bà Thanh có phần sốt ruột, vì đã qua lâu ngày chưa gặp em, mà tháng trước ra không gặp được, Bác đi vắng, nên chốc chốc bà đứng lên, ngồi xuống, ruột gan bồn chồn, trông người có vẻ bứt rứt:

- Chắc Ông bận việc quá!, Không khéo quá trưa mới được gặp.

Nhưng khoảng 30 phút sau, vào lúc 11 giờ 30, bỗng cánh cửa phòng từ từ mở, một người đứng tuổi, tóc đã điểm hoa râm, người gầy, dong dỏng cao, vớ vàng trán cao rộng, đôi mắt sáng long lanh, thái độ hiền hậu, trong bộ quần áo ka ki vàng nhạt, bước vào. Chợt thấy Bác, bà Thanh đứng phắt dậy vừa chạy vừa kêu: “Đúng rồi!” “Đúng rồi!” “Đúng cậu Cung rồi!”, rồi bà chạy tới ôm chặt lấy Bác và nói trong hơi thở:

- Cậu, cậu có khoẻ không ?

Rồi bà nức nở khóc! Nước mắt dàn dụa, thấm vào tay áo của Bác. Bác bồi hồi cảm động, mắt Bác chớp chớp ứa lệ. Bác lấy khăn lau nước mắt và nghẹn ngào nói:

- Chị khoẻ không? Em biết chị chờ lâu, nhưng vì em đang bận tiếp các đồng chí Nam Bộ ra, nên chưa thể dứt việc được.

Bà Thanh hỏi Bác:

- Cậu đi lâu thế có nhớ quê không? Cậu có nhớ chị ngồi ru vồng cho cậu ngủ, chỉ hát bài ru “Nước non” không? Thuở đó gia đình ta khá vất vả.

Nói đến đây bà lại khóc. Bác bùi ngùi nhớ lại cảnh xưa, Bác lấy khăn chấm mắt. Bác nói:

- Chị ơi! “*Quê hương nghĩa nặng tình sâu/ Mấy mươi năm ấy biết bao nhiêu tình*”. Nhưng các chiến sỹ cách mạng chân chính đều là những người con chí hiếu. Chị ơi! ở nước ngoài, đôi khi, đêm khuya thanh vắng, bỗng được nghe một lời ru con của người mình, thì lòng dạ mình lại thêm nhớ đất nước, quê hương, bà con...

Sau đó Bác hỏi đến quê hương làng Kim Liên, làng Hoàng Trù, hỏi thăm các cụ ở quê nhà.

Bà Thanh bỗng sực nhớ và nói:

- Chị ra thăm cậu chả có gì cả, chị biếu cậu 2 chai tương và 2 con gà.

Bà vừa nói vừa chỉ vào góc tường, chỗ để chai tương và gà.

Bác vui vẻ trả lời:

- Cảm ơn chị, tương thì để thỉnh thoảng mời cụ Huỳnh (Huỳnh Thúc Kháng) cùng đến ăn cho vui, gà để nuôi để trứng.

Bà Thanh thân mật hỏi nhỏ Bác:

- Chị hỏi thật cậu, việc gia đình riêng của cậu thế nào rồi?

Đôi mắt Bác nhíu lại, rồi đưa tay khoát và nói:

- Không thể nghĩ đến việc đó được!

Hình như bà Thanh hiểu ý, nên không hỏi thêm gì nữa và nói luôn:

- Đây cũng là việc quen tình riêng vì bản phận. Thế chị hỏi em, khi nào cậu về thăm quê được?

Bác tần ngần nhìn ra cửa sổ một lát, rồi trả lời:

- Em cũng khao khát muốn về thăm quê! Nhưng chắc còn lâu, vì việc nước còn nặng nề lắm!

Chuyện trò được khoảng nửa giờ, lại thấy có nhiều người ra vào làm việc. Biết Bác Hồ đang phải giải quyết nhiều việc cần kíp của đất nước, trong những ngày đầu mới giành độc lập, lại phải đối phó với thù trong giặc ngoài. Bà Thanh tạm biệt Bác và về nhà người quen ở phố Hàng Nón.

Hôm sau, biết bà Thanh sắp về quê, Bác Hồ bận nhiều việc, không bỏ được, Bác đành nhờ người phục vụ đem đến biếu bà Thanh mấy mét vải lĩnh may quần áo, gọi là chút quà kỷ niệm sau bao năm xa cách giữa lúc đất nước đang chìm đắm trong bóng đêm nô lệ. Nay chị em được gặp lại trong không khí Tổ quốc đã giành được chính quyền về tay nhân dân.

Về quê được ít năm, do tuổi cao, sức yếu, bị trọng bệnh, bà Thanh đã qua đời vào tháng 3 năm 1954. Cuộc đời của bà là một tấm gương sáng của người phụ nữ Việt Nam về đạo đức, phẩm chất cao quý với một tấm lòng yêu nước sâu đậm.

Bà Thanh ra thăm Bác Hồ rồi về quê được ít lâu, ông Nguyễn Sinh Khiêm (còn gọi Cả Khiêm) lên đường đi Hà Nội. Lúc đầu ông đi bộ từ Nam Đàn ra Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, dài 70km. Tại đây, nhiều bà con ngỡ ông là Cụ Hồ, mọi người chạy đến vây quanh ông. Bởi họ trông ông giống Bác Hồ. Cụ Nguyễn Sinh Khiêm vui vẻ thanh minh với bà con: Tôi là Nguyễn Sinh Khiêm, một người con bình thường của xứ Nghệ. Mọi người giãn ra và ông lên tàu.

Khi tàu đến ga Hàng Cỏ, Hà Nội, cụ Cả Khiêm vừa bước ra khỏi cổng nhà ga, lại một lần nữa, đồng bào nhanh chóng ùa đến vây kín quanh cụ. Nhiều người khăng khăng rằng: đây chính là Cụ Hồ cải trang đi vi hành xem xét tình hình. Trước tình thế đó, Cụ Cả Khiêm lên tiếng:

- Thưa bà con! Tôi là một người dân Nghệ An, biết nước nhà độc lập nên ra thăm thủ đô. Tôi không phải là Cụ Hồ.

Nhưng đồng bào không tin, cứ đinh ninh là Cụ Hồ cải trang. Người này truyền tai người nọ, một thành mười, mười thành trăm, mỗi lúc kéo

đến một đông, ai cũng muốn được tận mắt thấy “Cụ Hồ”. Khiến ông khách Xứ Nghệ không thể đi được.

Ngay lúc ấy có mấy chiến sỹ công an đang làm nhiệm vụ, thấy hiện tượng lạ, liền báo cáo về cho lãnh đạo Nha Công an Trung ương:

- Có một cụ già có râu, khuôn mặt rất giống Bác Hồ, nói giọng Xứ Nghệ, đồng bào bao quanh cho đó là Bác Hồ, nên ông già không sao đi được.

Báo cáo còn cho biết:

- Có khả năng, ông già là anh ruột của Bác Hồ!

Ông Lê Giản, Tổng Giám đốc Nha Công an Trung ương nghe xong báo cáo, liền cử ngay cán bộ đưa xe ra ga Hàng Cỏ đón khách.

Đến nơi cán bộ hỏi:

- Thưa cụ! Có phải cụ là anh trai Bác Hồ ? Xin mời cụ lên xe, chúng cháu đưa cụ về.

Cụ Cả Khiêm chẳng nói chẳng rằng, cứ thế lên xe về Nha Công an Trung ương.

Biết chắc đây là người anh cả của Bác, ông Lê Giản báo cáo với ông Vũ Đình Huỳnh, Bí thư của Bác Hồ, nhờ ông thưa lại với Bác Hồ về chuyện cụ Nguyễn Sinh Khiêm ra thăm.

Đón cụ Cả Khiêm ở ngay trụ sở cơ quan, ông Lê Giản mạnh dạn thưa chuyện:

- Thưa cụ! Cụ ra thăm Hồ Chủ tịch mà không báo trước để chúng cháu cho xe ra đón, đỡ vất vả.

- Ông là nhà chức trách nhà nước, sao nói vậy? Lẽ đời thì em thăm anh, chứ nào thấy em làm to lại ra thăm! Tôi ra đây cốt thăm thủ đô của nước Việt Nam mới giành được độc lập, chứ không phải thăm em là Chủ tịch nước.

Nghe nói thế, Tổng Giám đốc Lê Giản khẩn khoản xin lỗi cụ Cả Khiêm.

Được nghe báo cáo về chuyện người anh ruột Nguyễn Sinh Khiêm ra Hà Nội. Bác Hồ lặng đi giây lát, Bác xúc động mạnh.

Gần 40 năm xa quê vì việc nước, cách đây mấy hôm, Bác mới được gặp lại người chị ruột thân yêu đã từng ru Bác ngủ trong những ngày thơ ấu và hôm nay lại sắp được gặp anh cả, lòng dạ Bác bồn chồn. Nhưng tình hình lúc này hết sức phức tạp nhất là về mặt an ninh. Nhiều đêm Bác phải bí mật rời chỗ ngủ để tránh bọn Quốc dân Đảng manh động.

Nghe xong Bí thư Vũ Đình Huỳnh báo cáo, Bác dặn lại:

- Nhờ chú Huỳnh lo tiếp anh tôi. Anh tôi mới ở tù ra, cũng thích uống rượu, nhờ chú kiếm cho anh tôi một ít rượu trắng loại ngon, một ít sách báo để anh đọc. Cảm thông với anh tôi là tối nay tôi mới đến thăm được.

Tối hôm ấy trời mùa đông lạnh giá, Bác Hồ cải trang mặc áo the, đội ô cùng đi bộ với 2 người là Bí thư Vũ Đình Huỳnh và thư ký riêng Vũ Kỳ. Sau khi vào phòng làm việc của đồng chí Lê Giản ở phố Gambetta ( nay đường Trần Hưng Đạo), Bác Hồ cởi áo the ra. Đồng chí Lê Giản mở cửa phòng. Vừa thấy anh trai, Bác Hồ đi nhanh đến ôm chàng lấy anh và khẽ kêu lên:

- Anh Cả! Anh Cả!

Hai tiếng gọi “anh Cả” được cất lên sau 37 năm trời xa cách biệt. Cụ Nguyễn Sinh Khiêm cũng quàng tay ôm lấy Bác Hồ, rồi nghẹn ngào thốt lên:

- Chú râu cùng dài đến thế này à!

Rồi hai anh em ôm nhau khóc nức nở. Hai vị Bí thư và thư ký nhẹ nhàng khép cửa lại và lùi ra.

Bác Hồ nói:

- Anh Cả ra, có khoẻ không? Quý hoá quá! Chị Thanh về trong quê có khoẻ không anh? Hôm chị ra đây..., nhưng em bận quá, không tiếp được lâu.

Cụ Cả Khiêm trả lời:

- Chị Thanh về có nói chuyện lại, bảo chú gầy lắm, công việc bận suốt ngày bà con cũng đến hỏi thăm và lấy làm sung sướng, tự hào lắm!

Bác Hồ lấy thuốc lá ra mời cụ Cả Khiêm hút, nhưng cụ huơ tay không nhận. Cụ nói:

- Anh hút thuốc là Cấm Lệ nặng quen rồi, thuốc đó nhẹ để chú dùng.

Bác Hồ cười vui về đọc hai câu thơ:

*Chóc đã máy chục năm trời,  
Còn non, còn nước, còn người hôm nay.*

Nghe vậy, đang cuốn thuốc lá Cấm Lệ, cụ Cả Khiêm ứng khẩu ngay:

*Thoả lòng mong ước bấy lâu,  
Nước non rợp bóng cờ bay đón Người.*

Đọc xong thơ, cụ Cả Khiêm hăng giọng nói:

- Hôm nay ra thăm Hà Nội, tiện dịp đến thăm chú. Tôi biểu chú ít cam Xã Đoài.

Bác Hồ chớp chớp mắt, yên lặng một hồi, rồi hỏi cụ Cả Khiêm về tình hình Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, huyện Nam Đàn, về các hoạt động của chính quyền, các đoàn thể địa phương và của một số người thân, bạn bè thời niên thiếu của Bác.

Cụ Cả Khiêm nói:

- Chú đi lâu, mà chú tài nhớ thế!

Bác tiếp:

- Anh còn nhớ chuyện “khom công” không?

Cụ Cả Khiêm chưa kịp trả lời, Bác nói luôn:

- Chẳng những chúng mình “khom công” (nói lái không cơm, ý nói thời trẻ của Bác và gia đình cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc túng thiếu) mà hàng chục triệu đồng bào thời đó cũng “khom công”.

Cụ Cả Khiêm hỏi Bác:

- Chủ định khi nào về thăm quê?

Bác Hồ thông thả trả lời:

- Về đến đây cũng là nhà rồi, tình hình và công việc thế này chưa cho phép em nghĩ tới, chắc việc đó còn lâu. Đúng như Bác nói, mãi 11 năm sau, năm 1957, Bác Hồ mới có dịp về thăm quê lần đầu tiên sau bao năm xa cách.

Hai anh em hàn huyên được một hồi, vì có việc cần giải quyết gấp, Bác Hồ phải tạm biệt anh trở về nhiệm sở. Và sáng hôm sau cụ Cả Khiêm đáp tàu trở lại quê nhà.

Cụ Nguyễn Sinh Khiêm, anh trai cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là một nhà hoạt động cách mạng, cũng mấy lần vào tù ra tội, bị thực dân Pháp bắt giam, đầy đi khắp các nhà tù. Cụ là một người thông minh, sống giản dị, phóng khoáng, giàu lòng thương yêu người nghèo. Do tuổi già sức yếu cụ qua đời ngày 15 tháng 10 năm 1950 (nhằm ngày 23 tháng 8 năm Canh Dần), tại làng Kim Liên, thọ 62 tuổi.

Bác Hồ nhận được tin anh cả mất, trong lúc đang công tác xa, trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, không thể về chịu tang anh được. Bác đã đánh điện nhờ UBKCHC Liên khu IV chuyển bức điện số 122 của Bác đến họ Nguyễn Sinh làng Kim Liên nội dung như sau:

*Nghe tin anh cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng*

*nhều, đường sá xa cách, lúc anh đau yếu tôi không thể trông nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu.*

*Tôi xin chịu tội bất đễ trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước./.*

## THĂM LẠI QUÊ NHÀ SAU 50 NĂM XA CÁCH

Sau ngày đất nước giành được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, do Bác Hồ làm Chủ tịch. Cụ Nguyễn Sinh Khiêm, người anh cả ra Hà Nội thăm Bác. Trước khi chia tay, cụ Cả Khiêm hỏi:

- Chú định khi nào về thăm quê?

Nghe hai tiếng quê hương, Bác lặng đi, đôi mắt đăm chiêu nhìn ra cửa sổ chốc lát, rồi thông thả, từ tốn trả lời anh:

- Em cũng khát khao về thăm quê lắm, nhưng tình hình đất nước và công việc chưa cho phép em nghĩ tới, chắc việc đó còn lâu. Em nghĩ về được đây cũng là nhà rồi!



*Bác về thăm quê Kim Liên 1957*

Ngày ngày Bác luôn luôn khắc khoải nỗi nhớ quê nhà. Bởi Bác rời Tổ quốc đã 30 năm (1911 – 1941), nhưng thực ra Bác xa quê Nghệ An từ lúc 5 tuổi. Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung (tên Bác lúc nhỏ) đã theo cha vào Huế lần thứ nhất. Năm 1901,

khi mẹ mất, Nguyễn Sinh Cung cùng cha quay về xứ Nghệ và đổi tên là Nguyễn Tất Thành. Năm 1906, Nguyễn Tất Thành bước vào tuổi 16, lại

theo cha lần thứ hai rời quê vào lại Huế. Và từ đây, Nguyễn Tất Thành liên tục di chuyển về phương Nam, vừa để tra vấn chữ Hán vừa học thêm tiếng Pháp và tham gia giảng dạy ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành dưới cái tên Nguyễn Văn Ba làm phụ bếp trên trên chiếc tàu buôn của Pháp Latouché Tréville, bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp.



Nguyễn Tất Thành trước tiên đến Mar-

*Bác Hồ về thăm quê 1957*

seille, Pháp. Từ Pháp, Người đi qua châu Phi, đến Mỹ, sang Anh. Đầu năm 1917, Người trở lại Pháp, rồi sang Matxcova, Liên Xô. Cuối cùng trở về Quảng Châu Trung Quốc, để gần đất mẹ thân thương.

Mùa đông năm 1941, sau 30 năm bôn ba hải ngoại, Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc từ Quảng Châu trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cùng với những đồng chí của mình đã thực hiện thành công cuộc Cách mạng tháng Tám, 1945, lật đổ chính quyền phong kiến, thực dân, giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 2/9/1945.

Giành độc lập chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay lại xâm chiếm nước ta một lần nữa. Trên cương vị Chủ tịch nước, Bác đã dành toàn tâm, toàn lực cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

thắng lợi với chiến thắng “Điện Biên Phủ chấn động địa cầu”. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhưng miền Nam ruột thịt bị Mỹ - Diệm dày xéo, chia cắt lâu dài. Do đó Bác và Trung ương Đảng cùng toàn dân thực hiện cho được nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa XH ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Vì vậy, mãi đến năm 1957, Bác mới có dịp về thăm quê hương Nghệ An, sau 50 năm xa cách với vợ. Có một điều rất lạ là Bác về thăm lại quê hương nhưng không phải với cương vị Chủ tịch nước, mà với tư cách một người con xa nhà lâu ngày, nay về thăm quê cha đất tổ, thăm lại nơi chôn rau cắt rốn, thăm lại bạn bè từ thuở ấu thơ, đánh khăng, đánh đáo, bí bôm bơi lội tắm mát bên dòng Lam Giang..., với tình cảm rất đỗi thân thương, bồi hồi xúc động.

Ngày Bác về thăm quê, nhiều người chứng kiến kể rằng, khi Bác về đến đất Nghệ An, một cán bộ lãnh đạo tỉnh đón Bác và mời Bác vào nghỉ ở nhà khách vừa mới khánh thành. Nhưng Bác nói ngay:

- Bác xa nhà, xa quê đã lâu rồi, nên phải về thăm nhà trước đã, mà nhà khách là dành để tiếp khách, cho khách ở. Bác là người nhà, không phải là khách.



*Bác Hồ nói chuyện với bà con trong căn nhà xưa*

Thề là Bác về luôn Kim Liên, nơi Bác sinh ra từ đầu mùa sen nở. Vừa đến đầu cổng tre, thấy một tấm bảng nhỏ ghi: “Nhà Bác Hồ”. Bác quay lại nhìn mọi người, rồi tươi cười và bảo:

- Đây là nhà cụ Phó bảng, không phải là nhà Bác Hồ.

Rồi Bác thông thả, nhẹ bước đi vào thăm lại ngôi nhà xưa 5 gian, được bà con nhân dân Kim Liên chung sức xây dựng để mừng thân phụ của Bác, cụ Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng năm 1901. Bác đứng lảng một hồi lâu trước sân, như để nhớ lại cái quá khứ tuổi thơ chẵn trâu cắt cỏ, rồi nhìn hai ngôi nhà và Bác đưa tay chỉ cho mọi người đi theo biết: Xưa kia đây là nơi trồng cây ôi đào, kia là cây bưởi và dọc lối đi là hàng cau mon morn rất đẹp.

Cuối cùng, Bác lảng lạng bước vào nhà. Bác nhớ như in những vị trí đặt các đồ vật. Tất cả còn nguyên vẹn trong ký ức của Người, không sai sót vật nào. Bác dừng lại hồi lâu trước gian thờ cúng gia tiên. Bác ngược nhìn lên bàn thờ mới được làm lại. Bác nghẹn ngào nói:

- Ngày xưa nhà Bác nghèo lắm, Bàn thờ chỉ làm bằng tre không có chân, mà chỉ dùng hai thanh gỗ đóng gá vào hai cột nhà để đỡ bàn thờ. Bàn là tấm liếp đan bằng nứa, trên trải chiếu mộc.

Tần ngần một lúc, Bác đi ra sân, nhìn quanh một lượt mảnh vườn trồng khoai trước nhà. Một cán bộ địa phương nghĩ rằng Bác không muốn trồng khoai ở vườn, nên ngỏ ý xin Bác cho trồng hoa cho đẹp. Bác liền vui vẻ đáp:

- Khoai lang vào mùa hoa nở rất đẹp, lại là lương thực nuôi sống con người.

Tiếp đó, Bác ra phía sau nhà, một cụ già hàng xóm vội bước ra chào Bác và hỏi:

- Bác còn nhớ tôi không?

Bác lây tay vỗ nhẹ lên trán một lát rồi trả lời:

- Có phải cố Điền không?

Ông Hoàng Điền (cố Điền) chạy lại ôm lấy Bác, người bạn “chẵn

trâu cật cò, thả diều” từ thuở ấu thơ và khóc nức nở, vì quá xúc động! bởi đã trên nửa thế kỷ mà Bác vẫn nhớ tên từng người bạn.



*Bác Hồ nói chuyện với bà con Kim Liên*

Tạm biệt người bạn già, Bác ra thăm Giếng Cốc, nơi Bác thuở nhỏ thường gánh nước về cho gia đình. Tại đây Bác hỏi thăm lò rèn, do ông Hoàng Xuân Luyện lập ra để rèn nông cụ phục vụ bà con nông dân trong vùng từ cuối thế kỷ XIX, khi Nguyễn Sinh Cung còn nhỏ, những lúc rảnh rỗi thường sang chơi và giúp làm những việc lặt vặt, có lúc giúp đập đe, thụt bệ, nhật sắt vụn...Bác hỏi thăm nhà cố Phương, một người nghèo nhất xã Kim Liên thời bấy giờ. Lúc này đủ ăn không? Nghe hỏi chuyện. mọi người ai cũng cảm động trước tình cảm của Người đối với quê hương.

Sau đó, bà con Kim Liên tập trung nghe Bác nói chuyện. Mở đầu Bác đọc câu thơ:

*Quê hương nghĩa trọng tình cao,  
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.*

Với giọng đầm ấm của người con xứ Nghệ, Bác Hồ bùi ngùi nhớ lại, ngày ra đi, quê hương còn chìm trong bóng đêm nộ lệ, nay trở về rất đổi vui sướng, vì đất nước đã được độc lập, nhân dân được tự do, bà con ai ai cũng có cơm no áo ấm. Tuy vậy, Bác vẫn căn dặn:

- Kim Liên cố gắng phấn đấu thành xã kiểu mẫu, Bác sẽ về thăm!

Nhiều người xúc động không kìm được nước mắt, trước tình cảm quê hương sâu đậm trong trái tim của Người, một vị lãnh tụ, dù đã xa quê trên 50 năm vẫn không quên tình làng nghĩa xóm.

Trước khi rời quê, Bác chẳng có gì, chỉ tặng lại các cụ 5 gói trà Ba Đình và mấy gói kẹo Hải Châu cho các cháu thiếu nhi.

Đúng như lời hứa, 4 năm sau, ngày 8 tháng 12 năm 1961, Bác lại về thăm quê lần thứ hai và cùng là lần thăm cuối cùng, trước lúc Bác đi xa. Điều bất ngờ, trong lần này Bác về thăm làng Hoàng Trù, quê ngoại trước. Tại đây, Người trò chuyện với những người bạn thuở thiếu thời, ôn lại những kỷ niệm xưa.

Trong dòng người quê ngoại ra đón Bác, có ông Trần Văn Từ, là một trong số không nhiều nhân chứng còn lại ở làng Hoàng Trù đã chứng kiến cuộc viếng thăm quê lần thứ hai của Bác. Cụ Từ bồi hồi kể:

- Ngày hôm đó, thấy Bác giữa vòng vây của bà con quê ngoại ai cũng lặng đi ai cũng mừng mừng, tủi tủi!

Bác đi quanh nhà thờ họ Hoàng . Bác nhớ rất rõ nơi nào được sửa chữa so với ngày Bác còn ấu thơ. Rồi Bác ngồi bệt xuống bậc thềm, ngôi nhà ngang. Các cháu thiếu nhi thấy Bác thì ngồi sà vào lòng, ngắm nghía Bác.

Cụ Từ nhớ lại:

Trong hơn một tiếng đồng hồ thăm quê ngoại, nhưng Bác dành nhiều thời gian nhắc nhở bà con đoàn kết làm ăn, phấn đấu xây dựng

CNXH ở miền Bắc, chi viện cho chiến trường miền Nam, đấu tranh thống nhất nước nhà. Các cháu thiếu nhi cố gắng học hành để lần sau Bác về thăm thấy mọi người tiến bộ.

Cả hai lần về thăm quê, dù thời gian lưu lại không nhiều, song Bác luôn luôn trăn trở lo lắng về đời sống của bà con. Điều này thể hiện rõ trong từng lời căn dặn của Người đối với cán bộ, đảng viên:

- Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu không có trường học, Đảng phải lo.

Trên cương vị Chủ tịch nước, dù bận trăm công nghìn việc, nhưng tình thương nỗi nhớ, sự lo lắng, tình yêu đối với quê hương luôn canh cánh trong lòng của Bác. Tuy không có nhiều điều kiện về thăm quê, nhưng Người đã gửi gắm nỗi lòng, kỳ vọng qua những bức thư, bài viết gửi về quê nhà. Trong bức thư cuối cùng gửi BCH Đảng bộ tỉnh Nghệ An, ngày 21.7/1969 (trước ngày Bác qua đời 2 tháng), Bác viết: “*Nghệ An là một tỉnh rộng lớn, có tài nguyên phong phú, nhân dân cần cù lao động và rất cách mạng. Rất mong đồng bào, đồng chí tỉnh nhà ra sức phấn đấu làm cho Nghệ An trở thành một trong những tỉnh khá nhất ở miền Bắc*”.

Người viết bài này, tin chắc rằng quê hương Nghệ An vẫn vọng mãi lời Người, những lời dạy ân cần, thiết tha, đầy trách nhiệm và kỳ vọng... của Người mãi mãi là niềm tin, ngọn lửa soi đường, chỉ lối để Nghệ An vững bước đi lên.

Hình ảnh của Bác về thăm quê đã trở thành một hình ảnh đẹp cho thế hệ trẻ hôm nay học tập và noi theo với bài học quý báu: “*học theo Bác từ những điều giản dị nhất*”.

## “ĐÔI DÉP BÁC HỒ, BÁC ĐI TỪ Ở CHIẾN KHU BÁC VỀ”

Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ta gặp vô vàn khó khăn, gian khổ. Những người lính đã phải trải qua cuộc chiến vô cùng ác liệt, một mất một còn, chính trong hoàn cảnh chiến đấu gian nan ấy mà sự sáng tạo của nhân dân ta được phát huy. Hành trang mang theo của người lính, ngoài chiếc ba lô với chiếc mũ nan tre bọc vải thô, chiếc áo trấn thủ che ấm trong những ngày đông lạnh giá và đôi chân đi dép cao su được cắt ra từ chiếc lốp và săm xe ô tô cũ của giặc Pháp là chiến lợi phẩm bộ đội ta thu được, làm hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ thêm giản dị, gần gũi mà thân thương.



*Đôi dép của Bác*

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhân dân nghèo khổ, cuộc sống vật chất còn nhiều thiếu thốn, nên dép cao su được sử dụng rộng rãi từ các cán bộ, bộ đội đến nhân dân.

Người ta kể rằng chính Đại tá Hà Văn Lâu (khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông là Tư lệnh Mặt trận Bình-Trị-Thiên) là tác giả đôi dép cao su. Nhưng khi có người hỏi, ông thừa nhận mình chỉ là người bắt chước cách thức người phụ xe sử dụng mo cau, hay vỏ (lốp) xe kéo làm dép đi. Từ đó ông bắt

đầu nảy ý tưởng làm những đôi dép như những người phụ xe, nhưng bằng nguyên liệu khác, đó là lốp và săm ô tô cũ.

Năm 1947, nhân nhìn thấy ở nhà ông Nguyễn Văn Sáu (Sáu Đen) có một số lốp ô tô cũ, ông Hà Văn Lâu đề nghị ông Sáu Đen chế tạo đôi dép lốp kiểu sandal, đi bền và êm, lại lội nước và vượt bùn lầy rất thuận lợi, bảo vệ được đôi bàn chân trong mọi trường hợp: có thể giẫm lên mìn chài, dây thép gai, lửa than đỏ... Vì vậy có người gọi dép cao su là dép Bình Trị Thiên, vì nó xuất phát từ vùng Bình Trị Thiên, nhưng cũng có người gọi là dép râu, dép lốp, dép của bộ đội Cụ Hồ..., người nước ngoài gọi dép Cụ Hồ (Ho Chi Minh sandals).



*Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và Chính phủ nước VNDCCH sang Liên Xô dự kỷ niệm 40 năm Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại. Người đã phát biểu tại sân bay Matxcowva (11/1957)*

Việc chọn lốp ô tô cũ làm dép, bởi nó là nguyên liệu dễ kiếm, dễ làm, vừa bền, giá rẻ, lại sử dụng thuận lợi trong mọi địa hình dù đèo

cao, suối sâu, đường dốc, đá lởm chởm, sỏi cát hoặc lầy lội đều dễ dàng vượt qua.

Về hình thức dép lốp có hình dáng giống dép sandal, chỉ khác đế dép được cắt ra từ phần chính giữa của lốp ô tô (phần tiếp xúc với mặt đường). Vì nó bằng phẳng, không gây đau chân. Quai dép được cắt ra từ săm ô tô cũ. Chiều rộng của quai khoảng từ 1 -1,5cm. Chiều dài quai tùy thuộc vào bề dày bàn chân của mỗi người. Quai được xỏ qua 8 lỗ đã được đục sẵn dọc theo diềm đế dép, bằng cách dùng chiếc díp kim loại (hoặc bằng cật tre) để luồn. Trường hợp chặt quá khó luồn, ta dùng nước xà phòng sẽ luồn qua dễ dàng. Người đi dép lốp thường mang theo một chiếc díp để luồn quai mỗi khi quai bị tuột khỏi lỗ. Hai quai trước được bắt chéo. Hai quai sau (quai hậu) bắt song song. Điều kỳ diệu là giữa quai và đế được cố định chắc chắn vào nhau mà không dùng bất cứ một loại keo nào để kết dính, mà nhờ vào sự đàn hồi của cao su. Để chống trơn trượt, mặt dưới của đế được khía rãnh hình thoi để đi vào những con đường lầy lội hoặc trơn trượt.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp và những năm đầu chống Mỹ, dép lốp được dùng rất phổ biến không chỉ cán bộ, bộ đội mà cả nhân dân, đặc biệt là Bác Hồ thân yêu của chúng ta dùng thường xuyên, kể cả trong những chuyến đi thăm các nước anh em, bầu bạn, Bác đều đi dép lốp.

Dép cao su được Bác Hồ dùng ngay sau ngày toàn quốc kháng chiến năm 1947. Đôi dép lốp của Bác được làm ra từ chiếc lốp ô tô quân sự của quân đội Pháp, bị bộ đội ta phục kích tiêu diệt trong chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.

Về đôi dép lốp của Bác có nhiều câu chuyện đáng nhớ: Trong lúc đi đường, Bác chỉ vào đôi dép của mình, nói vui với anh em cùng đi: *“Đây là đôi dép vạn dặm trong chuyện cổ tích ngày xưa...Đôi hài Thần Đất đi đến đâu mà chẳng được”*.

Chẳng những lúc “hành quân” và cả khi mùa đông về, Bác đi thêm đôi tất cho ấm chân, tiếp khách trong nước cũng như khách quốc tế vẫn

thường thấy Bác đi dép lốp. Chuyện kể rằng, trong chuyến đến thăm nước Cộng hòa Ấn Độ năm 1958, theo lời mời của Tổng thống Rajendra Prasad, đôi dép lốp của Bác đã tạo nên nhiều điều ngạc nhiên thú vị. Khi Bác tiếp các chính khách Ấn Độ, họ đều chú ý nhìn vào đôi dép dưới chân Người. Họ liếc nhìn với vẻ lạ lùng, như nhìn một vật gì đó rất xa lạ từ ngoài hành tinh đưa xuống, nhưng rất đỗi trân trọng. Đặc biệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, bài nào cũng nhắc đến đôi dép cao su của Bác như một chuyện lạ, một huyền thoại về một con người tuyệt vời của thế kỷ XX.



*Trong chuyến thăm thăm Trung Quốc, Bác Hồ vẫn đi dép cao su*

nhau chụp ảnh và quay phim lia lịa. Họ chen nhau để có những vị trí thuận lợi ghi được những khuôn hình đẹp nhất có thể. Có những bức ảnh đặc tả đôi dép thể hiện rất rõ chất liệu cao su, mang đến cho người xem những suy ngẫm về sự giản dị của một nhà cách mạng – Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong lúc đó các phóng viên viết cặm cụi ghi chép tỉ mỉ những gì tận mắt mình nhìn thấy. Hình như họ biết trước sự việc sẽ xảy ra nên đã phục sẵn từ lâu, một số nhà báo nhìn vẫn chưa thỏa mãn, còn cúi xuống dùng tay sờ, nắn tỏ vẻ lạ lùng, ngạc nhiên.

Người dân Ấn Độ đã tỏ lòng ngưỡng mộ đến kỳ lạ về đôi dép lốp này. Khi Bác đến thăm lăng mộ Taj Mahal, có một chuyện xảy ra: Lúc Bác vào trong lăng, để đôi dép ở bên ngoài, thì bất ngờ có hàng trăm phóng viên, nhà báo, ập đến vây kín đôi dép cao su của Bác, từ các góc độ, cự ly khác

Tiếp theo là đám đông dân chúng từ mọi nẻo đường kéo đến, ùa vào để được ngắm nhìn đôi dép lốp của Cụ Hồ, như một vật lạ...



*Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện thân mật với các đồng chí lãnh đạo Liên Xô sau buổi xem triển lãm thành tựu kinh tế và khoa học kỹ thuật (3/7/1959)*

Đôi dép cao su- đôi dép Bác Hồ đã vào sinh ra tử, nó chứa chất bao kỷ niệm sâu sắc và cảm động không thể nào quên., kể cả những lúc đôi dép đã quá cũ, đế mòn vẹt. Bác cũng kiên quyết giữ lại để dùng. Đã mười một năm rồi, “từ thuở chiến khu Bác về” vẫn đôi dép ấy. Các chiến sỹ cảnh vệ đôi ba lần xin phép Bác đổi dép mới, nhưng Bác bảo “vẫn còn đi được”. Năm 1958, Bác đi thăm Ấn Độ, khi Bác lên máy bay, ngồi trong buồng riêng, thì mọi người trong tổ cảnh vệ, lập mẹo, giấu dép đi, để sẵn một đôi dày da mới. Máy bay hạ cánh xuống sân bay quốc tế thủ đô New Delhi, Bác tìm dép, không thấy. Mọi người thưa:

- Có lẽ đã cất xuống khoang hàng của máy bay rồi!

- Bác biết, các chú cất dép của Bác đi, chứ gì! Nước ta còn chưa được độc lập hoàn toàn, nhân dân ta còn khó khăn, Bác đi dép cao su, nhưng vẫn đi tất, thế là đủ lắm, mà vẫn lịch sự - Bác ôn tồn nói.

Thế là các chiến sỹ phải trả lại dép để Bác đi. Vì dưới sân bay chủ nhà đang nóng lòng chờ khách.

Năm 1960, Bác đi thăm một đơn vị Hải quân Nhân dân Việt Nam, vẫn đôi dép “thâm niên” ấy, Bác đi thăm nơi ăn, chốn ở, nhà vệ sinh, nhà bếp, trại chăn nuôi của đơn vị. Các chiến sỹ rồng rắn kéo theo. Ai cũng muốn chen chân vượt lên để được gần Bác hơn. Bác vui cười nắm tay chiến sỹ này, vỗ vai chiến sỹ kia. Bỗng Bác đứng lại:

- Thôi! Các cháu giẫm làm tụt quai dép của Bác rồi!

Nghe Bác nói, mọi người dừng lại, cúi xuống chăm chăm nhìn đôi dép cao su, rồi nhao nhao lên:

- Thưa Bác! Cháu, cháu sửa cho.

- Thưa Bác cháu sửa được ạ!

Thấy vậy, các chiến sỹ cảnh vệ chỉ đứng cười, vì biết đôi dép của Bác, quai dép hay tụt, đã phải đóng đinh mấy lần rồi!... Bác cười nói:

- Cũng phải để Bác đến gốc cây đa kia, mới có chỗ dựa mà đứng đã chứ!.

Bác lê đôi dép “lẹp xẹp” đến gốc đa, một tay vịn vào cây, một chân co lên, tháo dép ra:

- Đây! Cháu nào giỏi thì chữa hộ dép cho Bác.

Một thanh niên nhanh tay giành lấy chiếc dép, giơ lên, nhưng ngờ ra, lúng túng... Một anh bên cạnh liếc nhìn thấy “khó”, đành “vượt vây” chạy biến. Bác giục:

- Ở kia! Ngắm mãi thế! nhanh lên cho Bác còn đi chứ!

Lúc này, một chiến sỹ chạy đi, đã trở lại, mang theo chiếc búa con và một vài chiếc đinh con, nói:

- Để cháu sửa.

Mọi người dẫn ra, chiếc dép sửa xong. Những chiến sỹ không được may mắn chữa dép cho Bác, phàn nàn:

- Tại dép Bác quá cũ. Thưa Bác, nên thay dép đi ạ!

Nhìn các chiến sỹ, Bác ôn tồn bảo:

- Các cháu nói đúng!..nhưng chỉ đúng có một phần. Đôi dép của Bác cũ thật, nhưng nó chỉ tụt quai. Cháu đã chữa lại chắc chắn cho Bác, thế này nó còn “thọ” lắm! Mua đôi dép khác chẳng đáng là bao, nhưng khi chưa cần thiết cũng chưa nên. Ta phải tiết kiệm, vì đất nước còn nghèo.

Đức hy sinh cao cả đó của Bác đã thể hiện qua câu nói: *“Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho đất nước được tự do, độc lập, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”*.

Đôi dép cao su- đôi dép Bác Hồ không chỉ có ý nghĩa quan trọng cuộc đời của Bác mà với cả dân tộc Việt Nam. Qua hình ảnh đôi dép cao su cho ta thấy được đức tính giản dị, tiết kiệm đáng quý của người chiến sỹ cách mạng. Đôi dép cao su của Bác đã trở thành hình tượng trong thi ca Việt Nam: *“Đôi dép đơn sơ, đôi dép Bác Hồ, Bác đi từ ở chiến khu Bác về”*... Câu hát đã đi vào lòng người không chỉ riêng thế hệ những người đã chiến đấu và đã biết đến một thời mưa bom bão đạn với đôi dép cao su bằng rừng lợi suối, mà cả những thế hệ hôm nay họ vẫn hát, vẫn ngân lên khúc hát ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của Người. Và một trong những kỷ vật, di sản vô giá mà Người để lại cho đất nước, cho dân tộc Việt Nam, trước lúc Người đi xa là đôi dép cao su giản dị./.

## NHỮNG NGƯỜI CON NUÔI CỦA BÁC HỒ

Sinh thời Bác Hồ luôn luôn dành sự quan tâm và tình cảm yêu thương nhất cho các cháu thiếu nhi trong nước và nước ngoài, bởi đó là những chủ nhân tương lai của nước nhà và nhân loại.

Tình cảm và sự quan tâm của Bác dành cho thiếu nhi nước ta và quốc tế thể hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó có cả tình cảm mà Bác dành cho những đứa con đỡ đầu của Người.

Bác Hồ nổi tiếng là người yêu trẻ, chỉ tính riêng ở nước ngoài Bác đã có 3 đứa con nuôi, ở 3 nước khác nhau: Pháp, Đức Nga.

Chuyện kể rằng, cuối tháng 5 năm 1946, với tư cách là thượng khách của Chính phủ Cộng hoà Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm chính thức nước Pháp. Tại đây, Người đi thăm những di tích, danh lam thắng cảnh của Pháp, một đất nước có nền văn hoá lâu đời. Người đã tiếp xúc, gặp gỡ các nhà lãnh đạo Pháp. Người cũng nói chuyện thân mật với tầng lớp văn nghệ sỹ, các nhà khoa học và bà con Việt kiều từ khắp nơi nước Pháp.

Ngày 27 tháng 7 năm 1946, Việt kiều ở Pháp tổ chức buổi chiêu đãi chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại vườn Hồng, Batagen, trong lâu đài D'Artois, nằm ven cánh rừng Bologne. Ông Raymond Aubrac, cựu Ủy viên Cộng hoà ở Marseille, Nghị sỹ Quốc hội Pháp được mời tới dự buổi chiêu đãi. Tại buổi chiêu đãi, ông được giới thiệu với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong lúc trò chuyện với ông Raymond Aubrac, Chủ tịch Hồ Chí Minh cảm ơn ông về những việc ông đã làm cho nhân dân Việt Nam hai năm trước ở Marseille. Ông Raymond Aubrac ngỏ ý mời Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm gia đình mình. Bác Hồ vui vẻ nhận lời và nói:

- Tôi sẽ rất sung sướng, nếu được đến vườn của ông, ông bạn thân mến ạ ! Vậy tuần sau, vào giờ uống trà buổi chiều, tôi đến thăm gia đình được chứ?

Đúng hẹn, Bác Hồ đến thăm căn nhà và khu vườn của gia đình ông Raymond Aubrac (ở nhà số 90, đường Soisy Sous Montmorency, quận Seine et Oire , cách thủ đô Paris 10 km). Chủ tịch Hồ Chí Minh cảm thấy chuyến thăm rất thú vị.

Nhận lời mời chân thành của ông bà Raymond Aubrac, ngày, 28 tháng 7 năm 1946, Người chuyển về đây ở. Ông bà Aubrac là những người có cảm tình với chủ nghĩa Cộng sản và rất kiên cường trong cuộc đấu tranh chống chủ phát xít.

Ngày 15 tháng 8 năm 1946, bà Lucy vợ ông Aubrac sinh bé gái tại nhà hộ sinh Port Royal, ở đại lộ Port Royal, quận 5, Paris, bé gái đặt tên là Elizabeth. Bác Hồ đến bệnh viện thăm, tặng quà và nhận bé Elizabeth làm con đỡ đầu. Người gọi Elizabeth theo kiểu gọi thân mật trong gia đình là Babette. Gia đình ông Aubrac rất sung sướng và vô cùng hạnh phúc.



*Hồ Chí Minh vào nhà hộ sinh, Paris thăm vợ ông R. Aubrac sinh cháu và nhận là cha đỡ đầu của bé Elizabeth (7/1946)*

Sau này, hàng năm đến ngày sinh nhật của con gái, Người thường gửi thư và quà tới ông bà Aubrac con đỡ đầu của mình.

Quà Bác gửi tặng khá khiêm tốn, nhưng rất có ý nghĩa là một quả cầu nhỏ hay con trâu bằng ngà voi, có khi là một bức ảnh chân dung của Người, với những lời nhắn gửi tình cảm và chữ ký của Người, hoặc một đồng tiền vàng có mang hình của Bác. Đặc biệt năm 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng một tấm lụa để may áo cưới khi con gái nuôi lập gia đình. Tấm lụa đến giờ vẫn giữ nguyên màu trắng ngà, mềm mại, bên trong kẹp một mẫu giấy nhỏ viết: “*lụa Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội*”.

Babette, hiện là giáo viên có 3 người con. Những món quà Bác Hồ tặng, Babette vẫn giữ gìn như những kỷ vật. Babette nói với chồng và các con: “*Chúng ta đang sống lại một kỷ niệm đẹp đẽ nhất trong đời, mà Bác Hồ đã dành cho chúng ta*”.

Từ thuở ấu thơ chưa biết gì, đã được Bác Hồ bế bồng, nhưng lớn lên chưa một lần gặp Bác khi Người chưa “đi xa”, nhưng trong suy nghĩ, tình cảm của bà Elizabeth Helfer Aubrac, vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam luôn là một người thân thiết trong gia đình. Bà Elizabeth nhớ lại: “*Với tôi Bác Hồ cũng gần gũi giống như một người thân trong gia đình. Trong ký ức của tôi, không hề có chuyện là vào một hôm cha mình nói với tôi rằng tôi có một người cha đỡ đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Không! Không hề có chuyện đó. Bác Hồ luôn ở đó, giống như một người Bác hay người Chú trong gia đình chúng tôi*”.

Babette cho biết, do cha thường xuyên đi công tác, nên những câu chuyện về Bác Hồ chủ yếu do bà ngoại và mẹ kể, bà nói: “*Từ nhỏ tôi đã có nhận thức được rằng tôi có một người cha đỡ đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam. Bác Hồ ở rất xa, vô cùng bận bịu, vì đang phải chiến đấu gian khổ để giành lại độc lập cho Việt Nam. Lớn lên một chút, tôi đã vẽ tranh và sau đó là viết thư gửi cho Bác Hồ. Tôi cũng thường xuyên nhận được những dòng thư ngắn, những lời nhắn của Người. Mỗi khi cha tôi đi công tác Việt Nam về, ông đều mang theo lời nhắn của Bác “Hãy ôm hôn Babette giùm tôi”. Babette là tên thân mật của tôi trong gia đình*”- Bà giải thích.

Mỗi khi có một người Việt Nam nào đó đến thăm, bà cũng giới thiệu những kỷ vật của Bác Hồ tặng gia đình bà: Bức tranh “Lòng mẹ” của họa sỹ Vũ Cao Đàm, quả cầu nhỏ bằng ngà voi, được chạm trổ tinh xảo, mảnh lụa Vạn Phúc, Hà Đông Bác Hồ gửi tặng khi tôi chuẩn bị kết hôn. Mảnh lụa màu trắng ngà rất đẹp, nhưng tôi đã không giám sử dụng nó, vì sợ thợ, may cắt hỏng.. Bởi đây là kỷ vật vô cùng thiêng liêng đối với chúng tôi. Nhắc đến thời điểm Bác Hồ “đi xa”, giọng bà chùng xuống, xúc động nói “*Chúng tôi có cảm tưởng như mất một người thân yêu trong gia đình. Đây là một thời điểm hết sức khó khăn và nặng nề đối với nhân dân Việt Nam và gia đình chúng tôi. Khi đến viếng Người tại Đại sứ quán Việt Nam ở Pháp, chúng tôi thấy một bức ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh được phóng to, có dải băng đen phía trước. Cán bộ và nhân viên Sứ quán đứng bất động như những pho tượng. Họ quá đau buồn, trước tổn thất to lớn. không ai có thể hình dung nổi Chủ tịch Hồ Chí Minh “đi xa” mà không kịp nhìn thấy nước nhà thống nhất*”.

Bà tâm sự: “*Tôi luôn nhớ về Người mỗi ngày và tôi cảm thấy có sợi dây liên lạc gần gũi với nhân dân và đất nước của vị cha đỡ đầu đáng kính của tôi. Tôi đã cùng cha đẻ Raymond Aubrac đến Việt Nam vài lần. Hai vợ chồng tôi là giáo viên và thật trùng hợp khi chồng tôi mỗi năm hai lần đến Việt Nam giảng dạy tại Trung tâm Pháp - Việt, đào tạo về quản lý tại Hà Nội. Chồng tôi rất vui và hạnh phúc khi có nhiều học sinh, sinh viên Việt Nam đến thăm và coi đây là một ngôi nhà Việt Nam*”

Ngoài người con gái nuôi đầu tiên người Pháp, Bác Hồ còn có hai người con nuôi rất đáng quý. Đó là Knuth Wolfgang Hartmann, sinh sống ở miền Nam nước Đức (trước thuộc CHDC Đức cũ). Knuth được Bác Hồ nhận làm con đỡ đầu, khi có trùng ngày sinh với Người (19/5). Chính vì sự trùng hợp ngẫu nhiên đó mà ông bà Walter R. Hartmann, cha mẹ của Knuth, đã gửi thư tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, bày tỏ cảm tình, ủng hộ cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam và xin Người nhận Knuth Wolfgang Walter Hartmann làm con đỡ đầu.

Tại chiến khu Việt Bắc, mặc dù bận bịu công việc, để lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống thực dân Pháp và kiến thiết đất nước, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian viết thư trả lời ông bà Hartmann. Năm tháng sau ngày gửi thư, ông bà Hartmann đã nhận



*Bà Elizabeth giới thiệu món quà Bác Hồ tặng*

được thư trả lời của Người đề ngày 15/9/1951. Trong thư có đoạn viết: *“...Tôi cảm ơn bà và ông đã gửi thư và ảnh cho tôi. Và tôi rất vui lòng nhận cháu làm con đỡ đầu. Tôi gửi biếu cháu một bức ảnh nhỏ và một đồng Việt Nam để làm kỷ niệm...”*

Ngày 19/5/1954, Bác lại gửi tặng gia đình ông bà Hartmann bức ảnh Người chụp chung với một bé gái. Phía sau bức ảnh Bác viết: *“Thân ái gửi con đỡ đầu yêu quý Knuth Wolfgang Walter Hartmann - Việt Nam 19-5-1954 Hồ Chí Minh”*.

Nhận được thư của Bác, gia đình ông Hartmann vô cùng xúc động, bởi tình cảm và sự quan tâm mà Người đã dành cho gia đình ông. Gia đình ông Hartmann rất trân trọng tình cảm của Bác Hồ dành cho họ.

Còn đối với đứa con đỡ đầu của Bác Hồ, khi còn là cậu học trò đang ngồi trên ghế nhà trường, cũng như lúc tham gia quân đội, hay là cán bộ kỹ thuật của xí nghiệp lai bò giống, Knuth luôn luôn mang bên mình tấm ảnh của Người tặng.

Ở nước Nga, quê hương của V.I Lénine vĩ đại, Bác Hồ cũng có một bé gái Irsoca Dmitrievna Denia, sinh vào mùa Xuân năm 1957, là con của X. Colosov, một nhà báo (từng là phóng viên của Thông tấn xã APN) và vợ là bác sỹ Anna Stasia Vasievna. ở thành phố Giucovski, ngoại ô

Matxcova. Mặc dù chưa một lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng với tấm lòng kính yêu Bác Hồ, nên khi sinh con gái đầu lòng, ông bà đã viết thư gửi Bác Hồ, đề nghị Người làm cha đỡ đầu cho con gái nhỏ của họ. Bức thư có đoạn viết: *“Chúng cháu được biết, tình yêu của Người đối với trẻ em và trẻ em đối với Người vô cùng sâu sắc. Theo phong tục Nga cổ truyền, một phong tục rất tốt đẹp ở nước Nga, chúng cháu chân thành đề nghị Người làm cha đỡ đầu của đứa con nhỏ của chúng cháu – con gái tên Irsoca”*.

Không lâu sau ngày gửi thư, gia đình nhà báo Colosov đã nhận được thư trả lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong thư có đoạn Bác viết: *“Cô Anna Vasievna và chú Dmitri Grigorevich thân mến!*

*Tôi đã nhận được thư của cô chú và chân thành cảm ơn cô chú đã mời tôi làm cha đỡ đầu cho con gái của cô chú. Tôi mong rằng sự nhận lời của tôi sẽ thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết anh em giữa hai dân tộc Việt Nam và Liên Xô”*.

Cùng với lá thư, còn kèm theo bức ảnh chân dung của Người, trên đó viết bằng chữ Nga *“Hôn con Irsoca, chúc con mạnh khỏe và hạnh phúc – cha nuôi Hồ”*.

Đến tháng 5 năm 1960, gia đình X. Colosov, nhận được bức thư thứ hai của Bác, trong thư có đoạn Người viết:

*“Tôi đã nhận được thư của cô chú! Tôi gửi lời chào thăm thiết nhất tới bé Irsoca, chúc bé khỏe, hạnh phúc – Hôn bé – Hồ Chí Minh”*.

Tháng 11 năm 1960, Irsoca và bố mẹ được gặp Bác Hồ tại một ngôi nhà trên phố Alexey Tolstoi, nhân dịp Người và Đoàn Đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang Matxcova dự lễ kỷ niệm lần thứ 43 Cách mạng tháng Mười vĩ đại.

Cuộc gặp diễn ra rất tình cảm và thân mật. Bác mời gia đình Irsoca cùng ăn cơm trưa với Người.

Trong lúc nhân dân ta đang tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dù bận trăm công nghìn việc, nhưng Bác Hồ vẫn dành thời gian viết thư trả lời cho con gái đỡ đầu yêu quý của mình.

Sau này lớn lên, Irsoca phục vụ trong ngành công an, rồi cùng chồng là Iгоре Tribisov, cán bộ ngành hàng không dân dụng khai thác dầu khí Chiumen (Phía Tây Siberi). Hai vợ chồng có một cháu gái Varonica.

Việc Bác Hồ nhận những cháu bé người Pháp, người Đức, người Liên Xô. làm con đỡ đầu, thể hiện rõ tấm lòng nhân ái và sự quan tâm của Bác dành cho thế hệ thiếu nhi quốc tế. Qua đó làm tăng thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân Pháp, nhân Đức, nhân dân Liên Xô anh em.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “*đi xa*” đã 54 năm (1969 – 2023), song tình cảm, lòng yêu thương con trẻ của Người vẫn được truyền lại qua những câu chuyện kể cả ở trong nước lẫn ngoài nước. Trái tim nhân hậu, tình thương yêu vô bờ bến của Người đối với thanh thiếu niên và nhi đồng, đặc biệt là niềm hạnh phúc của mỗi người khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận làm con nuôi, con đỡ đầu vẫn luôn làm ta xúc động.

Người đem đến cho họ, những người con đỡ đầu tình cảm nồng hậu của người cha tinh thần, Hồ Chí Minh – vị nguyên thủ quốc gia của nước Việt Nam ./.



*Chủ tịch nước Trương Tấn Sang trao tặng huân chương Hồ Chí Minh cho ông R. Aubrac*

## CHUYỆN KỂ BÁC HỒ HỌC NGOẠI NGỮ

Nếu như ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người, thì ngoại ngữ chính là cầu nối không thể thiếu trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế của mỗi quốc gia, dân tộc.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc học tập, đặc biệt là học ngoại ngữ, nên sau khi học hết lớp nhì (niên khoá 1908 – 1909), Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân tộc khỏi ách thống trị của bè lũ thực dân phong kiến. Khi con tàu Latouché Tréville vừa cập cảng Marseille, Pháp ngày 15/9/1911, Nguyễn Tất Thành đã viết đơn gửi Tổng thống Pháp, xin vào học Trường Thuộc địa, nhưng không được Tổng



*Báo “Nhân Đạo” (L’Humanité), cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp số ra ngày 16-17/7/1920 đăng toàn văn sơ thảo lần thứ nhất “Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I. Lenin. Bản Luận cương đề cập đến vấn đề thuộc địa lập tức thu hút sự chú ý của Nguyễn Ái Quốc.*

thống Pháp trả lời. Người liền đến thị trấn Saint Andresse, ngoại ô thành phố Havre, Pháp kiếm việc làm và trau dồi thêm tiếng Pháp.

Tiếp đó, Người đi qua nhiều nước châu Phi, trước khi đến Tp. Boston, Mỹ, một thành phố trí thức, có trên 60 trường Đại học, trong đó có Trường Đại học Harvard nổi tiếng thế giới.

Chuyến hành trình này, đưa Người đến nhiều nơi trên thế giới, mang lại cho Người hiểu biết sâu về các nền văn hoá nhân loại và những cơ hội chứng kiến nhiều cảnh đời khác nhau của các tầng lớp xã hội, để từ đó Người có những nhận thức đúng đắn nhất, để xác định được con đường đến với chân lý. Trong quá trình hoạt động cách mạng đầy gian khổ đó, một phương tiện vô cùng quan trọng và cần thiết, mà Người luôn trau dồi và luôn giúp ích, hỗ trợ cho Người trong giao tiếp và hoạt động chính trị, đó chính là vốn ngoại ngữ của nhiều nước khác nhau, những nơi Người đã sống và hoạt động. Có thể nói trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng cho đến hiện nay chưa có một ai có thể sử dụng thành thạo nhiều ngoại ngữ như Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Theo lời khai trong bản lý lịch đại biểu dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII, Người có thể nói và viết thành thạo 6 thứ tiếng: Pháp, Anh, Nga, Trung Quốc (tiếng Hán), Đức, Italia. Nhưng trên thực tế, căn cứ vào những chuyến Bác đi thăm các nước, cũng như những lần đón tiếp các phái đoàn ngoại giao tới thăm Việt Nam, Bác có thể trực tiếp nói chuyện với nhiều đoàn đại biểu bằng ngôn ngữ của họ. Bác còn thông thạo các ngoại ngữ như: tiếng Thái, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ả Rập và nhiều tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam. Rõ ràng để có được khả năng sử dụng nhiều ngoại ngữ như vậy, ngoài trí thông minh xuất chúng, còn cần có một ý chí rèn luyện thường xuyên không mệt mỏi và một quyết tâm cao thực hiện cho bằng được mục đích mà Người đã xác định từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường tiểu học.

Lúc rời Tổ quốc ra đi với hai bàn tay trắng, cùng với một vốn ngoại ngữ ít ỏi học được ở bậc tiểu học. Bác đã phải làm nhiều việc không nề

hà bất cứ việc gì để kiếm được tiền nuôi sống. Mặc dù điều kiện sống vô cùng khó khăn, nhưng không làm giảm đi khát khao tìm tòi, học hỏi của một người Việt Nam yêu nước. Do nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ trong giao tiếp, trong hoạt động cách mạng, mỗi ngày Người dành một thời gian nhất định để tự học thêm tiếng Pháp. Do đó dù trong hoàn cảnh nào, Bác vẫn quyết tâm “*nhất định phải học cho kỳ được*”. Bác đã tìm ra phương pháp học tiếng Pháp: Cùng đi trên chuyến tàu rời cảng Sài Gòn có hai người lính Pháp trẻ được giải ngũ, nên những lúc rảnh rỗi, Bác tìm đến hai người này để học đọc, học viết tiếng Pháp. Họ cho Bác mượn những cuốn sách nhỏ in tiếng Pháp để đọc. Trong cuộc sống thường ngày, Bác thường hỏi họ, cái này là gì? Đồ vật kia gọi là gì?...Người học từ trong công việc hàng ngày, từ những người đồng nghiệp. Cách học của Bác rất đơn giản, nhưng đạt hiệu quả cao. Muốn biết một vật nào đó, tiếng Pháp gọi là gì? Bác chỉ ngay vào vật ấy, rồi hỏi, xong viết vào mẫu giấy, dán lên chỗ thường nhìn thấy nhất, để vừa làm việc, vừa học được. Hoặc viết chữ vào bàn tay, tối đi làm về, Bác rửa tay, rồi viết các chữ khác. Học được từ nào, bác ghép câu và dùng ngay. Khi vốn từ đã tích lũy khá nhiều, Bác bắt đầu học viết báo. Đầu tiên tập viết tin ngắn, với sự giúp đỡ của đồng chí Jean Longe, Chủ nhiệm báo “*Người bình dân*” (Le Populaire), cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp. Từ những mẫu tin ngắn, Bác bắt đầu tập viết những bài dài. Mỗi lần gửi bài đến toà soạn báo “*Người bình dân*”, Bác đều nói với mọi người: “*Tôi rất sung sướng nếu bài viết này của tôi được đăng, nhưng dù được đăng hay không, cũng xin các đồng chí sửa lỗi tiếng Pháp cho tôi*”. Sau mỗi lần bài viết của Bác được đăng báo, Bác mừng khôn xiết. Đồng thời Bác cẩn thận xem lại từng câu, từng chữ, xem bài viết của mình đúng, sai chỗ nào. Biên tập viên của toà soạn đã sửa lại cho mình như thế nào? Theo hướng dẫn của các chủ bút báo, Bác tập viết đi, viết lại, lúc thì viết diễn giải cho dài ra, lúc viết ngắn lại cho súc tích, đầy lượng thông tin cần thiết..



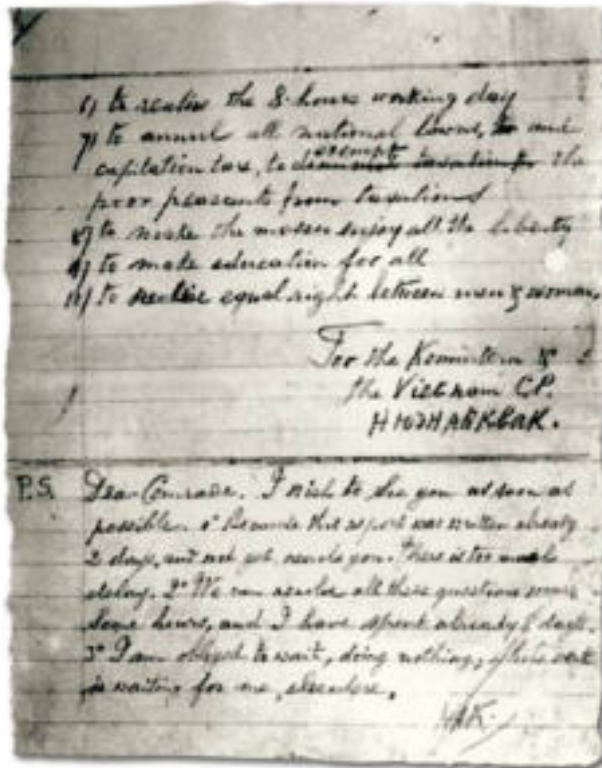
Sau ngày VI. Lenin từ trần (21/1/1924), Nguyễn Ái Quốc viết bài: “Lenin và các dân tộc thuộc địa”, đăng báo *Sự Thật, Liên Xô* (27/1/1924).

về toà soạn cho đến việc phát hành báo, vừa làm phóng viên viết với những tác phẩm tiêu biểu bằng tiếng Pháp: “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”; “*Vấn đề bản xứ*”; “*Lời than vãn của Trưng Trắc*”; “*Vĩ hành*”. Đặc biệt bản “*Yêu sách của người dân An Nam*”, với lối văn ngắn gọn, kết cấu chặt chẽ, nội dung súc tích, thẳng thắn, rõ ràng gửi đến Hội nghị Versaille năm 1919, để đòi các quyền cơ bản cho người dân nước mình, đã gây một tiếng vang lớn trong nhân dân Việt Nam và nhân dân các thuộc địa Pháp.

Sau mỗi ngày làm việc, Bác tranh thủ đọc vài truyện ngắn, vài trang tiểu thuyết, vừa giúp Bác giải trí, thư giãn đầu óc, vừa tự trau dồi vốn văn chương. Dân dần Người viết được truyện ngắn và vở kịch “*Con Rồng tre*” bằng tiếng Pháp, với lối viết châm biếm, sâu cay.

Về sau, Bác còn chủ trương ra báo “*Người cùng khổ*” (Le Paria), vừa làm chủ bút, chủ nhiệm, làm biên tập, trình bày, vẽ minh hoạ, viết mẫu chữ, sửa bản in, đưa đi nhà in, chuyển báo

Nhờ thông thạo tiếng Pháp, mà Người tiếp cận được với “*Bản sơ thảo lần thứ nhất những vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của V. I .Lénine, đăng trên báo “*Nhân đạo*” ( L’Humanité), tháng 7/1920. Từ đó Người đã tìm ra con đường đúng đắn để giải phóng cho dân tộc mình.



*Bút tích trang cuối bản báo cáo về việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản (18/2/1930 bản tiếng Anh).*

Ngoài khả năng thông thạo tiếng Pháp có thể viết báo, truyện ngắn, viết kịch, trả lời phỏng vấn... Nhưng trong quá trình hoạt động cách mạng, Bác còn phải đi nhiều nơi, cần giao tiếp, đòi hỏi Người cần có nhiều ngoại ngữ hơn nữa. Trước mắt là tiếng Anh. Bác đã tìm đến Tp. Boston, Mỹ, một thành phố trí thức có trên 60 trường đại học, trong đó có Trường Đại học Harvard nổi tiếng thế giới. Bác đã làm việc ở đây hơn một năm.

Đầu năm 1913, Người sang London, Anh quốc. Đầu tiên là tìm cho mình một công việc nuôi sống. Bác làm nhiều nghề: quét dọn tuyết, đốt lò sưởi, làm phụ bếp cho khách sạn Carlton. Bác sống và hoạt động ở Anh quốc gần 4 năm (1913 – 1917), với mục đích tối thượng là học giỏi tiếng Anh. Mỗi ngày Bác làm việc từ 9 đến 10 tiếng đồng hồ, trong điều kiện ăn, mặc thiếu thốn,

nhưng Người cố dành giùm một khoản tiền ít ỏi kiếm được để học tiếng Anh vào những ngày nghỉ hàng tuần.

Ngoài việc học ở lớp vào những ngày nghỉ, Bác còn tận dụng ngoài giờ làm việc sáng sớm hay chiều muộn ra vườn hoa Hyde, nơi có nhiều cây cỏ thụ và cột đèn cổ xưa để ngồi tự học tiếng Anh. Bác ra công viên để học, vì ở đó thời tiết khá lạnh, ngồi học ở đó không thể nào buồn ngủ được. Hiệu suất học rất cao. Bác còn tận dụng mọi nơi, mọi lúc có thể học tiếng Anh. Ông René Dipet viết trên tờ báo “*Phong trào*” về Bác: “*Trên hành trình đi tìm đường cứu nước, ở mỗi nơi, con tàu dừng lại, đối với anh Ba, đều là một trường đại học. Ở đó anh đã trực tiếp thu lượm được nhiều điều hiểu biết*”.

Qua các tư liệu của các nhà sử học thế giới cho biết, Bác nói tiếng Anh, thông thạo văn hoá, lịch sử nước Anh, Mỹ. Bác đã dịch nhiều đoạn, nhiều câu trong các báo chí Anh, Mỹ và của nhiều nước khác để đưa vào tiểu phẩm của mình. Riêng tài liệu viết về nước Mỹ của Bác đã lên đến hàng trăm bài, trong đó có nhiều thể loại khác nhau, đề cập toàn diện và sâu sắc về nước Mỹ.

Nhờ quá trình học tập kiên trì, chịu khó, Người đã có thể sử dụng tiếng Anh khá thành thục. Từ đó Người bắt đầu tiếp cận những tác phẩm văn học nổi tiếng viết bằng tiếng Anh, đi sâu nghiên cứu lịch sử thế giới và những vấn đề tương lai của các dân tộc thuộc địa..

Bác Hồ thường nói, đối với tôi, mỗi điểm đến là một trường học. Năm 1923, Bác rời nước Pháp sang Liên Xô, Bác bắt đầu ngay vào việc học tiếng Nga. Trải qua bao khó khăn, với sự nỗ lực bản thân, chỉ trong một thời gian ngắn, Bác đã nghe và nói được một số câu thông dụng trong đời sống hàng ngày. Với ý chí quyết tâm đó, đã làm cho một số đồng chí các đảng anh em đến dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản hết sức ngạc nhiên. Với tinh thần ham học hỏi, mà trong khoảng chưa đầy 5 năm, Bác đã nắm vững tiếng Nga. Bác đã tham gia Hội đồng Quốc tế Nông dân và vào học Trường Đại học Phương Đông, trực thuộc Ban

Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Bác còn tham gia lớp nghiên cứu sinh Ban Sử học của Viện Nghiên cứu vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bác còn nhận dịch tài liệu tiếng Nga ra tiếng Việt.

Trong thời gian sống và hoạt động trên đất nước Lémine, Bác đã viết nhiều bài cho các báo “*Đời sống Công nhân Bakhiski*”; “*Tiếng còi*”; “*Tạp chí Đỏ*”; “*Thời Mới*”; “*Sự thật*”.... Người đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều người, nhiều tầng lớp xã hội của xứ sở Bạch Dương rộng lớn này. Nhờ thế, khả năng nói và viết tiếng Nga của Người ngày càng thuần thục.

Theo Phó Thủ tướng Vũ Khoan (nguyên là phiên dịch viên tiếng Nga) cho biết: Một lần lên dịch cho Bác, trong khi chờ khách đến, tôi thấy Bác mở hộp thuốc lá, lấy ra một mảnh giấy nhỏ, Bác lẩm nhẩm đọc. Tôi không dám hỏi, nhưng khi nghe, thì biết Bác lẩm nhẩm đọc tiếng Nga. Tôi mạnh dạn hỏi, Bác vẫn học à? Bác cười và trả lời. Vì ít dùng tiếng Nga nên Bác quên khá nhiều.

Cũng theo Phó Thủ tướng Vũ Khoan, Bác rất giỏi tiếng Anh. “*Mới đầu nghe nói Bác biết tiếng Anh, tôi nghĩ, chắc Bác biết chứ không giỏi lắm. Nhưng một lần lên dịch ở Phủ Chủ tịch, có nhiều đoàn khách nước ngoài đến, quay sang đoàn nào, Bác nói tiếng nước đó. Khi nghe Bác nói tiếng Anh, tôi mới thấy Bác giỏi quá, phát âm chuẩn quá!*”

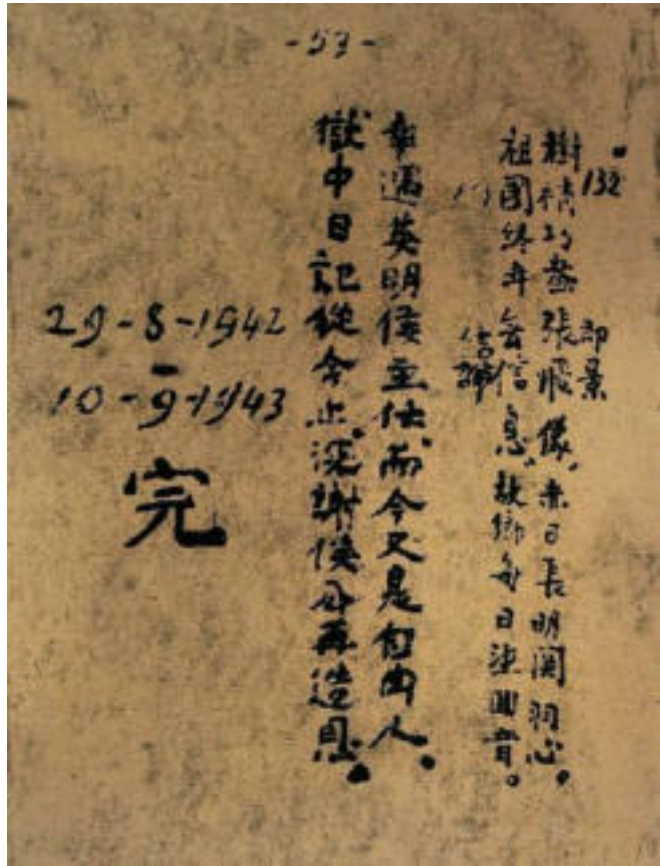
Sau đó, đọc các lá thư Bác viết bằng tiếng Anh gửi cho Quốc tế Cộng sản, ông Vũ Khoan thấy đúng là chữ Bác. Viết rất chuẩn. Hoá ra Bác Hồ không chỉ giỏi tiếng Pháp mà giỏi cả tiếng Anh, tiếng Nga.

Cuối năm 1924, Bác rời Matxcova, sang Quảng Châu, Trung Quốc. Vốn Hán học được học từ nhỏ, lại nhiều năm sống và hoạt động cách mạng ở Trung Quốc đã giúp Người rèn giữa hoàn cảnh đến độ uyên bác. Người không chỉ nói viết được tiếng Quan hoá \*tiếng phổ thông), mà còn nói được các phương ngữ như: tiếng Quảng Đông, Quảng Châu, Thượng Hải, Vân Nam.... Người viết báo, viết văn, làm thơ bằng chữ Hán rất thành thạo, mà tập “*Ngục trung nhật ký*” là một minh chứng tiêu biểu.

Nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc Quách Mạt Nhược từng đánh giá thơ của Bác: “Một số bài thơ hay, nếu xếp chung vào một số bài thơ Đường – Tống chắc cũng không dễ gì nhận ra”. Nhận xét của nhà thơ họ Quách cho thấy, trình độ Hán học cũng như thơ ca của Bác đã đạt đến độ uyên thâm.

Năm 1941, Bác về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Bác đã dịch và biên soạn nhiều tài liệu tiếng Trung, nhằm phục vụ kịp thời cho cách mạng như dịch “Lịch sử Đảng Cộng sản (B) Liên Xô”; “Phép dùng binh của Tôn Tử”; “Cách huấn luyện cán bộ quân sự của Khổng Minh”...Người sử dụng tiếng Hán như một công cụ lợi hại, với kẻ thù là một thứ vũ khí sắc bén mỗi khi ứng đối với kẻ địch, Bác làm chúng bối rối ( Vụ án Tống Văn Sơ là một thí dụ), với bạn bè, anh em thì đó là một chiếc cầu nối hữu nghị để tăng cường hiểu biết, cảm thông nhau hơn.

Ngoài ra Bác còn học cả tiếng Đức. Đầu tháng 12/1927, Nguyễn



Ngục trung nhật ký, tập thơ chữ Hán Hồ Chí Minh viết trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam tại các nhà lao ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. 29/8/1942 10/9/1943.

Ái Quốc – Hồ Chí Minh, từ Pháp đi dự phiên họp mở rộng của Hội đồng Liên đoàn chống đế quốc tại Brussel, Bỉ, nhưng bị mật thám Pháp phát hiện theo dõi. Nguyễn Ái Quốc bí mật quay lại Đức, làm phóng viên cho tờ “*Die Welt*” (Thế giới) ở Berlin trong một thời gian ngắn, nhưng Bác đã ngày đêm tranh thủ học tiếng Đức. Lúc học Bác mua báo Đức để tập đọc. Lúc này ở Đức nạn lạm phát, thất nghiệp, dân tình đói kém hết sức tồi tệ. Tiền mua một tờ báo nếu dàn ra kín mặt báo. Một gia đình 4 người, đi ăn nhà hàng, phải đẩy một xe bò tiền mới đủ trả bữa ăn.

Ngoài tiếng Đức, Người còn học tiếng Tây Ban Nha, tiếng Italia, tiếng Tiệp, tiếng Thái và một số tiếng nước khác. Nói đến việc học tiếng Italia của Bác xin kể một chuyện vui: Khi còn hoạt động bí mật ở nước ngoài, trên đường đi công tác, Bác ghé qua Italia. Đến biên giới bọn cảnh sát biên phòng của phát xít Musoleni, lấy cuốn “Từ điển chống cộng”, dày 2.000 trang, ghi tên tuổi các nhà cách mạng của các nước từ A đến Z, ra xem, nhưng không thấy tên mới của Bác trong đó, chúng chào lễ phép. Mời ông đi. Bác chào lại bằng tiếng Ý, khiến bọn chúng rất đổi ngạc nhiên. Thế là Bác vào được nước Ý một cách an toàn. Bác đến Napoli thăm di tích thảm họa núi lửa Pompei Herculanium, thủ đô Rom, toà thánh Vatican và hội chợ Milan. Tại đây có một tháp cao, lên tháp để ngắm phong cảnh, du khách phải mua vé. Bác chào cụ già gác tháp và hỏi bằng tiếng Ý;

- Đòi sống cụ thế nào?

- Ôi ! Khổ lắm ông ạ! Biết bao giờ chấm dứt chế độ này!

Bác đến nước nào, cũng tranh thủ học một ít tiếng nước đó, để chủ động trong giao tiếp. Nhờ đức tính hiếu học và sẵn có năng khiếu ngoại ngữ, nên vốn tiếng nước ngoài của Người rất phong phú./

Cuộc đời của Bác Hồ là một tấm gương sáng ngời về ý chí học tập, đặc biệt học ngoại ngữ để vươn lên. Trong hành trình đi tìm đường cứu nước, trải qua vô số gian khổ, yếu tố đó càng được tôi luyện và sáng chói./

## CHUYỆN BỮA ĂN CỦA BÁC HỒ

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam. Người đã được UNESCO vinh danh là “*Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam*”, nhưng Bác lại sống một cuộc đời vô cùng giản dị, khiêm tốn từ trang phục cho đến bữa ăn.

Bởi thế, mỗi người dân Việt Nam khi nhắc đến Bác Hồ kính yêu không ai không khâm phục đức tính giản dị của Người. Đức tính giản dị của Bác luôn là tấm gương sáng để cho mỗi chúng ta học tập và noi theo.

Sự giản dị của Bác Hồ trước hết thể hiện ở đời sống sinh hoạt không chỉ trong những năm tháng hoạt động cách mạng bí mật gặp vô vàn khó khăn, mà ngay khi là vị Chủ tịch nước. Một nhà báo nước ngoài đã viết:” *Cuộc sống giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự gần gũi với nhân dân là đặc trưng cho tình yêu đất nước của một con người đã trở thành huyền thoại ngay cả trong cuộc sống đời thường của mình. Một trong những yếu tố làm nên huyền thoại ấy, bắt đầu từ điều vô cùng đơn giản của những người bình thường nhất, đó là bữa ăn của Người, từ khi là một chiến sỹ hoạt động cách mạng dành độc lập thống nhất đất nước cho đến khi trở thành vị Chủ tịch nước Việt Nam*”.

Theo bà Công Thị Thu (nay 92 tuổi), con của một gia đình có công với cách mạng, người làng Phú Gia, Hà Nội, cho biết: Vào một buổi tối ngày 23 tháng 8 năm 1945, ông Khánh ( tức Hoàng Tùng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng), chạy đến nhà thông báo: “*chuẩn bị đón thượng khách từ chiến khu Việt Bắc về*”. Khi trời về khuya, ông Khánh dẫn một đoàn cán bộ khoảng 12 người đến, trong đó có một cụ già râu dài, đôi mắt sáng, người gầy, nước da xanh xao. Cụ nói giọng miền Trung âm áp.

Ông Khánh nói nhỏ với mẹ con bà Thu rằng: đoàn đã ăn tạm cơm nắm muối vừng ở Phú Xá từ hồi chiều. Gia đình ta nấu thêm nồi cháo cho đoàn ăn tối. Cháo nấu xong, mời cả đoàn cùng ăn. Cụ già “thượng cấp” khen cháo ngon và cảm ơn gia đình về sự chu đáo.



*Bữa cơm Bác Hồ với các chiến sỹ Tân Trào*

Mấy ngày sống cùng gia đình, mẹ bà Thu biết cụ già “thượng cấp” thèm rau, nên bà tìm cách thay đổi từng bữa ăn: lúc thì nấu canh khoai sọ, hôm canh đỗ, rau muống luộc chấm tương...

Sáng ngày 2/9/1945, khi “cụ già râu dài” đứng trên lễ đài Ba Đình đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, dân làng mới biết cụ già “thượng khách” chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Một năm sau, ngày 24/11/1946, một đoàn cán bộ trong đó có Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm gia đình bà Thu. Bác vẫn bận bộ đồ ka ki màu trắng, tươi cười bước vào nhà, bắt tay ông nội bà Thu (lúc này hơn 80 tuổi) và dẫn vào cùng ngồi ở trường kỷ nói chuyện.

Đến trưa, gia đình bà Thu chuẩn bị mâm cơm mời Bác và đoàn. Mâm cơm gồm nhiều thứ: thịt gà, giò, chả, thịt lợn kho, cá rim, rau muống luộc, canh khoai sọ...

Bác Hồ thấy mâm cơm quá thịnh soạn, liền gọi hỏi, có ý trách vị cán bộ đi theo: vì sao để gia đình làm cơm nhiều món như vậy? Dân ta còn nghèo. Đảng, Chính phủ đang kêu gọi tiết kiệm thực hiện “hũ gạo” chống giặc đói.



*Bữa cơm Bác Hồ ở Chiến khu Việt Bắc*

Mẹ bà Thu biết ý, đỡ lời: Thưa Hồ Chủ tịch, làng Phú Gia theo tục lệ “đất lề que thói”, khi có khách đến nhà, gia chủ có bữa cơm mời là phải tươm tất ạ! Thức ăn chủ yếu là “cây nhà lá vườn” có sẵn, chỉ có giò, chả là phải mua ở chợ.

Bác cảm ơn gia đình và cùng mọi người dùng bữa

Sau ngày Quốc khánh 2/9/1945, Bác làm việc tại Bắc Bộ phủ, trong căn phòng nhỏ trên gác 2. Bác được cấp sinh hoạt phí mỗi tháng 200 đ. Đến giờ ăn. Bác cuộc bộ đến ăn cùng anh em trong cơ quan tại bếp ăn tập thể. Cũng như mọi người, bữa ăn của Bác đạm bạc, thường có một khúc cá nhỏ, một bát canh rau, vài quả cà muối, mấy cọng dưa, dăm ba lát ớt và lưng bát cơm.

Ngày 10/4/1946, Bác về Thái Bình để dàn xếp, giải quyết êm thấm vấn đề đoàn kết tôn giáo. Khoảng 8 giờ, xe Bác đến thị xã, nhân dân ùa đến vẫy cờ hoa, hô vang khẩu hiệu chào đón Bác. Lãnh đạo Ủy ban khản

khoản mời Bác nghỉ lại cho đỡ mệt và dùng bữa tối. Bác nói:

- Hàng ngàn đồng bào chờ Bác ngoài kia. Bác không thể nghỉ ở đây để ăn cơm, vì 21 giờ Bác có việc ở Chủ tịch phủ. Bây giờ các chú giúp Bác một việc: Một chú ra tập hợp đồng bào ở một ngã tư rộng gần đây, để Bác nói chuyện với bà con mười phút. Một chú ra cửa hàng mua cho Bác một cặp bánh giò. Còn các chú đi với Bác tranh thủ ăn cơm trước. Nói chuyện xong, Bác lên xe về Hà Nội ngay cho kịp hẹn. Trên đường về, ngồi trong xe Bác ăn bánh, đỡ tốn kém, vừa tiết kiệm thời gian.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bác cùng các cơ quan Trung ương và Chính phủ sơ tán lên chiến khu Việt Bắc. Những năm đầu kháng chiến, đời sống vô cùng khó khăn. Bác vẫn ăn chung với các chiến sỹ và cán bộ sống cùng, không hề phân biệt. Bữa cơm lúc này chủ yếu là măng rừng, rau rừng, cao cấp nhất là món thịt chim, sóc bắt được do săn bắn hoặc đặt bẫy, đem kho mặn để Bác ăn dần. Thì thoảng kiếm được con gà bồi dưỡng riêng cho Bác, thì Người nói:

- Lộc bất tận hưởng. Rồi đem chia đều cho mọi người.

Món ăn chủ yếu của Bác và anh em là món “thịt Việt Minh” gồm 1 kg thịt + 1 kg muối + ½ kg ớt, được xào lên cho vào ống bương, mỗi khi đi công tác mang theo dùng rất tiện.

Khi cuộc sống kháng chiến ở chiến khu đã đi vào ổn định, ngoài giờ làm việc, anh em bắt đầu tăng gia sản xuất, trồng rau, chăn nuôi gà vịt, được nhiều. Anh em đề nghị và được Bác đồng ý bỏ món “thịt Việt Minh”.

Có một lần đoàn Bác đi công tác qua huyện Yên Sơn, Theo kế hoạch sẽ ghé vào cơ sở để ăn trưa. Nhưng vừa đến nơi, thì máy bay địch quần thảo trên bầu trời. Bác bảo anh em đưa cơm ra bãi cỏ cạnh bìa rừng ngồi ăn an toàn hơn. Hai đồng chí bảo vệ vào xóm bưng ra mâm cơm và mượn thêm chiếc chiếu của gia đình trải ngồi ăn. Lúc đặt mâm cơm xuống. Bác thấy có đĩa thịt gà luộc, đĩa cá và hai bát canh. Bác tỏ ý không vui và nói:

- Các chú không nên mượn chiếu của bà con, làm phiền dân.

Ngừng một lát Bác nói tiếp:

- Trong lúc nhân dân đang thất lưng buộc bụng, tất cả cho kháng chiến, mình ăn cơm thế này là ăn “cơm quan” đấy.

Nói rồi Bác chia đôi tất cả các món có trên mâm. Bác bảo anh em đem một phần đã chia đưa vào biểu gia đình nghèo trong xóm. Phần còn lại Bác cũng chia đôi. Chỉ ăn một nửa, còn một nửa gói cẩn thận, mang theo dành cho bữa sau.



*Bữa cơm ở chân đèo Re (10-1948) Bác Hồ, TBT Trường Chinh, DT Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, trước ngày cử vào Nam*

Một lần khác, trên đường đi công tác, mấy Bác cháu được bố trí ăn cơm ở nhà cơ sở. Do tình hình lương thực khó khăn, nên nồi cơm phải đun thêm khoai, sắn hoặc ngô. Vì thương Bác tuổi già, lại bận nhiều công việc, nên gia đình nấu thêm nồi cơm gạo trắng và sắp một mâm

riêng. Khi vào bữa, Bác bung bát cơm trắng, gấp thêm mấy miếng thức ăn ngon để mời cụ cố đang ngồi sưởi ấm bên bếp lửa ở gian trong.. Bác nói rành rọt:

- Cơm này để dành cho người già nhất ăn.

Rồi Bác lấy bát xới cho mình lưng bát cơm độn khoai sắn cùng ăn với cả nhà.

Sống ở rừng Việt Bắc thiếu rau ăn nhưng có nhiều mít, Bác bảo với cô Mai (vợ bác sỹ Chánh, bảo vệ sức khỏe của Bác) làm món “nhút mít” để ăn cho đỡ xót ruột. Chị Mai thú thực không biết làm. Bác bày cho cách làm nhút từ quả mít xanh. Trong các món mang hương vị quê nhà, Bác thích nhất là món cá bóng kho gừng. Hôm nào đồng chí Cần, cấp dưỡng của Bác, làm món ăn đó, Người thường ăn hết, để món thịt kho lại.

Bác không chỉ chú ý đến cách nấu thức ăn ngon, mà còn chú ý đến cả hình thức trình bày thức ăn, để bữa ăn tuy đơn sơ nhưng cảm thấy ăn ngon miệng. Một lần đi công tác, cả đoàn dừng chân bên bờ suối nấu ăn. Bác bảo anh em nấu cơm, Bác làm món trứng rán. Bác rán trứng rất thành thạo. Trứng Bác rán đã xong, nhưng cơm chưa chín. Trong lúc chờ cơm chín, Bác lấy que sắt, nung trên bếp than hồng, rồi đặt lên đĩa trứng rán, tạo thành hình quả trám, trông rất đẹp. Thấy anh em trầm trồ khen, Bác bảo:

- Khi có điều kiện làm cho ngon hơn, đẹp hơn, ta cứ làm phải không các chú?

Cuối năm 1953, quân dân miền Nam đánh thắng lớn trên các mặt trận: U Minh, Đồng Tháp Mười, Tây Nguyên... Bác quyết định mở tiệc khao quân với các món: thịt gà luộc (được chặt ra từng miếng đều nhau đủ phần số người trong cơ quan), canh cải xanh, rau muống xào tỏi, xôi nếp, cơm tẻ đều là sản phẩm do cơ quan tặng gia. Bữa tiệc xong, Bác bỗng nói, giọng Bác trầm xuống:

- Hôm nay Bác cháu mình ngồi ở chiến khu Việt Bắc, ăn xôi với thịt gà, mừng chiến thắng, thì quân và dân miền Nam 9 năm rồi, kể từ ngày 23/9/1945, không lúc nào ngoi tay súng chiến đấu với quân thù, để bảo vệ nền độc lập Tổ quốc, biết bao chiến sỹ, đồng bào hy sinh anh dũng.

Mọi người đều lặng đi, khi thấy những giọt nước mắt Bác đang lăn trên đôi gò má gầy sạm.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi với “chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu”, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Bác, Trung ương Đảng, Chính phủ về lại thủ đô. Bác ở tạm trong ngôi nhà của người thợ điện (thời Pháp thuộc), gọi là nhà 54. Bác là Chủ tịch nước, nhưng bữa ăn hàng ngày của Người vẫn đạm bạc, bình dị, không cầu kỳ, không cao lương mỹ vị. Mọi sinh hoạt ăn uống của Bác rất đúng giờ: 7 giờ, bữa điểm tâm sáng của Bác thường là xôi với ruốc thịt hay bánh cuốn, hoặc bánh mì. Đến khoảng 9 giờ Bác uống một ly cà phê. 11 giờ ăn cơm trưa. Mâm cơm của Người thường có một bát canh, một món xào hoặc thịt lợn luộc, một vài quả cà muối, hay cá bóng kho gừng. Đặc biệt không thể thiếu hương vị quê hương Xứ Nghệ “cá kho tương”. Mỗi bữa Bác chỉ ăn hai lưng bát cơm. Ăn xong Bác tự tay xếp bát đĩa gọn gàng, để giảm nhẹ công việc cho người phục vụ. Khoảng 14 giờ, Bác uống một ly sữa. 17 giờ 30, Bác dùng cơm tối. Đến 21 giờ Bác uống một cốc cà phê sữa cho tỉnh táo để làm việc khuya.

Có một lần vào bữa ăn trưa, đồng chí phục vụ đưa lên một đĩa cá anh vũ, một loại cá quý, chỉ có ở khúc sông ngã ba Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ. Bác bảo:

- Cá ngon quá, thế mà chú Tô (Thủ tướng Phạm Văn Đồng) lại đi vắng. Thôi!

Các chú để đến chiều chú Tô về cùng thưởng thức.

Thấy Bác khen, anh em địa phương gửi tiếp cá anh vũ về biếu Bác. Nhưng khi thấy món cá hôm trước lại xuất hiện trong bữa ăn. Bác không bằng lòng, Người nói:

- Bác có phải là vua chúa đâu, mà phải cung với tiến.

Bác kiên quyết bắt mang đi, nhất định không ăn.

Năm 1957, thay mặt nhân dân Việt Nam, Bác đi thăm một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu để cảm ơn các nước anh em đã giúp đỡ Việt Nam trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thắng lợi. Sau bữa tiệc do Đại sứ quán Việt Nam tại một nước bạn. Tiệc chiêu đãi Bác, khá tiết kiệm, nhưng trang trọng. Các món ăn không thừa, không thiếu. Người nói:

- Ăn uống lãng phí, Bác xót lắm. Vì đây là tiền bạc của nhà nước, của nhân dân.

Bà con ta ở trong nước, làm đồ mỡ hôi sôi nước mắt, mới có miếng mà ăn. Vì vậy, để lãng phí, xa hoa là có tội với nhân dân.

Ngày Bác đi thăm Liên Xô, theo lời mời của Bí thư thứ Nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Xô Viết Tối cao và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, bạn mở tiệc chiêu đãi toàn những thứ đặc sản, nhưng Bác lại chỉ nhớ món cá bống kho gừng. Không để bạn phật lòng, thư ký Vũ Kỳ trở tài, bằng cách giới thiệu với bạn các món ăn cổ truyền Việt Nam, trong đó có món cá bống kho gừng. Nhờ thế trong bữa tiệc có món cá kho đó.

Từ tháng 5/1958, Bác chuyển sang ở nhà sàn, nhưng hàng ngày đúng giờ quy định, Người đi bộ đến nhà ăn bên kia hồ cá để dùng bữa. Com nước xong, Người lại cuốc bộ về nhà sàn. Gặp hôm mưa to gió lớn, hay nắng cháy da cháy thịt, Bác cũng tự đi.

Một hôm, trời mưa to, các đồng chí phục vụ thấy Bác xắn ống quần lội qua quãng đường ngập nước, thương Bác vô cùng. Hôm khác, sắp hết giờ làm việc, một cơn mưa to ập đến, gió thổi mạnh. Thấy cơ hội thuận lợi, đồng chí giúp việc xin phép được mang com sang nhà sàn Bác dùng bữa. Bác dừng tay làm việc, trầm ngâm nhìn trời mưa xối xả. Bác hỏi đồng chí phục vụ:

- Thế mang cơm cho Bác, cần mấy người?

- Dạ thưa Bác, một đồng chí bê cơm, một đồng chí mang thức ăn và hai đồng chí đi kèm cầm ô che mưa, vị chi 4 người - người phục vụ trả lời.

- Vậy chú muốn một mình Bác vất vả, hay muốn 4 người vất vả chỉ vì một mình

Bác – Bác hỏi.

Hết giờ làm việc, mưa vẫn tầm tã. Bác xắn cao ống quần, tay cầm ô, tay chống gậy, lần từng bước qua qua đoạn đường vòng ao nước chảy xiết. Bác đến nhà ăn an toàn.

Những lần đi công tác địa phương, Bác thường nhắc anh em, nhớ mang cơm theo. Khi thì cơm nắm muối vừng, khi thì bánh mì với thức ăn nguội. Còn món canh cho vào phích. Đến bữa Bác dùng vẫn nóng. Trên đường đi, đến bữa là Bác chọn nơi vắng, mát, sạch cho xe dừng. Cả đoàn bày cơm ra ăn, không làm phiền ai.

Trong lần đi thăm tỉnh Thái Bình, bị lụt nặng, Tỉnh uỷ và Uỷ ban, cố nài Bác ở lại ăn cơm. Bác nói:

- Đi thăm tỉnh bị lụt, còn ăn uống nổi gì!

Nhưng vì thấy cán bộ trót bày mâm, Bác lấy gói cơm nắm và thức ăn mặn ra, rồi bảo đồng chí cảnh vệ:

- Chú nói với đồng chí Bí thư và Chủ tịch đến ăn cơm với Bác, còn chú và bác sỹ sang mâm kia ăn với cán bộ tỉnh.

Trường hợp Bác đi công tác địa phương lâu ngày, Bác dặn cán bộ tỉnh, làm cơm cho bao nhiêu người cụ thể và ăn những món gì. Dù cán bộ tỉnh bày cỗ ra, Bác gấp vào bát anh em và bát của mình mỗi người chỉ một miếng, gọi là nếm thử, rồi xếp ngay ngắn đĩa thức ăn ấy lại và để ra khỏi mâm. Bác nói với anh em:

- Người ta dọn một bữa sang, Bác cháu mình có khi chẳng ăn, hoặc

không ăn hết. Nhưng đi rồi, để lại cái tiếng: Đấy Bác Hồ đến thăm cũng làm cơm thế này, thế nọ, cũng điều động người làm, mất thời gian. Mang tiếng bao che cho cái chuyện “xôi thịt”.

Hai lần Bác về thăm quê, tỉnh Nghệ An đều làm cơm chiêu đãi Bác. Lần thứ nhất năm 1957, Bác mời mọi người cùng ngồi chung mâm, có đĩa cà muối quê hương. Lần thứ hai năm 1961, Bác cũng ngồi vào bàn ăn, nhưng lại chiêu đãi mọi người món cơm đã chuẩn bị sẵn mang đi từ Hà Nội. Đó là những gói cơm nắm độn ngô. Bữa cơm ấy thật ngon, lạ miệng, mang nhiều ý nghĩa.

Năm 1965, cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của giặc Mỹ, bước vào giai đoạn ác liệt, nhân dân ta bắt đầu phải ăn cơm độn sắn, mì, ngô..., vì thiếu gạo. Bác dặn anh em:

- Các chú thổi cơm độn cho Bác. Nhân dân, cán bộ ăn độn bao nhiêu phần trăm độn cho Bác từng ấy.

Lúc này Bác đã bước sang tuổi 75, nhìn Bác ăn độn anh em xót lắm, liền thưa với Bác, Nhà nước đã có quyết định các cụ già trên 70 tuổi không phải ăn độn, nhưng Bác trả lời:

- Bắc nhiều tuổi thật, nhưng Bác còn khỏe, nên Bác theo cán bộ thế nào, Bác thế đó. Cứ thổi tiếp như cũ cho Bác ăn.

Anh em đành xay ngô thật mịn, độn là cho có, nhưng Bác biết, Người liền nhắc:

- 50% cơ mà!

Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người được vinh dự dùng cơm với Bác. Thủ tướng kể lại: bữa ăn nào Bác cũng ăn tiết kiệm, vừa đủ, không để món thừa, không vương vãi một hạt cơm. Bác rất thích ăn những món dân dã như vó bò, cà dầm tương, mắm, canh cua với rau chuối thái hoặc dọc mùng. Những hôm mời khách ăn cơm, bao giờ Bác cũng báo trước cho đồng chí cấp dưỡng biết để chuẩn bị và số tiền đãi khách đó được trừ vào tiền lương hàng tháng của Bác, không bao giờ Người dùng tiền công

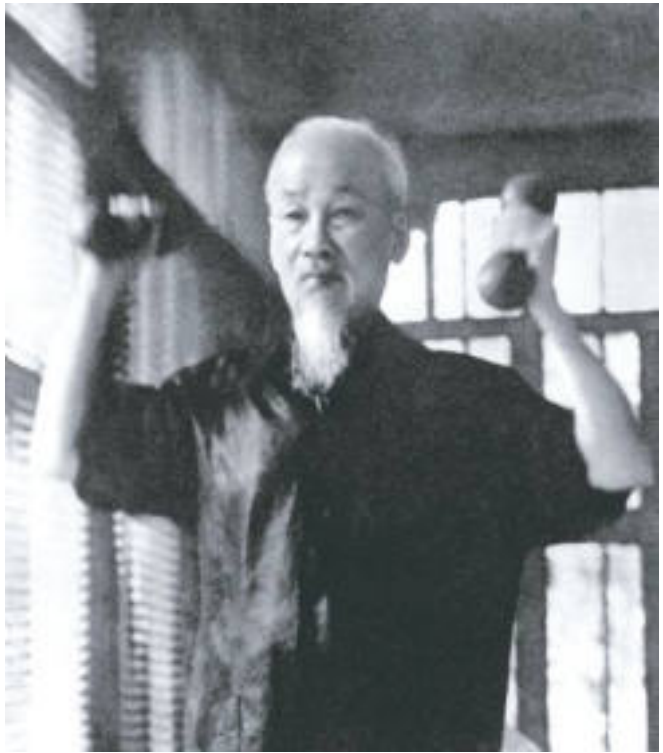
quỹ. Bác thường mời cơm thân mật một số đồng chí trong Bộ Chính trị, đôi khi cả gia đình một số đồng chí trong Trung ương, cán bộ, các anh hùng dũng sỹ miền Nam ra Bắc báo cáo công tác hoặc chữa bệnh. Những lần tiếp khách như vậy, bao giờ Người cũng nhắc các đồng chí phục vụ nấu những món ăn phù hợp khẩu vị của khách để anh em ngon miệng. Chiều 01/8/1969, vị khách cuối cùng được Bác mời cơm là đồng chí Nguyễn Văn linh, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam ra báo cáo tình hình với Người.

Từ những chi tiết rất nhỏ trong cuộc sống của Người mà ta thấy được tình yêu thương con người là đức tính cần, kiệm, liêm, chính tạo nên nét thanh cao và sự vĩ đại của một bậc thánh nhân. Bởi vậy, đức tính giản dị của Bác là tấm gương sáng để cho chúng ta học tập và noi theo./.

## TÂM GƯƠNG SÁNG RÈN LUYỆN SỨC KHOẺ

Hiểu rõ vai trò của việc rèn luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy việc luyện tập như một lẽ sống giản dị. Sinh thời Người từng nói: *“Mỗi một người dân yếu, tức là cả nước yếu, mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe. Việc rèn luyện tập thể dục, bồi dưỡng sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân yêu nước”*. Người còn nhấn mạnh: *“sức khỏe là tài sản quý giá nhất, không có gì có thể so sánh được”*. Và như ông cha ta thường nói: *“có sức khỏe là có tất cả”*.

Nhận rõ tầm quan trọng của sức khỏe con người, nên khi là một thanh niên, Nguyễn Tất Thành – Hồ Chí Minh, dạy học ở Trường Dục Thanh, thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, trước khi đi tìm đường cứu nước, thầy Thành không chỉ dạy văn hoá đơn thuần, mà thầy còn dạy cho học trò tập luyện thể dục thể thao. Mỗi buổi sáng thầy Thành thường



Bác Hồ tập tạ

dẫn học trò ra bờ sông Cà Ty (con sông chảy thị xã Phan Thiết), hay bãi biển để tập thể dục. Cứ thứ 5 hàng tuần, thầy giáo Thành lại dành ra một số thời gian để dạy thể dục cho học trò các môn: nhảy cao, nhảy xa, kéo xà đơn, xà kép, nhảy dây, kéo co... Bản thân thầy Thành tập thể dục bằng cách mỗi buổi sáng, trước giờ lên lớp, đi bộ hàng giờ dọc bờ biển, vừa được hít thở không khí trong lành, vừa được luyện tập đôi chân dẻo dai.



*Bác Hồ tập thái cực quyền*

Trong những năm tháng sống và làm việc ở Pháp, Bác Hồ luôn luôn có ý thức giữ gìn sức khỏe để hoạt động cách mạng lâu dài. Mỗi buổi sáng, như thường lệ, Người dậy sớm tập đi bộ. Vào những ngày đông lạnh giá, trước khi đi làm, Người lấy hai viên gạch cho vào bếp lò của khách sạn, nơi Người thuê trọ, để chiều về lấy viên gạch ra, bọc báo cũ đặt dưới tấm nệm nằm cho ấm.

Trong thời gian ở xứ sở Bạch Dương, miền đất lạnh, mùa đông có lúc nhiệt độ xuống dưới độ âm 20 đến 30 độ, rét run cầm cập, nhưng Bác

Hồ vẫn giữ thói quen dậy sớm tập thể dục đều đặn, như tập tạ, kéo dây thun, kéo xà...

Khi Người về Vân Nam, Trung Quốc, dù phải hoạt động bí mật, di chuyển nhiều nơi, nhưng không sáng nào Bác bỏ tập thể dục. Tập thể dục đối với Bác Hồ cấp thiết như cơm ăn, không khí để thở vậy. Không bỏ sót buổi nào.



*Bác Hồ đánh Bi-a*

khác nhau để tập tạ.. Một đợt ở nhà dân, Bác bị sốt rét nặng, đắp chăn, sưởi lửa vẫn rét run cầm cập, Bác nảy ra “sáng kiến” treo lên, tụt xuống cột nhà, tới khi vã mồ hôi, hết rét.

Tháng 9 năm 1943, sau khi ra khỏi nhà tù Quốc dân Đảng Trung Hoa Dân quốc, Bác Hồ liền bắt tay tập luyện leo núi để phục hồi sức khỏe, nhằm mục đích mau chóng trở về nước phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Việc Bác say sưa luyện tập, đã khiến cho Trương Phát Khuê, Tư lệnh Đệ Tứ chiến khu của Tưởng Giới Thạch đã phải thốt lên: “Kính phục! Kính phục”.

Sau những ngày nỗ lực luyện tập, sức khỏe có phần ổn định, Bác trở lại Cao Bằng.

Ngày trở về Tổ quốc, sống ở hang Pắc Bó, chật hẹp, khắp nơi toàn đá tai mèo lởm chởm, Bác đã lấy đất lấp vào những hóc đá, tạo thành một mặt phẳng đủ rộng để sáng sủa tập thể dục. Bác còn có sáng kiến dùng dao đẽo gọt những khúc gỗ thành những “quả tạ” to nhỏ

Trong những ngày ở Pắc Bó, hay Khuổi Nậm, rồi về lán Nà Lừa, Sơn Dương, Tuyên Quang..., bất cứ ở đâu, Bác vẫn duy trì đều đặn thường xuyên nếp sinh hoạt, tập thể dục nâng cao sức khoẻ.

Chính nhờ rèn luyện sức khoẻ thường xuyên, mà Bác đã vượt qua được cơn hiểm nghèo trong lần ốm nặng trước ngày Tổng khởi nghĩa năm 1945 nổ ra thắng lợi.

Các vị cách mạng lão thành kể rằng thời kỳ chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần thứ 18 năm 1941, sáng nào cụ Hồ cũng đi đến các lán gọi mọi người ngủ dậy tập thể dục bên dòng Khuổi Nậm, rồi dành một ít thời gian tăng gia sản xuất, trồng rau, khoai, sắn... Sau đó đi tắm, bơi lội, vẫy vùng ở suối Lénine.

Cách mạng tháng Tám thành công, Bác Hồ trở về Hà Nội (1945 – 1946), mặc dù công việc hết sức bận rộn, ngày đêm lo đối phó với “thù trong giặc ngoài”, nhưng Bác vẫn giữ nếp dậy sớm tập thể dục buổi sáng.

Theo hồi ức của các bậc lão thành, có dịp tháp tùng Người đi thăm nước Pháp năm 1946, với tư cách là thượng khách của Chính phủ Cộng hoà pháp, tại đây Bác vẫn giữ nguyên nếp dậy sớm tập thể dục.

Một Việt kiều có dịp chứng kiến, đã viết: *“Công việc của Bác ngày càng bận, nhưng không bao giờ Bác Hồ bỏ thói quen dậy sớm tập thể dục và đọc báo... Hôm ấy là một ngày trung tuần tháng 9 năm 1946, Bác Hồ có lịch làm việc với Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại Moute, đến khoảng 3 giờ sáng mới thấy Bác về. Lạ thay, Bác làm việc khuya như thế, mà đến 5 giờ sáng Bác đã dậy tập thể dục và vệ sinh cá nhân”*.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp ở chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tập luyện thể dục thể thao đều đặn. Sáng nào Bác cũng dậy sớm luyện tập, Bác tập chạy ở bờ suối. Bác còn tập leo núi. Bác chọn những ngọn núi cao nhất trong vùng để leo lên. Người còn động viên cán bộ, chiến sỹ và nhân dân cần giữ gìn sức khoẻ, tăng cường thể lực để phục vụ công tác chiến đấu, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Một trong những bài tập sử dụng rộng rãi là bài tập quân sự gồm 32 động tác với súng, gậy và một số môn như chạy việt dã, chạy vũ trang, đánh bóng chuyền, bơi lội...

Ngoài tập thể dục, Bác không chỉ ham mê luyện thái cực quyền mà còn có khả năng tiếp thu nhanh, để phòng thân. Một hôm Bác hỏi đồng chí Lý, người bảo vệ của Bác (ông Hoàng Hữu Kháng):

- Bác nghe nói, chú giỏi võ lắm phải không?

- Cháu ham tập các môn côn, kiếm, gậy và luyện nhiều về quyền theo yêu cầu công tác – đồng chí Lý thưa.

Bác khen đồng chí Lý đi bài “bát lộ liên hoa quyền” ra các đòn thế công, thế thủ rất hay. Bác hỏi tiếp:

- Người muốn tập bài này phải mất bao nhiêu ngày?

- Đồng chí Lý suy nghĩ một hồi rồi thưa:

- Nhanh cũng phải 8 đến 10 buổi.

Thế là Bác theo đồng chí Lý lên sân thượng Bác Bộ phủ (nơi Bác làm việc từ 1945 -1946). Đồng chí Lý không ngờ, chỉ 3 buổi sáng theo yêu cầu của Bác, đồng chí Lý hướng dẫn xong 40 thế võ tiên, thủ và Bác đã lắp ghép thành thạo, đặc biệt là các thế “thái sơn áp đỉnh, độc cước phi thân”.

Sau hoà bình lập lại ở miền Bắc, vào những năm 1957 – 1958, Bác rất thích tập thái cực quyền. Những đêm trăng, Bác cùng anh em cảnh vệ thường tập đến khuya.

Sống cùng các chiến sỹ, Bác thường tìm hiểu và tập luyện những bài quyền mới. Bác tập bài mới rất say sưa, tiếp thu nhanh, chú ý đến từng thế tấn, thế gạt, đỡ... Mỗi động tác đều vận gân cốt và tập trung tinh thần cao độ. Vì vậy, Bác đi quyền rất sinh động. Bác cũng rất sốt sắng truyền lại cho các đồng chí của mình những bài quyền Bác đã học được.

Năm 1958, trong dịp sang thăm hữu nghị chính thức Cộng hoà Ấn Độ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã leo 379 bậc cầu thang lên thăm tháp Cutapmina, cao 73 mét và vẫy hoa chào các bạn Ấn Độ, khiến nhân dân thủ đô New Delhi thán phục.

Năm 1967, Bác đề xuất với Bộ Chính trị, Bác muốn vào Nam thăm đồng bào, chiến sỹ ruột thịt. Để chuẩn bị cho chuyến đi đó, Bác đề ra kế

hoạch cụ thể luyện tập sức khỏe hàng ngày bằng cách đi bộ, tập mang ba lô nặng, để có thể vượt Trường Sơn. Theo lời kể của ông Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác: Mỗi ngày Bác thường đi bộ từ 5 đến 10 km, có hôm lên đến 20 km, băng rừng, lội suối, vượt sông, vai mang ba lô nặng khoảng 25 kg.

Khi đã ngoài 70 tuổi, Bác vẫn kiên quyết duy trì sức khỏe, bằng cách trước tiên bỏ hút thuốc lá và giữ vững chế độ tập luyện và sinh hoạt hàng ngày. Theo đề nghị của Bác, các đồng chí cảnh vệ mua cho Bác 20 quả bóng quần vợt (tenis), để vào ngăn kéo. Bác đặt một sọt cách bàn làm việc của Bác chừng 5m, mỗi khi viết mỏi tay, Bác đứng dậy lấy quả bóng ném vào sọt, ném tay phải rồi đổi qua tay trái. Bác nói tập như vậy để rèn luyện sự điều khiển hệ thần kinh và tính chính xác của đôi tay.

Để giữ gìn sức khỏe, Bác có thói quen tránh ăn quá no, rèn luyện thân thể vào buổi sáng, không ngủ trưa. Ngoài giờ làm việc Bác tham gia lao động sản xuất. Nhờ vậy mà Bác ít khi ốm vặt, tinh thần luôn luôn minh mẫn./.



*Bác Hồ đánh bóng chuyền*

## TẾT TRỒNG CÂY NHỚ BÁC

*“Mùa xuân là Tết trồng cây,  
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.”*

Đây là hai câu thơ Bác Hồ, khi phát động “Tết trồng cây”, lần đầu tiên năm 1959, nay đã trở thành phong trào lan tỏa khắp các địa phương trong cả nước.

Để thực hiện lời kêu gọi của mình, sáng ngày 11 tháng 01 năm 1960, Bác đã tiên phong cùng đồng bào Thủ đô đi trồng cây ở Công viên Thống Nhất (lúc bấy giờ gọi Công viên Hồ Bảy Mẫu). Và từ đó đến nay kể cả những năm tháng kháng chiến chống Mỹ xâm lược, Tết nào nhân dân ta cũng là Tết trồng cây.

Qua sự kiện đó cho thấy, Bác Hồ của chúng ta ngay từ năm cuối thập niên 1950, đã nhận rõ nguy cơ của biến đổi khí hậu, do ngày ngày trên toàn thế giới đã thải ra một lượng khí CO<sub>2</sub> và khí metan vào không trung ngày một tăng lên, cùng với nạn phá rừng, đã làm cho tầng ozon bị thủng, nhiệt độ trái đất tăng lên. Trong lúc đó mãi đến năm 2015, mới có sự thỏa thuận Paris tại Hội nghị Biến đổi khí hậu do Liên Hợp Quốc triệu tập. Theo Viện Nghiên cứu Không gian Goddard của NASA, Hoa Kỳ, trong thế kỷ XX, nhiệt độ trung bình của không khí tăng 0,6+ 0, 2 °C và trong thế kỷ XXI, nếu nhân loại không có biện pháp hữu hiệu giảm thiểu khí CO<sub>2</sub> và metan phát tán vào không trung, thì nhiệt độ trái đất trong suốt thế kỷ XXI có thể tăng lên 1,1 đến 6,4 °C.

Dự đoán trước nguy cơ đó, Bác Hồ đã chủ trương “Tết trồng cây”, phủ xanh đồi trọc, nhằm cải thiện môi trường sinh thái và cũng để làm nguyên liệu giấy, và vật liệu làm nhà cho nhân dân.



*Bác tưới cây vú sữa đồng bào miền Nam tặng, trồng cạnh ao cá, trong Phủ Chủ tịch, 1955*

Ngày 30 tháng 4 năm 1959, Bác viết trên báo Nhân dân: “*Ngay từ bây giờ, đồng bào phải bắt tay vào việc chuẩn bị vật liệu làm nhà: Mỗi người (trong mỗi gia đình, tính cả già đến trẻ, gái, trai) phải trồng ít nhất 5 cây (cây xoan và các thứ cây khác có thể làm kèo, làm cột) và mọi gia đình phải trồng một bụi tre*”.

Ngay trước đó, khi vừa mới về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong bài: “*Năm Mới, công việc mới*” viết cho báo “*Việt Nam Độc lập*” số 114, ra ngày 01

tháng 01 năm 1942, Bác Hồ đã sớm nhận thấy tính tất yếu là phải trồng cây, lợi ích của việc trồng cây: “*muốn ăn quả thì phải trồng cây*”.

Theo Bác lý do phải trồng cây trước hết và trên hết là vì lợi ích của nhân dân là lấy gỗ làm nhà ổn định cuộc sống, đồng thời là để góp phần cải thiện môi trường sống, chống biến đổi khí hậu.

Một con người, cùng một lúc vừa phải lo chỉ đạo cuộc chiến chống xâm lược vĩ đại của dân tộc, lại không chỉ phải lo đến từng cái cột cái

kèo cho mỗi gia đình mà còn lớn lao hơn là phấn đấu góp phần cùng loài người giữ gìn “an ninh khí hậu” trên hành tinh chúng ta. Hiễn nhiên Bác là “người hiền” là “thánh nhân”, là “Cha, là Bác, là Anh” (thơ Tố Hữu) của nhân Việt Nam. Dù trải qua bao nhiêu dâu bể, chúng ta không thể nào quên công ơn ấy, tấm lòng ấy: “Tết trồng cây”, ta lại nhớ thương Người bấy nhiêu.



*Bác Hồ trồng cây vú sữa đồng bào miền Nam tặng, ở cạnh ao cá, trong Phủ Chủ tịch, 1955*

Cũng vào cái năm 1959 ấy, ngày 28 tháng 11, mở đầu “Tết trồng cây” đầu tiên

Bác viết “*Từ năm 1960 đến năm 1965 (năm cuối của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất), chúng ta sẽ phải trồng được 90 triệu cây, vừa có cây ăn quả, cây có hoa, vừa có cây làm nhà. Và trong 10 năm nước ta phong cảnh sẽ ngày càng tươi đẹp hơn, khí hậu điều hòa hơn, cây láy gỗ đầy đủ hơn. Điều đó sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống nhân dân ta.*”

Đối với thế hệ trẻ, Bác căn dặn: “*Nếu mỗi cháu thanh niên một năm trồng 3 cây, chăm sóc chu đáo, thì 8 triệu thanh niên miền Bắc sẽ trồng được 24 triệu cây, sau 5 năm sức lao động của các cháu sẽ trồng được 120 triệu cây. Hãy tính giá rẻ, mỗi cây 3 đồng thôi, các cháu sẽ*

thu hoạch được một số tiền rất lớn là 360 triệu đồng, có thể xây dựng 8 nhà máy cơ khí loại khá”.

Đặc biệt trước lúc “đi xa”, trong Di chúc, Người còn dặn dò: “*Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi (nơi có phần mộ của Bác) . Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy. Lâu ngày cây nhiều sẽ thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh, có lợi cho công nghiệp và khí hậu trong lành*”.

Và như thế, Tết năm nào nhân dân ta cũng đều có “Tết trồng cây”. Bác chỉ rõ: “*Trồng cây là công việc tốn kém ít mà lợi ích thì nhiều, đó cũng là một cuộc thi đua dài hạn, nhưng nhẹ nhàng mà tất cả mọi người từ các cụ phụ lão đến các cháu nhi đồng đều có thể hăng hái tham gia*”.

Ngày nay đất nước thống nhất, dân ta có một cái Tết thật đặc biệt, đó là “Tết trồng cây” - một cái Tết đầy ý nghĩa, do Bác Hồ phát động vào mùa xuân 1960, giờ đây được nhân dân cả nước đồng lòng hưởng ứng.



Bác Hồ trồng cây đa ở thôn Yên Bò, xã Vật Lại, dịp kỷ niệm 10 năm ngày phát động “Tết trồng cây”, nên các chú phải bố trí cho Bác trồng

Mùa Xuân năm 1969, sức khỏe Bác đã có phần giảm sút nhiều, việc bố trí để Bác đi trồng cây ở một địa phương nào đó theo ý Bác là một vấn đề hết sức nan giải. Những người phục vụ Bác rất lo lắng, nên nhiều lần đề nghị Bác hoãn việc trồng cây. Nhưng Bác kiên quyết không đồng ý. Người nói: “*Đây là*



*Bác Hồ trồng cây đa ở Công viên Thống nhất năm 1960*

xanh đã được trồng. “Tết trồng cây” do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động và những lời dặn dò của Người về việc giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái thân thiện, bền vững đối với con người có ý nghĩa lớn lao và thiết thực nhất. Đó quả thực là tầm nhìn đi trước thời đại, kêu gọi con người giữ gìn môi trường sinh thái. Đó là tầm nhìn không chỉ cho nhân dân ta hay của một quốc gia riêng biệt, mà là tầm nhìn mang tính toàn cầu, mà nhân loại hôm nay thức tỉnh đi vào cuộc họp COP 26 tại Glasgow, Vương quốc Anh.

*cây ở một địa phương nào đó có nhiều thành tích... ”. Sau đó, Bác gợi ý, nên chọn Vật Lại, Ba Vì Hà Tây (cũ), là nơi có phong trào trồng cây tốt.*

Tại đây, Bác đã trồng một cây đa. Nhìn những xẻo đất Bác vun cây và bình nước tưới mát cho cây, mọi người ai ai cũng xúc động! Trồng cây xong Bác căn dặn: “Đất nước này là của chúng ta nên phải thi đua sản xuất giỏi, trồng cây giỏi”.

Tết trồng cây năm ấy, hơn nửa thế kỷ trôi qua, hàng ngàn, hàng vạn cây

## **BÁC HỒ VIẾT “TÀI LIỆU TUYỆT ĐỐI BÍ MẬT”**

Theo hồi ký của ông Vũ Kỳ, thư ký riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Bác Hồ suy nghĩ về việc này (viết di chúc) đã có từ đầu những năm 1960, sau khi dự Hội nghị các Đảng Cộng sản và Công nhân Quốc tế, từ Matxcova về. Những bất đồng dẫn đến bất hoà giữa các Đảng anh em, nhất là trong việc đánh giá kẻ thù, càng làm cho Bác nghĩ nhiều.*

*Nhưng mãi đến khi bước vào tuổi 75, Bác mới bắt đầu viết Di chúc. Trước khi viết Bác về thăm di tích Nguyễn Trãi, vị anh hùng, nhà tư tưởng, nhà thơ lớn của dân tộc”.*

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết đúng vào giai đoạn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta diễn ra hết sức ác liệt, nhưng phong trào cách mạng đã đạt được những dấu mốc quan trọng. Dù còn nhiều khó khăn, song cuộc kháng chiến đang trên đà thắng lợi, đòi hỏi sự đoàn kết chiến đấu bền bỉ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta với niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng.

Thật vậy, vào đầu những năm 1960 của thế kỷ XX, Bác đã ở vào tuổi 70, sức khoẻ của Bác có phần suy giảm, tuy trí nhớ vẫn còn rất minh mẫn. Bác đã suy nghĩ về việc để lại cho nhân dân, cho Đảng những lời dặn dò, trước khi về với “cụ Marx, cụ Lênine”. Bản Di chúc đã được thai nghén từ những năm 1960, và Bác bắt đầu viết vào hồi 9 giờ sáng ngày 10/5/1965.

Theo ông Vũ Kỳ kể: Sáng thứ 2, ngày 10/5/1965, Bác dặn ông Vũ Kỳ:

- Chú Kỳ, tí nữa lên làm việc, lấy cho Bác 10 tờ giấy trắng và một chiếc phong bì to nhé!



*hiếm”. Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm, mấy tháng nữa. Vì vậy, tôi để lại mấy dòng này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Phòng khi tôi phải đi gặp cụ Karl Marx, cụ Lênine và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”.*

Sau một tiếng, đúng 10 giờ, Bác gấp tờ giấy cẩn thận cho vào phong bì, để vào ngăn trên giá sách. Bác ung dung trở lại công việc thường nhật của vị Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng của người hoạt động không biết mệt mỏi cho phong trào giải phóng dân tộc, phong trào Cộng sản và Công nhân Quốc tế.

Một điều khiến mọi người ngạc nhiên, tại sao Bác không viết “*Di chúc*”, mà lại viết “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*”?

Ông Vũ Kỳ giải thích, bởi Bác không muốn cho nhiều người biết việc làm của một người sắp “*đi xa*”, sợ dẫn đến những suy nghĩ không có lợi.

Sáng hôm sau thứ 3, ngày 11/5/1965, Bác dậy sớm hơn thường lệ mọi ngày, vào lúc 5 giờ 15 phút, Bác đến tiễn Đoàn Đại biểu Đảng Cộng sản Italia. Sau đó trở về phòng làm việc ở nhà sàn.



*Bút tích di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1968 - 1969*

Trong những năm tháng này, đối với Bác có lẽ không gì vui hơn là nhận được tin chiến thắng từ hai miền Nam Bắc, nhất là từ chiến trường miền Nam. Cứ mỗi lần đại biểu các địa phương, các đơn vị lo lắng cho sức khoẻ của Bác. Bác thường nói:

- Các cô, các chú cứ diệt cho nhiều giặc Mỹ xâm lược, bắn rơi thật nhiều máy bay giặc Mỹ là Bác khoẻ, Bác vui.

Vừa đúng 9 giờ, Bác lấy chiếc phong bì đựng “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*”, từ trên giá sách xuống, ngồi vào bàn chăm chú viết.

Hôm nay Bác viết về Đảng, về đoàn kết, về đạo đức cách mạng: “*Trước tiên nói về Đảng: Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng, một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.*

*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, của nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.*

*Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng.*

*Đảng ta là Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính; chí công, vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.*

Ngày 12/5/1965, sau khi thông qua điện mừng Đại hội Đoàn kết nhân dân Á - Phi lần thứ 4, tại Ghana, xem một số báo mới ra trong ngày, căn dặn một số công việc cần thiết, đúng 9 giờ, Bác lại ngồi vào bàn viết tiếp “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*”. Bác viết về đoàn viên thanh niên, về nhân dân lao động, về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sau khi khẳng định tính tích cực của đoàn viên và thanh niên, Bác nhấn mạnh: “*Đảng*

*cần phải chăm lo, giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo cho họ thành những người thừa kế xây dựng Xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.*

Nói về nhân dân, Bác viết: *“Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức, bóc lột. Nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng, Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”.*

Viết về *“Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể kéo dài mấy năm nữa . Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà ...”*. Bác còn căn dặn: sau khi kháng chiến thắng lợi, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước phải quan tâm chăm lo tới mọi đối tượng trong xã hội, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Sáng ngày 13/5/1965, như thường lệ, đúng 9 giờ, Người ngồi vào bàn viết tiếp *“Tài liệu tuyệt đối bí mật”*, nói về phong trào Cộng sản thế giới, Bác bày tỏ sự đau lòng vì sự bất hoà của các Đảng anh em. Đồng thời để lại những lời tâm huyết: *“Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các Đảng anh em, trên nền tảng chủ nghĩa Marx – Lênine và chủ nghĩa Quốc tế Vô sản có lý có tình”*.

Sáng ngày 14/5/1965, do 6 giờ, theo kế hoạch, Bác phải đi thăm bà con nông dân xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm (nay quận Từ Liêm), Hà Nội, nên Bác đã thay đổi giờ viết đã định là 9 giờ sáng đến 14 giờ chiều hôm đó (14/5). Nhưng Bác tăng thời lượng viết lên 2 tiếng từ 14 giờ đến 16 giờ để viết *“Tài liệu tuyệt đối bí mật”*. Bác viết mục: *“Về việc riêng”*,



*Bác ngồi viết di chúc*

Bác ghi: “*Chỉ tiếc rằng không được phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân lâu hơn nữa*” và Người căn dặn: “*Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình lễ phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân. Điều mong muốn cuối cùng của tôi: là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*”.

Đúng hẹn, đồng chí Lê Duẩn sang, vừa lúc Bác đánh máy xong “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*” vào hồi 16 giờ, ngày 14/5/1965. Nhưng Bác lại đánh máy ngày 15/5/1965, với chữ ký Hồ Chí Minh, cạnh có chữ ký người chứng kiến là Bí thư thứ Nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn.

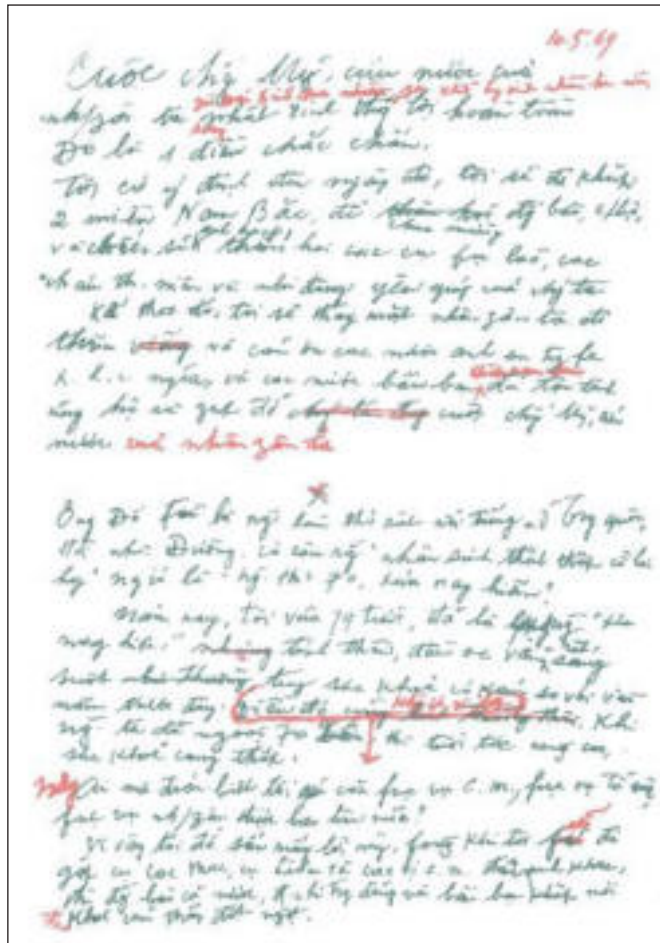
Như vậy, văn bản đầu tiên được viết trong 5 ngày. Bắt đầu từ ngày 10/5/1965, kết thúc vào ngày 15/5/1965, dài 3 trang, ngoài chữ ký của Bác còn có chữ ký của người chứng kiến là đồng chí Lê Duẩn.

18 giờ cùng ngày, các vị lãnh đạo trong Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng “đột kích” vào chúc thọ Bác. Vì sáng hôm sau Bác đi công tác xa một tháng.

Đêm hôm ấy, Bác lại dự lễ kỷ niệm lần thứ 24 ngày thành lập Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh với các cháu thiếu niên thủ đô, Bác về đến nhà lúc 21 giờ. Bác trao chiếc phong bì cho ông Vũ Kỳ và dặn:

- Chú cất cẩn thận cho Bác, sang năm vào đúng ngày 10/5 nhớ đưa lại cho Bác.

Năm sau, 1966, trước 9 giờ ngày 10/5, ông Vũ Kỳ đã đặt phong bì đựng “Tài liệu tuyệt đối bí mật” trên bàn làm việc của Bác. Nhưng hôm ấy



Bản di chúc Bác sửa năm 1969

Bác không viết gì thêm và trong các ngày 11, 13, 15, 16/5, Bác đều dành 1 giờ từ 9 giờ đến 10 giờ sáng xem lại, bổ sung tài liệu. 14 giờ ngày 16/5,

Bác trao lại chiếc phong bì cho thư ký Vũ Kỳ và nói:

- Chú chuẩn bị ngày mai chúng ta đi công tác sớm.

Cả năm 1967, Bác không viết gì thêm vào bản “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*”.

Đầu tháng 5/1968, Bác làm việc khá căng thẳng, gần đến ngày 10/5 rồi, nhưng Bác muốn nghe nhiều, hiểu nhiều về tình hình mọi mặt của đất nước, để dặn thêm cho con cháu những điều quan trọng. Sáng 10/5, trên đường xuống nhà ăn, đi qua phòng ông Vũ Kỳ, Bác nói vọng vào:

- Chú Kỳ, nhớ chuẩn bị tài liệu (*Tài liệu tuyệt đối bí mật*) cho Bác nhé!

Và đúng 9 giờ ngày 10/5/1968, Bác lại ngồi vào bàn viết, sửa chữa, bổ sung vào “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*”. Từ ngày 11 đến ngày 17/5/1968, vào cái giờ linh thiêng ấy, Bác chỉ đọc và sửa lại tài liệu. Ngày 18/5/1968, Bác lại đưa “tài liệu” ra xem kỹ lại và sửa chữa lần nữa. Đến 16 giờ thì “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*”, bị lộ. các đồng chí trong Bộ Chính trị mang hoa đến chúc thọ Bác, đều biết việc làm của Bác.

Sáng 10/5/ 1969, Hội nghị Trung ương họp tại nhà khách Hồ Tây, Bác đến dự, rồi Bác về nhà lúc 9 giờ. Bác bảo ông Vũ Kỳ chuẩn bị “tài liệu”. Hôm nay Bác lại viết từ 9 giờ 30 đến 10 giờ 30. Bác viết lại toàn bộ đoạn mở đầu vào mặt sau “Tờ tin tức tham khảo đặc biệt, ngày 3/5/1969, của TTXVN”. Sau đó trong các ngày 11 đến 19/5/1969, Bác dành 1 giờ từ 9 giờ đến 10 giờ, tiếp tục sửa chữa “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*” viết vào các năm 1965, 1966, 1968, 1969.

Như vậy, đến ngày 10/5/1969, Bác viết xong toàn bộ “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*”. mà khi công bố lần đầu gọi là “*Di chúc Bác Hồ*”. Bác đã viết và sửa chữa tròn 4 năm (10/5/1965 – 10/5/1969). Trừ phần cuối vẫn giữ nguyên như viết năm 1965, còn phần đầu và phần giữa đều được Bác thêm, bớt, sửa chữa qua 4 năm nghiền ngẫm. Riêng năm 1968, Bác viết bổ sung thêm nhiều điểm vào 9 trang giấy, giống như là một bản phụ lục, chứ không viết vào bản chính thức như đã công bố.

Ngày 19/5/1969, là kỷ niệm 79 năm ngày sinh của Người, đúng 9 giờ, Bác ngồi vào bàn, xem lại toàn bộ các bản “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*” đã viết trong 4 năm qua, sửa chữa thêm ở phần mở đầu, trong câu: “...nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt như thường”, Bác sửa lại: “...nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt”. Và trong câu: “khi người ta đã ngoài 70 tuổi...”. Bác thay chữ “*tuổi*” bằng chữ “*xuân*”. Dùng chữ “*sẽ*” thay cho chữ “*phải*”. ở trong câu: “...phòng khi tôi sẽ đi thăm Karl Marx cụ Lénine và các vị cách mạng đàn anh khác”.. Xong Bác xếp tất cả các bản “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*” bỏ vào phong bì và cất đi.

Điều kỳ diệu khiến mọi người thán phục là Bác chọn vào một ngày tháng 5 nhân dịp sinh nhật của mình, chọn đúng vào lúc 9 giờ. cái giờ khắc đẹp nhất của một ngày, chọn đúng vào lúc sức khỏe tốt nhất trong những năm này để viết về ngày “đi xa” của mình, viết những điều tâm nguyện, tình cảm, ý chí, niềm tin, trách nhiệm của Bác với Tổ quốc với nhân dân và sự nghiệp cách mạng. Bác viết những điều dặn dò trước lúc “đi xa” với tinh thần hết sức thanh thản, ung dung, lạc quan đến kỳ lạ.

Ngày 10/5/1969, “*Tài liệu tuyệt đối bí mật*” viết xong và được công bố trong lễ tang của Bác và đăng trên báo Nhân dân ngày 10/9/1969, dưới nhan đề “*Di chúc Bác Hồ*”. Tuy nhiên do tình hình lịch sử cụ thể, nên một số đoạn Bác viết thêm không đưa vào Bản Di chúc khi công bố lần đầu, cho đến năm 1989, nhân 20 năm thực hiện “*Di chúc Bác Hồ*” mới được công bố đầy đủ.

Việc chọn Bản Di chúc để công bố chính thức, chủ yếu dựa theo bản Bác viết năm 1965, trong đó có một số đoạn bổ sung hoặc thay bằng những đoạn tương ứng Bác viết năm 1968 và năm 1969 để công bố chính thức là việc làm hết sức đúng đắn. Vì đây là bản duy nhất được viết hoàn chỉnh có chữ ký của Bác và bên cạnh có chữ ký người chứng kiến là đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ Nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Di chúc Bác Hồ là một tài sản vô giá của Đảng và của nhân dân ta. có giá trị lý luận và thực tiễn về nhiều mặt, là sự kết tinh của tinh hoa

văn hoá dân tộc Việt Nam với tinh hoa văn hoá của nhân loại, là những chỉ dẫn quý báu, nguồn cổ vũ, động viên to lớn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Di chúc của Người là những lời dạy tâm huyết toát lên khí phách, tinh thần lạc quan chiến thắng của một bậc “đại trí, đại nhân, đại dũng”, là sự kết tinh tư tưởng, đạo đức, phong cách, tâm hồn cái đẹp của vị lãnh tụ suốt đời phấn đấu, hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân và nhân loại./.



## TƯỢNG ĐÀI BÁC HỒ TRÊN KHẮP HÀNH TINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, mà còn là người anh hùng giải phóng dân tộc, được nhân dân thế giới ngưỡng mộ. Đặc biệt nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người (19-5-1890 – 19-5-1990), Đại Hội đồng UNESCO, tại khoá họp lần thứ 24 ở Paris, Pháp từ ngày 20-10 đến 20-11- 1987, đã ra Nghị quyết số 24C/18.65 đã khẳng định Người là *“Một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc, vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội”* và là *“hiện thân khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”*. Đồng thời Nghị quyết tôn vinh Người là *“Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”*.

Từ đó, nhiều nước trên thế giới từ Á sang Âu, từ Phi châu đến Mỹ La Tinh đã tôn vinh Người ngoài việc, đặt tên Người cho đường phố, trường học, công viên, quảng trường, khu tưởng niệm..., đặc biệt dựng tượng để đời đời tưởng nhớ Người, một chiến sỹ quốc tế kiên cường suốt đời hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc “*góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội*”.

Trước tiên phải nói đến trên bức tường “*Những danh nhân làm nên thế kỷ XX*”, rộng 880 m<sup>2</sup>, tại Paris, Pháp in chân dung 447 danh nhân thế giới của thế kỷ XX, trong đó có chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.



*Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1990) chính quyền bang Tây Bengal, Ấn Độ quyết định dựng tượng Người tại giao điểm đại lộ Hồ Chí Minh và J. Nehru thuộc thành phố Calcutta (nay gọi là Kolkata).*

Ở Ấn Độ, bức tượng bán thân bằng đồng Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt tại công viên rộng trên 4.700m<sup>2</sup>, ở trung tâm khu Ngoại giao đoàn, thủ đô New Delhi.

Cũng tại Ấn Độ, một bức tượng bằng đồng khác đặt trên bệ đá hoa cương màu nâu tại một công viên đẹp của Tp. Kolkata, được khánh thành năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người.

Tại Mông Cổ, tượng Bác Hồ đúc bằng đồng, cao 1,7m, đặt trên một bệ cao 3,33m, ở Trường Trung học Phổ thông mang tên Hồ Chí Minh, thủ đô Ulangbato.

Ngày 21/11/2011, chính quyền thành phố Mimasaka, tỉnh Okayama, Nhật Bản đã long trọng tổ chức lễ khánh thành dựng bức tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi đọc báo đặt tại trung tâm “*Không gian Việt Nam – Hồ Chí Minh*”, có diện tích 70m<sup>2</sup>, phía sau là hình ảnh nhà sàn của Bác làm phong nền.

Là một nước Đông Nam Á, Philippine, đã tổ chức lễ khánh thành tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh dựng tại Trường Đại học Bách khoa Laguna, thủ đô Manila, nhân kỷ niệm sinh nhật lần thứ 120 của Người. Và tại công viên ASEAN, thuộc khu phố cổ Intramuros, Manila cũng dựng tượng Bác Hồ nhân kỷ niệm 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Philippine - Việt Nam.

Tại Công viên Bảo tàng Văn minh châu Á, tọa lạc bên bờ sông Singapore của Đảo quốc Sư Tử, bức tượng Bác Hồ hùng vĩ giữa trời xanh, được khánh thành vào tháng 5/2008, nhân kỷ niệm 118 năm ngày sinh của Người và 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Singapore - Việt Nam.



Ngày 25/11/2013, nhân dân Sri Lanka đã long trọng khánh thành tượng đài Chủ tịch Hồ

*Tại đất nước Madagasca, châu Phi tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh được dựng ngay trên Quảng trường mang tên Người ở thủ đô Antananarivo. Tượng được khánh thành năm 2003*

Chí Minh, đặt tại Thư viện thủ đô Colombo, thể hiện tinh thần hữu nghị giữa nhân dân hai nước Sri Lanka - Việt Nam, như các vị lãnh đạo Đảng Công sản Sri Lanka đã nói: Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam mà còn là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Khi Thái Lan bình thường hoá quan hệ với Việt Nam năm 1976, chính quyền Thái Lan đã chủ động công khai hoá đền thờ và Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở làng Nachok (bản Mạy), tỉnh Nakhon Phanom. Đồng thời trưng bày trang trọng tượng sáp Bác Hồ bên cạnh các nhân vật nổi tiếng của Thái Lan và thế giới trong Công viên Tượng sáp Siam, Thái Lan, trên một khu đất rộng thuộc huyện Bangphae, tỉnh Ratcha Buri, cách Bangkok 110 km về phía Tây.



*Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, khánh thành 30/8/2012 tại công viên mang tên CHXHNCN Việt Nam, thuộc quận 12, thủ đô Buenos Aires, Argentina*

Tại Trung Quốc, nơi Bác Hồ hoạt động trong nhiều năm, ngoài các khu lưu niệm về Người, nhân dân Trung Quốc còn dựng tượng người ở Sùng Tả, Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây.



*Bác Hồ ở Matxcova*

Sau gần 3 năm đi đây đi đó, tháng 5/1913, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đến xứ sở sương mù, làm việc tại khách sạn Carlton (khách sạn này đã bị máy bay Đức ném bom phá huỷ năm 1940. Trên nền cũ, người ta xây ngôi nhà New Zealand House), để tưởng nhớ đến Bác Hồ, nhân dân London đã gắn tấm biển màu xanh lơ, ghi dòng chữ: **“*Hồ Chí Minh, người sáng lập ra nước Việt Nam ngày nay, đã từng làm việc ở đây*”**. Cũng tại London, bức tượng Bác (ngôi ghé trúc) đặt cạnh tấm bia “Kỷ niệm 100 năm Hồ Chí Minh đến Anh” được dựng tại Công viên London.

Để kỷ niệm 1 năm ngày Việt Nam thống nhất (30/4/1976), Tp. Zalaegerszeg, Hungarie, đã tổ chức lễ khánh thành tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt trên bệ đá hoa cương, tại công viên thành phố Zalaegerszeg, cách Budapest 220 km về phía Nam. Tượng này do nhà điêu khắc nổi

tiếng của Hungarie Marton László sáng tác, được giải thưởng của Bộ Văn hoá Hungarie năm 1977.

Tại Liên Xô, Đảng và Xô Viết tôi cao Liên Xô đã quyết định dựng tượng Bác tại nơi giao nhau giữa hai phố Dmitri Ulyanov (anh trai Lenine) và phố “Sáu mươi Cách mạng Tháng Mười”, Matxcova. Một tượng đài khác của Bác được đặt ở quận Zasviyazhski, Tp. Ulyanovsk, quê hương của Lenine, nằm bên bờ sông Volga, cách Matxcova 893 km về phía Đông. Tại Tp. St. Petersburg, nhân kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Bác, chính quyền thành phố đã tổ chức khánh thành tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại khuôn viên Khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Quốc gia St. Petersburg. Tại vườn hoa Borisenko, Tp. Vladivostok (Liên bang Nga) khánh thành tượng Người vào năm 2019.

Ngày 19/5/2005, nhân kỷ niệm 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính quyền Tp. Montreuil, Pháp tổ chức khánh thành tượng đài của Người trong “Không gian Hồ Chí Minh” thuộc Bảo tàng Lịch sử thành phố (cách Paris 15km về phía Đông), là nơi lưu giữ những kỷ vật của Bác trong thời kỳ sống tại Pháp.



*Tượng đài Bác ở Montreuil, Pháp*

Tại lục địa đen, tưởng nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, người “*Anh hùng giải phóng dân tộc bị áp bức*”, chính phủ và nhân dân Madagasca đã long trọng dựng tượng Bác Hồ tại Công viên mang tên Hồ Chí Minh ở thủ đô Antananarivo, tượng bằng đồng đặt trên bệ đá hoa cương cao

3,4m. Phía dưới ghi câu nói nổi tiếng của Người: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”. Cũng tại thủ đô Antananarivo còn có một đại lộ mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Và bên kia bán cầu, nhân kỷ niệm ngày sinh lần thứ 122 của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 2012), Chính phủ và nhân dân Argentina đã tổ chức lễ khánh thành tượng đài Bác Hồ tại thủ đô Buenos Aires. Phát biểu tại buổi lễ, Bộ trưởng Môi trường và Không gian Công cộng Ngài Diego Santilli bày tỏ sự khâm phục của nhân dân thế giới nói chung và nhân dân Argentina nói riêng đối với Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.



*Tượng Bác Hồ ở Mexico*

Ngày 6/7/2014, nhân dân Santiago đã làm lễ khánh thành tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại công viên mang tên Người, ở khu phố Herminade la Victoria, thủ đô Santiago, Chile. Tại công viên này còn có một bức tranh Bác Hồ và một số câu thơ trong tập “*Ngục trung nhật ký*” của Bác, được ghép bằng những mảnh gốm sứ.

Chính phủ Cộng hoà Dominica đã khánh thành tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quảng trường mang tên Người tại thủ đô Santo Dominigo vào ngày 13/9/2012.

Tại Cu Ba, tượng đài của Bác do kiến trúc sư Joel Diaz thiết kế được dựng vào năm 2003 nhân dịp 113 năm sinh nhật của Người, ở Công viên Hoà Bình, một trong những công viên đẹp nhất ở trung tâm La Habana.

Ở đất nước Mexico xinh đẹp, bức tượng Bác Hồ ngồi ghé mây, đằng sau phía trên khắc dòng chữ mạ vàng “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” (bằng tiếng Tây Ban Nha) với chữ ký của Người, được khánh thành vào ngày 16/01/2009, tại Công viên “Tự do cho các dân tộc”, thủ đô Mexico City. Tại miền Nam Mexico, thuộc Tp. Acapulco Guerrero, một tượng đài khác của Bác Hồ được đặt đối diện với tượng đài người anh hùng dân tộc Mỹ La Tinh Simon Bolivar. Hồ Chí Minh còn là tên giảng đường Trường Đại học UNAM, một trong 10 trường danh giá nhất thế giới.

Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được dựng ở khu vực đặt tượng các danh nhân thế giới như Mahatma Gandhi, Khổng Tử...ở đất nước Panama.

Tại Venezuela, bức tượng bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt trang trọng trên bệ đá hoa cương cao 2m, cạnh bức tượng là cột cờ với lá quốc kỳ Việt Nam phấp phới bay, nằm trên đại lộ Simon Bolivar, thủ đô Caracas.

Theo thống kê chưa đầy đủ, cho đến nay số tượng và tượng đài tưởng niệm Bác Hồ có mặt tại 20 nước trên thế giới từ Á sang Âu, từ Phi châu đến Mỹ La Tinh./.

## BÁC HỒ VỚI VĂN NGHỆ SỸ

Dù bận trăm công nghìn việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian vun xới cho nền văn nghệ mới của dân tộc. Bác trân trọng từng lời ca, giọng hát. Bác chú ý đến từng câu văn, vần thơ, nét vẽ, từng động tác múa, đến từng bức ảnh, từng cảnh phim... Đặc biệt Bác quan tâm đến sự tiến bộ và sức khỏe của văn nghệ sỹ.



*Nghệ sỹ nhân dân Trà Giang chụp ảnh kỷ niệm với Bác tại Hội nghị Văn nghệ lần III*

Và bao giờ cũng vậy, Bác ân cần dạy bảo anh chị em làm công tác văn học nghệ thuật một cách thân mật và dịu dàng của một người cha yêu

con, người ông yêu cháu. Bác yêu thương văn nghệ sỹ đến mức không muốn cho anh chị em buồn vì sai sót của họ. Một đạo diễn phim nọ được Bác hỏi:

- Chú có hiểu phim “*Bình minh trên rẻo cao*” không? Bình minh là gì? Sao không gọi là sáng sớm! Nhiều chỗ Bác không hiểu, thì chắc đồng bào cũng không hiểu. Bác dặn:

- Làm văn nghệ là phải chú ý đến đối tượng phục vụ là nhân dân. Viết và nói phải để cho dân hiểu. Trước khi ra về, Bác còn dặn dò vị đạo diễn:

- Chú là cán bộ lãnh đạo, Bác nói với chú, nếu chú đồng ý, khi về cơ quan nói lại thì nói đó là ý kiến của chú, đừng nói là Bác nhận xét mà làm các chú làm phim buồn.



*Bác Hồ trò chuyện thân mật với họa sỹ Nguyễn Phan Chánh*

Đồng chí Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác tâm sự: Trong những ngày Bác mệt, sức khỏe giảm sút nhiều, Người không xuống cơ sở được, Người đọc nhiều hơn, xem nhiều hơn và nghe nhiều hơn trước. Bộ phim cuối cùng được Bác xem là phim tài liệu “*Đường về phía trước*” của xưởng phim Giải phóng. Bác

đặc biệt rất quan tâm đến các bộ phim về đề tài miền Nam như: “*Bài ca anh Giải phóng*” dựa vào ý thơ của Tố Hữu. Bác đề nghị chiếu cho Bác xem. Nhưng đáng tiếc bộ phim chưa làm xong! Buồn thay, buổi ra mắt bộ phim ấy, thì Bác của chúng ta đã đi xa!

Nhiều văn Nghệ sỹ được vinh dự gặp Bác, dẫu chỉ trong giây phút ngắn ngủi, được trò chuyện bên Người, nhưng đã trở thành ký ức khó quên, tạc sâu vào trái tim người nghệ sỹ. Và tình cảm đó đã ẩn hiện trong những bài viết, câu thơ, từng câu chuyện về nhân cách cao đẹp vĩ đại của Bác. Hình ảnh Bác đã tạc vào bóng dáng của nhân dân một cách thân tình, gần gũi. Nhà thơ Tố Hữu tâm sự: Bác giống mọi người, nhưng Bác cũng khác mọi người nhiều lắm. Chính vì lẽ đó mà viết về Bác có cái khó của nó. Ngoài cái khó chung của quy luật sáng tạo...bởi viết về Bác là cả một quá trình. Nhiều người cho rằng, ngoài nhà văn thương binh Sơn Tùng, thì nhà thơ Tố Hữu là người viết về Bác với tất cả sự say mê, tôn thờ. Đọc sáng tác của nhà thơ viết về Bác từ bài thơ đầu tiên “*Hồ Chí Minh*” đến trường ca “*Theo chân Bác*”, bạn đọc có thể cảm nhận được tâm lòng của người nghệ sỹ lắng sâu trong từng ngôn từ, hình ảnh thơ. Điều kỳ lạ, khi Tố Hữu đặt bút viết bài: “*Hồ Chí Minh*”, nhà thơ chưa một lần gặp Bác, thậm chí còn chưa nhìn thấy ảnh Bác.



*Bác Hồ chụp ảnh kỷ niệm với các nhà nhiếp ảnh và điện ảnh VN*

Nói về tình cảm Bác dành cho văn nghệ sỹ, sẽ là một thiếu sót lớn, nếu không nhắc đến những kỷ niệm sâu sắc của Bác với văn nghệ sỹ miền Nam. Đó là tình cảm sâu nặng, ấm áp, triu mến như tấm lòng người cha luôn bao dung trước đứa con ruột thịt của mình, đúng như lời thơ da diết của Tố Hữu:

*Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà,  
Miền Nam nhớ Bác, nỗi mong cha.*

Tình cảm thấm thiết ấy thể hiện khi Bác đến xem triển lãm ký họa của họa sỹ miền Nam gửi ra.. Bác xem rất kỹ từng ký họa. Bác hỏi tỷ mỉ cuộc sống, và cách làm việc của từng họa sỹ. Xem xong, Bác còn dặn dò: phải bảo quản, giữ gìn tranh cho thật tốt ... Bác còn dặn thêm: “*Các chú nhớ cho in ra nhiều bản, cho đồng bào ở ngoài này được xem, chứ triển lãm như thế này thì có mấy người được xem*”.

Dù bận nhiều công việc, Bác vẫn sẵn lòng đến dự đêm biểu diễn của đoàn Ca múa nhạc miền Nam trước khi lên đường vào Trường Sơn phục vụ bộ đội Đoàn 559. Bác cảm từng bông hoa tặng cho từng diễn viên. Bác chúc Đoàn lên đường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bác đánh giá rất cao vai trò của văn nghệ sỹ. Theo Bác, trên mặt trận này, những người làm công tác văn học nghệ thuật phải thấm nhuần quan điểm văn học nghệ thuật là vũ khí, người nghệ sỹ là chiến sỹ . Muốn văn học nghệ thuật trở thành vũ khí và người nghệ sỹ đồng thời là chiến sỹ, thì người nghệ sỹ phải đi thực tế, thực hiện ba cùng.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn học Nghệ thuật 1958, Người căn dặn: “*Cơ quan Bộ Văn hóa, các Ty Văn hóa cần phải xuống nông thôn, vào nhà máy, vào bộ đội nhiều hơn nữa, mà đi vào như thế thì phải cùng làm, cùng ăn, cùng ở với nhân dân. Nếu đi xuống nông thôn mà lại lao động phát phơ, ở riêng thì cảm thông sao được với công nông, bộ đội*”.

Học tập và làm theo lời Bác, nhiều văn nghệ sỹ hăng hái tham gia vào sự nghiệp cách mạng, dùng ngòi bút của mình phục vụ cách mạng

một cách tận tụy hết mình. Nhiều nhà văn, nghệ sỹ nhiếp ảnh trong kháng chiến chống Pháp đã lăn lộn trên các chiến trường, tham gia các chiến dịch; Thu Đông, Việt Bắc, Biên giới, Điện Biên Phủ... Trong đó có nhiều người đã hy sinh anh dũng như nhà văn – chiến sỹ Nam Cao, Trần Mai Ninh... Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ hàng trăm văn nghệ sỹ đã “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, đến với chiến trường lớn và có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước như nhà văn Anh Đức, Nguyễn Thi, Nguyễn Sáng, Phan Tứ, Lê Anh Xuân, Dương Thị Xuân Quý, nhiếp ảnh gia Trần Bình Khu-ôl... Trong số họ có nhiều người đã ngã xuống.

Năm 1951, nhân triển lãm hội họa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư thăm hỏi anh chị em họa sỹ và văn nghệ sỹ nói chung. Trong thư Người viết: *“Văn học nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy. Chiến sỹ văn học nghệ thuật có nhiệm vụ phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công nông binh... Chiến sỹ văn học nghệ thuật cần có lập trường tư tưởng đúng... Về sáng tác cần hiểu thấu liên hệ và đi sâu vào đời sống nhân dân... Muốn tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi thì anh chị em cần phải dùng phương pháp tự phê bình và phê bình. Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa văn học nghệ thuật vào chính trị. Đúng lắm, văn học nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế, chính trị”*.

Đáp lại tình cảm của Bác, văn nghệ sỹ đã dành cho Bác những tình cảm hết sức sâu đậm. Họa sỹ Diệp Minh Châu, người chưa từng gặp Bác, nhưng đã dùng máu của mình vẽ bức chân dung Người. Họa sỹ - chiến sỹ Lê Duy Ứng, bị thương ở mắt. Đột mắt mù, đã lấy máu mắt mình họa chân dung Bác. Nghệ sỹ nhiếp ảnh Đinh Đăng Định, người 17 năm chuyên chụp ảnh Bác, kể về lần đầu tiên gặp Bác năm 1948. Bác dặn dò: *“Chú làm nghề ảnh, cũng là một loại hình nghệ thuật như các nghệ thuật khác, cũng phải phản ánh chân thật cuộc sống của quần dân ta. Muốn làm được như vậy phải đi vào đời sống của các tầng lớp nhân dân”*. Nghệ

sỹ Đinh Đăng Định còn cho biết, dù bận việc nước, Bác vẫn quan tâm đến nhiếp ảnh. Bác không chỉ coi nhiếp ảnh là một loại hình nghệ thuật, Bác còn am hiểu về công việc này. Người dạy: “Chụp ảnh phải làm sao cho tự nhiên, phải chớp được cái “thần” bản chất của con người. Năm 1963, Bác đi xem triển lãm Ảnh nghệ thuật lần thứ IV của Hội NSNA Việt Nam, tổ chức tại Hà Nội. Chỉ vào bức ảnh pháo hoa Hồ Giom, Bác bảo: “Ảnh nghệ thuật mà chụp bóng đèn sáng lóa ngay giữa ảnh, như thế này là không nghệ thuật”. Ngắm đi ngắm lại bức ảnh “Thiếu nữ Việt Nam” khá lâu, Bác nói: “Cô gái Việt Nam mà lại mặc áo cổ thêu diêm dúa như vậy”...” dù Bác không nói hết ý, nhưng các nhà nhiếp ảnh đều hiểu rằng “Nghệ thuật phải mang đậm đà bản sắc dân tộc”.



Bác Hồ cùng nhà thơ Tố Hữu và nhà văn miền Nam Phan Tứ và Trần Đình Văn

Với bộ môn nghệ thuật thứ 7 Bác luôn chú ý khích lệ, động viên để mau tiến bộ. Năm 1950, đạo diễn Phạm Văn khoa vinh dự được đi công

tác cùng Bác. Trong khi đi đường, Bác hỏi:

- Chú Khoa làm công tác văn nghệ có thuộc Chinh phụ ngâm không?

Đạo diễn Khoa trả lời:

- Thưa Bác, cháu thuộc từng đoạn thôi ạ! Bác liền bảo:

- Làm công tác văn nghệ mà không tìm hiểu sâu vốn của dân tộc thì không làm được đâu.

Bác rất mực quan tâm và thông cảm với những khó khăn về vật chất, kỹ thuật khi làm việc của anh chị em điện ảnh. Bác ân cần động viên các nghệ sỹ phải có tinh thần vượt khó, để hoàn thành nhiệm vụ.

Nhà quay phim Nguyễn Đăng Bảy kể: Tại Hội nghị thành lập Mặt trận Liên Việt (3/1951) được tổ chức tại một khu rừng Việt Bắc. Trong hoàn cảnh kháng chiến, máy móc cũ kỹ, đèn chụp không có, nơi họp lại ở trong nhà giữa rừng rậm, thiếu sáng, nhiệm vụ đặt nặng lên bộ phận điện, nhiếp ảnh, phục vụ hội nghị. Anh em lo lắng. Để có đủ ánh sáng, chỉ còn cách dỡ một phần mái nhà, phía trên chỗ Đoàn Chủ tịch ngồi. Thất bất ngờ, khi anh em xin phép Bác, Bác hiểu ngay và đồng ý cho dỡ hẳn một phần mái nhà.

Bác đặc biệt chú ý đến văn học. Nhà văn Nguyễn Công Hoan, bồi hồi kể lại câu chuyện xảy ra năm 1946: *“Đến mai tôi sẽ được gặp Cụ Chủ tịch nước - Cụ Hồ mà nhiều anh em rỉ tai tôi bảo là Nguyễn Ái quốc. Chà chà, tôi sẽ được mắt thấy ông chủ báo “Người cùng khổ”, tôi sẽ được nghe tác giả cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp” mà trước kia tôi đã được đọc một cách lén lút...”* .

Có một họa sỹ người dân tộc, đã dành cả cuộc đời để vẽ Bác Hồ. Đó là họa sỹ Xu Man, cánh chim đầu đàn của nền mỹ thuật Tây Nguyên, người con Bahnar tài hoa của đất Gia Lai, người đã vẽ trên 100 bức tranh về Hồ Chủ tịch. Mặc dầu Bác chưa một lần đặt chân lên Tây Nguyên, nhưng bằng niềm mong ước và tưởng tượng nghệ thuật, Xu Man đã

miêu tả nhiều bức rất sinh động về Bác như: “*Bác Hồ với nhân dân Tây Nguyên*” và “*Nhân dân Tây Nguyên Với Bác Hồ*”.

Về sân khấu, nghệ sỹ chèo Song Kim giữ mãi một kỷ niệm khi cùng Đoàn Văn công Nhân dân Trung ương đi biểu diễn phục vụ Đại hội Anh hùng và Chiến sỹ thi đua (1952). Khi Dị Hương hát bài ca “May áo”, theo làn điệu chèo, Bác thân mật nói: Điệu hát và giọng hát hay, nhưng làm sao cho nội dung bài hát phù hợp với việc phục vụ kháng chiến.

Những lời dạy văn nghệ sỹ của Bác Hồ nhằm nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, mài sắc ý chí chiến đấu cho văn nghệ sỹ, bởi kẻ thù luôn tìm cách tiến công trên mặt trận văn hóa, gieo rắc nọc độc tư tưởng, làm lung lay tinh thần chúng ta trên mặt trận không có tiếng súng này

Với tư cách là người đặt nền móng cho nền văn nghệ cách mạng, Bác Hồ kính yêu đã có công xây dựng một nền văn nghệ mới, đồng thời có những lời chỉ bảo chân tình, cần thiết cho đội ngũ những người làm công tác văn hóa văn nghệ, đặc biệt là các anh chị em nghệ sỹ. Tư tưởng đó của Người chính là ánh sáng soi đường cho sự phát triển của nền văn hóa nghệ thuật của nước ta.

Bác Hồ tuy đã đi xa, nhưng đội ngũ văn nghệ sỹ chúng ta luôn luôn khắc nhớ, đỉnh ninh lời Bác căn dặn ngày nào: “*Văn hóa văn nghệ cũng như mọi hoạt động khác. Không thể ở ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị*”; “*Văn hóa văn nghệ cũng là một mặt trận. Anh chị em nghệ sỹ là chiến sỹ trên mặt trận ấy*”./.

## **BÁC HỒ VỚI CÁC NHÀ BÁO**



*Bác Hồ với phóng viên báo đài*

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 98 năm qua (1925 - 2023) báo chí cách mạng Việt Nam đã trưởng thành vượt bậc cả về số lượng lẫn chất lượng và về nội dung cũng như hình thức, cùng sự lớn mạnh chưa từng có của đội ngũ những người làm báo.

Bác Hồ, người sáng lập và phát triển báo chí cách mạng Việt Nam. Bác không chỉ một lãnh tụ chính trị kiệt xuất, một danh nhân văn hóa của Việt Nam, Bác thực còn sự là nhà báo vĩ đại. Bài báo đầu tiên của Bác

được tờ L'Humanité (Nhân đạo), cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp đăng vào ngày 18/6/1919, dưới đầu đề “*Yêu sách của nhân dân An Nam*”. Năm 1921, dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc, Bác cùng một số nhà hoạt động cách mạng châu Phi như Algeria, Maroque, Tunisia... thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa và ra tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ), số đầu tiên ra ngày 1/4/1922. Nguyễn Ái Quốc trở thành trụ cột của tờ báo: vừa là chủ nhiệm kiêm chủ bút, quản lý, phóng viên, phát hành...



*Bác Hồ thăm và nói chuyện với cán bộ phóng viên báo Nhân dân*

Bác cũng là người sáng lập ra tờ báo “*Thanh niên*” số ra đầu tiên vào ngày 21/6/1925. Và ngày nay đã trở thành ngày Báo chí cách mạng Việt Nam. Sau gần nửa thế kỷ bôn ba ở nước ngoài, tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc đã sáng lập ra tờ “*Việt*

*Nam Độc lập*”, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp.

Điều đó cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng báo chí, nó là vũ khí sắc bén của cách mạng Việt Nam. Từ tác phẩm đầu tay: “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” đăng trên báo L'Humanité, đến tác phẩm cuối cùng “*Thư trả lời Tổng thống Mỹ*” đăng trên báo Nhân dân ngày 25/8/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm báo đến trọn đời. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đã viết trên 2.000 bài báo gồm nhiều thể loại với 174 bút danh khác nhau. Đó là những tác phẩm lý luận quan trọng là cẩm nang chỉ đường cho Đảng và nhân dân trong các giai đoạn cách mạng.

Bởi Bác quan niệm “*Bài báo là tờ hịch cách mạng*”, người làm báo

phải hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ của mình trên mặt trận tư tưởng. Báo chí là để phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Bác khẳng định: “*Một tờ báo không được đại đa số (dân chúng) ham thích, thì không xứng đáng là một tờ báo*” và “*không riêng viết sách, viết báo mà công tác gì muốn làm tốt phải coi trọng ý kiến của nhân dân*”.

Dù bận trăm công nghìn việc của một nhà lãnh đạo tối cao của đất nước, nhưng Bác vẫn luôn luôn quan tâm đến sự phát triển của nền báo chí cách mạng. Tại Đại hội Hội Nhà báo Việt Nam lần thứ II, Người đã chỉ rõ: “*Về nội dung viết, mà các cô các chú gọi là đề tài thì tất cả những bài báo Bác viết chỉ có một đề tài là chống thực dân, đế quốc, chống phong kiến, địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Duyên nợ của Bác đối với báo chí là như vậy đó*”.



*Bác Hồ tại Đại hội III Hội Nhà báo VN*

Xuất phát từ mục đích hoạt động của nền báo chí cách mạng là vì dân và từ vai trò to lớn của báo chí đối với xã hội, Bác nhắc nhở các nhà báo: “*Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết càn*”.

Trong sự nghiệp hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác báo chí và những người làm báo là một bộ phận của

sự nghiệp cách mạng, là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc và xây dựng cuộc sống mới cho nhân dân. Đồng thời Bác chỉ ra: “*Cán bộ báo chí cũng là chiến sỹ cách mạng. Cây bút trang giấy là vũ khí sắc bén của họ*”. Cho nên điều đầu tiên mà bất cứ người cầm bút nào trên mặt trận báo chí cách mạng phải hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng là gì? Bác chỉ ra rằng “*Bản phải có bia, phải có mục tiêu*”. Nghĩa là ngòi bút phải gắn với đối tượng, mà đối tượng phục vụ chính là nhân dân. Người nêu rõ: Phải viết cho đúng trình độ của người đọc, viết phải rõ ràng, gọn gàng. Người căn dặn: phải học cách nói, tiếng nói của quần chúng, chớ ham dùng chữ, những chữ mà không biết rõ thì chớ dùng, những chữ mà tiếng Việt ta có, thì phải dùng tiếng ta, bắt đắ dĩ mới dùng chữ nước ngoài, vì tiếng ta chưa có. Viết làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình. Viết phải thiết thực, kịp thời “*nói có sách, mách có chứng*”, tức là nói cái việc ấy ở đâu, thế nào, ngày nào, nó sinh ra thế nào, phát triển thế nào và kết quả ra sao?

Bác kịch liệt phê phán: có người “*muốn viết báo cho oai, muốn đăng bài mình lên các báo lớn. Cái đó không đúng. Những khuyết điểm đó đều do chủ nghĩa cá nhân để ra*”. Họ không thấy rằng: “*làm việc gì có ích cho nhân dân, cho cách mạng đều là vẻ vang. Muốn tiến bộ, muốn hay thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Chớ tự ái cho mình là tuyệt rồi. Tự ái tức là tự phụ, mà tự phụ là kẻ địch dữ tợn, nó ngăn chặn con đường tiến bộ của chúng ta*”. Tóm lại Bác căn dặn người làm báo phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng thỏa mãn..., thiếu tinh thần học hỏi, cầu thị.

Về đạo đức nghề nghiệp, Bác lưu ý người viết, tuyên truyền cần chống thói ba hoa và chỉ ra 7 biểu hiện: dài dòng, rỗng tuếch, cầu kỳ, khô khan... bệnh sáo cũ. Nói không ai hiểu. Bệnh hay nói chữ.

Theo Bác, giữa cách mạng và báo chí có một sự thống nhất hữu cơ, bởi “*chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Đối với một vấn đề mọi người đã bày tỏ kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Khi*

mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó, quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc của nhân dân tức là không phải chân lý”.

Về cách viết, Bác nhấn mạnh: viết báo phải thật giản dị, chân thật, để nhân dân dễ hiểu nhất. Bởi nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân. Tại Đại hội III của Hội Nhà báo Việt Nam (1962), Bác một lần nữa khẳng định: “*nhiệm vụ chính của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng*”. Tất cả những nhiệm vụ cách mạng đều là nhiệm vụ của báo chí, nhiệm vụ ấy bao trùm toàn bộ cuộc cách mạng, phục vụ mọi mặt đời sống xã hội, kinh tế, an ninh-quốc phòng và quan hệ quốc tế.



*Bác Hồ chụp ảnh chung với các nhà báo*

Bác còn căn dặn thêm, người viết báo phải viết đúng sự thật. Người lưu ý trước tiên đề tài cho người cầm bút là “*những điều mắt thấy, tai*

*nghe. Nghĩa là viết báo trước tiên phải đúng sự thật, bắt nguồn từ thực tế cuộc sống, với những con số, những sự kiện đã được xem xét, kiểm tra, chọn lọc. Bởi sự thật vừa là sức mạnh của bài viết, cũng đồng thời là thước đo đạo đức của người làm báo cách mạng”.*

Tại Đại hội II, Hội Nhà báo Việt Nam (16/4/1959), Bác nhận xét: Ưu điểm các nhà báo là cơ bản, nhưng khuyết điểm cũng còn nhiều. Một trong những khuyết điểm đó là “*nắm vấn đề chính trị không được chắc chắn*”. Do đó, Người khuyên “*Tất cả những người làm báo phải có lập trường chính trị vững chắc. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được*”.

Để hoàn thành nhiệm vụ vinh quang của người làm báo, trước hết chúng ta phải học tập Bác ở tính trung thực trong tác nghiệp báo chí. Đây là phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nền tảng của người làm báo. Khi viết báo hoặc chụp ảnh đòi hỏi nhà báo phải trung thực, tôn trọng sự thật, không làm sai lệch thông tin, hoặc chạy theo lợi nhuận mà đưa những sự kiện “giật gân” để câu khách, “xào xáo” những thông tin có sẵn để viết bài. Mọi thông tin ra công luận phải phản ánh đúng bản chất sự thật khách quan, cung cấp cho công chúng hình ảnh chân thật về sự kiện và tình huống được thông tin thông qua đó, định hướng dư luận./.

## **ĐÊM GIAO THỪA BÁC HỒ ĐI THĂM NGƯỜI NGHÈO**

Sau 30 năm (1911 – 1941) bôn ba hải ngoại, tìm đường cứu nước, mùa Xuân Tân Tỵ (1941), Bác mới đặt chân trở về đất mẹ thân thương. Hành trang theo Bác về vồn vẹn một chiếc va li mây đan, xách tay, trong đựng hai bộ quần áo đã nhàu nát và một tập tài liệu dày, là những bài giảng của Người trong các lớp huấn luyện cho cán bộ cách mạng Việt Nam, ở Nậm Quang, Quảng Tây, Trung Quốc, vừa kết thúc cách trước Tết mấy hôm.

Mùa xuân năm ấy, từ hang Pắc Bó, lịch sử ra đời bài thơ Xuân, đầy khí phách và cũng giàu chất lãng mạn, lạc quan cách mạng:

*Non xa xa, nước xa xa,  
Nào phải thênh thang mới gọi là,  
Đây suối Lênine, kia núi Marx,  
Hai tay xây dựng một cơ đồ.*

Và chỉ 4 năm sau, ngày 02 tháng 9 năm 1945, sơn hà của Tổ quốc đã giành được độc lập, non sông thu về một mối, từ chòm Lũng Cú trên cao nguyên Đồng Văn, điểm cực Bắc của Tổ quốc, đến mũi Cà Mau, điểm tận cùng phía Nam của đất nước. Hồ Chí Minh trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Mùa Xuân độc lập đầu tiên, Xuân Bính Tuất, 1946 đã về trên toàn cõi đất nước với một không khí khác lạ, nhà nhà tươi vui, người người phấn khởi. Vào thời khắc mỗi gia đình quây quần bên nhau chuẩn bị đón giao thừa, thì vị Chủ tịch nước, xắn quần bước thấp, bước cao trên các ngõ xóm phố Sinh Từ (nay đường Nguyễn Khuyến) và phố Hàng Lọng (nay đường Lê Duẩn), để được tận mắt mục kích cảnh “Tết nghèo” của

bà con lao động Hà Nội, vừa mới thoát khỏi ách thống trị của thực dân phong kiến.



*Bác Hồ chia quà cho các cháu ở Hợp tác xã huyện Yên Hưng, Quảng Ninh (2-2-1965)*

Chính cuộc “vi hành” đêm Ba mươi Tết, vào mùa Xuân độc lập đầu tiên đó, Bác Hồ đã chứng kiến cảnh gia đình của một bác đập xích lô, ngoài một nén hương đang cháy dở trên chiếc bàn thờ “xập xệ”, còn chủ nhà đang đắp chiếu nằm co ro, rên hư hự, mệt mỏi vì ốm nặng. Bác Hồ xúc động, lấy khăn chấm nước mắt, lặng lẽ bước ra khỏi căn lều. Rồi bảo người thư ký ghi lại địa chỉ, để sáng hôm sau báo cho Chủ tịch Hà Nội biết.

Cũng đêm Ba mươi Tết Bính Tuất đó, đúng thời khắc giao thừa, Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi khắp đất nước “Lời chúc mừng Năm Mới” của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

*“Hỡi đồng bào cả nước!*

*Hôm nay là Mừng Một Tết năm Bính Tuất, ngày Tết đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tôi thay mặt Chính phủ, chúc đồng bào Năm Mới muôn sự tốt lành”.*

Cuối thư là một bài thơ chúc Tết ngắn:

*Trong năm Bính Tuất mới,  
Muôn việc đều tiến tới,  
Kiến quốc chóng thành công,  
Kháng chiến mau thắng lợi.*



*Bác Hồ thăm Trường Kim Đồng Tết Bính Ngọ, 1966*

Cùng lúc đó Người đang vui Xuân với bà con Hà Nội ở đền Ngọc Sơn, hồ Hoàn Kiếm, trong vai một cụ già cùng cháu đi hái lộc đầu Xuân. Kể từ mùa Xuân đầu tiên đó, suốt 24 năm sau (trước lúc Người “đi xa”), làm Chủ tịch nước theo thường lệ cứ trước Tết Nguyên Đán 3 tháng, Bác đã nhắc các cơ quan, các ngành chuẩn bị Tết cho dân. Với Bác, dù bận

trăm công nghìn việc, Người vẫn luôn tranh thủ sắp xếp thời gian để Tết đến Xuân về đi thăm hỏi, chúc Tết đồng bào, đồng chí. Bác đến thăm mọi người trong ngày Tết bằng tất cả trái tim yêu thương, bằng tình cảm và sự quan tâm, chia sẻ, động viên chân thành nhất. Tình yêu thương con người của Bác mênh mông như biển cả, sâu thẳm như đại dương, đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*Bác ơi!  
Tim Bác mênh mông thế!  
Ôm cả non sông, mọi kiếp người.*



*Bác Hồ đến chúc Tết một gia đình có công với Cách mạng ở Hà Nội*

con người vô bờ bến của Bác, như một bài ca đẹp đi cùng năm tháng!

Tối Ba mươi Tết, năm Nhâm Dần (tức ngày 5 tháng 2 năm 1962), sau khi cùng các đồng chí lãnh đạo thành phố Hà Nội đi thăm một số gia đình có công với cách mạng, gia đình trí thức văn nghệ sỹ tiêu biểu và

Lòng yêu thương con người của Bác không chung chung, trừu tượng mà gắn bó với những con người cụ thể, vừa bao la, rộng lớn, lại vừa gần gũi thân thương với từng số phận.

Câu chuyện Bác Hồ đêm giao thừa năm Nhâm Dần, 1963 đến thăm chúc Tết một gia đình nghèo nhất Hà Nội, là một minh chứng tiêu biểu cho tình thương yêu

vui Tết với các cháu, tại Cung Văn hoá Thiếu nhi, Bác Hồ nói với đồng chí Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, bác sỹ Trần Duy Hưng, đề Bác tự đi thăm một số gia đình nữa.



*Bác thăm, chúc Tết gia đình cụ Ng. Thị Khánh, phố Lò Đúc, Tết Đinh Dậu, 1957*

Cùng đi với Bác còn có ông Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác và đồng chí Phan Văn Xoàn (Cục Cảnh vệ). Đường phố Hà Nội lúc này mịt mù trong làn mưa bụi, trời rét đậm, xe ô tô Bác đến phố Lý Thái Tổ thì dừng lại. Bác đi bộ vào ngõ 16, một con ngõ lồi đi lồi lõm, tối om, không đèn đường, chỉ có ánh sáng hắt ra từ các nhà hai bên ngõ, để đến thăm và chúc Tết gia đình chị Nguyễn Thị Tín, một gia đình khó khăn nhất, nghèo nhất ở trung tâm thủ đô. Chồng chị Tín là anh Nguyễn Văn Hùng, công nhân nhà máy điện Yên Phụ, đã qua đời. Chị Tín phải làm quần quật suốt ngày đêm để kiếm tiền nuôi 5 miệng ăn, đang tuổi ăn tuổi lớn.

Nhà chị Tín ở sâu trong ngõ, chật hẹp, gọi là nhà cho phải lệ, nhưng thực ra chỉ là túp lều tranh xiêu vẹo, nhà tuềnh toàng, đêm 30 Tết, chưa

có gì gọi là không khí đón Tết, bàn thờ lạnh tanh, không hương khói, bánh trái gì! Giờ giao thừa sắp điểm, mà nhà vắng lặng. Trông gia cảnh chị Tín, đôi mắt Bác hiện lên nỗi buồn thăm thẳm.

Nhìn quanh không thấy chị Tín ở nhà. Bác hỏi bé gái đầu lòng của chị Tín là cháu Lý Phương Liên khoảng 9, 10 tuổi:

- Mẹ cháu đâu, mà giờ này chưa về?

- Dạ thưa ông! Mẹ cháu đi gánh nước thuê - cháu Phương Liên bẽn lẽn trả lời.

Bác hỏi tiếp:

- Có xa không, cháu đi gọi mẹ về ngay, nhà có khách.

Chỗ nhà chị Tín có lối thông ra bờ hồ Hoàn Kiếm, ở đó có một vòi nước công cộng. Đêm hôm khuya khoắt, những đêm rét buốt, cũng như những ngày nóng bức, chị Tín vẫn ra đấy đứng đợi đến lượt mình hứng nước gánh về cho các gia đình hàng xóm để lấy tiền nuôi con.

Bé Liên ra khỏi nhà, một lát sau, thấy một người phụ nữ ăn mặc lam lũ, gầy guộc, mặt mày sạm nắng, trên vai quây đôi thùng đi về. Đồng chí bảo vệ bước ra hỏi nhỏ:

- Chị là chị Tín?

- Dạ vâng! Chị Tín trả lời.

- Nhà chị có khách – đồng chí bảo vệ nói.

Đêm ấy trời rét căm căm, Bác mặc áo bông, cổ quấn khăn, đầu đội mũ len đan. Nhưng vừa bước vào nhà, chị Tín vẫn nhận ra Bác, chị bàng hoàng, sửng sốt nhìn Bác, cảm động rung rung, đến nỗi chiếc đòn gánh roi xuống đất, đôi thùng kêu loảng xoảng. Mấy cháu nhỏ thi nhau hô toáng lên:

- Bác Hồ! Bác Hồ!

Rồi chạy lại quanh Bác. Lúc này chị Tín mới chợt tỉnh. Chị chạy

tới, quỳ xuống, ôm chầm lấy Bác, khóc nức nở. Chị nói:

- Trời ơi! Đêm 30 Tết, Bác còn đến thăm mẹ con cháu. Những người như cháu không ngờ được Bác đến thăm vào lúc giao thừa.

Chờ cho chị Tín bớt xúc động, Bác cầm tay chị Tín đứng dậy và nói:

- Bác không đến thăm những người như mẹ con thím, thì còn thăm ai!

Bác nói tiếp:

- Đêm 30 Tết cô còn phải đi gánh nước thuê! Làm thế có đủ nuôi các cháu không? Những lời Bác hỏi ân tình như những lời cha hỏi con gái mình.

Chị Tín run run trả lời trong nước mắt:

- Nghèo lắm, nhưng phải cố, để nuôi các cháu ăn học, Bác ạ!

Bác liền bảo:

- Năm Mới sắp đến, Bác đến thăm, chúc Tết gia đình thím, sao thím khóc?

Cổ nén xúc động, nhưng chị Tín vẫn không ngừng thổn thức, chị nói:

- Có bao giờ!...có bao giờ, một vị đứng đầu cả nước lại lại đến thăm chúng con..., mà bây giờ mẹ con chúng con lại được thấy Bác ở đây. Con cảm động quá! Mừng quá! Thành ra con khóc ạ!

Bác nhìn chị Tín, nhìn các cháu một cách trìu mến, âu yếm xoa đầu các cháu. Bác quay lại hỏi chị Tín:

- Thím hiện nay làm việc gì?

- Dạ! Hàng ngày cháu làm phu khuôn vác ở Văn Điển ạ.

- Như vậy là làm công nhân chứ, sao gọi là phu?

- Dạ! Cháu quen miệng như trước hỏi Pháp thuộc.

- Thím vẫn chưa có công việc ổn định à?

- A! Cháu đã ngoài 30, lại mù chữ nên tìm việc làm ổn định trong có quan Nhà nước rất khó ạ.

Bác nhìn mọi người rồi hỏi tiếp:

- Mẹ con thím có bị đói không?

- Dạ! Bữa cơm, bữa cháo cũng tạm đủ qua ngày.

Nói tới đây, chị Tín rơm rớm nước mắt. Bác chỉ vào bé Liên và hỏi:

- Cháu có đi học không?

- Dạ! Cháu đang học lớp 4. Cháu nó vất vả lắm. Sáng đi học, chiều về tranh thủ đi bán kem hoặc đi bán lạc rang để đỡ đàn cháu... Còn cháu thứ hai học lớp 3, cháu thứ ba học lớp hai. Tuy khó khăn, nhưng vợ chồng cháu trước đã dốt nát, nên nay phải cố cho các cháu đi học.

Nghe chị Tín nói, Bác tỏ ý hài lòng, khi biết dù hoàn cảnh khó khăn, bữa cơm bữa cháo, nhưng chị Tín vẫn cố gắng lao động nuôi con ăn học nên người.

Bà con lối xóm tới vây quần trước sân, ai nấy đều xúc động vì được Bác đến thăm. Bác an ủi, động viên mọi người đoàn kết thương yêu nhau vượt qua khó khăn.

Trong lúc đó, ông Vũ Kỳ lấy quà của Bác đã chuẩn bị sẵn đặt lên bàn thờ, thắp nén hương cho người quá cố.

Căn nhà bé nhỏ, đơn sơ của mẹ con chị Tín, bỗng ấm áp lên, vì không khí Tết đã về hoà cùng sắc Xuân. Bác lấy kẹo chia cho các cháu, con chị Tín và căn dặn:

- Phải cố giúp đỡ mẹ và chăm chỉ học hành.

Sắp đến thời khắc giao thừa, Bác phải trở về, ở đó, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đang chờ chúc Tết Bác. Về đến nơi, Bác ngồi im lặng hồi lâu trên ghế. Một lát sau Bác nói:

- Bác vừa đi thăm một gia đình nghèo nhất Hà Nội. Cô Tín chủ nhà,

giờ này còn phải đi gánh nước thuê lấy tiền, để ngày mai mua gạo cho con. Chúng ta không biết những chuyện như vậy ở ngay thủ đô của đất nước mình. Bác biết không chỉ một nhà như cô Tín đâu, mà còn nhiều người nghèo khác nữa. Một Đảng cầm quyền mà để dân nghèo hết chỗ để nghèo là Đảng có tội với nhân dân.

Bác còn nhấn mạnh:

- Làm cho một vài người có cuộc sống đầy đủ, sung sướng không khó. Nhưng làm cho toàn dân ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, mỗi người thêm một thước vải, để may quần áo, mỗi bữa thêm một chút thức ăn, mỗi làng có trường học, trạm xá là cả một công việc lớn của Đảng và Chính phủ.

Bác nói thêm:

- *Nếu nước độc lập, mà dân không hạnh phúc, tự do, thì độc lập ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì.*

Ngay những ngày đầu mới thành lập Chính phủ- chính thể dân chủ cộng hoà, Bác Hồ đã nói *“chúng ta phải làm ngay: làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân có chỗ học hành. Cái mục đích chúng ta đi đến là làm 4 điều đó. Đi đến đó, để dân nước ta xứng đáng với tự do, độc lập và giúp sức được tự do độc lập”*.

Câu chuyện Bác Hồ đến thăm chị Tín, người nghèo nhất Hà Nội, đêm 30 Tết, mặc dù cách đây đã 60 năm, nhưng vẫn khiến chúng ta bồi hồi xúc động về phong cách quần chúng vô cùng giản dị của Bác. Làm theo lời Bác dạy, 60 năm qua đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân. Câu chuyện trên là một lời nhắc nhở mọi cán bộ đảng viên phải đồng cam cộng khổ với nhân dân hơn nữa, để không ai ở lại phía sau, trong công cuộc xây dựng đời sống *“dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*./.

# MỤC LỤC

---

	<i>Trang</i>
“Kể chuyện Bác Hồ”, một tác phẩm kỳ công.....	05
Hành trình đi tìm đường cứu nước.....	09
Có một “người thợ” làm bánh như thế.....	15
Dấu chân Nguyễn Tất Thành ở xứ sở sương mù.....	21
Dấu ấn sâu đậm của Bác Hồ trên đất Pháp.....	28
Dấu chân Người trên đất nước Lénine.....	37
Có một Thầu Chín – sư Đa Hạnh ở Xiêm.....	43
Nguyễn Ái Quốc – Thầu Chín hoạt động cách mạng tại Lào.....	51
Vị ân nhân của Bác Hồ.....	56
Bác Hồ hoạt động ở Trung Quốc.....	62
Ngục trung nhật ký, một bảo vật quốc gia.....	70
Bác Hồ cứu phi công Mỹ.....	77
Chủ tịch Hồ Chí Minh và cô vấn Vĩnh Thụy.....	84
Cụ Huỳnh Thúc Kháng, người bạn tri kỷ của Bác Hồ.....	95
Bác Hồ thăm nước Pháp, 1946.....	106
Phong cách ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh.....	116
Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đặt nền móng ngoại giao Việt – Mỹ.....	135
Nghĩa tình sâu nặng.....	142
“Mấy mươi năm ấy biết bao nhiêu tình”.....	147

Thăm lại quê nhà, sau 50 năm xa cách.....	158
“Đôi dép Bác Hồ, Bác đi từ ở chiến khu Bác về”.....	165
Những người con nuôi của Bác Hồ.....	172
Chuyện kể Bác Hồ học ngoại ngữ.....	179
Chuyện bữa ăn của Bác Hồ.....	188
Tấm gương sáng rèn luyện sức khỏe.....	199
Tết trồng cây nhớ Bác.....	205
Bác Hồ viết “Tài liệu tuyệt đối bí mật”.....	210
Tượng đài Bác Hồ trên khắp hành tinh.....	220
Bác Hồ với văn nghệ sỹ.....	228
Bác Hồ với các nhà báo.....	236
Đêm giao thừa Bác Hồ đi thăm người nghèo.....	242



# KỂ CHUYỆN BÁC HỒ

Trần Mạnh Thường

## NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập: Nguyễn Thảo Nguyên

Vẽ bìa: Nguyễn Cao Cường

Sửa bản in: NSƯT Nguyễn Thị Hương Giang

Trình bày sách: Nguyễn Cao Cường

Tổ chức xuất bản: Vương Xuân Nguyên

Liên kết xuất bản: Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại

In 1000 cuốn, khổ 16,5 X 23,5 cm tại Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại. Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 1244-2023/CXBIPH/3-44/DT. Quyết định xuất bản số: 1212/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 12 tháng 05 năm 2023. Mã ISBN: 978-604-314-952-4. In xong nộp lưu chiểu năm 2023



